

Sương Tỳ Hải

ALBERT CAMUS | ANDRÉ GIDE | MARTIN HEIDEGGER

Bùi Giáng



NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

SƯỞNG TỶ HẢI

Thực hiện theo bản
SƯƠNG TỶ HẢI
bản dịch của Bùi Giáng
NXB An Tiêm
1972
Bìa : Tranh Paul Klu

ALBERT CAMUS
ANDRÉ GIDE
MARTIN HEIDEGGER

S U O N G T Ò H ẮI
(TIỂU LUẬN và TÙY BÚT)

MÙA HÈ - DƯỠNG CHẤT TRẦN GIAN
CON ĐƯỜNG ĐIỆN DÃ

Bản dịch BÙI GIÁNG



Tái Bản

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

THẦN TIÊN TRÊN NÚI

Dùa với gió, rờn với vân

Một mình nhớ mãi

Gái Trần Gian xa

HOELDERLIN

SA MÙ BÌNH NGUYÊN

Cơn sầu tích trữ ba xuân

Bốn thu còn giấy giọt quần đỏ hoa

Đêm thâu máu động cuồng ca

Mù sương Bé Chì

Em xa châu thành.

NERVAL

Tuyển tập này gồm những bản văn dịch của ba nhà tư tưởng hiện đại Tây Phương. Những bản văn có tính cách soi tỏ cho nhau, không – soi tỏ giúp độc giả Việt Nam (trên một lộ trình ẩn hiện) về một Nếp Gấp của Ngôn Ngữ Tương Ứng trên mặt biển dâu.

Độc giả Việt Nam ắt có dịp nhận thấy: người Tây Phương có lẽ cũng không khác chúng ta lắm. Có lẽ họ gần chúng ta lắm. Họ nói chuyện với Tây Phương, đặt vấn đề với Tây Phương, nhưng đảo cùng, vẫn là vì nghĩ tới chúng ta ở bên này, mà họ lên tiếng ở bên kia. Nói đúng hơn: họ nghĩ tới một Cõi Quê Chung... Bên này, bên kia, cùng đi về một nẻo, trên một triều Sử Lịch dị thường.

Trong cơn rớt hột mưa dài

Tường Vi ạ, chớ em hài lòng không?

Trận nhìn chằm chặp đám bông

Ôi mùa tích lục tham hồng phi kiên

Tôi về nghe vọng sơn xuyên

Có em Mọi nhỏ tự tiền kiếp qua...

Gắm rằng dù lạ hay xa

Cũng rằng tâm sự một nhà mười phương.

Nhưng mà Sương Tỳ Hải là gì? Là Tỳ Hải Sương vậy. Sao gọi là Tỳ Hải Sương?

Ấy là là...? Là là một loại Sầu U cô tịch vốn thường đi về xâm chiếm ngôn ngữ hội thoại, lăm le toan biến hội thoại thù thắng làm hội thoại băng quơ. Và biến hội thoại băng quơ làm hội thoại tịch mịch. Cuối cùng chỉ còn một loại ngôn ngữ song trùng tịch mịch băng quơ:

“Dạ lai bát vạn tứ thiên kệ

Tha nhựt như hà cử tợ nhân?”

Từ đó Tỳ Hải Sương là Tinh Thể của Nơi Chốn chon von tịch hạp.

Ấy thằng đi xuống bình nguyên...

RENÉ CHAR

TỰA

Trên gò đống mọc xương da

Chiêm bao vạn lý sao hà sơn mớ

"Nàng rằng: Vì mấy đường tơ

Lắm người cho đến bây giờ mới thôi."

Chiêm bao bờ cỏ về ngòi

Âm thanh hàng xóm chòm môi láng giềng

Da vàng da trắng rẽ riêng

Con người phố thị sao triền miên xinh

Bỗng dưng ngắt tạnh biên đình

Từng đêm gay cán bát thành linh run

Chào nhau các hạ cõi nguồn

Về sau tại hạ nỗi buồn xin ghi,

Bạn đọc vốn thường cầm sách trên tay, với nỗi ưu
phiên, hoặc lơ đãnh... hoặc vân vân.

Đọc vội vàng mười trang đã bực mình bỏ sách. Nỗi
ưu phiền biến làm cơn phiền muộn. Cuộc lơ đãnh biến
làm trận chán chường.

Mười phen, hết chín bận, lỗi là tại sách. Sách không hấp dẫn như hồng quân. Chữ in không quyến rũ như tà xiêm mê hoặc, thì điên dại gì mất thời giờ luống cuống truy cầu cuộc mê mẩn mê ly.

Mười phen, hết chín... Cũng còn một phen. Nếu lỗi không là tại sách? Thì lỗi tại đâu?

Xin để câu hỏi mở ra lũng lờ tại đó. Một lời đáp có lẽ đi về trong một trận ngẫu nhĩ về sau.

Còn bây giờ chỉ nên nêu vài câu hỏi khác, mấp mé, mòi cọ một bên miềm. – Sách không hấp dẫn, thôi cũng được. Nhưng sao lại quá rối rắm? Trang viết không mê ly như mùa Thu mê mẩn, thôi cũng đành vậy. Nhưng sao lại quá tối nghĩa? Sao quá phức tạp? Lộn xộn? Lập dị? Cầu kỳ? Vô đoán? Chủ quan?

Xin thử tạm đưa một lời đáp, vọng từ sương gió Tây Phương:

“Mais peut-être qu’un jour on trouvera justement la réponse à ces questions dans les essais de pensée qui, comme les miens, donnent l’impression d’un arbitraire désordonné...”

Martin Heidegger

(Essais et Conférences, page 222)

“Nhưng có lẽ một ngày sau, người ta sẽ tìm ra chính cái lời đáp cho những câu hỏi kia trong những bài tiểu luận tư tưởng, những bài tiểu luận cũng cho ta cảm tưởng một lối suy luận vô đoán hỗn độn hồ đồ như những tiểu luận của tôi.”

HÌNH TRONG GỖ NGŨ...

“Elle est venue par cette ligne blanche...”

Nàng đã đến bởi cái đường vạch trắng nọ. Nàng là nàng Thơ, nàng Thúy, nàng Dương, nàng Hà, nàng Thái

Chân, Thâm Mỹ, Chí Thiện, Từ Bi, nàng Tôn Lý, nàng Tự Do, gọi nàng là Tôn Lân cũng được.

Nhưng phải gọi, thì nàng mới về. Nhưng sao gọi là gọi? Ở nhiều trường hợp gọi có nghĩa là nghe trong vắng lặng thái hư tịch tịch.

Lặng nghe lời nói như ru

Chiều xuân dễ khiến nét thu ngại ngùng.

Thế là bỗng dưng biên thùỵ xóa mất. Không còn phân biệt rõ ai là kẻ gọi, ai là người nghe. Và cả trời cả đất, cả xuân cả thu, cùng tràn lan bước vào trong cõi. Niềm tương ứng kỳ diệu đã kết hợp càn khôn vũ trụ mập mé bên nhịp cầu ngại ngùng trong từng trận gió tịch tịch hư không.

Nghe có nghĩa là như vậy.

Nghe trời đổ lộn nguyên khê

Tiếng vàng rụng rớt gieo về động xanh

Gót chân khơi rộng bóng cành...

Người xưa dùng cái tiếng “không cốc túc âm”, cũng không ngoài lẽ đó. Ngồi trong hang động im vắng mà nghe gót chân khơi rộng... bên ngoài. Gót chân nào đi? Gót chân nào bước? Trên dặm đường nào của một con đường duy nhất là con đường của cõi Đạo uyên nguyên? Gót chân bước đi, nên ta gọi là đi trong bước. Và đi trong bước để tái lập mộng đời ở quanh quất hương màu các Ngã Ba.

Nàng từ lánh gót Vườn Hoa

Đường gần Rừng Tía đường xa Bụi Hồng.

Nàng? Nàng là ai? Ai là nàng ấy vậy? Trong cái ai của nàng ấy có cái ai nào khác nữa ở suốt xứ bún bò hủ tiếu trong khắp cõi người ta?

*Vương Quan mới dẫn gần xa
Đạm Tiên nàng ấy xưa là ca nhi*

*Da vàng da trắng lấm ly
Lời trong căn để vui gì lấm dáu.*

Tại sao chẳng vui gì? Sao gọi là lời trong căn để?
Trên đường về ngôn ngữ, trên lối về cổ lục, ta tìm thấy
lại một cái gì của tiếng gọi sơ nguyên?

*Họa bao giờ có gặp người
Vì tôi, cây hỏi một lời chung thân.*

Chính cái lời cây hỏi nọ đã buộc ta bước đi bên đường
kêu gọi mãi... và miền Nam nước Việt nhớ nhung hoài
người bạn thuở anh niên. Người bạn thuở anh niên của
miền Nam nước Việt vốn xưa kia tên gọi là nước Việt của
trời Nam. Nước Việt của Trời Nam đã từng gặp những
con mao hiểm lưu ly giống như một cuộc lưu ly của những
nàng Hélène lộn đường qua Ai Cập. Vì lẽ đó Tố Như Tử
đã dành rời mái Thanh Hiên, chịu làm Liệp Hộ lang
thang (như Homère aède) ghé Gia Tĩnh tìm nàng suốt hà
sơn vạn lý, và bảo rằng: Xin nàng hãy chiếu cố đến nước
Việt chúng tôi.

*Thưa rằng: thơ cổ muôn vàn
Đã đi sai điệu cung đàn lan đi
Đường xuôi hữu hạn biên thù
Thành vang phố thị, trăng tỳ hải trời
Phi kiên trường phát không lời
Lòng riêng khuê cách, xa vời phía sau
Xuân phong tiểu bộ nguyên màu
Liễu yêu bài động mối sấu trở cơn.*

Sao gọi là mối sấu? Sao gọi là tiểu bộ? Sao gọi là
xuân phong? Sao gọi là không lời ở phía sau? Và bởi đâu
mà người ta tới bây giờ mới thấy đây mà từ ngàn xưa

mai hậu vẫn lịch kịch gắng gổ diễn dịch dịch diễn những lời nọ hoài hoài từ mai hậu tới ngàn xưa trở cơn suốt trăm năm mãi mãi?

Tây Phương hiện đại nguyên thủy, đã vì ta mà lên lời đáp:

“C’est parce que notre question porte uniquement sur ce qui appelle à la pensée, c’est pour cela et uniquement pour cela que nous nous efforçons de traduire ces mots. Comment pourrions-nous autrement jamais arriver à entendre l’Appelant, à entendre ce qui parle en lui, et qui parle peut-être de telle façon qu’il laisse hors parole ce qui lui est le plus propre?”

Bởi vì chúng ta riêng hỏi về... bởi vì lời chất vấn của chúng ta đòi theo duy nhất cái... - Cái gì? - *Cái gì gọi về trong Tư Tưởng* – chính bởi vì duy thế đó, mà chúng ta gắng diễn dịch những lời kia. Nếu không thế, thì làm sao có thể nghe ra cái Nàng Gọi, nghe ra “cái-gọi-nàng” nói lên trong nớ, và có lẽ nói lên theo lối nào mà lại bỏ rơi lạc ở-ngoài-lời cái riêng-biệt-nọ là của nó thiết thân?

Elle est venue par cette ligne blanche. Nàng đã đến bởi đường sương rã trắng là Như Tố Tố Như Chân Như của cái Vây (das Selbe). Và cũng chính vì lẽ đó mà nàng đã ngại ngừng nép mặt.

Ngại ngừng dín gió e sương...

Thế thì té ra... Té ra thế nào? Té ra bởi một đường rã trắng, nàng đến. Và té ra cũng bởi một đường rã trắng, nàng đi... Làm thế nào nắm bắt nàng ở lại?

Elle est venue par cette ligne blanche.

Elle se refuse par cette ligne blanche.

Vậy thì phiền cho nhau quá. Có cách gì tương nhượng chút ít chăng?

- *Thưa rằng: đừng lấy làm chơi*
Dẽ cho thưa hết một lời đã nao
Về chi một đóa yêu đào
Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh
Đã cho vào bạc bố kinh
Đạo tông phu lấy chữ trình làm đầu.

Hỡi ôi! Nói thì nghe ra như thế. Nhưng chết mất con người ta còn gì. Và chính đó là cái chỗ để trần gian dấn thân vào mà phiêu bồng tư lự chiêm bao. Huyền diệu của con người. Dị thường của con kẻ. Kỳ bí của tôn lưu. Vô ngần của tôn lý. U ẩn của tân thanh. U huyền của ngôn ngữ... U lệ của ra hoa. U kiêu của thanh lục. U diễm của thanh hà trên vạn lý hà thanh.

Derrière son "Apparaître" odorant
Elle se retire extrêmement
Elle est venue par cette ligne blanche
Elle se refuse par cette ligne blanche
Où done sont les yeux pour la voir
L'Obscurité de la Terre n'abrite-t-elle pas
Une Clarté qui voile
En même temps qu'elle se dépouille?
Lòng còn gửi áng mây Hàng
Họa vẫn xin hãy chịu chàng hôm nay
 - *Rằng sao nói lạ lòng thay*
Cành kia chẳng phải cỗi này mà ra?

Thật là quá mức tưởng tượng. Thị phi diên đảo. Đúc lý đảo điên. Cương thường tôn lưu chợt biến thành tôn lý nhà Martin của quý. Bởi đâu? Bởi câu hỏi kỳ quặc của chàng. Bởi chối từ xin chịu, không họa đáp của em. Tinh thể của Synousia luôn luôn đứng trước hiểm họa kỳ tuyệt nọ...

Cũng nên nhớ rằng: trên lối về ngôn ngữ của Tương Ưng Mở Phơi, - "*il faut ajouter ceci: l'object de la pensée*

n'est pas atteint, du fait qu'on met en train un bavardage sur "la vérité de l'être" et sur "l'histoire de l'être." Ce qui compte, c'est uniquement que la vérité de l'être vienne au langage et que la pensée atteigne à ce langage."

Martin Heidegger

(Lettre sur l'Hummanisme)

Cái đáng kể, là riêng duy chỉ rằng: chân lý của tồn lưu chịu về trong ngôn ngữ, và tư tưởng chịu đạt tới ngôn ngữ nọ. Ngôn ngữ nào? Là ngôn ngữ tái tạo tân thanh. Là ngôn ngữ thiết lập thịnh triều của ngôn ngữ vô thanh tức trong Nếp Gấp Bất Tư Nghị của Vô Ngôn. Nói một nghìn lời để dẫn cái-không-lời về trong cái-không-nói. Và cái không nói cũng thường là cái mệnh-đề-phụ-thuộc, giắt cài thêm, lửng lơ như cái nói-rằng-không là triển miên trong-có-vậy.

Tâm tùy lãng tĩnh mộng tấy vân

Kiều điểm u u phúc úc phần

Chiến dịch cuồng lưu tiêu sái lệ

Ám tàng sa mạc dĩ toan tân

Tiên cơ báo biện tăng tham tích

Tri dũng đa tâm đại giáp lân

Kinh năm phiêu bồng thân cách hận

Tri thù mạc bố báo vô căn

Hoàng sa lộ hiệp viễn sa lam

Mịch xứ tâm phương tổng phí toàn

Họa uổng ngâm hao truy lạc thú

Khao cảm nguyệt nội kiệt hoa gian

Cát vàng lối hẹp cát xanh xa

Kiểm xứ tìm phương thủy phí mà

Uổng họa hao ngâm cầu lạc thú

Khây cảm trong nguyệt lịm trong hoa

Ban sơ khả dị lưu hà

Xuân phong tiểu bộ chia xa điệp trùng

*Tứ tuần tâm hoặc sương lung
 Ngao trong tình lụy tao phùng ngộ nan
 Đường xuân thu trải hột đàn
 Đi lên vớt bóng hoa ngàn mai dăng
 Mùa ôi lá rụng căn phần
 Từng cơn xâu xé cơ trần đuổi đeo
 Tam xuân nhược cảnh bay vèo
 Suối trong mây dựng cơn gieo giắt đầu
 Trám vàng gọi hạc cô lâu
 Kỳ thân phương tượng mộng đầu ly khai
 Trai đường bối điệp mười hai
 Tháng giêng về ngộ trong ngày đi qua
 Thiều quang em ở lại nhà
 Độc thư tam-chiết-quãng là bấy lâu
 Chùng xuân tư liễu bạch đầu
 Mùa ôi nắng rụng trong sầu từng cơn,*

Thường thấy người ta phàn nàn: Thằng nọ viết văn làm thơ ló mớ, nửa cỏ nửa gai, không gì ra gì rành mạch cả. Sao nó không viết đơn giản rành rề như ông Nguyễn Du, như ông Hồ Dzếnh, như ông Khổng ông Lão ông Trang?

Tưởng như ông Khổng ông Trang, ông Du ông Dzếnh, viết văn rành mạch đơn giản lắm! Tưởng như người ta đã hiểu rõ lắm cái điều ông Khổng ông Du đã nói! Và hơi ôi! Tưởng như ai cũng có thể, và có bốn phận phải viết cho được như các ông thánh ông thần linh kia! Kỳ dị thay!

Cái sự kỳ dị đó lại đạt tới mức tối đa của kỳ diệu, ấy là lúc: chuông lục quý dị vừa tung ra, thì bốn bề thiên hạ hoan nghênh lớp lớp. Không một ai tự hỏi: lời phàn nàn nọ, điệu bài xích kia, có thật là chính đáng chăng?

Và có thật chăng – cỏ gai là những thứ phải được triệt để bài trừ? Có thật rằng cái thằng viết văn nửa cỏ

nửa gai, nửa lau nửa lách, là cái thàng nên sớm liệu mà vứt bút lên đường chia ly?

Nhưng nếu cỏ gai là yếu tố tuyệt vời trong cuộc...? Cuộc gì? Cuộc thành tựu cho trái cây? Cuộc hình thành hoa thắm cho cây trái?

Nhưng nếu từ trong tinh thể của chúng, cỏ gai không phải là gai cỏ? Nhưng nếu từ trong sử lịch cảo thơm, cỏ gai là gai-trong-cỏ?

Sao gọi là gai trong cỏ? Ấy có nghĩa rằng: gai nằm trong cỏ. Hoặc gai đi trong cỏ. Hoặc: gai ngủ thiu thiu trong cỏ.

Sao gọi là ngủ thiu thiu? Ấy có nghĩa: chấp chờn cơn tỉnh cơn mê; chiêm bao Tảo Mộ lối về Đạp Thanh.

Bờ Đạp Thanh vấp vào hang Tảo Mộ. Cái gai tê buốt xương da cắm sâu vào trung tâm xuân sắc. Máu sinh tồn lai láng chảy ra ngập cái bến tồn sinh.

Nói thế có nghĩa là gì?

Rằng:

*“Văn chương tàn tức nhược như ty”
Lời trong căn-để vui gì lắm đâu
Nhưng người tử diệt hội nào
Thôi thôi quốc sắc yêu đào nhà ma
Máu ôi xương lộn sơn hà
Chiều bao thủy lục sao hà sơn mơ...
Cỏ ôi gai lộn hai bờ
Gai ôi cỏ mọc cuộc cờ mà ra
Cái thân liệu những tự nhà
Lỡ từ khép mở giang hà tồn tu
Một hòm gỗ bó xuất trừu
Hình trong bóng ngủ ân cừu chia xa.*

Từ đó về sau...?

Từ đó về sau cỏ gai cổ lục, và gai cỏ cỏ thương, không cách gì đứng vững được trên hai chân để truyền chuyện phong tình vào trong Sử Xanh được nữa. Giữa phong tình cổ lục và lục địa mây mưa, vốn có một cái hang từ thiên cổ. Cái hang chia xa tồn lưu và tồn hoạt. Chia xa dị biệt. Rồi về sau, lúc mê cung tư tưởng chuyển sang Mê Hồn Trật triết học chi ly, thì cái chỗ chia xa dị biệt đạt tới mực độ vô ngần. Nghĩa là ... “Chỗ dị biệt sâu rộng cho đến nỗi từ đó cái điều bị chia biệt không còn có thể được biện biệt nữa, và đã đành chịu chôn vùi, biệt tích luôn. *L'abime de différence s'ouvre béant; il est si abyssal que de son fait la possibilité de connaitre ce que l'abime sépare est abolie, abimée...*”⁽¹⁾

Đó cũng là trường hợp Đức Khổng. Hình Nhi Thượng và Hình Nhi Hạ ban sơ tương giao ở địa điểm tồn sinh nào, mà về sau căn cơ an thân lập mệnh trôi tuột đi ba ngõ bốn bề, phiêu bồng suốt xứ? Cho đến nỗi từ đó, bên mình phố thị lan điu hiu đi? “Chợt mùa thơ vội...” là gì? Bên sông cổ quận? – thôi thì ngả nằm?

Lời than lão đảo lại đội ngăm: “*Thệ Đa kỳ đôi hồ! Hằng Thủy kỳ hoại hồ! Liên Hoa kỳ nuy hồ!*”

Và buộc Trang Tử phải lập ngôn trở lại theo cách điệu “user de violence” để âm thầm giải tỏa cho Ấn Ngữ Hình Nhi Thượng Khổng. Và, một lần nữa, lại sa vào mê cung lịch sử tới bây giờ... Tới bây giờ mới thấy đây. Mà nuy hoại đã khởi ngày ban sơ. Một hai, hai một bao giờ.

1. André Préau dịch có khác tôi một chút: *La différence va si loin que de son fait la possibilité de connaitre ce qu'elle sépare est éteinte, abolie.*” (Essais et Conférences – trang 285).

Préau dịch sát lời, nhưng bỏ lạc mất cái cách điệu chơi chữ “rất-chịu-chơi” trong ngôn ngữ Heidegger. Nguyên văn vốn là: “*Die Verschiedenheit geht so weit, dass durch sie die Moeglichkeiteines Wissens von Unterschiedenem abegesterben, verschieden ist*”.

Tồn lưu đất trich chia bờ xẻ sông... Dặm khuya ngất tạnh
phiêu bồng. Nhà ma cửa quỷ song song đi đời.

*Thuyền con, chiếc lá giữa trời
Thơ văn tiếng thở như lời tơ than
Trông vời hồng rặng ngón ngang
Tìm đâu chốn cũ muôn vàn dưới kia*

*Thiên địa biên chu phù tợ diệp
Văn chương tàn tức nhược như ty
Lang tạ tàn hồng vô mịch xứ
Đông phong thành hạ bất thăng tình.*

(Thanh Hiền Thi Tập)

Chúng ta bàng hoàng xiết bao, chợt một lần nghe ra tiếng thở nọ trong trang sách Romano Guardini. Thì hỡi ôi! Đầu chúng ta đã hai ba thứ tóc. Mà chiêm bao vạn lý sao hà sơn đi? Dặm hồng ký thác từ quy? – “Lời trong căn để vui gì lắm đâu”.

“Les mots qui expriment les missions, nous donnent l'impression de quelque chose de très fragile. Quelque chose d'infiniment précieux, don't dépend le salut des hommes, est envoyé dans un monde hostile. Il est probable que cette semence sera piétinée sans pitié et cependant il est de la dernière importance qu'elle soit acceptée et qu'elle porte son fruit. Il y a là un profond mystère sur lequel nous devons nous pencher longuement...”

(Romano Guardini)

Tại sao suốt kiếp phải nghiêng thân mình lên huyền nhiệm nọ? Ấy bởi rằng: không thể dòm ngó theo lối “lai rai”. Le petit Prince của Saint Exupéry bảo:

“Cái cốt thiết, cái hệ trọng, cái tinh thể, làm sao mà nhìn thấy với hai con mắt thao láo mở ra!”

Hãy xin người hãy dăm chiêu hơn tí nữa... Từ con trăn trong Rừng Thẳm nuốt con mãnh thú trong Rừng

Sâu, tới con rấn vàng hoe mó vào chân Hoàng Tử Bé (để trả tinh anh Hoàng Tử về trở lại Nguyên Thủy Tinh Cầu)... - cho đến niềm bâng hoàng của kẻ ở lại sớm hôm bản thân nêu câu hỏi: *“Một nơi nào đó, chẳng biết là đâu, một con cừu đã, có hay không, ăn mất một đóa hồng?”*

Nhưng mê cung tồn hoạt là gì, mà con cừu ngây dại nọ lại chính do bàn tay của người ở lại trao làm tặng vật đưa tiễn kẻ ra đi? Chàng đã vẽ cho em một con cừu xinh đẹp. Chàng đã cẩn thận vẽ thêm một cái rọ bịt mõm. Chàng chỉ vô ý quên không vẽ một dây đai để cột rọ vào mõm. Và mọi sự đã từ chút sơ suất ấy, mà đành phó mặc cho rủi may.

Nhưng sao gọi là sơ suất? Sơ suất nằm trong tinh thể ngôn ngữ, hay do một nếp gấp “vội vã” phiêu bồng, hay do cái học chi ly trường phái hay là do cái thẩm-mỹ-quan méo mó của những chú Rousselot?

Câu hỏi đó không có lời đáp. Vì không biết đáp cho ai. Vì mỗi người không ai chịu mỗi nêu ra cho mình, và không chịu mỗi đáp lại cho mình. Tất cả những bé con dành thưa với thầy giáo:

- Thưa thầy, con không thuộc.
- Trò học cái gì
Mà bài không thuộc
- Con đếm một hai
Ba bốn năm sáu
Đếm suốt năm canh
Lệ tràn không ráo
Vũ trụ tan tành
Càn khôn tuôn máu...
- Có kẻ nào cùng trò lần thẩn đếm không?
- Thưa thầy, có ạ.

- Ai? Đếm mấy lần?
- Mười lăm năm lần ạ.
- “Mười lăm năm, bấy nhiêu lần...”

Chiếu theo cái điệu Rousselot bàn về thơ René Char, Kim Thánh Thán bàn về Đỗ Phủ, thì con người còn phải chờ thêm năm, bảy thế kỷ nữa, hoặc hàng trăm thế kỷ nữa, mới có thể hiểu nữa câu thơ “tả cảnh” của Nguyễn Du. Nghĩa là: Nếp gáp trong ngôn ngữ tư tưởng Lão Tử, Khổng Tử, Jésus, Thích Ca.. sẽ còn chịu trận “mẫu hồ đã mất đi rồi” suốt nghìn nghìn năm.

Chân thành nhìn vào chỗ nọ, ta sẽ nêu câu hỏi: - “Đã vậy, thì lấy đâu mà bước vào cõi “*éclaircie de l’Être*”, lấy đâu mà bước ra miền “*clarté nuiteuse*”, thì gào thét cái gì giữa mê cung hiện đại? *Clarté nuiteuse* không phải là *clarté nocturne*. *Clarté nuiteuse* là tinh thể của những ngôn ngữ *diaphane*, những “*nhật thừa gương dạo đầu cảnh*”, những “*ngọn đèn khi tỏ khi mờ*” vây phủ cõi đắm chiều chiêm niệm của những anh chàng, những chị thiếp, lúc họ đối diện với Định Mệnh mình khi tỉnh mộng trở cơn.

“Chập chờn cơn tình cơn mê”

Song hồ nửa khép mở về chiêm bao

Hoạt nghị chi điệu lối vào

An thời xử thuận yêu đào hây hây.

Chính những câu thơ chập chờn lay lắt của Nguyễn Du là cái chỗ căn cơ cho mọi cuộc thiết lập trường tồn vô ngần lãng dăng. Nguyễn Du đã âm thầm đẩy một nhịp cầu tồn lưu “tổng hợp” tới dưới bước chân con người đang khập khiễng trên bình diện não sinh. Nguyễn Du đã dịu tấm thân tròn trịa và mềm mại dịu hiu của hồng nhan vào cõi miền lãng dăng trong cái *structure diaphane* của

ngôn ngữ dội ngấm dưới làn ánh sáng mơ màng tục gọi là *hoạt nghi chi diệu*. Những tổng hợp lớn trong những trận suy tư hoàng viễn bao giờ cũng hiện ra trong Nếp Gấp dị thường của cơ cấu lung linh mờ tỏ. – *Dường gần Rừng Tia, dường xa Bụi Hồng*. Tại sao lại dường gần, dường xa? Đáp: Vì đó là điều kiện cốt thiết của những trận trùng sinh xuyên qua những phen điệp tử. Cho đến một lúc nào cái lẽ tử sinh hiện ra giữa trận tiền theo tiết diệu: sinh là tử, tử là sinh, tử sinh là cái *Vậy (das Selbe)* thiên thu Tạng Vật phong phú trao về Dĩ Vãng đang chờ đợi con người ở mọi chân trời sương bóng Mai Sau. Truyện Kiều biến làm truyện Sử Lịch Tây Phương đang tìm sang Đông Phương để nêu Một câu hỏi trong Một cuộc gay cấn tương tranh.

Chúng ta đừng đòi hỏi giải đáp vấn đề một cách vội vã, đòi hỏi tổng hợp tương giao một cách vội vàng. Chỉ nên tự hỏi: Sao gọi là tương giao, sao là tổng hợp, sao gọi là giải đáp vấn đề? Thì *Trên Đường Về Ngôn Ngữ*, tinh thể của Synousia sẽ liễu liệu mở phôi trong diệu hỏi:

Còn nếu mỗi lần đòi giải đáp vấn đề, là mỗi lần xô vấn đề đi lạc lối, thì mọi cố gắng ích gì? – *Thiệt đây mà có ích gì đến ai?* Mọi sự trở thành thê thảm một cách thảm thê. Nghĩa là, trong điệp tử, không có một dấu hiệu nào hứa hẹn một trùng sinh ngư ngạc về sau.

Nói chơi vậy thôi, chứ làm sao lại chẳng có. Ta chỉ mong một chút là mong đợi trong trộm nghĩ phiêu bông: nếu người Đông Phương không nghe ra cái tiếng nói của Đông Phương, thì làm sao mà nghe ra tiếng nói của Tây Phương, thì làm sao mà buộc nổi người Tây Phương nghe ra chúng mình choặng. Vì cái chặng đường đo của đo ra từ đó tới giờ đã đành tàn xiêu như ngàn thu rớt hột.

Lang tạ tàn hồng vô mịch xử...

Hình như đang nói lặp? Ấy bởi rằng: cái xứ vôi vôi luống công sưu tầm ấy, nó luôn luôn nằm ở bên cạnh ta, ở khắp bốn xung quanh, trước sau tả hữu. Nhưng cái miền của nó là cái cõi của thái hư tịch mịch, của hơi thở yếu như tơ, nên yêu cầu được luôn luôn điệp trùng trên đường tơ tương ứng. Sao gọi là tương ứng trên đường tơ? Đáp! Tương ứng trên đường tơ có nghĩa là nhắm sơ sơ hai con mắt lại, và bịt chùng chùng hai tai lại, để thấy và nghe theo thói nhà của miền cõi.

Có như vậy mới hiểu nổi cái thái độ “ngoan cố” của Thúy Kiều.

Dù khi lá thắm chỉ hồng

Nên chắng thì cũng tại lòng mẹ cha.

Đọc thơ Nguyễn Du, không còn biết đâu là biên giới giữa Hình Nhi Hạ và Hình Nhi Thượng. Lời đề huề tương nhượng đức lý luân thường lại là lời của triết để tồn thể trở cơn.

Thói nhà băng tuyết, chất hăng phỉ phong... Thói nhà? Nhưng nếu là băng tuyết, thì cái nhà có thói nọ, lại là cái Nhà Tôn Lưu. Còn phỉ phong? Lại là cỏ hoa nguyên tiêu nguyệt mờ sương thánh thót “*Ban sơ khả dị thị Lưu Tôn...*”

Nguyễn Du đã kết tụ tư tưởng phương Đông một cách rất mực bát ngát, phá vỡ mọi cơ cấu của đức lý đảo điên. Mất thường không nhận thấy, vội vã cho là tư tưởng gương ép, hoặc cố chấp, hoặc thô thiển, hoặc mâu thuẫn. Nhưng chính cái chỗ mâu thuẫn kỳ bí đó, lại là chỗ để cho câu hỏi được nêu ra và tình anh nảy hột. Cái ông Trời các cơ của Nguyễn Du, lúc thì rất mực quân bình, lúc biến thành một thứ hóa công tàn ngược xoay quanh hồng nhan, làm chuyện số sảng:

Hồng quân với khách hồng quân

Đã xoay đến thế còn vẫn chữa tha.

Phải trả đức lý về cội sơ nguyên trong ánh sáng mờ tỏ của tôn thể, thì đức lý mới đủ sức đi tiếp dặm đường và giải tỏa thiên hạ trong mê cung, để bước vào Mê Cung Lớn. Từ đó về sau thiên hạ sẽ đọc lại thơ Việt Nam trên bình diện thái cổ cực kim.

Ngân ngữ nàng mới thưa rằng

Thói nhà gai cỏ, chất hàng cỏ gai

Cô em mọi bé nghiêng mày

Chào anh mọi bự bấy chầy ba thu.

Đó là điều một bậc tiền bối cũng đã nói: “Lão phu mạo hỹ, tam thu khai bỏ liễu chi dung..”

Nhưng nói để làm gì? Đáp rằng: nói để đừng nói vậy. Hoặc: nói vậy để cái Vạy Không Lờn hiện ra cùng với cái “*hồng hươu tỷ sơn hải nhi câu trường, hạc phát quý tri thù chi mạc bố*”.

Tạm chấp nhận cho như rứa rồi, sẽ yên thuận luôn cho cái lẽ bởi-mần-răng mà ra như rứa. Ra như rứa là ra như thế nào? Là ra vào sa mạc mà lập cội người ta¹ Lập suốt bốn mươi bốn năm, thì xin bước vào thiên thu thái-hư-sa-mạc. “*Cố tứ thập tứ hành canh, thích động huyền xa chi tướng...*” Nhưng muốn thành tựu cái tâm tướng huyền xa thì phải xin võ cái lẽ treo xe đầu gió. Muốn treo xe đầu gió, thì lần cuối cùng xin leo trở lại lên xe, nghĩa là “*thang mây rón bước ngọn tường...*”

Thấy gì lúc đó? Thấy lại cái màu tịch mịch ban sơ:

“Một vùng cỏ mọc xanh rì

Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu...”

1. xem *Terre des Hommes - Sant-Exupéry*

Nghĩa là: thấy rằng mình không có thấy chi hết cả.

Làm thế nào để đừng kinh hãi mà rơi tòm trở xuống, lúc đối diện với suốt xứ hư vô?

Đáp rằng: Không biết. Không biết gì nữa cả. Chỉ biết rằng tôi nằm ngủ là chiêm bao tôi có biết mà thôi.

Tới lúc đó, thì cả trời cả đất, cả vũ trụ và càn khôn, và Sài Gòn phố thị, và Chợ Lớn phố phường, và cô em họ gái phố Tunis, sê... Sê sao? Sê hòa chung một trận trong cõi miền bán loạn của tình điên. *Terre des Hommes* lại lên tiếng nói:

- *Đã có lần tôi xin Đại Ủy cho phép về Tunis. Thăm người em họ gái. Nhưng Đại Ủy trả lời rằng...*

- *Trả lời rằng sao?*

- *Trả lời rằng: "Trong thế gian còn chứa đầy xiết bao là cô em họ gái."*

Đông Phương, Tây Phương, gặp gỡ nhau, chính tại trận tiền nọ. Xin sáp lá cà xung đột bằng cả thiên kiếm và tuyệt đao¹.

Liễu yêu bài động đềm nào

Xuân phong tiểu bộ yêu đào còn mơ

Giấy từ thủy thảo nguyên sơ

Thức từ yếu điệu góc đo khôn trời

Cánh hà điệp mở cong môi

Từ Sappho mộng tới người Triều Minh.

Phải thế chăng ru? Một phen trong cõi, đã yêu một cô em họ gái trong miền, thì từ đó về sau nhìn đâu đâu cũng thấy "trong thế gian còn chứa đầy xiết bao là cô em họ gái." Những da vàng, da trắng, da đen, da Triều Minh Gia-Tĩnh, da Hy-Lạp Homère, da Sylvie Thôn Nữ, da cô em mọi nhỏ phiêu bông, da cũng là nguồn diu ngọt, da

1. Hình ảnh "tuyệt đao" là Nietzsche. Hình ảnh "thiên kiếm" là Hoelderlin, Nerval.

cũng nằm trong “suối tóc hồng vàng, và điu hiu thân thể của cô em họ xa vời, dặm nghìn nước thăm, ở cách thầy năm nghìn cây số sa mạc bên kia..”

Những trang viết ẩn kín của mấy nhà tư tưởng Tây Phương đang nói với chúng ta những điều cốt yếu, thâm thiết trong tâm hồn họ. Nghĩa là tâm hồn của lục địa đang thao thức vì câu chuyện sử xanh lục loài rơi vào hang tồn sinh hư vô chủ nghĩa đã tàn phá cõi Thái Hư trong lịch sử Tây Phương suốt mấy mươi thế kỷ. Nhưng sao gọi là hư vô chủ nghĩa? Hư vô chủ nghĩa từ đâu lại mà chễm chệ làm ông khách trọ hải hùng thế kia? Đáp: *“Il appartient au caractère inquietant de ce plus inquietant des hôtes de ne pas pouvoir nommer sa propre origine.”*

Những nhà tư tưởng xưa nay vẫn lẫn mò đi đứng trong những đáy hang sâu - ấy là cũng để nghe thật rõ ràng những vang bóng đi qua ở trên đầu mình, và chẳng hiểu vì sao cứ xui mình lóng cóng như cây sậy gặp giũn.

*Tà xiêm hây hây xuân rờn
 Đồng khô hút cạn cung đờn vân yên
 Hai bờ hảo hợp một miền
 Nỗi khao khát với ưu phiền cương con
 Cung Mô Bích đã bích trầm
 Sẽ khuynh đảo mất cung cầm bảy giây.*

(René Char)

Kỳ lạ sao. Cứ mỗi phen đoạn trường đội tân thanh, là mỗi phen trần gian lấy bấy hy vọng náo nức. Chúng ta muốn rủ nhau chết chùm để được có cơ hội hồi sinh sống bó. Còn biết sao nói nữa, biết sao nói năng? Biết sao năng nặc? René Char bảo rằng: phải nhờ gặp những ca nhi Việt Nam Đạm Tiên năng ấy xưa là... tiếp mộng chúng tôi. Kể từ phiêu bồng Cự Hy-Lạp:

Ôi Hy-Lạp bóng gương hằng
 Và thân thể chịu mấy phen dọa dầy
 Ta hình dung với hai tay
 Phiêu bồng tái lập trên ngày đi qua
 Vong hồn sử lịch ra hoa
 Trong quyền uy cũ sơn hà kiện khang
 Hồn người vết máu se hàng
 Ta kêu gọi mãi trong ngàn trận mơ
 Miệng môi ta giập bây giờ
 Bởi người lạng lẽ bao giờ ta kêu.

Tất cả những trang sách hoàng viễn của hiện đại Tây Phương đều nằm trong cơn chiêm bao bát ngát thâm thì vết máu bất-khả-tư-nghị nọ của hoài vọng Hy-Lạp Ly Tao.

“... O Grèce, miroir et corps trois fois martyrs, t'imaginer c'est te rétablir. Tes guérisseurs sont dans ton peuple et ta santé est dans ton droit. Ton sang incalculable, je l'appelle, le seul vivant pour qui la liberté a cessé d'être malade, qui me brise la bouche, lui du silence et moi du cri”.

“... Ôi Hy-Lạp, tấm gương và mình mấy chịu dọa dầy khổ nhục ba phen, ta hình dung người, là tái lập người rồi. Những lương y chữa chạy cho người, nằm trong dân tộc người; và sự khang kiện của người, nằm trong quyền lý người. Vết máu vô ngần của người, ta kêu gọi mãi, vết máu duy nhất sinh động, đối với nó thì tự do không còn là bệnh hoạn, vết máu làm giập miệng môi ta, nó làm giập bằng lạng lẽ, và ta giập bởi tiếng kêu gào...”

(René Char)

Tiếng kêu gào đó phải được nghe trên lối về miền vắng lặng. Vì nó nằm trong cõi bất-tư-nghị của mọi tư tưởng kim cổ giữa bầu gió của Tôn Thế uyên nguyên.

Nghĩa là: một tiếng kêu gào vô thanh vô tức. Một tiếng kêu gào “chém cha cái số” dẫn tới “rằng không thì cũng vâng lời rằng không”.

*Thiên địa biên chu phù tợ diệp
Vãn chương tàn tức nhược như ty...
... Lang tạ tàn hồng vô mịch xứ
Đông phong thành hạ bất thăng tình.*
(Nguyễn Du)

*(Thuyền con, chiếc lá giữa trời
Thơ văn tiếng thờ như lời tơ than*

*Trông vời hồng rụng ngồn ngang
Tìm đâu chốn cũ muôn vàn dưới kia).*

Từ Đoạn Trường Tân Thanh tới Thanh Hiên Thi Tập, Bắc Hành Thi Tập, hoặc từ *Terres des Hommes* tới *Le Petit Prince*, ta vẫn bắt gặp lại tiếng “kêu gào” chìm trong hơi thở hiu hiu nọ.

Do đó...?

Do đó, cái điều thiết thân với tồn sinh, phải chờ hai mươi mấy thế kỷ, tồn sinh mới nghe ra. Từ Mê Cung Hy-Lạp tới Mê Cung Hình Nhi Hạ Khổng, đến Mê Hồn Trộn Hiện Đại, cái làn ánh sáng dị thường “*hoạt nghi chi diệp*” mới lần mò đi tới, lặng lẽ như bước chân thư cưu – tục gọi là bò câu mái.

Khi chợt nhận ra, ta bỗng ngậm ngùi sực tỉnh. Cổ lục bỗng vọng lại tân thanh “*Dans la nuit du tombeau, toi qui m’as consolé...*”

Từ câu nói đó, những Tặng Vật Thiên Thu bỗng được trao về. Ta đưa tay đón nhận, tự nhủ rằng: “Dù sao cũng không quá muộn.”

Xin chọn một vài, gọi là một chút gửi trao:

THUỞ TÔI CÒN BÉ

Vốn xưa kia còn bé
 Ta thường được vị thân
 Vớt khỏi vòng tù tội
 Cửa tàn nhẫn nhân gian
 Thôi không còn roi vọt
 Thôi đã hết om sòm
 Này hoa rừng dịu ngọt
 Cùng nõ răn xanh xang
 Này gió trời bát ngát
 Về cợt tóc xanh làn.
 Trong lòng cây cỏ rộng
 Người mở hội liên hoan
 Khi nhánh cành lỏng lẻo
 Như tay vẫy hàng hàng.
 Trong lòng ta người cũng
 Mở du khoái chơi vơi
 Ôi vàng nhật tốt vơi
 Ôi hăng nga viễn tưng
 Ôi phong tình vạn chủng
 Từng giọt chảy hồng vàng.
 Ôi hôn hậu vô ngần
 Ôi kiêu trang vô tỷ
 Hỡi Chư Thần yêu quý
 Người hiểu chứ? tình thâm
 Lòng ta đó, như hôn ta đó gửi
 Vốn xưa kia dù chưa gọi tên Người
 Thần cũng chẳng gọi ta bằng tên tuổi

Như người người thiên hạ gọi kêu nhau
 Như thân tình mà đã chắc chi đâu.
 Nhưng ta vốn xưa kia là thơ dại
 Biết thân tiên hơn hiểu biết loài người
 Hồn tinh mạch thương khung hương dĩ thái
 Gắn ta hơn ngón ngữ của con người.
 Rừng vì vút cho dặt diu bài học
 Ngàn hoa phơi cho mở nụ yêu đương
 Ta khôn lớn trong vòng tay bát ngát
 Của Chư Thần bất tuyệt mộng tiên nương.

HOELDERLIN

(Da ich ein Knabe war...)

Ở TRONG RỪNG

Mùa xuân tới, chim ra đời ca hát
 Anh có nghe giọng hát của chim không?
 Giọng tươi mát đơn sơ và cảm động
 Ở giọng chim... chi xiết - ở trong rừng!
 Mùa hè tới, chim đi tìm bạn lứa
 Chim đã yêu - và yêu chỉ một lần!
 Ở chi xiết êm đềm chung bến ái
 Lỡ tổ chim tinh mạch - ở trong rừng!
 Rồi thu tới âm u sương mờ phủ
 Chim không lời, linh cảm giá băng đông
 Ôi có lẽ xiết bao... là hạnh phúc
 Một đời chim chết lặng - ở trong rừng.

GÉRARD DE NERVAL

(Dans les bois)

ĐÓA NỤ CHỊ EM

Trong cơn rớt hột mưa dài
 Tường Vi a, chớ em hài lòng không .
 Đông đưa sen ngọc xôi lỏng
 Không ngừng nụ chị phơi nong đóa em
 Đói ong chín ửng gọng kèm
 Sao năm bất động bên thềm xuân se
 Trái tim tôi thấy phụng về
 Nhân vì con mắt tôi đề huê quên
 Ân tình phơi phát phía trên
 Vời tâm hoa nụ vẽ nên phong vân.
L'une et l'autre – La Parole en Archipel

RENÉ CHAR

KHÔNG CÒN GÌ NỮA

Không còn gì nữa trong nhà
 Trừ hoàng hôn lạnh lẽo và cô đơn
 Ngày đông hiện giữa rèm buông
 Chỉ nghe phơ phát điệu buồn tuyết rơi
 Chùm bông tuyết trắng đầy trời
 Mái nhà với tuyết với lời cô đơn
 Với đường nét vẽ cảnh rờn
 Giá sương đầy ngọn cây gòn gợn xiêu
 Chắc mình còn chịu đựng nhiều
 Những ray rứt những tiêu điều năm qua
 Bỗng dưng rèm động sen ngã
 Gót chân người đội chan hòa tịch liêu

*Bên khung cửa, bóng lệ kiều
 Như hồn định mệnh bên chiều chiêm bao
 Áo xiêm bài động yêu đào
 Chùm bông tuyết bạch pha màu diêu mang.*
 PASTERNAK

THÁNG NĂM

*Dạo thuyền xuân sắc tháng Năm
 Giai nhân đầu núi xa xăm ngóng về
 Thuyền trôi cách biệt hai bề
 Ai xui liễu khóc đằm đìa bờ hoang*

*Vườn cây ngưng công hàng hàng
 Cảnh hoa thắm rụng như làn môi ai
 Ven sông đường dò dẫm hài
 Bước chân du nhạc hình hài hoang liêu*

*Một con gấu một con rừu
 Một con chó chạy sau lừa kéo xe
 Từ đâu tiếng địch vọng về
 Rập rình quân nhạc đã lê thê chìm.*

*Tháng Năm về điểm sơn xuyên
 Trên tàn phế dựng muôn nghìn thảo hoa
 Cảnh miên liễu, gió la đà
 Rì rào lau trúc nụ ngà khóa thân.*
 APOLLINAIRE

Albert Camus

(L'ÉTÉ gồm 8 bài, Tập này có 5 bài. Thêm phần
đầu cuốn L'HOMME RÉVOLTÉ)

CUỘC LƯU ĐÀY CỦA HÉLÈNE

Địa Trung Hải có riêng cơn bi thiết của ánh dương, không phải chất bi thảm của sa mù. Một vài chiều hôm, trên mặt biển, dưới chân những dãy núi, màn đêm phủ xuống trên vòng cung tuyết hào của một vịnh con; và từ những con nước im lìm, chợt dâng lên một niềm sung mãn hoang mang. Tại những chốn này, ta có thể hiểu rằng: nếu người Hy-Lạp đã chạm vào niềm tuyệt vọng, ấy là luôn luôn xuyên qua vẻ đẹp, và qua những gì ngọt thơ do vẻ đẹp gây ra. Trong tai họa óng à này, bi kịch đạt tới độ tối cao. Thời đại chúng ta, trái lại, đã nuôi dưỡng niềm tuyệt vọng của mình ở trong vẻ xấu xí và ở trong những cuộc loạn động trở cơn. Thế cho nên Âu-Châu sẽ ti tiện ô trọc, nếu quả thật nổi thống khổ của con người có thể có bao giờ trở nên ti tiện.

Chúng ta đã xua đuổi vẻ đẹp đi, người Hy-Lạp đã vì vẻ đẹp mà nắm lấy binh khí, đã vì vẻ đẹp mà huy động can qua. Chỗ khác biệt đầu tiên, nhưng đến từ xa lắm. Tư tưởng Hy-Lạp bao giờ cũng tự tiết chế trong ý niệm giới hạn, mực độ. Nó không đẩy bất cứ cái gì đi tới chỗ cùng cực, cả cái thiêng liêng, cả cái lý trí. Tư tưởng Hy-Lạp dành phần cho mọi thứ, để cho mọi thứ quân bình nhau,

điều hòa bóng mờ bằng ánh sáng. Còn dải Âu-Châu của chúng ta, trái lại; lao mình vào cuộc chinh phục toàn thể, Âu-Châu chối bỏ vẻ đẹp, cũng như chối bỏ hết mọi thứ nó không tán dương. Và mặc dù theo nhiều lối khác nhau, Âu-Châu chỉ tán dương một điều, ấy là thế lực tương lai của lý trí. Trong cơn điên cuồng, Âu-Châu đẩy lùi hết những giới hạn muôn đời¹, và, tức thì, những nữ thần Erynnies² âm u bỗng ủa tới tấn công và xâu xé.

Némésis vẫn canh chừng. Némésis, nữ thần của hạn độ, không phải của sự trả thù. Tất cả những kẻ nào vượt quá giới hạn đều bị nàng trừng phạt nghiêm khắc.

Người Hy-Lạp đã từng thao thức suốt hàng thế kỷ để tự nêu câu hỏi về cái lẽ công chính, trung hòa, họ ắt sẽ chẳng thể nào hiểu chút ít về ý niệm của chúng ta đối với sự trung chính. Công bình, đối với họ, bao hàm một giới hạn, còn lục địa chúng ta thì đang quần quai loạn cuồng trong sự tìm kiếm một lẽ công bằng tuyệt đối, và nó muốn phá vỡ tuyệt đối hoàn toàn. Ngay thuở bình minh của tư tưởng Hy-Lạp, Héraclite đã từng nghĩ rằng lẽ công chính còn đặt ra những tiêu mốch cho cả vũ trụ vật chất nữa.

“Mặt trời sẽ không vượt quá những hạn độ của nó, nếu không, những nàng Erynnies sẽ nhận thấy ngay.”³ Chúng ta là những kẻ đã đánh đuổi vũ trụ lọt ra ngoài vòng quỹ đạo, xua đuổi tinh thần chạy lung tung, chúng ta kể gì sự hăm dọa của những nữ thần kia. Trong một bầu trời say nghiêng ngã, chúng ta đốt lên những vùng

-
1. *Ta nên nhớ lại hai vở kịch của Camus, với những nhân vật như Martha, Caligula...*
 2. *Trong Les Mouches của Sartre, Orestre không chịu khuất phục những Nữ Thần Erynnies, để thành tựu tự do vô hạn của mình.*
 3. *Bản dịch của Yves Battistini. René Char để tựa.*

dương mới tùy theo sở thích. Nhưng điều đó không ngăn cản sự thật này: những hạn độ có thật, và điều đó chúng ta biết rõ. Trong những cơn cuồng điên cực độ, chúng ta mơ tưởng tới một nhịp nhịp quân bình mà chúng ta đã bỏ lại sau lưng, và chúng ta lại ngây thơ tưởng rằng mình sẽ tìm ra nó trở lại ở cuối đường lầm lỗi của mình. Đó là một suy trắc tự phụ ấu trĩ, nó biện minh cho sự vụ tai hại này: những dân tộc trẻ con, thừa kế những cuồng dại của chúng ta, ngày nay nắm lấy vai trò dắt dẫn lịch sử chúng ta.

Một đoạn văn, cũng được quy ủy cho Héraclite, phát biểu một cách đơn giản: “Tự phụ, thoái hóa của tiến bộ.” Và, sau Héraclite mấy thế kỷ, Socrate, trước nguy cơ tử hình, chỉ tự nhận mình không có gì siêu đẳng hơn ai ngoài sự cao nhâ này: cái điều ông không biết, ông không tưởng là mình biết. Cuộc sống và tư tưởng mầu mực nhất của những thế kỷ kia đã kết thúc bằng một lời thú nhận cao kiêu về sự ngu dốt của mình. Quên mất điều đó, chúng ta đánh mất luôn đồng khí của chúng ta. Chúng ta ham chuộng quyền thế uy lực là một thứ hào mại giả mạo, nó bắt chước một cách trơ trẽn sự cao nhâ chân chính, chúng ta thích muốn ôm đồm những Alexandre rồi những nhà chinh phục La-Mã¹ những kẻ đã được bọn viết sách đề cao làm gương mẫu cho chúng ta tôn thờ, cái bọn tác giả ti tiện vô song. Tới phiên chúng ta, chúng ta cũng học đòi chinh phục, chúng ta chuyển dịch những giới hạn, chế ngự bầu trời và mặt đất. Lý trí của chúng ta đã tạo lập hư không trống rỗng mọi nơi. Rốt cuộc cô đơn, chúng ta

1. *Bạn đọc Việt Nam nên phân biệt tinh thần chinh phục La-Mã nọ với tinh thần cách mạng trong đường lối chinh phục của những Napoléon, Saint Just - được những Hoelderlin, Goethe, Hegel, Nietzsche tán dương. Cái hố thẳm đó cũng là hố thẳm ngăn cách những Càn-Long với những Nguyễn-Huệ, Từ-Hải...*

kết thúc bá quyền chúng ta trên một cõi sa mạc¹. Chúng ta còn sức tưởng tượng nào nữa để hình dung ra cái nhịp quân bình cao viễn nơi đó thiên nhiên dền bù cho lịch sử, lẽ mỹ đấp điểm cho lẽ chân, cái nhịp quân bình đã từng đem âm nhạc của những con số vào tận trong bi hùng kịch máu xương? Chúng ta quay lưng lại phía thiên nhiên, chúng ta xấu hổ vì lẽ mỹ. Những bi kịch thiếu não của chúng ta kéo lê thê một mùi ẩm mốc của bàn giấy, và những tia máy chảy lại lảng từ những bi kịch này mang màu sắc của màu mực đen ngòm.

Vì vậy cho nên ngày nay nếu lớn tiếng rêu rao rằng chúng ta là con cái của Hy-Lạp, thì quả thật đó là điều vô sỉ sỗ sàng. Hoặc nếu vẫn là con cái thì là những đứa con phản phúc, những đứa cái phá gia. Đặt để lịch sử lên ngai rồng Thượng Đế, chúng ta đang tiến bước tới một thứ thần quyền xã hội, giống như những loại mà xưa kia người Hy-Lạp gọi bằng tên Man-Di, và họ đã liều cuộc tử sinh chiến đấu tới cùng trên ngọn nước quanh đảo Salamine². Nếu muốn nhận định rõ chỗ dị biệt của chúng ta, thì phải hỏi tới kẻ nào trong những triết gia thời đại này là đối thủ chân chính của Platon. “Riêng thành phố thời đại mới, Hegel dám viết như thế, hiến cho tinh thần miền đất đai để nó có thể tự ý thức được mình.” Thế là chúng ta sống thời đại của những đô thị đồ sộ. Một cách quyết tâm cố ý, thế giới đã bị cắt lia xa những gì làm nên sự trường tại của mình: thiên nhiên, biển, đồi, chiêm niệm chiều hôm. Ý thức, tâm thức, trí thức chỉ còn hiện hữu được là ở ngoài đường phố, đó là sắc lệnh. Và tiếp liền theo đó, những công trình ý nghĩa nhất của chúng ta cũng bảo chúng cho định kiến trên. Kể từ Dostoievsky về

-
1. Cũng nên phân biệt hai loại sa mạc, hai loại hư vô.
 2. Camus nhắc gọi trận đấu anh dũng giữa người Hy-Lạp (do tướng Themistocle cầm đầu) và người Ba-Tu do vua Xerxès chỉ huy. Ông này tàn phá đô thị Athenes (trước Thiên Chúa kỷ nguyên hơn 4 thế kỷ) rồi sau bị Themistocle đánh bại tại Salamine.

sau, chúng ta luống công tìm kiếm phong cảnh thiên nhiên trong văn chương lớn của Âu-Châu. Lịch sử chẳng giải thích vũ trụ thiên nhiên đã hiện hữu trước lịch sử. Lịch sử cũng chẳng giải thích cái đẹp nó vốn đứng ở bên trên lịch sử. Vậy là lịch sử đã chọn lối: không biết tới chúng. Trong khi Platon hàm chứa tất cả, cả cái vô nghĩa, cả lý trí và cả thần thoại hoang đường, thì những triết gia thời đại này chỉ bao hàm riêng cái vô nghĩa hoặc lý trí thôi, bởi vì họ đã nhắm mắt không nhìn mọi thứ khác. Con chuột chù suy gẫm, tư lường.

Chính Kytô Giáo đã khởi sự đem bi kịch của linh hồn thay thế cho chiêm niệm vũ trụ. Nhưng ít ra nó còn quan hệ tương liên với một bản thể tinh thần và bởi đó mà còn duy trì một sự bất biến nào đó. Thượng-Đế chết, thôi chỉ còn lịch sử và quyền uy thế lực. Từ lâu lắm, bao nhiêu cố gắng của những triết gia chỉ nhằm vào sự thay thế quan niệm bản tính loài người bằng quan niệm cảnh huống, và thay thế nhịp thái hòa xưa bằng cái đà phẫn khích cuồng loạn của nghi ngẫu hoặc sự vận động khốc liệt của lý trí. Trong khi người Hy-Lạp đem những giới hạn tiêu mốt của lý trí mà ước thúc ý chí, thì chúng ta lại hoàn thành công cuộc bằng cách đem đặt cái đà phẫn khích của ý chí vào giữa lòng lý trí, và từ đó lý trí đã trở thành tàn khốc điều linh. Những giá trị, đối với người Hy-Lạp, đã có từ trước, có sẵn trước mọi hành động mà chính những giá trị chỉ định giới hạn cho. Triết học hiện thời đặt những giá trị ở sau đuôi hành động. Những giá trị không còn tồn lưu, chúng trở thành, chúng chuyển biến, và chúng ta chỉ biết được chúng là lúc lịch sử kết thúc. Với chúng, thì giới hạn biến mất, và nhân vì những quan niệm về khuôn mặt chúng mai sau sẽ thế nào, những quan niệm đó khác biệt nhau, và nhân vì không có chiến

đấu nào không kéo dài ra vô tận nếu không có những giá trị nọ kiểm hãm lại, thế nên những tín ngưỡng Cứu Thế Chúa ngày nay chạm trán nhau kịch liệt và những tiếng hò hét của chúng chìm tan trong sự đung độ giữa các đế quốc. Sự vô độ là một trận lửa thiêu, theo Héraclite. Con hỏa hoạn tới, Nietzsche bị vượt qua. Ngày nay giải Âu-Châu luận bàn triết học không còn theo tiết nhịp búa đe đập chan chát, mà theo tiết điệu ca nông nổ ì ầm¹.

Tuy nhiên, thiên nhiên thiên thu vẫn còn đó. Nó dựng trước trận cuồng điên của con người những vòm trời yên tĩnh và những nguyên lý của mình. Cho tới lúc cả nguyên tử nữa cũng bốc lửa và lịch sử sẽ kết thúc trong cuộc thắng thế của lý trí và trong cơn hấp hối của chủng loại. Nhưng người Hy-Lạp không bao giờ nói rằng giới hạn không thể vượt qua. Họ bảo rằng giới hạn có thật, và kẻ nào dám vượt qua, kẻ đó bị trừng phạt nghiêm khắc. Không có gì trong lịch sử ngày nay có thể kháng biện họ được.

Tinh thần lịch sử và nghệ sĩ, cả hai cùng muốn tái tạo lại thế giới. Nhưng nghệ sĩ, bởi một bó buộc của bản chất mình, biết được những giới hạn của mình mà tinh thần lịch sử không biết tới. Vì vậy cứu cánh của tinh thần lịch sử là chuyên chế áp bức, còn đám say của nghệ sĩ là tự do. Tất cả những kẻ ngày nay tranh đấu cho tự do, đáo cùng là chiến đấu cho lẽ mỹ. Cố nhiên, đấy không phải là bảo vệ lẽ mỹ vì lẽ mỹ. Lẽ mỹ không có thể tự tại một mình không cần con người, và chúng ta chỉ có thể đem lại cho thời đại chúng ta sự cao nhã và thanh tĩnh an lạc, là lúc theo dõi nó trong hoạn nạn tai ương. Chẳng

1. Camus nhắc gợi lời nói gay gắt của Nietzsche: "Nous philosophous à coups de marteau."

bao giờ chúng ta sẽ là những kẻ cô độc, thật vậy. Nhưng cũng rất thật, là điều: con người ta không thể sống không có vẻ đẹp, con người ta không thể bất sá lẽ mỹ, và đó là cái điều mà thời đại chúng ta làm như không thêm biết tới. Nó co cứng để đạt tới tuyệt đối và quyền lực, nó muốn biến dạng cõi thế trước khi truy cứu thấu đạt cõi thế, nó muốn xếp đặt cõi đời khi chưa hiểu rõ cõi đời. Dù nó muốn nói sao đi nữa, nó vẫn lẩn trốn cuộc đời này. Ulysse tại nơi lãnh cốc nàng Calypso, có thể chọn lựa giữa sự bất tử và đất quê hương. Chàng đã chọn đất quê, và cùng với đất quê là sự tử diệt. Một sự cao nhã hùng đại đơn giản đến thế, quả là xa lạ đối với chúng ta ngày nay. Có kẻ sẽ bảo rằng chúng ta thiếu lòng từ tốn. Nhưng quả thật tiếng đó rất hàm hồ. Giống như những tên hề của Dostoevski huênh hoang đủ lối, bay lên trời đớp lấy muôn sao, rồi rớt cuộc phơi trần lan nổi bê bối của mình tại một chốn công cộng lai rai thứ nhất, chúng ta chỉ thiếu cái chút tự hào của con người: trung thành với những giới hạn của mình, sáng suốt yêu chuộng phận mình.

“Tôi thù ghét thời đại tôi”, không bao lâu trước ngày ông mất, Saint Exupéry đã viết thế, cũng là bởi những lý do gần gũi với những lý do tôi đã nói. Nhưng cho dầu tiếng kêu kia xui ta cảm kích bàng hoàng bao nhiêu đi nữa, tiếng kêu vọng lại từ ông ta, là kẻ đã yêu chuộng con người, trong những gì đáng kính phục nhất nơi con người, tiếng kêu đó, chúng ta vẫn không nhận về phía mình được. Tuy nhiên, cảm dỗ xiết bao là đôi lúc, cái niềm mong ước xa lánh cõi đời xương xẩu cõi trần này! Nhưng thời đại này là thời đại của chúng ta, và chúng ta không thể căm thù nhau mà sống được. Thời đại có sa rơi quá thấp, ấy cũng chỉ bởi sự phong phú vỡ bờ của đức hạnh, cũng như bởi sự hoàng đại của lỗi lầm. Chúng ta

sẽ chiến đấu cho đức tính nào của thời đại chúng ta, đức tính nào từ xa xôi lại. Đức tính nào? Những con ngựa xích thố của Patrocle khóc ràn rụa vị tướng sủng của mình tử trận nơi chiến trường. Thấy thấy tan tành. Nhưng cuộc chiến đấu tái diễn với Achille, và chiến thắng sẽ về, bởi vì tình bạn vừa bị hại: tình bạn hữu là một đức tính.

Nỗi ngu độn được nhận nhìn ra, và sự chối từ cuồng tín, và những giới hạn của cõi thế và của con người, và khuôn mặt thân yêu, và dáng cùng vẻ đẹp, đó là dinh trại, tại đây chúng ta sẽ tái hội với người Hy-Lạp. Theo lối đó, ý nghĩa của lịch sử ngày mai không phải như người ta tưởng. Nó nằm trong cuộc chiến đấu giữa sáng tạo và tra sát điêu linh. Mặc dầu cái giá đắt mà hai bàn tay trắng nghệ sĩ phải trả, chúng ta vẫn có thể hy vọng họ chiến thắng về sau. Một lần nữa, triết học đêm tầm mù tối sẽ tan biến trên mặt biển rặng ngời. Hỡi tư tưởng giờ ngo¹ chiến trận thành Troie diễn ra tại chốn xa vời, cách biệt với những trận địa! Lần này nữa, những bờ tường khủng khiếp của đô thành đời mới sẽ bị đập đổ xuống, để hiển dâng vẻ đẹp nàng Hélène, “linh hồn thanh thúy êm êm như trùng dương lặng sóng.”

(1948)

- (Tuy nhiên, hỡi ông Camus, nàng Hélène làm sao có thể đẹp như Nam Phương Hoàng Hậu? Và êm ái như Cô Em Mọi ở trong rừng?)

1. *La pensée de midi* – Xem *L'Homme Révolté* của Camus ở phần cuối.

NHỮNG CÂY HẠNH

Tam thu Bé Chị Biên Thùy

Buồn gieo sát bóng nhu mỳ áo xiêm

NGỖ HẠNH BAN SƠ

Napoléon báo Fontaines: “Anh có biết cái gì ở thế gian tôi cho là kỳ diệu nhất? Ấy là: sức mạnh không có hiệu năng thiết lập một cái gì cả. Ở đời chỉ có hai quyền lực: lưỡi kiếm và tinh thần. Rốt cuộc thì lưỡi kiếm luôn luôn bị tinh thần đánh bại.”

Ta thấy đó, những anh hùng chinh phục đôi lúc u sầu tư lự. Kể thì cũng cần phải trả một phần nào cái giá của bao nhiêu vinh quang hào. Nhưng cái điều đúng, cách đây một trăm năm, đối với lưỡi gươm, bây giờ chẳng còn đúng được như thế nữa đối với xe tăng. Những kẻ chinh phục đã ghi những điểm thắng lợi, và sự tịch liêu âm đạm của những chốn vô-tinh-thần đã nghiêm nhiên chêm chệ suốt bao năm trên một mảnh Âu-Châu chia xé. Trong thời kỳ những chiến trận gớm guốc diễn ra tại Flandres, những nhà hội họa Hòa Lan có lẽ còn có thể ngồi vẽ những con gà trống trong sân gia cầm. Người ta cũng quên đi được chiến tranh Trăm Năm và trong khi đó,

những bài kinh kỳ đảo của các nhà thần bí xứ Silésie vẫn còn lơa man mác trong vài tâm hồn. Nhưng ngày nay mọi sự đã thay đổi, nhà hội họa và nhà tu sĩ cùng bị động viên: chúng ta liên đới trách nhiệm cõi thế này. Tinh thần đã mất cái thế an toàn tối thượng mà ngày xưa kẻ chinh phục chịu nhìn nhận; ngày nay tinh thần cứ mà mòn hơi nguyên rửa bạo lực, vì không biết phép chế ngự được nó nữa.

Những linh hồn nhân đức vẫn bảo rằng đó là một điều tai hại. Chúng ta chẳng rõ đó có phải là một điều tai hại hay không, nhưng chúng ta biết rằng sự đó có thật. Kết luận là phải dàn xếp cho ổn thỏa. Và chỉ cần biết rõ cái điều ta muốn. Và cái điều ta muốn, chính là không chịu nghiêng mình trước lưỡi gươm nữa, không chịu chấp nhận cái sức mạnh không phụng sự tinh thần.

Đó là phận sự quả thật không biết chung cục là đâu. Nhưng chúng ta còn tại đó để tiếp tục công việc. Tôi không tin tưởng ở lý trí nhiều, không tin tưởng đủ để ứng mộ vào cuộc tiến bộ hóa, hoặc với một triết học lịch sử nào. Nhưng ít ra tôi tin rằng con người ta không bao giờ ngừng bước trong sự tiến sâu vào ý thức về định mệnh của mình. Chúng ta không vượt nổi thân phận mình, nhưng chúng ta dần dà hiểu biết nó rõ hơn. Chúng ta biết rằng mình đương nằm trong mâu thuẫn, nhưng phải khước từ mâu thuẫn và phải làm những gì cần yếu để tiết giảm trừ khử nó đi. Nhiệm vụ chúng ta là tìm cho thấy một vài định thức nào đó khả dĩ làm nguôi dịu niềm khắc khoải vô hạn trong những linh hồn tự do. Chúng ta có bốn phận khâu vá lại những gì rách nát, làm sao cho sự công bằng còn có thể được hình dung trong một thế giới hiển nhiên bất công tột độ, làm sao cho hạnh phúc còn có ý nghĩa đối với những dân tộc bị đầu độc bởi tai họa của thế kỷ. Cố nhiên đó là một phận

sự phi phạm. Nhưng ta gọi phi phạm, những phạm sự mà con người cần nhiều thời gian để thành tựu, chỉ có thể thôi.

Vậy ta hãy hiểu cái điều ta muốn, đứng vững bền trên cơ sở tinh thần, cho dầu bạo lực có mang khuôn mặt thật hấp dẫn của một lý thuyết hay của tiện nghi an lạc để mà quyến rũ chúng ta. Điều đầu tiên là không tuyệt vọng. Đừng quá lắng tai nghe những kẻ kêu gào là thế giới đi tới tận diệt. Những nền văn minh không chết một cách quá dễ dàng như vậy, và cho dầu thế giới này phải nhào đổ, thì cũng nhào đổ sau bao nhiêu thế giới khác. Quả thật chúng ta đang ở trong một thời đại bi tráng. Nhưng quá nhiều kẻ lẫn lộn cái bi tráng và sự tuyệt vọng. Lawrence bảo: "Cái bi tráng phải là một cái gì giống như một cú đá tống mạnh vào mép sườn tai họa." Đó là một tư tưởng lành mạnh và trực tiếp có thể được ứng dụng. Có rất nhiều sự vụ ngày nay đáng nhận cái cú đá tốt vời kia.

Lúc ở Alger, tôi luôn luôn gắng chịu đựng cơn rét mùa đông vì tôi biết rằng trong một đêm, một đêm duy nhất lạnh giá và thuần khiết tháng hai, những cây hạnh trong thung lũng Consuls, sẽ đơm đầy bông trắng. Rồi tôi sẽ kinh dị nhìn cái chất tuyết trắng xóa mong manh kia cương lại mọi cơn mưa gió nặng nề và cuồng phong của biển. Kỳ lạ thật. Song le, hằng năm, tuyết nọ vẫn kiên trì cố thủ, trong thời gian vừa đủ để soạn sửa phối dựng cái trái tròn về sau.

Đó không phải là một biểu trưng. Chúng ta sẽ không thu hoạch được hạnh phúc mình bằng những biểu trưng. Cần trang trọng cốt thiết hơn. Tôi chỉ muốn nói rằng đôi phen, lúc cuộc sống dè quá nặng trên vai mình trong cái cõi Âu-Châu còn tràn đầy họa nạn, thì tôi lại quay đầu ngoảnh nhìn về phương trời những xứ sở lộng lẫy kia,

nơi còn giữ nguyên những tiềm lực vô kể. Tôi biết quá nhiều về những xứ sở ấy, thì làm sao không hiểu được rằng đó là miền đất lý tưởng, nơi đó lòng can đảm và niềm chiêm niệm có thể đi song song dù đặt quân binh. Tám gương chúng nêu ra cho tôi suy gẫm, đã dạy tôi hiểu rằng nếu ta muốn giải cứu tinh thần, thì ta phải quên đi những đức tính than van của nó, và phải xuy khởi sức mạnh và uy lực của nó lên. Thế giới này đương bị đầu độc bởi tai họa và xem chừng như lại có chiều ưa chuộng o bế tai ương. Thế giới này hoàn toàn phó thân cho con bệnh mà Nietzsche gọi là tinh thần trì độn. Ta chẳng nên tương nhượng đưa tay giúp vào. Khóc than cho tinh thần là điều vô ích. Chỉ cần làm việc mở cõi cho nó bước vào.

Nhưng đâu là những đức tính hoàng viễn chinh phục của tinh thần? Cũng chính Nietzsche đã liệt kê ra, coi chúng là những kẻ thù bất cộng đới thiên của tinh thần trì độn. Đối với ông, đó là sức mạnh của khí lực, của nhân thức phong vận hào hoa, của trăm anh, của phúc lạc cổ điển, của quân tử tự đắc, của hiền nhân nhã đạm lạnh lùng. Những đức tính nọ, hơn bao giờ hết, thật là cần thiết, và mỗi người có thể chọn đức tính nào phù hợp với mình. Trước sự khổng lồ lung trạo của cuộc cờ khai diễn, dù sao cũng xin đừng quên sức mạnh của khí lực. Tôi không nói tới cái sức mạnh đi liền với những trợn mày hăm dọa trên những bệ thêm tuyến cứ. Tôi muốn nói tới cái sức mạnh cương kháng lại một trận bão giông bởi tiết tháo của phẩm phong nhựa trào tuyết bạch. Trong mùa đông băng giá của thế giới, chính nguồn cơn kia sẽ soạn sửa cho trái cây ngọt về sau.

(1940)

ẨN NGŨ

Khói vàng lễ hội già nua

Tượng hoàng hậu đẹp vì vua điêu tàn

BIỂU TƯỢNG SƠ NGUYÊN

Từ vòm trời rơi xuống, những làn ánh sáng cuộn cuộn tàn bạo tung vọt trên cánh đồng quanh ta. Mọi vật im hơi nín tiếng trước cơn náo động đó, và dãy Lubéron xa kia chỉ là một khối im lặng khổng lồ và tôi không ngớt lắng nghe. Tôi vênh tai, thiên hạ từ xa xô chạy về hướng tôi, những bạn hữu vô hình kêu gọi tôi, niềm vui trong lòng tôi lớn rộng, niềm vui vẫn nguyên một niềm vui cũ suốt bao năm rồi. Lần nữa, một ẩn ngữ may mắn tốt lành giúp tôi hiểu hết mọi sự.

Đâu là sự phi lý của cõi đời? Ấy là vẻ lộng lẫy rạng ngời kia hay kỷ niệm của vẻ lộng lẫy vắng mặt? Với xiết bao ánh dương ký ức, làm sao tôi lại có thể đã đánh cá một cuộc với cái phi lý vô nghĩa? Người ta ngạc nhiên, ở quanh tôi, về sự đó; tôi cũng đôi lúc ngạc nhiên về sự đó. Tôi có thể trả lời, và tự trả lời mình, rằng chính mặt

trời đã giúp tôi trong sự đó; và ánh sáng của mặt trời, vì quá thâm hậu, nên làm đông tụ vũ trụ lại, và làm ngưng đọng những hình thể của vũ trụ trong một trận choáng lòa rợn ngợp âm u. Nhưng sự đó cũng có thể được phô diễn theo một lối khác, và tôi rất muốn – trước màu ánh sáng trắng bạch và đen âm u kia, nó đã từng luôn luôn đối với tôi là màu ánh sáng chân lý – vàng, tôi muốn giản dị giải thích ý tưởng mình đối với cõi phi lý kia, mà tôi hiểu quá rõ nên không thể chịu đành lòng để thiên hạ bàn tới một cách sống sượng, thiếu uyển chuyển lung linh. Nói về nỗi phi lý kia, đáo cùng, lại sẽ dẫn ta về với mặt trời một lần nữa.

Không một ai có thể nói ra mình là cái gì. Nhưng thắng hoặc đôi lúc cũng có thể nói ra rằng mình không phải là cái gì đó. Một kẻ đương còn dò dẫm tìm kiếm, thiên hạ lại muốn rằng nó đã dứt khoát kết thúc rồi. Hàng ngàn giọng nói đã báo hiệu cho hắn rồi cái mà hắn đã tìm ra; ấy thế tuy nhiên, hắn biết rõ điều này, cái đó không phải là vậy. Thì hãy cứ tìm kiếm, và mặc cho thiên hạ nói? Cố nhiên. Đã đành. Nhưng thỉnh thoảng, đôi lúc cũng phải tự biện hộ, vậy đó¹. Tôi không biết rõ cái điều tôi đương tìm, tôi nói nó ra một cách dè dặt thận trọng, tôi lại nói trái lại điều đã thốt ra, rồi tôi nói lặp trở lại, tôi tiến tới, tôi rút lui. Người ta lại nằng nặc buộc tôi, ra lệnh cho tôi phải xác định rõ những danh hiệu, hoặc cái danh hiệu, một lần nữa cho muôn thuở. Tôi không cam chịu. Tôi phản kháng; cái được chỉ định tên tuổi, há chẳng là đã tiêu thất rồi sao? Ít ra, đó cũng là điều tôi gắng nói.

1. *Nhưng...? Cf. Carnets. "Misère de ce siècle. Il n'y a pas si longtemps, c'étaient les mauvaises actions qui demandent à être justifiées, aujourd'hui ce sont les bonnes." Mê Ly Đồ.*

Một con người, nếu tôi tin như lời nói của một trong những bạn hữu của tôi, một con người luôn luôn có hai tính khí, tính khí của mình thật, và tính khí của con vợ nó gán cho mình. Ta hãy thay thế tiếng con vợ bằng tiếng xã hội, và ta sẽ hiểu rằng một thành ngữ do một nhà văn kết liền với một toàn thể văn mạch có thể bị cô-lập-hóa tới mức độ nào bởi lời luận bàn của thiên hạ vây bọc xung quanh, và có thể được trình bày ra trước mặt một tác giả như thế nào, mỗi khi y có ý muốn nói tới sự vụ khác¹. Lời nói cũng như hành động. “Đứa bé này, có phải ông đã cho nó ra đời?”. “Vâng”. “Thế thì nó là con của ông” “Đâu có đơn giản thế, đâu có đơn giản thế”. Vậy đó, Nerval trong một đêm tối tàn nhớp nhúa, đã đành phải treo cổ hai lần, một lần vì mình, mình đã sống một bình sinh trong tai họa; và một lần nữa, vì lẽ: huyền thoại mà thiên hạ đã dựng lên cho ông, huyền thoại đó đã giúp đỡ cho vài kẻ có thể sống². Nhưng với huyền thoại, người ta có thể mô tả, và tưởng tượng, ít ra là một phút, rằng: người ta đã xua đuổi nó tan rôi.

Một nhà văn, viết phần lớn là để được thiên hạ đọc (những kẻ nói ngược lại, ta hãy xin thần phục, nhưng không dám tin). Tuy nhiên dần dà, tại xứ chúng ta, họ lại viết để thu hoạch được sự chuẩn nhận cuối cùng là:

-
1. *Những lời phẩm bình của học giả và phê bình gia “chuyên nghiệp” (!) chuyên nghề, ở Tây Phương, đã từng làm khô công, tê giá hết nội dung hoàng viên của những kiệt tác Camus, Saint-Exupéry .. Mè Cung văn học biến làm Mè Hồn Trăn Chuyên Nghiệp tràn ngập sang văn học Á Đông; suốt thế kỷ nay, chúng ta làm nạn nhân cho những thế lực hủ đố chà đạp tinh thần. Mè Hồn Trăn tiền bộ thêm tí nữa, thế là thế giới sa vào Mè Ly Đô Ngày Nay.*
 2. *Ý Camus muốn nói: nếu bọn trung nhân đi hạ không có ý bám được vào những huyền thoại đó, thì chúng không còn biết bám vào đâu để khai thác mà sống. Chúng không có tư tưởng, nên phải bó tay.*

dừng được thiên hạ đọc. Thật vậy, khởi từ cái lúc nhà văn có thể cung cấp đề tài cho một bài báo diễm lệ trong tạp chí ấn xuất ngàn vạn bản, thì y có đủ mọi may mắn được một số khá đông độc giả biết tới, một số đông độc giả sẽ chẳng bao giờ đọc tới ông ta, bởi vì họ chỉ cần biết cái tên ông ta là đủ, và chỉ cần đọc qua những gì thiên hạ viết về ông ta.. Nhà văn từ đó sẽ được biết đến (và được quên đi) không thuận theo những gì ông ta viết, không thuận theo con người thật hiện hữu của ông ta, mà thuận theo cái hình ma bóng quỷ do một nhà báo vội vã đã vẽ về ông ta. Vậy thì muốn có một tên tuổi trong làng văn, chẳng cần chi phải viết thêm sách nữa. Chỉ cần mang danh một kẻ đã từng có viết một cuốn mà báo chí chiều hôm đã có bàn tới, và trên cuốn đó về sau thiên hạ sẽ gục đầu xuống ngủ một trận mơ màng, nghĩa là không bóng không vang.

Hắn rằng cái tiếng tăm nọ, dù to dù nhỏ, sẽ bị chiếm đoạt. Nhưng biết làm sao? Tốt hơn, hãy xin thừa nhận rằng cái tình trạng bất ổn ngổn ngang nọ cũng rất có thể đem lại lợi ích hồng ân! Các vị thầy thuốc vốn biết rằng có một vài chứng bệnh rất nên “thơ mộng”, rất nên đáng ước mong: vì theo một lối riêng, chúng bỏ chính cho một khủng hoảng cơ năng thân thể, khủng hoảng này, nếu không có chứng bệnh kia, ắt sẽ phát hiện ra trong những cơn bất quân bình trầm trọng gấp bội. Thế đó nên chi có những bệnh bón tốt tươi mưa móc, có những bệnh thông-phong quý hóa chan rưới huệ sủng hồng ân. Trận mưa lũ ào ạt hồng thủy của những lời lời tiếng tiếng của những xét đoán bình phẩm vội vàng, nó đương nhận chìm mọi hoạt động công cộng trong một đại-hải phù bạc, tầm phào, vâng, trận hồng thủy đó ít ra cũng dạy cho nhà văn nước Pháp một bài học khiêm nhượng tốt tươi lắm đó, và anh ta luôn luôn cần học ôn lại ở

trong một sơn hà gấm vóc cái điều: một mặt khuếch xung chuyện tầm phào, một mặt gán cho nghề văn một sự quan trọng không xứng hợp. Nhìn thấy cái tên của mình nêu ra ở trong một vài ba tờ nhật báo quen thuộc, đó là một sự thử thách điều đứng đến nỗi rốt cuộc nó cũng lại tất nhiên phải bao hàm vài lợi ích cho linh hồn. Vậy xin hết lòng cảm tạ cái xã hội này, cái xã hội cứ hằng ngày dạy ta hiểu – mà chẳng tốn hao công khó chi nhiều – và ngay cả với những lời tán dương lộng lẫy – rằng những hào mại cao quý được tuyên dương là những thứ của khí mốt. Những rầm rộ chiêng trống do cái xã hội đó khua lên, càng tung bùng oanh liệt bao nhiêu, càng sớm tắt ngấm bấy nhiêu. Nó nhắc gợi lại cái thứ lửa rơm xơ mốt mà Alexandre đệ Lục đã từng thỉnh thoảng cho đốt lên trước mắt mình để giúp mình đừng quên rằng mọi vinh quang của cõi đời cũng tỉ như một làn khói bay qua¹.

Nhưng xin dừng cuộc mĩa mai tại đó. Ở đây chỉ cần nói rằng một nghệ sĩ phải yên vui hơn hờ yên phận chấp thuận sự việc: để yên cho cái bóng ma của mình, mà mình cảm thấy quý mình không xứng đáng với bóng đó, để yên cho cái bóng ma kia tuần tuần thiện dẫn, tự tự được thiên hạ kéo dài lết bết trong phòng chờ đợi của những nha y, những viện uốn tóc, cắt tơ. Tôi cũng có biết một nhà văn đọt sống mới được thiên hạ cho rằng thường thường mỗi đêm ông chủ tọa những cuộc truy hoan lẫn lóc dập dìu, tại đó có xiết bao nữ thần, tiên tử ăn mặc theo lối lỏa thể, xiêm y chỉ gồm có làn suối tóc buông chùng xõa xuống hai vai, và tại đó các con thú rừng có

1. *Vậy thì? Thưa ông Camus? Vậy thì: - Bốn ngàn năm văn hiến, hoặc bất tri tam bách, hoặc bách lý hồng sơn, hoặc lưu thủ đan tâm...v.v... thầy thầy cũng chịu chung số phận. Do đó, thế kỷ này sắp và đang chúng giám cuộc thành tựu huyền bí của một Mê Ly Đỏ vô tiền khoáng hậu: Minotaure sắp mang khuôn mặt Ariane.*

những móng vuốt thê thảm. Hẳn rằng ta có thể tự hỏi nếu vậy thì anh ta còn tìm đâu ra thì giờ để thảo xong một công trình tạo tác choán nhiều ngăn trên tủ sách. Nhà văn nọ, thật ra, cũng như nhiều bạn đồng nghiệp khác, vẫn hằng hằng ngủ kỹ đêm đêm, và ban ngày thì cặm cụi làm việc bên bàn suốt buổi, và uống nước khoáng tuyền để cho nhẹ với công việc của lá gan. Tuy nhiên cái đó không cấm người Pháp trung bình – mà ai cũng biết là vốn tồn sinh ăn uống tiết độ như hòn Sahara, và sạch sẽ như gái tân e ấp – phải phát cáu khi nghĩ rằng một nhà văn nọ lại dạy bảo phải nên say sưa lẫn lóc và đừng nên tắm rửa hình hài. Những thí dụ không thiếu. Riêng tôi có thể cung cấp một phương cách tuyệt hảo giúp bạn dễ dàng nhận lãnh cái tiếng tăm người khổ hạnh nghiêm hàn. Thật vậy, tôi mang nặng cái khối tiếng tăm đó rất đáng nên bước cười vui vẻ đối với các bạn hữu của tôi (đối với tôi, tôi lại thấy làm xấu hổ, vì tôi biết mình tiếm đoạt thanh danh đó một cách không đáng). Chẳng hạn, chỉ cần khước từ cái vinh dự dùng bữa với vị giám đốc một tờ báo mà mình không ưa chuộng. Và quả thật, chút trang nhã đơn sơ khó mà được hình dung ra cái dạng, nếu không có một chút chứng tật nham nhở nào đó. Và chẳng chẳng một ai có thể thử tạm nghĩ rằng nếu anh từ chối bữa tiệc của một vị giám đốc nọ, ấy có lẽ bởi vì quả thật anh không chuộng ông ta, nhưng cũng có thể bởi vì anh sợ-nhất-đời là cái cơn ngáy chán – và thử hỏi có gì ở đời ngáy chán nham nhở bằng một bữa tiệc rất mực phong vận “parisien”?¹

Vậy đành phải yên phận. Nhưng người ta cũng có thể, nếu gặp dịp thì cũng nên sửa chữa cho ngay ngắn cái đường bắn ra tí chút, và lúc đó thì cũng có thể lập lại rai

1. *Camus không có ý lập dị ở đây. Hầu hết mọi người Việt Nam đều nhận thấy như thế.*

rằng người ta không thể mãi mãi đóng vai họa sĩ cõi phi lý, và không một ai có thể tin tưởng vào một thứ văn chương tuyệt-vô-hy-vọng. Tất nhiên, người ta luôn luôn có thể viết, hoặc đã viết, một tiểu luận về khái niệm phi lý. Nhưng dù sao đó cũng, phải vậy chăng ru, người ta có thể viết về tình ái loạn luân mà vẫn không bởi đó mà đâm đầu nhào tới vô thân đứa em gái điều linh, và tôi chưa hề có đọc thấy trang sách nào nói rằng xưa kia Sophocle đã sát hại cha mình và phá tiết trinh mẹ mình¹. Cái ý niệm cho rằng mọi nhà văn tất nhiên phải viết về chính mình và tất nhiên tự họa mình trong tác phẩm, đó là một trong những thứ ấu trĩ do chủ nghĩa lãng mạn đẻ ra và di lưu lại². Trái lại, cái việc một nghệ sĩ, trước tiên lưu tâm tới kẻ khác, hoặc tới thời đại xã hội mình, hoặc tới những thần thoại quen thuộc, việc đó há chẳng là không có thể có được sao? Sao nhất mực phải bị bài trừ. Cho dầu đôi lúc y trung dẫn y ra, y nói tới cái "tôi", ta vẫn có thể coi rằng: nói thật sự cái của mình, là điều đặc dị. Những tác phẩm một người, thường vẽ lại những khát vọng, những quyến rũ, những luyến tiếc của mình, rất ít khi là chính mình thật, nhất là khi những tác phẩm đó lại tự nhận là có tính cách tự truyện. Không bao giờ một kẻ nào đã dám họa mình đúng hệt như là mình.

Trong mực độ có thể, trái lại, tôi ắt mong muốn được làm một nhà văn khách quan. Tôi gọi khách quan, một tác giả nhằm những đề tài mà chẳng bao giờ lấy chính

1. Camus nghĩ tới vở kịch *Oedipe của Sophocle*.

2. Nhưng tại đây ta phải nêu 1 câu hỏi với Camus: - Phải hiểu câu nói kia của một vài nhà văn lãng mạn theo ý nghĩa nào, trong trường hợp nào, ở bình diện nào? Thì sẽ thấy câu nói đó lại rất có thể gặp gỡ câu nói trái ngược lại của Rimbaud: "*Je*" est un autre.

mình làm đối tượng. Nhưng cơn cuồng loạn hiện đại cứ lẫn lộn nhà văn và đề tài của y, cơn cuồng điên đó không thừa nhận cái mép bờ tự do tương đối kia của tác gia¹. Thế là từ đó người ta trở thành tay tổ tiên tri của lẽ phi lý². Nhưng thật ra tôi đã làm gì? Làm gì khác hơn là luận về một ý niệm mà tôi tìm thấy nhan nhản ở khắp đường sá phố phường thời đại tôi? Nói rằng tôi đã nuôi dưỡng ấp ủ cái ý niệm đó (và một phần con người tôi sẽ còn mãi mãi ấp ủ ý niệm đó khôn nguôi) cùng với thời đại tôi, điều đó đã cố kỳ nhiên. Tuy nhiên, nói một cách thật đơn giản là: tôi đã đứng ở tại một vị trí, với một khoảng cách cần thiết, để bàn luận về nó và quyết định về luận lý của nó. Tất cả những trang sách tôi đã viết sau đó đều biểu thị đầy đủ của sự vụ kia. Nhưng đối với cô bác, vốn thuận tiện xiết bao là cái việc: khai thác một định thức ù lỳ, và ruồng rẫy một sắc thái lung linh. Người ta đã chọn cái định thức: thế là tôi lại vẫn là tổ bợm già đồng môn của oan gia, phá gia phi lý như ban sơ³.

Cần gì phải nói thêm nữa rằng trong cuộc kinh nghiệm đã xui tôi chú tâm và xui tôi từng viết tới, cái lẽ phi lý chỉ có thể được xem như một vị trí khởi đầu, cho dấu kỷ niệm về nó, và xúc cảm về nó, sẽ còn theo dõi những kinh lịch bách bộ hậu lai. Cũng vậy, với mọi tỉ lệ dè dặt được giữ gìn, tinh thần hoài nghi của Descartes, vốn theo phương pháp nghiêm mật, không đủ để biến

-
1. Nhà văn và đề tài bị lẫn lộn? Thí dụ như: Camus viết *Caligula*, *L'Étranger*, thì thiên hạ bảo: Meursault, *Caligula* là Camus vậy.
 2. Xem *Tư tưởng Hiện Đại* (trang 200 - 210)
 3. Mượn lời Bạc Bà, Nguyễn Du phê diễn tình thế *Mê Cung Tôn Hoạ* nước đời khát khư:

"Khéo oan gia, của phá gia!"

*Đùng một cái, Bạc Bà bước vào Hình Nhi Thượng của Tịch Hợp Âm
Đương Song Liêm Tôn Lý hieu hắt thị phi.*

Descartes thành một gã nằng nặc hoài nghi. Dù sao chẳng nữa, làm sao để có thể giới hạn mình trong vòng suy niệm rằng mọi sự đều vô nghĩa, và ta phải tuyệt vọng tới cùng cực với hết thảy mọi sự vụ ở đời. Không cần đi tới đáy sâu sự vật, ít ra cũng nhận thấy rằng: cũng như không có duy vật chủ nghĩa tuyệt đối – bởi vì duy muốn hình thành tiếng đó cũng đã phải thừa nhận trước rằng trong thế giới còn có cái gì khác hơn vật chất – thì cũng vậy, không thể có chủ nghĩa hư vô tuyệt đối. Ngay khi nói rằng mọi sự đều vô nghĩa, người ta đồng thời phát biểu một cái gì có ý nghĩa. Từ chối mọi ý nghĩa ở thế gian, tức là chối bỏ mọi phán xét giá trị. Nhưng, sống, và thí dụ như bồi dưỡng thân mình, tự nơi nó đã là một phán xét giá trị rồi. Người ta đã chọn trường tồn, ngay cái lúc để người ta không tự ý để mình chết, và người ta đã nhìn nhận cho đời sống một giá trị, ít nữa là giá trị tương đối. Vậy đáo cùng, sao gọi là một văn chương tuyệt vọng? Sự tuyệt vọng là nín câm, đáo cùng vẫn có một ý nghĩa, nếu trong lặng lẽ, đôi mắt lên lời. Sự tuyệt vọng chân chính tức là hấp hối, là nắm mồ, là hố thẳm. Nếu còn nói, còn lý luận, nhất là còn viết lách thì tức thời, người anh em đưa tay cho ta bắt, cây cối được biện minh, tình yêu nảy nở. Một văn chương tuyệt vọng, đó là một mâu thuẫn nội tại trong ngôn từ.

Cố nhiên, một thứ lạc quan lai rai nào đó, không phải là thứ sự vụ của tôi. Tôi đã sống, đã sinh trưởng với mọi con người thời đại tôi, giữa những khua động trống chiêng của đại chiến một, và lịch sử chúng ta từ đó cứ không ngừng là lịch sử của đâm chém, học thuyết, bắt công, cường lực tàn bạo. Nhưng cơn bi quan thật sự, ta có gặp, ấy là gia tăng dồn dập cường độ cho bao nhiêu thứ hỗn mang tàn khốc ô nhục. Riêng tôi, chẳng bao giờ ngừng chiến đấu chống lại thứ ô uế sỉ nhục nọ, và tôi chỉ

căm thù bọn tàn ác dã man¹. Giữa cơn u ám cùng độ của hư vô chủ nghĩa² thời đại chúng ta, tôi chỉ gắng tìm kiếm những lý do để vượt qua hư vô chủ nghĩa. Và đó cũng chẳng là bởi đức hạnh đức kiếm gì, cũng chẳng là do cao thượng linh hồn, cao nhã tuệ trí gì, mà chỉ bởi trung thành trong bản tính tự nhiên với một thứ ánh sáng đã vấy bọc tôi thuở sơ sinh, và tại đó, kể từ thiên thu kể lại, con người ta đã biết chào đón cuộc sống ngay giữa lòng đau thương dày ải. Eschyle thường gây tuyệt vọng; thế mà ông chiếu ánh rạng ngời ấm áp. Tại trung tâm vũ trụ của ông, ta tìm thấy không phải cái loại vô nghĩa thô thiển, mà chính là ẩn ngữ, nghĩa là một ý nghĩa mà ta khó đọc ra bởi vì nó chói lọi làm quá sáng mắt. Dạ điểu

-
1. *Nếu lý luận theo lối chính xác vô lối khoa học, ắt là bạn sẽ trách Camus đã máu thuẫn với mình nhiều lắm tại đây. So với những đoạn trên. Và nên nhớ lại lời bác của Camus trước câu nói của Saint-Exupéry. Đó chính là cái mà nhà tư tưởng thường được gọi là: hiểm họa của lập ngôn. Do đó, mọi thứ Hình Nhi Hạ không bao giờ vẽ nên hình ảnh những Ông Không. Mọi hiện sinh chủ nghĩa không liên can chi tới những Heidegger. Mọi triết học nhà trường góc trại sẽ thủ tiêu hết tiếng nói hoẵng viễn của những Saint-Exupéry. Mọi ông Hegel sẽ chôn đứng chôn ngói mọi Hoelderlin. Mê Cung Hiện Đại khởi từ bi kịch đó.*
 2. *Hư-vô-chủ-nghĩa không phải là lẽ hư-vô-thái-không-tịch-mịch theo viễn tượng Lão Tử, Parménide Nguyễn Du: mịch mịch trần ai, mản thái không. Hư vô chủ nghĩa ở Tây Phương nổi cơn dấy loạn khởi từ Socrate về sau, và đưa tới một cơn phong phú tốt vời cho Mê Cung tư tưởng - phong phú theo nghĩa: che phủ để phơi-mở-trong-mộng-giả. (Il n'y a pas de dévoilement sans un voilement.) Theo viễn tượng đó, hư vô chủ nghĩa cũng cần thiết với tư tưởng tồn lưu, hết như gai góc cần cho sự hiển hiện của tường vi, lừa bò cần thiết cho sim lục, Tào Mộ cần thiết cho Đạp Thanh, Mã Giám Sinh cần cho Kim Trọng, Từ Hải Thủy Kiều cần cho sự phát hiện tinh thể kỳ bí Hoạn Thư, Giác Duyên cần cho Tam Hợp, một gian nước biển cần cho mây vàng chia đôi, bóng hoa dây đất cần cho vé ngân, da trắng cần cho da vàng, da đen cần cho da đỏ, da đỏ cần cho da xanh.*

không nhìn được ánh mặt trời. Và cũng vậy, đối với những đứa con không xứng đáng, nhưng lại nằng nặc trung thành, của Hy-Lạp, còn sống sót trong thế kỷ xương xẩu kiệt tận máu tim này, thì cơn thiêu đốt của lịch sử chúng ta xem chừng như không thể kham nổi, nhưng rốt cuộc họ vẫn chịu kham chịu đựng bởi vì họ muốn hiểu nó. Ở trung tâm tác phẩm chúng ta, cho dầu nó đen đui âm u, vẫn có một mặt trời chiếu sáng bất tuyệt phiêu bồng, cũng cái vàng nhạt dương kêu vang ngày nay suốt giải bình nguyên và điệp trùng đồi núi.

Sau đó, ngọn lửa rơm rác có thể cứ mà bốc cháy; sá gì cái dáng dấp dạng thức bên ngoài mà ta có thể khoác lên, sá gì những thứ ta đương tiếm đoạt? Ta là gì, ta đang phải hiện hữu như thế nào, những cái đó cũng đã đủ để lấp đầy cuộc sống chúng ta và chiếm giữ cố gắng của chúng ta. Paris là một hang động rất nên “hâm mộ” và những con người, con kẻ cư lưu tại đây, nhìn thấy bóng mình chập chờn lảng vảng múa rối trên tường vách ở đáy trong, cho đó là thực tại duy nhất¹. Cũng vậy, là cái loại thanh danh tăm tiếng kỳ dị và phù du cho cái thành phố này chi cấp, phân phối. Nhưng chúng tôi đã học biết được, ở một chốn xa biệt Paris, rằng một ánh sáng nằm ở trên lưng chúng tôi, rằng chúng tôi phải rút bỏ những hệ lụy triền phược mình, để mà ngoảnh đầu lại đối diện với nó, và nhiệm vụ chúng ta trước khi chết là gắng tìm cách mà gọi tên nó ra, suốt khắp mặt ngôn từ. Hẳn rằng mỗi nghệ sĩ đều lên đường sưu tầm chân lý mình. Nếu là nghệ sĩ lớn, thì mỗi tác phẩm mỗi diu anh ta tiến đến gần chân lý đó, hoặc ít nữa cũng xoay vít thiết cận trung tâm nọ hơn, một vàng nhạt khuất chìm, nơi mà mọi vật

1. *Camus liên tưởng tới ẩn dụ của Platon. Phương ngôn Việt có lời biểu thị tương tự (nhưng thường dùng ở bình diện tư tưởng khác): ếch nằm đáy giếng (trông ra... ngó vào).*

sẽ phải tới để bốc cháy một ngày sau. Nếu nghệ sĩ là loại lai rai, thì mỗi tác phẩm ra đời mỗi xô đẩy anh ta xa rời chốn nọ, tâm điểm sẽ ở khắp nơi lơ lảo, làn ánh sáng không tụ hội được, đành chịu rẽ riêng. Nhưng trong cuộc sưu tầm kiên gan nọ, riêng có thể giúp đỡ nghệ sĩ, ấy là những kẻ nào yêu nghệ sĩ, và riêng những kẻ nào, cũng yêu và tự mình cũng sáng tạo, tìm ra được, trong một mối kiên tình say đắm của mình, cái đơn vị để đo lường mọi nhiệt tình, và lúc bấy giờ mới biết phán xét, bình phẩm...

Ồi! Mọi thứ náo động này!... Trong khi niềm thanh tịnh phải là yêu thương và lặng lẽ sáng tạo âm thầm! Nhưng phải biết kiên trì chịu đựng. Chờ một lúc nữa, mặt trời mọc sẽ bịt kín những miệng môi răng.

(1950)

Cước chú

- *Nhưng mà?*

Đáp:

- *Rừng Ong bay*

Gấu mồm miệng thưa răng:

PROMÉTHÉE
TẠI ĐỊA PHỦ

Vốn xưa kia là
Có Prométhée enchainé
(Bô Mê Tê tại luy tiết chí trung)
Rồi có Prométhée được giải tỏa
Rồi có
Nhưng Prométhée Du Hý Tam Muội
Rồi Prométhée Tân Thân Tịch Hạp
Có những
Prométhée Tượng Vương hồi cố
Mọi mọi vẫn là là kẻ tử
Từ Prométhée của Ban Sơ
Vốn gọi lời rằng
- “O divin Éther
Vents à l’aile rapide
Sources des fleuves
Sourire innombrable
Des Flots marins
Terre,

Mère de tous les êtres
 Et toi, Soleil
 Oeil qui voit tout
 Je vous atteste
 Voyez comment un dieu
 Est traité par
 Les dieux.”
 - “Hãy nhìn xem
 Như thế nào
 Một Đế Thần được đối xử
 Bởi Chư Thần Đế!”
 Chẳng rõ Eschyle xưa kia
 Có biết phép chịu chơi
 Niêm hoa vi tiếu chẳng?
 Dù sao
 Gã Hy Lạp Nhà Ma ấy
 Cũng từng thốt đôi lời
 Như Ân Ngữ tiên tri
 Gián tiếp qua lời Ca Vũ Đội
 - (...) “C'est que
 De nouveaux pilotes
 Gouvernent l'Olympe
 Et que
 Suivant des lois nouvelles
 Zeus règne arbitrairement
 Et annihile à présent
 Les géants d'autrefois.”
 Sự vụ
 Xây ra là thế:
 “Thuận theo luật tắc mới
 Thế theo điều lệ mới
 Chúa Zeus thống trị một cách
 Độc tài đảo điên vô thể lệ
 Là tam diên cửa quỷ
 Tứ đảo nhà ma
 Và tận diệt ngày nay

Những con Khổng Lồ là
Tượng Vương ngày trước.”
Nhưng dù sao
Ngôn ngữ Eschyle
Vẫn là ngôn ngữ lịch kịch
Và ngôn ngữ Camus
Là ngôn ngữ lặn đạn lao đao
Của Ta Bà Thế Giới
Ngữ Ngôn
Của Ngàn Thu Kham Nhẫn
Khẩn nham thạch
Thiết sa hà
Sạ khổ sạ khiên
Tức triển tức phược
Không phải là
Tốt vời cung bạc nhà ma
Tuyệt trừ cửa quỷ
Trút ra thượng thừa
Vậy thì?

CÙNG MỘT LÚC

Cùng một lúc
Gió ngoằn ngoèo tiếp dẫn
Giọt phi tuyên về khê thủy trao thân
Lá trôi xuống
Hai bờ còn lặn đạn
Rừng Thệ Đa nằm ngủ giữa xoay vần
Người nằm ngủ tự ngàn năm thắp thoáng
Tôi bước qua
Từ ngữ rụng hai lần
Biển thánh thót trong nhịp vắn va chạm
Tuổi phù du gay cần gọi kêu xuân

Tôi ngồi xuống
 Hai bàn chân mệt mỏi
 Máu me xua đuổi xương máu chạy quanh
 Tờ Sa Mạc như bãi phong tấy địa
 Trút linh hồn từng như thể như thân
 (tặng Brigitte)

Nắng dăng đầu ngọn lảng giềng
 Gió đàn my được cơn phiền tăng gia
 Một hôm trong côi người ta
 Cô làm Brigitte bước ra mép bờ
 Tuyệt trừ thị hiện thần thơ
 Tiên từ thánh điệu còn bơ vơ và...
 (tặng Bardot)

Bước chân o bé bốn mùa
 Chúa Vương địa lý đánh Vua tuần hoàn
 O bông lục tỉnh thênh thang
 Hạ Lào khánh tận nắng vàng Xiêm La
 (tặng Monroe)

Than ôi ô lữ ô liền
 O bông sương đục
 Mây triền
 Miên
 Cong...

PROMÉTHÉE TẠI ĐỊA PHỦ

Bước chân o bế bốn mùa

Chúa Vương địa lý đánh Vua tuần hoàn

Đối với con người ngày nay, thần thoại Prométhée có nghĩa như thế nào? Chắc hẳn ta có thể nói rằng kẻ phản kháng chống đối chư thần kia là kiểu mẫu con người hiện đại và sự kháng nghị sừng sững hình bóng trên những sa mạc xứ Seythie cách chúng ta hàng vạn thế kỷ, ngày nay đương kết liễu trong một cuộc loạn động “giật gân” vô song của lịch sử. Nhưng đồng thời, một cái gì nói với ta rằng kẻ chịu ngược đãi điều linh kia vẫn còn tiếp tục chịu dày dọạ ngay giữa chúng ta, và chúng ta vẫn còn bịt tai trước tiếng gào dữ dội của tinh thần phản kháng trong nhân gian mà kẻ đó đã nổi hiệu còi cô đơn cấp báo.

Thật vậy, con người ngày nay quả là cái kẻ đau khổ từng khối khổng lồ trên mặt đất co hẹp này, con người thiếu lửa và lương thực, đối với con người thì tự do là một thứ xa xỉ phẩm có thể tha hồ chậm rãi mà chờ mong; đối với con người đó, vấn đề chỉ còn là đau khổ thêm một tí nữa, cũng như đối với tự do và những chứng nhân cuối cùng của tự do, vấn đề chỉ là biến dạng mất đi thêm tí

chút nữa. Prométhée, chàng ấy, chính là kẻ anh hùng đã yêu loài người tới trình hạn đủ để đồng thời ban cấp cho con người cả lửa và tự do, cả nghề nghiệp chuyên môn vánh ngoài và nghệ thuật vánh trong. Nhân loại, ngày nay, chỉ cần có chuyên môn, và chỉ bận tâm với chuyên môn. Nhân loại phản kháng trong cơ khí, nhân loại coi nghệ thuật, và những gì nghệ thuật bao hàm, là một chướng ngại và một dấu hiệu nô lệ. Trái lại, cái điều biểu thị đặc tính Prométhée ấy là chàng ta không thể chia biệt máy móc và nghệ thuật. Chàng nghĩ rằng ta có thể đồng thời giải phóng cả thể xác và linh hồn. Con người hiện kim thì tưởng rằng trước tiên phải giải phóng thể xác, cho dầu tinh thần phải tạm thời chịu chết cầm chừng. Nhưng tinh thần có thể nào tam thời cầm chừng chết? Thật vậy, nếu Prométhée tái sinh trở về trùng ngộ chơi, ắt là con người ngày nay sẽ đối xử với y theo điệu làm y hết như chư thần chư thánh xưa kia: đem đóng đinh chàng vào hòn đá, mà lại nhân danh chính cái thuyết nhân bản mà chàng vốn là kẻ biểu trưng sơ thủy. Những giọng thù địch nguyên rủa kẻ chiến bại, ắt sẽ cũng chính là những giọng đã từng vang dội ở ngưỡng cửa bi kịch Eschyle: giọng của Bạo Lực và Bạo Động.

Tôi có thể nào nhượng bộ thời gian keo kiệt, cây cành trơ trụi, mùa đông nhân gian? Nhưng chính niềm luyện tiếc ánh sáng kia lại cho là tôi hữu lý: nó nói với tôi về một thế giới khác, quê hương thật sự của tôi. Nó còn có nghĩa gì không đối với một vài kẻ? Năm chiến tranh khai diễn, đáng lẽ tôi phải đáp tàu làm trở lại cuộc phiêu lưu hàng hải của Ulysee. Thuở đó, một chàng trai nghèo cũng có thể ôm cái mộng tráng lệ vượt trùng dương để hội diện với ánh sáng. Nhưng tôi đã làm cái điều như ai ai. Tôi không đáp tàu. Tôi đã giữ vị trí mình trong cái

chúôi người đứng giẫm chân trước cánh cửa dẫn vào địa ngục. Lần hồi, chúng tôi đã bước vào cũi đó. Và trước tiếng kêu đầu tiên của niềm vô tội thơ ngây bị sát hại, thì cánh cửa đã vỡ rầm một cái ở phía sau chúng tôi. Chúng tôi đã ở trong địa ngục, và chẳng bao giờ được có bạn chui ra. Từ sáu năm đằng đẳng, chúng tôi gắng dằn xếp cho ổn thỏa trong cuộc. Những bóng ma ân cần của những hải đảo hạnh phúc chỉ hiện ra với chúng tôi là tận cuối đáy sâu của những năm đằng đẳng khác trong tương lại, không lửa, không ánh mặt trời.

Trong cũi Âu-Châu ẩm ướt và đen đui này, làm sao còn có thể không rung động tiếc thương chệnh vênh cộng phạm mà đón nhận cái tiếng kêu của Chateaubriand già nói với Ampère đương lên đường qua Hy-Lạp: “Anh sẽ không tìm thấy lại một lá ô liu, một hạt nho sẫm mà tôi đã có thấy tại Attique. Tôi tiếc thương cho tới cái lá cỏ thời đại tôi. Tôi không còn có sức lực làm sống dậy lùm thạch thảo.” Và chúng tôi nữa, mặc dù máu thanh xuân đương dậy, chúng tôi chìm ngập trong tuổi già nua kinh khủng của thế kỷ này, đôi lúc chúng tôi tiếc thương lá cỏ của mọi thời đại phiêu bồng, cái lá ô liu mà chúng tôi sẽ không tới viếng nó vì nó, và những trái bồ đào của tự do. Con người ở tại khắp nơi, khắp nơi là tiếng kêu của con người, khắp chốn là đau khổ và những hăm dọa của con người. Giữa bao nhiêu hỗn độn tu tập đó, còn đâu chỗ để cho đế cỏ nó chen chân vào ngôi? Lịch sử là một giải đất khô cỗi, lùm cây cụt cỏ không mọc tại đó được. Con người ngày nay tuy vậy đã chọn lịch sử và không thể và không được phép lẩn tránh. Nhưng thay vì khiến chế lịch sử theo mình, con người lại hài lòng chấp thuận chịu làm nô lệ cho lịch sử, mỗi ngày mỗi ngoan ngoãn thêm một tí. Chính đó là chỗ con người bội bạn Prométhée, cái đứa con “với những suy tư táo bạo và tâm hồn láng láng”.

Chính đó là chỗ con người quay trở lại với trạng huống khốn đốn của những con người mà Prométhée xưa kia đã muốn giải cứu. “Chúng nhìn mà chẳng thấy, chúng lắng tai mà chẳng nghe ra, chúng giống như những hình bóng chiêm bao trong mộng mị ma quái...”

Vâng, chỉ cần một chiều hôm Provence, một ngọn đồi kiêu diễm lằng lằng, một mùi muối nồng, cũng đủ nhận thấy rằng mọi sự còn phải được làm, làm nữa. Chúng ta còn phải tái phát minh ngọn lửa, còn phải tái lập những máy móc kỹ thuật để làm người con đói khát của thân thể. Cõi Attique, cuộc tự do và những mùa hái nho của tự do từng trận, và miếng cơm miếng bánh của linh hồn xin để lại về sau. Chúng ta còn biết nói sao nên sao được nữa, nếu không tự gào to kêu nhỏ với mình: “Những thứ của kiêu diễm oan gia ân hộ kia sẽ không bao giờ còn nữa hoặc sẽ là là cho kẻ khác” và làm những gì cần yếu để cho những kẻ khác đó mai sau ít nữa cũng đừng bị hoành đoạt mất như thiên hạ bây giờ. Chúng ta, những kẻ đau lòng cảm thấy sự đó, và chúng ta vẫn gắng chấp nhận sự vụ với một quả tim không chua chát, chúng ta là những kẻ lạc hậu hay tiên phong, và chúng ta sẽ có đủ sức làm sống trở giậy những lùm thạch thảo trên những đống gò lẻo đẹo chiêm bao?¹

Trước câu hỏi đó đương được nêu lên trong thế kỷ, ta hình dung ra lời đáp của Prométhée. Thật vậy, chàng ta đã thốt: “Ta hứa hẹn với các người cuộc canh cải và trận trùng tu, hỡi những con người tử diệt, nếu các người khá linh lợi khéo léo, khá đủ đức hạnh và đồng cảm để thi hành những cuộc đó với bàn tay mười một ngón của các người.” Nếu quả thật như vậy, nếu sự giải cứu nằm ở

1. *Bản L'ÉTÉ năm 1960, tại đoạn này, ấn loát Gallimard xếp lộn dòng nên phải mò mẫm lấp trở lại..*

trong bàn tay chúng ta, thì trước câu chất vấn của thế kỷ, tôi sẽ trả lời “vâng ạ” và ấy là chính bởi niềm tin nơi sức mạnh ưu tư và lòng can đảm thông trải ngọn ngành luôn luôn tôi nhận thấy ở một vài người tôi quen biết. “Hỡi Nữ Thần Công Chính, hỡi thân mẫu của con. Người có thấy thiên hạ ngược đãi con đau đớn đến thế nào.” Prométhée kêu to như vậy. Và thần Hermès giễu cợt vị anh hùng: - “Ta rất lấy làm ngạc nhiên về cái chỗ: nhà ngươi vốn dĩ là thầy bói tiên tri mà lại không tiên đoán được cuộc khổ hình ngươi phải chịu ngày nay.” – “Ta vốn có biết chứ”, Prométhée đáp. Những con người tôi nói tới đây, họ cũng là những đứa con của nữ thần công chính. Họ cũng đau khổ cái cơn khổ đau hoạn nạn của mọi người, và đau khổ trong sự ý thức rõ do lai. Họ biết chính cái sự vụ này: không có công chính nào mù quáng, mà lịch sử thì không có con mắt, vậy thì cần chối bỏ lẽ công chính của lịch sử và thay thế bằng lẽ công chính của tinh thần quan niệm, thay thế đấp điếm được chừng nào hay chừng nấy. Chính đó là chỗ để Prométhée ghé bước trở về bạn nữa trong thế kỷ chúng ta.

Những thần thoại tự nơi chúng, không có đời sống tự tại. Chúng chờ đợi ta giúp chúng một trận hóa thân cho thể hiện. Chỉ cần một con người trong cõi thế chịu lên tiếng đáp lời gọi, thì chúng hiển dâng trọn nguồn sinh khí tổ sơ. Chúng ta có bổn phận chăm sóc giữ gìn mạch nguyên khí đó, và làm sao cho giấc ngủ mơ màng của nó đừng biến thành ngủ vùi vụn đại, để cho cái cuộc hồi sinh còn có cơn nảy dậy trong một phen khả dĩ phiêu bổng. Đôi lúc tôi hoài nghi không dám quyết rằng còn có cơ giải cứu con người ngày nay. Nhưng dù sao cũng còn có thể giải cứu lũ con cái của con người ngày nay trong phần thể phách và tinh anh của chúng. Còn có thể đồng thời hiến tặng chúng nó những phen ngẫu nhĩ của hạnh phúc

và những trận gió của vận-may, xô kiêu diễm tới bên mình. Nếu chúng ta phải đành thủ phận thủ thân ôm côi bờ mình mẩy mà héo hon sống xa rời kiêu diễm và tách biệt với tự do của kiêu diễm ngu tình, thì thần thoại Prométhée là một trong những “huyền sương thần thoại” sẽ giúp ta nhớ trở lại rằng mọi chia cắt làm tổn thương con người chỉ có thể là tạm thời trong giai đoạn, và người ta không phụng sự gì cho con người cả nếu không phụng sự toàn thể, toàn thân. Nếu con người đói khổ khát vọng cả bánh tròn bi hỉ và lùm cây méo hoang vu, nếu quả thật miếng bánh mềm tròn trịa là cần thiết hơn, thì chúng ta cũng hãy gắng mà giữ gìn kỷ niệm cái lùm cây hoang thế nào để cho nó đừng rơi rụng. Ở giữa lòng lịch sử, những con người của Prométhée, vẫn không ngừng miệt mài trong khám kha nghề nghiệp, mà vẫn giữ mãi cái nhìn trở cơn trên mặt đất và trên lá cỏ, với kiển tình từng trận không mòn hao. Vị anh hùng bị xiềng xích vẫn giữ vững niềm tin nơi con người, giữa búa rìu sấm sét của chư thần. Thế đó nên chi gã cứng rắn hơn hòn đá mà thân thể gã bị trời vào, gã nhẫn nại hơn con kèn kèn cần gặm ruột gan của gã. Còn hơn cả sự phản kháng chống đối chư thần, đó là cái cơn ngoan cường ương ngạnh kéo dài trong cuộc, nó mang đầy đủ ý nghĩa “thủ coi con tạo xoay vận tới đâu”¹. Và cái ý chí kỳ diệu nhất thiết không cắt xén loại trừ kia đã từng hòa giải và sẽ còn hòa giải mãi cái trái tim đau đớn của những con người và những mùa xuân xanh của cõi thế.

(1946)

1. Nghĩa là:

Từ sinh dày dạn gan liền

Dạn dày liều giữa trận tiền chịu chơi.

TRỞ LẠI TIPASA

“Nàng đã mang linh hồn cuồng nộ đáp thuyền đi xa biệt căn nhà cha mẹ, vượt qua những chòm đá nhĩ bội điệp trùng trên ngọn triều đại hải, và nàng hiện cư trú trên đất khách quê người”.

MÉDÉE

Từ năm hôm cơn mưa liên miên trút xuống Alger, cơn mưa đã làm ướt luôn cả mặt biển. Tụ vòm trời cao như chứa kho vô tận, những thác nước không ngừng, dày đặc đến như nhớt, đổ xuống tơi bời trên vịnh biển. Xám và mềm như một mảng hải-miên menh mông, mặt biển sưng phồng lên trong cái vịnh bờ bến mơ hồ. Nhưng mặt nước triều như bất động dưới trận mưa nặng chịch im lìm. Chỉ thỉnh thoảng, một luồng dao động tế vi và rộng rãi chợt nâng lên khỏi mặt biển một làn hơi ẩm đục tới cập vào bờ vịnh, dưới một giải đường phố rộng ướt át. Thành phố nữa, với những bức tường trắng lai láng nước mưa mù ẩm, thành phố bốc lên một làn hơi khác toả tràn ra tiếp giáp làn hơi trước. Quay sang phía nào ta cũng tưởng như hít nước vào phổi, thì ra ta uống được không khí như uống nước vậy.

Trước mặt biển chìm ngập, tôi bước đi, tôi chờ đợi, trong phố Alger thảng chạp, thành phố này đối với tôi vẫn là thành phố của những mùa hè. Tôi đã chạy trốn cái đêm tối Châu-Âu, trốn cái mùa đông những khuôn mặt. Nhưng thành phố của những mùa hè, chính nó cũng đã trút bỏ mất rồi những tiếng cười reo, và chỉ hiện ra với những cái lưng tròn lấp loáng. Đêm tối, trong những quán cà phê bóng sáng gay gắt, tôi vào trú ẩn, tôi đọc rõ niên kỷ của mình trên những khuôn mặt tôi nhận ra nhưng không nhớ được tên. Tôi chỉ biết rằng những kẻ đó xưa kia đã cùng tôi tươi trẻ, và bây giờ họ không còn trẻ nữa.

Tôi vẫn bướng bỉnh một mực, chẳng rõ mình đợi chờ cái gì, có lẽ chờ cái lúc quay trở lại Tipasa. Vâng, một sự ngông cuồng lớn, và hầu như luôn luôn bị trừng phạt, cái việc trở về những chốn cũ của tuổi xanh, và muốn sống trở lại ở tuổi bốn mươi tất cả những gì mình đã yêu và đắm say hưởng thụ ở tuổi hai mươi. Nhưng sự ngông cuồng đó, tôi đã được báo trước một lần. Một lần rồi, tôi đã từng trở lại Tipasa, ít lâu sau những năm chiến tranh nọ đã đánh dấu cho tôi chỗ kết liễu của tuổi xuân mình. Tôi đã hy vọng, có lẽ, tìm thấy trở lại một sự tự do phóng dật mà mình không thể quên. Thật vậy, tại đó, cách đây hai mươi năm, tôi từng lang thang suốt những buổi sáng, quanh quẩn giữa những di tích hoang tàn, hít mùi lá cây khô ngải, ngồi tựa lưng vào những tảng đá mà sưởi nắng, lang thang khám phá những nụ hồng bé bỏng mong manh còn gượng gượng sống sót sau mùa xuân. Cho đến trưa, lúc ve cũng ngừng kêu, tôi mệt lả người, mới lo trốn tránh cơn chói chang cuốn hút của một thứ ánh sáng vô nuốt hết vạn vật. Ban đêm, đôi lần, tôi nằm ngủ mở thao láo mắt dưới một vòm trời lai láng những sao. À, thuở xưa, tôi đã sống. Mười lăm năm sau, tôi tìm trở lại những di tích điêu tàn nọ của mình, cách

mấy bước những đợt sóng đầu tiên, tôi lần bước đi theo những đường phố của đô thị bị bỏ quên giữa những cánh đồng phủ đầy cây lá đấng, và, trên những ngọn đồi chằm chệ bên vịnh, tôi còn được mần mê những cột trụ màu bánh mật bánh mì. Nhưng những phế tích kia ngày nay đã bị vây bọc bởi những vòng dây thép gai, và ta chỉ có thể tiến vào trong do những lối đi được phép. Đạo khuya vào trong đó, cũng là điều cấm ngặt, bởi những lý do mà hình như luân lý rất mực tán đồng; ban ngày ta gặp lại đây một kẻ canh gác đã tuyên thệ. Sáng hôm đó, ngẫu nhiên có lẽ, trời mưa trên suốt vùng phế tích này.

Hoang mang như lạc hướng, bước đi trong cánh đồng cô liêu ướt át, tôi còn cố gắng gượng tìm trở lại cái sức mạnh vốn trung thành tới nay, nó giúp tôi chấp nhận cái gì tồn tại, mỗi khi đã nhận ra rằng mình không sửa đổi nó được. Và thật vậy, tôi không thể lội ngược thời gian, đem ban cấp trở lại cho cõi đời cái khuôn mặt tôi đã yêu xưa kia, và nó đã biến mất một ngày, trước đó lâu lắm. Thật vậy, ngày 2 tháng 9 năm 1939, tôi không sang Hy-Lạp như đã định, và đáng lẽ phải đi. “Bù” vào chỗ đó, chiến tranh đã tới bên chúng tôi, rồi chiến tranh đã lan ra khắp cả Hy-Lạp nữa. Cái khoảng cách đó, những năm chia biệt ra hai bờ những phế tích ám áp và những hàng rào thép gai không ấm, tôi cũng tìm thấy chúng trở lại ở trong mình, ngày đó, trước những nắm mộ bằng đá sừng nước đen ngòm, và những cây tây-hà-liểu ướt át đầm đìa. Thoạt tiên ra đời, được nuôi dưỡng trong cảnh tượng của kiêu diễm hoang vu, là của cái duy nhất của tôi, tôi đã khởi sự sinh tồn trong bao la sung mãn. Rồi sau đó những dây thép gai đã vùi vã đi về, cùng với những tàn khốc, chiến tranh, sen đầm, cảnh sát, thời kỳ của phản kháng dấy lên. Thì cũng phải làm sao mà liệu chiều dề

huê cho hợp cách với đêm đen: vẻ kiêu diễm của ánh dương chỉ còn là một kỉ niệm. Và trong cõi Tipasa lầy lội này, ngay cả kỉ niệm cũng mờ phai. Hỡi ôi! diễm kiều, sung mãn, thanh xuân, đó là chi thế! Dưới ánh sáng cường hiếp của lửa đạn thiêu đốt, cõi thế gian bỗng đã mở đột ngột cho thấy những nhăn nheo tàn tạ, những vết thương mới cũ của mình. Bất thành linh cõi đời đã già nua trong nhất đán, và lời xông xóc chúng ta vào đập diu già cõi theo nhau. Cái niềm hưng phấn tôi tới đây tìm, tôi biết rằng nó chỉ kích động rạo ròi riêng cái kẻ không biết trước rằng mình sắp lấy đà để khiêu được vọt tung. Không có tình yêu, nếu không chút ngây thơ trẻ dại. Đâu là trẻ dại thơ ngây? Những đế quốc đương sắp ngửa đổ nhào, những quốc gia và những con người đang trùng điệp cắn cổ hòng nhau; môi miệng chúng ta tràn lan máu tanh mơn trớn. Ban sơ vốn thơ ngây mà hồn nhiên chẳng biết, bây giờ đã tội lỗi mà không muốn không ưa: huyền bí mở ra lớn rộng cùng với trí óc khoa học của chúng ta. Càng biết nhiều, càng ngăn ngại như nhà ma sờ soạng. Hỡi ôi! Đành bởi đó mà o bế luân lý luân thường, nực cười thay! Thuở thơ ngây, tôi không hề biết rằng đức luân lý luân thường đó tồn tại. Giờ tôi biết thế, mà chẳng đủ tư cách để có thể tồn sinh cho sát mục ngang tầm. Trên cái mòm hải giác lạc loài xưa kia tôi yêu dấu, giữa những cột trụ ươt át của điện đài huỷ hoại, tôi tưởng mình đương bước sau lưng một kẻ nào mà bây giờ tôi còn nghe gót chân vang dội trên đá lốt và những tấm khảm thạch, nhưng chẳng bao giờ tôi còn có thể theo kịp bước chân y. Tôi quay về Paris, và dần dà ở lại vài năm trước khi trở về nhà. Tuy nhiên, suốt những năm trời kia, có một cái gì âm thầm vắng thiếu. Một phen con người ta đã may mắn yêu dấu điên cuồng, thì suốt cõi đời sẽ bị lung trạo bởi tình tự đó, và sẽ lang

thang đi kiếm trở lại cái mảnh tròn nóng nhiệt trong mà ánh sáng hắt hieu kia. Khước từ cái vẻ đẹp và từ bỏ cái hạnh phúc thịt da ân cần dính liền vào nhau với kiểu diêm, chịu phụng sự duy nhất giữa cuộc tai hoạ tan tành, đó là điều đòi hỏi một chút tinh thần cao cả tôi không có được ở trong mình. Tuy nhiên, dầu sao, cái gì đã bó buộc ta loại trừ cái khác, thì cái đó khó mà đích thực cho được. Cái đẹp dẽ riêng tây, rốt cuộc sẽ nhần nhó, cái công chính biệt lập rốt cuộc sẽ trở cơn chà đạp. Kể nào muốn phụng sự cái này thiên hương mà chối bỏ cái kia quốc sắc, ắt là không phụng sự được ai cả, mà cũng chẳng phụng sự cho mình, và cuối cùng, lại hai lần phụng sự cho bất công. Một ngày sẽ tới, ngày đó, nhân vì bướng bỉnh quá mức, chẳng còn gì kì diệu lên cơn, mọi sự thấy đã rồi rồi, biết biết, cuộc sống trở lại thành lai rai hai một, một hai. Đó là thời đại của lưu đày, của đời sống khô cạn, của linh hồn chết giấm giúi dọc đường. Muốn tái sinh, thôi chỉ còn chờ một huệ súng, hoặc quên mình, hoặc một tổ quốc lừng lơ. Vài sớm mai, qua khúc quanh đường phố, chợt một giọt sương kiều diễm rớt hột xuống trên cỏi lòng, rồi tan mất. Nhưng trận mát lâng lâng còn lưu lại, và chính đó là cái điều mà trái tim trong cỏi lòng cứ không ngừng kêu gọi mãi. Ta bước bên đường? Ta phải ra đi trở lại.

Và tại Alger, lần nữa, bước đi cũng dưới cơn mưa lũ như tự thuở nào vẫn chưa dứt hột, kể từ cái buổi ra đi tưởng là đi biệt, giữa niềm sầu u bao la bốc hơi mù mưa biển, mặc dù vòm trời mờ mịt, mặc dù những tấm lưng trơn trượt dưới nước trôi, mặc dù những quán cà phê gay gắt ánh lưu hoàng đương làm cho dị dạng những khuôn mặt, tôi vẫn bướng bỉnh hy vọng mãi. Và chẳng, tôi há chẳng biết rằng những trận mưa tại Alger với cái vẻ liền miên kéo dài ra như chẳng bao giờ chịu dứt, vẫn bất

thình lình dừng lại, giống như những dòng sông xứ sở của tôi, chợt dâng lên ngập bờ trong hai tiếng đồng hồ, chợt tràn ra trên hàng trăm dặm mặt đất, rồi chợt cạn tắt bất thình lình một trận hốt nhiên? Quá thật, một chiều, cơn mưa tạnh hẳn. Tôi còn phải nằm đợi một đêm nữa. Một buổi mai lai láng dầy hồng, tung bồng trên mặt biển băng tuyết. Từ trời cao, tươi mát như con mắt khuy nh thành, gột rửa sạch bao phen bởi mưa đi mưa lại, đã hiển hiện trong thớ lụa mịn màng rất mực, và thanh khiết vô song, từ trời cao trào xuống một ánh sáng ngân vang phủ trên nhà nhà, cửa cửa, cây cây, cối cối, như vẽ thành những nét mẩn cảm, một vẻ, tuyệt diễm tân kỳ. Buổi bình minh coi thể khai lập, trái đất tròn trịa hẳn đã vọt nảy ra trong màu ánh sáng tương tự tương tự thế này. Tôi lên đường lượt nữa tới Tipasa.

Suốt sáu mươi chín cây số đường trường này, không chỗ nào đối với tôi không đầy những kỷ niệm và cảm giác. Tuổi nhỏ mãnh liệt, những mơ mộng giầy thì trong những chuyến xe “ca” chạy vù vù, những buổi sáng, những gái tơ mơn mớn, những bãi biển, những bắp thịt hăng trẻ luôn luôn căng tới độ chớm nảy giò, niềm khát khoải diu diu chiều hôm trong trái tim mười sáu, khao khát sống, vinh quang; và mãi mãi vẫn bầu trời kia suốt năm tháng, chứa đầy bất tận những sức mạnh ánh sáng, cũng khao khát bất tuyệt, vô nuốt, suốt những tháng rờng, từng nạn nhân được cung hiến trên bãi biển, vào giờ tử biệt ban trưa. Mãi mãi cũng mặt biển kia, buổi mai, mịn tinh như vô dạng, mà tôi thấy lại ở cuối chân trời mỗi khi con đường rời vùng duyên hải Sahel với những ngọn đồi trồng nho màu đồng vỏ cua, và xuôi dốc xuống bờ biển. Nhưng tôi không dừng lại để ngắm nhìn. Tôi muốn trông thấy trở lại ngọn Chenoua, cái khối núi nặng chình chịch liền li, dọc theo vịnh Tipasa về phía Tây, trước khi

lao dầu ra biển. Từ xa đã trông thấy nó rồi, man mác xanh lơ như hơi thoảng, lẫn vào với sắc thanh thiên. Nhưng càng tới gần, màu núi càng đậm thêm ra, tới lúc cùng màu với những con nước bọc quanh, trông như một đợt sóng khổng lồ im lìm, tưởng như giữa cơn dị thường đột ngột, bỗng dừng bị tê công, chết cứng trên mặt biển đột ngột bình lặng bỏ cuộc dập diu. Gần hơn nữa, gần sát cửa vào Tipasa, này đây là cả khối nhẵn mảy cau mặt, vừa nâu vừa lục, này đây vị thần cũ thân thể đầy rêu, không gì lay chuyển được, đây là nơi ẩn trú cho con cái ông ta, và tôi là một.

Chính vì nhìn khối núi nọ, mà tôi vượt được những dây thép gai để trùng ngộ những phế tích ngậm ngùi. Và dưới ánh sáng huy hoàng tháng chạp, như ngẫu nhĩ một đôi lần riêng biệt đến với những cuộc đời để sau đó là cảm thấy “mười nguyên đã phủ ba sinh”, vâng, dưới ánh sáng huy hoàng tháng chạp, tôi tìm thấy trở lại chính những gì tôi đã tới tìm, và, mặc dù bị thời gian và cõi thế chia xa, vẫn được dâng hiến cho tôi, cho riêng tôi, giữa thiên nhiên hoang vắng. Từ khoảng đất khu chợ rải đầy cành lá ô liu, ta nhìn thấy khu thôn làng ở tầng dưới. Không một tiếng động từ cõi thôn làng vọng tới: chỉ những làn khói nhẹ bay lên trong thinh không trong suốt. Mặt biển cũng nín tiếng, như ngọt hơi dưới cơn nước chảy liên miên của ánh sáng tràn lan rạng rỡ và lạnh lùng. Từ Chenoua, vắng một tiếng gà xa vắng gáy lên đơn độc tán tụng triều ngày vinh hiển mong manh. Về phía những phế tích, con mắt nhìn tới cuối tầm nhãn giới, chỉ thấy những đá rỗ khi khu, những khổ ngải từng lùm, những cây cối, và những cột trụ tuyệt mỹ giữa màu trong suốt của khí trời pha lê. Dường như buổi mai đã yên định, mặt trời dừng sống lại trong một phút vô ngần. Trong làn ánh sáng tịch liêu nọ, những năm trời của náo

động cuồng nộ và đêm đen cùng hoà chan chập rây. Tôi lắng nghe trong mình một tiếng động hầu đã lãng quên, như dường trái tim tôi ngừng đập từ lâu chợt dịu dàng đập trở lại. Và bây giờ tỉnh thức, tôi nhận ra từng tiếng động vì vu nằm trong lặng lẽ: giọng trầm bát tuyệt của chim, những tiếng thở dài nhẹ nhẹ và vắn vắn của biển ở bên chân những mỏm đá, tiếng ngân run rẩy của cây, tiếng ca âm thầm của những cột trụ, tiếng xào xạc của khổ ngải, tiếng thần lẫn lén chùng phiêu hốt. Tôi nghe rõ những thứ đó, và tôi cũng lắng tai nghe những triều sóng hạnh phúc đương dâng lên ở trong mình. Tôi tưởng như mình thôi thế đã về tới bến bờ, ít ra cũng trong một phút, và cái phút đó sẽ mãi mãi kéo dài từ nay không dứt. Nhưng giây lát sau mặt trời quả thật đã lên cao thêm một độ trên vòm xanh. Một con sáo dạo vài tiếng vắn tắt khai đoan, và tiếp liền tại khắp nơi, bao nhiêu tiếng chim trời dậy rộn rã mãnh liệt, líu lo reo mừng, toả lộng từng cơn, va chạm nhau trong một niềm vui tê mê bất tận. Ngày tiếp tục đi, đi mãi. Ngày sẽ chờ tôi về trở lại tới ngưỡng cửa chiều hôm.

Buổi trưa trên sườn dốc trông đèo nồng vôi, pha nửa cát, phủ đầy những cành hương dương như một loại bọt bèo của luồng sóng dội qua một trận, rồi rút về, bỏ lại phía sau, những luồng sóng của những ngày tàn cuối năm, tôi nhìn mặt biển giờ này đương trở cơn uế oái, tôi đã làm phỉ nguyện hai mối khát khao mà con người ta không thể làm ngơ lâu ngày mà không khô cạn tâm thể, tôi muốn nói tới yêu thương và ca ngợi. Bởi vì, không được yêu, đó chỉ là chút rủi; mà không chịu yêu, lại là tai họa vô song. Tất cả chúng ta ngày nay đương chết vì tai họa đó. Ấy bởi rằng những cảm hờn, những máu chảy, chúng làm tan rã trái tim; cuộc liên miên đòi hỏi công bằng làm cạn nguồn tình yêu đã khai sinh cho nó. Giữa

tiếng la hét ngày nay, tình yêu không thể tồn tại, và công chính không đủ. Vì thế nên Âu-Châu ngày nay cảm hờn ánh sáng triều ngày, và chỉ còn biết đem bắt công mà chọi lại bắt công. Nhưng muốn ngăn cản giữ gìn không để cho công bình phải khô cỗi, - công bình, cái trái cây diễm kiều óng ả chỉ chứa một thứ mật đắng chất khô khan - tôi đã tìm thấy trở lại Tipasa một điều: phải gìn giữ nguyên vẹn nơi mình một niềm tươi mát, một nguồn suối hoan lạc, phải yêu cái triều ánh sáng không bị bắt công vấy hãm, và quay trở vào cuộc đấu tranh với cái làn ánh sáng đã chinh phục được kia. Tôi tìm thấy tại đây vẻ đẹp ban sơ, một bầu trời tươi trẻ, và tôi đo lại vận may của mình, đáo cùng, tôi đã hiểu rằng trong những năm ảm đạm nhất của cơn điên cuồng chung, cái kỷ niệm bầu trời này không bao giờ từ biệt tôi cả. Chính nó cuối cùng đã ngăn giữ tôi, không cho tôi tuyệt vọng. Tôi vẫn luôn luôn biết rằng những phế tích Tipasa vẫn trẻ trung hơn những công trường, những vôi gạch tàn xiêu của chúng ta. Cõi đời tại đây hàng ngày khởi đầu trở lại trong một ánh sáng luôn luôn mới mẻ. Ôi ánh sáng! Đó là tiếng kêu của mọi nhân vật trong bi kịch Cổ Hy, mỗi lần họ đối diện với định mệnh mình. Sự cầu trợ cuối cùng đó, cũng là sự cầu trợ của chúng ta, bây giờ tôi biết thế. Giữa ngày đông ảm đạm, rốt cuộc tôi biết rằng trong mình tôi có một mùa hè rõ ràng, không gì phá nổi.

Tôi từ giã Tipasa lần nữa, tôi tìm thấy trở lại Âu-Châu và những tranh đấu của Âu-Châu. Nhưng kỷ niệm ngày nọ vẫn phù trợ tôi và giúp tôi giữ được bình thân mà đón nhận lấy cái gây phấn khích, và cái xui dọa dầy. Trong giờ khám kha chúng ta hiện sống, tôi còn mong ước gì hơn, là: không cự tuyệt bất cứ cái gì và gắng tập tành bện bằng chỉ trắng và bằng chỉ đen một sợi dây

thẳng cẳng cho tới dứt?¹. Trong tất cả những gì tôi đã làm và đã nói từ trước tới nay, tôi tưởng mình nhận ra rõ hai sức mạnh kia, ngay cả lúc chúng xung đột nhau. Tôi không thể chối bỏ cõi ánh sáng, nơi tôi sinh ra đời, và tôi vẫn không muốn khước từ những triển vọng đày của thời đại². Sự vụ sẽ quá dễ dàng nếu đem ra đây mà cho chọi vào cái tên Tipasa dịu dàng, những cái tên khác vang dội hơn và tàn khốc hơn: đối với con người ngày nay, có một con đường nội tại, tôi biết rất rõ vì đã đi khắp cả hai chiều hướng, con đường dẫn từ những ngọn đồi của tinh thần tới những đô thị của tội ác³. Và chắc hẳn rằng người ta luôn luôn có thể yên nghỉ, nằm ngủ trên ngọn đồi, hoặc mượn phòng trọ trong tội ác. Nhưng nếu ta khước từ một phần thực tại, thì phải tự mình khước từ luôn cả tại-hoạt của mình; vậy là phải khước từ luôn tồn sinh, hoặc khước từ yêu thương theo một lối nào khác hơn đức lý. Thế thì có một ý chí sống không chối bỏ bất cứ cái gì của đời sống, và đó là cái đức hạnh tôi

1. Đó là điều mới nghe thì thấy là các cô. Nhưng Tấm Lụa Thủy Kiều cũng dệt bằng hai ba thứ chỉ, hoặc tơ. Chỉ sao? Và thiên hạ Bình Khang từ đó cũng đã lôi kéo tung ra, số vào mấy phen. Thật vậy. Cho tới lúc Nguyễn Du đem ngâm xuống Tiên Đường rồi vớt lên, thì từ đó về sau thiên hạ dưới gầm trời mới có thể nhận ra rằng lụa tơ kia dùng may y phục mặc vào thật ấm.

“Không cự tuyệt bất cứ cái gì” - kể ra đó cũng lại là thái độ cô gái triều Minh vậy. Còn phong cảnh Tipasa? Tới đây ta mới bàng hoàng nhận ra ý nghĩa sơ nguyên của du xuân và đổ lá. Của Đạp Thanh và Tào Mộ.

2. Nguyễn Du: “áo xiêm ràng buộc” của triều Nguyễn, và “trăng ngàn ngâm gương” của Hồng Sơn.
3. Xin đừng hiểu theo nghĩa đen, những ngọn đồi và những đô thị của Camus là những biểu tượng - hoặc, đúng hơn nữa: những ngôn ngữ của tinh thể. Vì thế cho nên chuyển sang bình diện thông thường thì: đô thị của tội ác có thể được thiết lập trên những ngọn đồi; và những ngọn đồi của tinh thần có thể nằm lửng lơ ở giữa những phiêu bóng đô thị.

chuộng nhất ở đời. Quả thật, thỉnh thoảng, ít ra, tôi cũng muốn gắng thực hiện cái đức hạnh nọ. Nhân vì ít có những thời đại nào đòi hỏi nhiều bằng thời đại của chúng ta cái điều: đứng ngang tầm với cơn chìm, cuộc nổi, trận phiêu bồng, phen phiêu dạt – nhân vì vậy mà tôi càng muốn, chính thế, muốn không lép lửng tránh bất cứ cái gì, và gìn giữ cho xác thực một ký ức song đôi. Vâng, trong nhân gian, có vẻ đẹp phiêu bồng, và có những kẻ chịu đọa đày trong lãng nhục. Dầu công cuộc khó khăn đến thế nào đi nữa, tôi cũng không muốn mình bội bạc với bất cứ bên nào.

Nhưng điều đó nghe ra giống chuyện đức lý, mà chúng ta sống vì một cái gì đi xa hơn đức lý. A, nếu chúng ta có thể nói cái tên đó ra được, thôi thì vắng lặng xiết bao! Trên ngọn đồi Sainte-Salsa, ở phía đông Tipasa, thì buổi chiều được vong hồn về cư trú. Trời vẫn còn sáng, thật vậy, nhưng trong ánh sáng đã có một sự suy nhược vô hình đang báo hiệu ngày tàn. Một cơn gió nổi lên, nhẹ nhàng như đêm tối, và thỉnh thoảng mặt biển lặng sóng bỗng xoay về một hướng, và chảy như một dòng sông rộng hoang vu trôi suốt từ chân trời này tới chân trời nọ. Vòm trời sẫm lại. Lúc đó là khởi sự của u huyền, những vị thần của bóng đêm, cỡi bên kia khoáng lạc. Nhưng làm sao diễn tả điều này? Cái đồng tiền nhỏ tôi mang theo

I. *Camus muốn nói gì vậy? Sao không thể gọi tên cái đó? Vì định mệnh của chân lý vốn là: bất khả tư nghị. Do đó, tồn thể cứ phiêu bạt từng trận chu du, tồn lưu cứ phiêu bồng từng cơn lăn lóc. Cũng do đó mà nảy ra sự vụ: lúc Kiều gọi tên chính danh thủ phạm, là lúc chúng ta sắp chứng giám một cuộc điên đảo thị phi: thủ phạm biến thành quan tòa, và Kiều mới chính là kẻ bị lên án. Một trường hợp khác: Ai đã gọi tên Thủy Kiều một cách trân trọng nhất? Tú Bà hay Bạc Bà? Gọi thế nào? Thưa rằng: "Con kia đã bán... khéo oan gia, của phá gia...". Cái chất ambiguité đó chính là cái duplicité de l'Être vậy.*

tại đây về, có một mặt rõ, tạc hình kiêu lệ em đàn bà, hé môi nhắc nhở lại cho tôi mọi điều tôi đã học được một ngày này, đồng tiền còn một mặt nữa hao mòn, tôi sờ vào với đầu mấy ngón tay, trên dậm về. Cái miệng không môi hé nụ này có thể nói gì, nếu không là cái điều mà một giọng huyền bí khác nói với tôi, một giọng ở trong tôi, hàng ngày không ngớt cho tôi biết sự mê muội của tôi và hạnh phúc của tôi:

“Sự bí ẩn mà tôi tìm, nó nằm chôn vùi trong một thung lũng ô liu, ở dưới cỏ và hoa đồng thảo lạnh, quanh một ngôi nhà cũ kỹ phảng phất mùi nho. Suốt hơn hai mươi năm, tôi đã qua lại thung lũng ấy, và những thung lũng giống nó, tôi đã chào hỏi những người chẵn dê càm, tôi đã gõ cửa xin vào thăm những phế tích. Đôi lúc, vào giờ ngôi sao đầu tiên mọc trên vòm trời còn sáng, dưới một cơn ánh sáng dịu đổ xuống như mưa bay, tôi đã nghĩ rằng mình biết. Tôi đã biết, thật thế. Tôi biết mãi mãi, có lẽ thế. Nhưng không một ai cần tới cái điều bí ẩn tôi biết đó, và cả tôi nữa, chắc hẳn tôi cũng chẳng thiết tới lắm, nhưng tôi không thể nào ly khai với họ hàng thân thích của tôi. Tôi sống trong gia đình tôi, gia đình tôi như ngự trị trên những đô thành giàu sang và gấm vóc, dựng lên bằng đá và sa mù. Ngày và đêm, gia đình tôi lên tiếng nói to, và mọi sự cúi rạp xuống, gia đình tôi thì không cúi xuống trước bất cứ cái gì: gia đình tôi bịt tai trước mọi bí ẩn. Uy lực đó nâng tôi và vẫn làm tôi phiền muộn và có lúc những tiếng kêu của gia đình tôi làm tôi mệt mỏi. Nhưng hoạn nạn của nó là hoạn nạn của tôi, chúng tôi cùng máu mủ. Tôi tàn phế, tôi tòng phạm và ồn ào, tôi đã kêu to giữa đá sỏi? Vì thế tôi gắng quên, tôi bước giữa những thành phố sắt và lửa của chúng ta, tôi can đảm mỉm cười với đêm tối, tôi réo gọi bão giông, tôi sẽ trung thành. Tôi đã quên, thật vậy: hoạt động và

câm, từ đó về sau. Nhưng có lẽ một ngày nào, khi chúng ta sẽ sẵn sàng chết vì kiệt lực và mê muội, thì tôi sẽ có thể từ bỏ những nắm mồ mè nheo léo nhéo chúng ta, để đi tới nằm duỗi dài trong thung lũng, dưới làn ánh sáng nọ, và học lại một lần cuối cùng, cái điều tôi biết.”

(1952)

Và một cách công nhiên, tôi hiến tim mình cho mặt đất trầm trọng và đau thương, và thường thường, trong một đêm thiêng liêng, tôi đã hứa sẽ trung thành yêu dấu đất cho tới chết, yêu không sợ hãi, cùng với khối định mệnh nặng nề của đất. Như thế, tôi đã kết hợp mình với đất, bằng một sự liên lạc phù du.

HOELDERLIN

La mort d'Empédocle

NHẬP ĐỀ

Có những tội ác do dục tình, phần nộ, và những tội ác do luận lý. Biên giới ngăn cách đôi bên thật là vô định. Nhưng bộ Hình luận biện biệt chúng, một cách giản tiện, bởi sự có ý, dự mưu. Chúng ta đang ở trong thời đại của dự mưu và của tội ác thập toàn hoàn bị. Những tội nhân thời nay không còn là của những trẻ con “vô khí giới” như thời xưa phải viện dẫn tình yêu để bào chữa. Trái lại, chúng đã trưởng thành, và chứng cứ chúng nó viện ra thật quả không thể bài bác: Chính triết học có thể phục dịch mọi thứ, ngay cả việc biến đổi kẻ giết người thành quan tòa xét xử.

Heathcliff, trong những *Đỉnh gió hú (Wuthering Heights, les Hauts de Hurlevent)*, có thể giết hết cả trần gian để lấy cho được Cathie, nhưng chúng ta ắt phải sẽ không có cái ý bảo rằng sự sát nhân đó là hợp lý, hoặc có thể biện chính bởi hệ thống tư tưởng. Chàng ta thành tựu sự việc, và toàn khối tư tưởng của chàng ta dừng ở đó. Điều đó bao hàm sức mạnh của tình yêu, và khí lực. Nhưng vì sức mạnh tình yêu vốn hy hữu, nên sự sát nhân có tính cách ngoại lệ đặc thù, và giữ lại một dáng dấp vi phạm. Nhưng khởi từ cái lúc con người ta, vì thiếu khí lực cốt cách, đã chạy mò mẫm tìm ban cấp cho mình một chủ thuyết để nương náu, khởi từ cái lúc mà tội ác lên tiếng lý luận để tự mình xác mình, nó đâm hoa kết nụ như chính luận lý vậy, thì từ đó nó mang đủ mọi khuôn mặt của tam đoạn luận. Xưa kia nó cô độc đơn thuần như tiếng kêu, bây giờ, đó đó, nó trở nên lai láng phiêu bồng phổ biến như khoa học. Hôm qua nó bị xét xử, bữa nay nó thiết lập luật pháp để xét xử.

Đây không phải là chỗ để lên cơn phẫn khái về sự vụ đó. Tập tiểu luận này sẽ đề huề quyết ý chấp thuận một lần nữa thực tại hiện hành, đó là tội ác hợp luận lý, và để kiểm xét lại những biện minh cho nó: đây là cố gắng tìm hiểu thời đại của tôi. Có lẽ người ta sẽ nghĩ (tưởng) rằng một thời đại, trong năm mươi năm, làm vong bản, vô nô lệ hóa, và lung trạo, hoặc sát hại bảy mươi triệu con người, một thời đại như thế chỉ có thể, và trước tiên, là phải bị xét xử. Tuy nhiên, tội trạng của nó cũng cần phải được hiểu thấu. Vào những thời đại thơ ngây mà bạo chúa có thể đập đổ điêu tàn hàng hàng phố thị cho lán lóc chơi, để thiết lập vinh quang lộng lẫy cho mình, vào những thời đại mà kẻ nô lệ bị kết chặt xiềng xích vào chiếc mã xa của kẻ chiến thắng để lưu ly biểu diễn suốt phố phường tưng bừng mở hội, vào những thời

đại mà kẻ địch phải chịu thảm tử trong khốc hình, mình mẩy, thân thể bị quẳng vào mồm nanh mãnh thú trước con mắt toàn dân tụ tập ngó nhìn, thì, trước những tội ác kỳ tuyệt bao xiết thơ ngây như thế, lương tâm chí thiện của con người có thể đứng vững vàng không nao núng, và óc phán xét của con người có thể giữ được minh mẫn trong suốt. Nhưng ở thời đại này? Những trại tập trung nô lệ dưới ngọn cờ tự do, dưới lệnh bài phóng dật giải phóng phiêu bông, những cuộc đồ sát lệch đất nghiêng trời được biện chính bởi tình yêu nhân loại hoặc thói nhà băng tuyết tài danh, hoặc chất hăng siêu nhân phong nhã, vâng, những sự vụ đó quả thật là xui khiến tinh thần phán đoán, óc suy xét, phải bàng hoàng hoang vu.

Cái ngày mà tội ác tự trang điểm cho mình bằng những xác lột bóc của vô tội ngây thơ¹ thì, bởi một chuyển hoán đảo nghịch lạ lùng, và đó là tính đặc thù của thời đại chúng ta, ngày đó khởi đầu sự vụ: sự vô tội bị thôi thúc, bị chiêu hoán phải gấp gáp đưa ra những biện chính cho mình². Tham vọng của cuốn tiểu luận này sẽ là chấp thuận và kiểm xét lại cơn thách thức dị thường nọ.

1. *Hoặc nói cách khác: cái ngày mà Monotaure mang hình hài Ariane, thì Mê Cung biến thành Mê Hồn Trận rất mực kỳ ảo trong Mê Cung Đó. Chúng ta tiến bộ hơn người Hi Lạp là bởi lẽ đó.*

2. *Nhưng? Sự diên đảo đó càng tăng gia đảo điên thêm là lúc nào? Có lẽ là: lúc sự vô tội tự biện minh, thì lại cấp thêm cơ hội cho gian tà chụp mũ. Mê Cung càng thêm trùng điệp. Cũng vì quá hiểu tinh thể Mê Cung nên Camus phải lập ngôn theo lối: viết *Le Malentendu* và *Caligula* trước *La Peste*.*

Chúng ta tự hỏi: Nếu ông Khổng, ông Phật, ông Jésus sống trở lại, thì các ông đó phải lập ngôn theo lối nào mới khỏi vô tình gây mê cung thêm cho mê cung?

Những bậc chân nhân đời xưa, nói những lời nào, bị đời sau vớ lấy vỏ bốp lại, rồi tha hồ dối tụng. Do đó, không một kẻ tư tưởng nào không kinh hoàng lúc suy gẫm về hiểm họa kỳ tuyệt của ngôn ngữ tồn lưu. Đừng quên trường hợp Nietzsche.

Vấn đề là xét cho biết xem sự vô tội, từ lúc nó khởi sự hành động có thể nào tự ngăn ngừa mình không sát hại. Chúng ta chỉ có thể hành động trong cái thời buổi của chúng ta, giữa những con người đứng quanh. Chúng ta sẽ không biết gì hết, chừng nào chúng ta còn không rõ mình có quyền hay không có quyền giết cái kẻ nọ đứng trước mình, hoặc có quyền hay không có quyền chấp thuận nó bị giết. Nhân vì mọi hành động ngày nay, đáo cùng vẫn sa vào cuộc chém giết, thì chúng ta không thể nào hành động trước khi biết rõ, và bởi nguyên nhân nào, mình có được phép giết người hay không.

Thế thì, cái chỗ hệ trọng chưa phải là lần men về trở lại cội gốc mọi sự vật, mà ở chỗ: thế gian vốn là rứa đó như ta ngó nó hiện hữu bây giờ, thì cái chỗ cần yếu là phải biết rõ mình nên cư xử ra sao ở trong cõi. Ở thời đại của phủ định, của cự tuyệt chối bỏ, thì cái việc nêu câu hỏi về vấn đề tự tử, đó có thể là cần ích. Ở thời đại những ý thức hệ, ta phải biết lựa tiết điệu hợp cách thức với sự chém giết lưu ly. Nếu sự chém giết có đủ những lý do của nó, thì thời đại chúng ta và tất cả chúng ta nữa, đều nằm trong vòng lung trạo của những hậu quả của sự đồ sát. Nếu sự sát hại không có vững những lý do của mình, thì chúng ta quả thực đương nằm trong cơn điên cuồng lay lắt lóc lắn. Và không còn lối thoát nào ngoài cái việc: tìm trở lại một hậu quả hợp lý nào hoặc là quay lưng ngoảnh mặt. Dù sao, chúng ta có bốn phận phải đáp rõ ràng vào câu hỏi nêu ra, giữa biển máu và rừng xương và trường giang của phổi tim não động gào thét than van của thế kỷ. Bởi vì chúng ta vướng vào lụy triển của câu hỏi, cùng câu hỏi chịu trận nổi chìm, như bị quyền nhập vào tuyến oa. Cách đây ba mươi năm, trước khi con người

quyết định tự tử, con người đã từng chối bỏ nhiều thứ, cự tuyệt nhiều đồ, cho tới lúc tự mình cự tuyệt luôn mình, chối bỏ luôn mình bằng cách tự hủy diệt. Thượng Đế gian lận đánh lừa, mọi người cùng gian lận với Thượng Đế, và tôi nữa, tôi cũng chơi gian, vậy xin kết thúc cuộc chơi: tôi xin chết: sự tự tử là vấn đề trước đây. Ngày nay, ý thức hệ chỉ còn chối bỏ kẻ khác mà thôi, chỉ có kẻ khác là bọn gian lận duy nhất. Từ đó người ta khởi sự sát hại. Mỗi bình minh tinh sương giục già, bọn sát nhân lộng lẫy y trang, huy chương tua tủa, kim bài gấm hoa, nhẹ nhàng lãng đãng lướt thân chui vào trong phòng giam tại nhà lao đối diện với vấn đề: sát nhân là kiểu diêm vấn đề, diêm lệ xiết bao.

Hai loại lý luận cùng đứng vững, mà tự nắm thân mình. Đứng hơn chúng nó nắm lấy chúng ta, lung trạo chúng ta, triển phược chúng ta một cách tuyệt vời lai láng nghiêm ngặt, cho đến nỗi chúng ta chẳng còn có thể nào chọn lựa những vấn đề của chúng ta được nữa. Chúng có chọn lựa chúng ta, chọn mặt kẻ vô duyên, lần lượt thẳng này tiếp theo đứ đờ. Thôi thì chúng ta hãy nên chấp thuận được chúng nó chọn mặt. Tập tiểu luận này nhằm mục đích theo đuổi, trước sự sát nhân và sự phản kháng, theo đuổi tiếp tục một cuộc suy gẫm đã khởi sự¹ chung quanh vấn đề tự tử và khái niệm phi lý.

*

Nhưng cuộc suy gẫm đó, trong lúc này, chỉ cấp cho chúng ta một khái niệm mà thôi, khái niệm về phi lý². Và tới lượt nó, khái niệm này chẳng đem lại chúng ta một

1. Camus muốn nhắc tới *Le Mythe de Sisyphe*.

2. Để ý tiếng "trong lúc này" của Camus.

chút gì khác ngoài một mâu thuẫn trong những gì liên can tới sự đồ sát. Ý thức về lẽ phi lý, lúc người ta có ý kéo từ đó ra một luật tắc hoạt động, ý thức về phi lý ít nhất cũng làm cho sự đồ sát thành ra “cũng vậy mà thôi”, chẳng đáng quan tâm, chẳng đáng lấy làm điều hơn lẽ thiệt, chẳng trọng chẳng khinh, và do đó, mà sự đồ sát là điều khả thủ. Nếu người ta không tin tưởng ở cái gì gì cả, nếu chẳng có gì có nghĩa, nếu chúng ta chẳng có thể quyết đoán một giá trị nào, thì mọi sự đều có thể khả thi được hết và chẳng có gì là hệ trọng cả.

Chẳng có thuận, chẳng có nghịch, chẳng có đen trắng thị phi, kẻ giết người chẳng có tội, chẳng có công, chẳng có tội, chẳng có phải, chẳng có quấy. Người ta có thể hồn nhiên đốt lửa vào lò hỏa táng, chum thiêu thiên hạ chơi, cũng như người ta có thể hi sinh tận tụy chăm sóc những người phong hủi hoặc ho lao. Gian tà và đức hạnh, cũng vậy mà thôi: thấy là ngẫu nhi ra hoa, tình cờ kết trái, cao hứng đâm chồi. Có chi mô mà bận lòng lấy làm điều bức hơi cho lắm. Từ đó người ta sẽ quyết định không làm, không lụng, không hoạt động, không cả cái không, cự tuyệt luôn cái cự tuyệt của mình, chối từ luôn cả cái từ chối, vô vi hơn cả cái vô vi, kể cả vô vi tiêu cực và vô vi tích cực, thì như thế kể ra cũng là ít ra chấp thuận sự sát nhân, trừ cái việc (có lẽ) dè dặt dập diu nhún nhảy mà xót xa cho cái cõi người dẫu biển với những con người lỗi lờm lai rai chẳng được toàn thiện mỹ chân như thần tiên thánh tử. Hoặc là người ta sẽ tư tưởng thay thế hoạt động bằng cái cách điệu chịu chơi bi tráng, phong nhã ngậm ngùi, hào hoa đứt ruột, và, trong trường hợp đó, cuộc tồn sinh của con người chỉ còn là một cực gà trong canh bạc lờ lững đăm chiêu. Hoặc, đáo cùng, người ta có thể trù liệu quyết định thực hiện một hành động thế nào cho đừng vô cố vô bằng. Trong trường hợp cuối này, vì

thiếu giá trị tối thượng dắt dẫn hành động, người ta sẽ hướng mình về phía công-hiệu-tức-thì, lấy đó làm cứu cánh. Nhân vì mọi sự cùng lai rai, chẳng có gì đúng, chẳng có gì sai, thị phi thiện ác tốt xấu cũng ngang hàng phiêu bồng một thứ, thì nguyên tắc hướng dẫn sẽ là: chứng tỏ rằng hoạt động của mình có công hiệu lớn nhất, nghĩa là, nói cách khác, mạnh nhất. Từ đó coi thế gian sẽ không còn chia biệt ra làm hai miền, bên Bạch, bên Hắc, bên Chánh, bên Tà, bên công minh, bên bất chính, mà chia làm hai bờ: bên thầy, bên tớ, bên chủ, bên nô. Và như vậy, bất cứ quay mặt về hướng nào, ở giữa lòng cơn chối từ, phủ định, và trận hư vô chủ nghĩa¹, thì sự đồ sát vẫn có địa vị ưu tiên, đặc thù.

Vậy thì nếu chúng ta có ý dám kỳ vọng chịu chơi cư trú vương tròn trong thái độ phi lý, ắt chúng ta phải chuẩn bị đầy đủ để đồ sát để huê với những Martha Caligula và, như vậy, nhường lối đi cho bước chân của cô nàng luận lý, cho nó lấn bước chân của những loại ngại ngừng tế tâm mà chúng ta sẽ nhận ra là hư huyền giả dối. Cố nhiên trong cuộc đó, ắt cũng sẽ cần một vài chút khuynh hướng trong cơn tính ham thích chém giết. Nhưng dù sao cũng ít hơn, ít hơn thiên hạ tưởng, nếu xét theo kinh nghiệm. Và chẳng, như thường thấy, bao giờ cũng có thể cứ đại hiệu ra làm cuộc sát nhân, xô đẩy con người ra và “bồng nước” cho nó chịu chơi chém giết. Mọi sự, thế là được chỉnh đốn và giải quyết vương tròn, thế theo những yêu cầu của nàng luận lý; mọi sự, thế là được quyết định tốt đẹp, nhân danh nàng luận lý mà được thể hiện tốt tươi - nếu quả thật nàng luận lý có thể được thoả mãn tấm lòng trong cuộc lẩn lóc nọ.

1. *Hư vô chủ nghĩa không liên can gì tới lẽ Thái-Hư, Hư-Không, Hư-Huyền... Mọi thứ chủ nghĩa, lý thuyết, thuyết lý, toàn là loại sàm sỡ vô dụng, gieo tai hại cho tư tưởng tồn lưu.*

Nhưng nàng luận lý không thể nào hài lòng thỏa đáng trong một thái độ cứ lần lượt cho nó thấy rằng: sự đồ sát lúc thì xem ra có-thể-được, lúc lại không-thể-được, lúc khả thi, lúc vô khả thủ. Bởi vì sau khi đã làm cho sự giết người biến thành ít ra là lai-rai-cũng-vậy, chả có chi quan hệ mà lấy làm điều, thì cuộc phân tích lẽ phi lý, đáo cùng, trong cái hậu quả trọng đại nhất của nó, rồi cuộc lại lên án sự giết người¹. Kết luận cuối cùng của luận lý về phi lý là: chối từ tự tử, và duy trì cuộc đối chất tuyệt vọng giữa lời chất vấn của con người và sự lặng lẽ thiên thu ù lì của cõi thế². Nếu tự tử thì còn lấy đâu ra tồn hoạt để mà duy trì cuộc chứng chiếu đối chất tương tranh. Tự tử là chấm dứt hết, kết liễu mọi thị phi, kết liễu luôn cả cái không phi không thị, và lý luận về phi lý luận nhận thấy rằng nó chỉ có thể ứng mộ vào cuộc chấm dứt tuyệt đối kia là với sự chối từ triệt để những tiền đề của chính mình. Một lối kết thúc như rứa, theo lý luận về phi lý, ắt sẽ là trốn chạy hoặc giải thoát. Nhưng rõ ràng trước mắt là, đồng thời, lối suy luận nọ chấp nhận cuộc sống như một cái gì tốt lành tròn trịa cần thiết duy nhất, bởi vì cuộc sống chính nó cho phép cuộc đối chất khấn khảm kia, và nhân vì, nếu không có nó, thì cái cơn đánh cuộc về phi lý ắt chẳng còn cột trụ phù trì³. Muốn

1. Xem phần bàn về Camus trong cuốn *Tư Tưởng Hiện Đại*.

2. Xem *Le Mythe Sisyphe* (Lời chú của Camus).

3. *Ta xin tạm đưa một thí dụ cụ thể để bạn đọc Việt dễ lĩnh hội cái cơn cuộc phiêu bồng này trong tiết điệu Camus: Có những chàng trai mê gái mà gái không mê, bồng lảo đảo bên hư vô lời lôm, muốn tuyệt đối thành tựu mộng thái hư, bèn nghĩ ra một cách là bóp cổ người phụ nữ rồi bóp cổ luôn mình để song đôi đi vào ngang hàng trong cõi mộng hư vô. Nhưng thử hỏi: thành tựu được sự ngang hàng đó trong hư vô, thì còn bói đâu ra cái tồn hoạt là căn cơ cho ý thức ngang hàng bình đẳng hư vô. Thực hiện được bình đẳng hư vô nhưng không còn biết được và ⇨*

được phép nói rằng cuộc đời là phi lý, tâm thức cần phải tồn sinh. Làm sao lại giữ riêng cho mình cái mối lợi tốt lành của một suy luận như thế, trừ phi quen thói nhượng bộ những chất hằng phong gấm rũ là? Ngay khi cái tốt lành kia được nhận ra là lành tốt, thì lập tức nó là cái tốt lành lành tốt cho mọi người thiên hạ thế gian. Nếu tự tử làm xiêu đổ ngồn ngang cho suy luận, thì sát nhân cũng vậy. Không thể gây được liên tục lý luận cho đồ sát, nếu đã nhận ra rằng tự tử là ngang ngửa rụng rơi. Một tinh thần thấm nhuần tư tưởng về phi lý hẳn là chấp nhận sự sát nhân do rủi ro bất hạnh; (tai họa đa đoan, hẳn là không thể tránh); nhưng tinh thần đó không thể chấp nhận sự sát nhân theo luận lý suy tư¹. Đối với cuộc chứng chiếu khán khám, thì sát nhân và tự tử là một sự việc như nhau, chịu chung một vận mệnh mất còn, chìm nổi, giữ lại thì giữ hết, xô đuổi thì xô đuổi cả hai².

Nhân đó, hư vô chủ nghĩa tuyệt đối, thái-thậm-hư-

⇒ hưởng thụ được con song đôi hư vô ngang hàng. Thành ra, thế là mất trụ. Thành ra thực hiện được hư vô song đôi ngang hàng để mất cả ngang hàng song đôi hư vô, chỉ còn có cái ma quái hư vô của hư vô, thái hư của thái hư, buồn chết đi thôi. Mà cũng không được hưởng thụ đi thôi cái con buồn chết. Do đó, Đoạn Trường Tân Thanh giục lời giòng già: Thiệt đấy mà có ích gì tới ai. . . Chút chi gấn bó một hai, Cho dành rồi sẽ liệu bai hư vô.

1. Cf *La Peste*, quan niệm của Tarrou.
2. Phân đối Bộ Luật Gia Đình năm nọ, có kẻ hai ba vợ báo: có A, có B, có C, cùng là hình ảnh của Người Đền Bà Phụ Nữ Thiên Thu. Tôi yêu họ, tôi lấy họ, là trong viên tượng quý chuộng cái Thiên Thu Đền Bà Phụ Nữ ở trong mình mấy họ. Nếu bảo rằng bộ luật hợp lý của nhân gian buộc tôi phải xô đuổi có C, có B, thì lập tức hình ảnh Thiên Thu Phụ Nữ bị chối bỏ. Do đó, hễ luật bắt buộc tôi bỏ có B có C, thì không lý do gì luật tắc lại buộc tôi phải giữ có A. Có C có B đi rồi, thì có A cũng không còn lý do tồn lưu để ở lại với tôi. Gia đình tan rã, thì Bộ Luật Gia Đình mai sau còn bói dấu ra gia đình mà thì thổ cái bản sự có nương đình gia của mình?

vô chủ nghĩa, chấp thuận tự tử, nó tiến nhanh nhẹn lẹ dẽ dàng hơn nữa tới cái quan niệm sát nhân hợp lý. Nếu thời đại chúng ta dễ dàng chấp nhận rằng sự sát nhân có đủ những biện chính của nó, ấy cũng là do cái lòng hồ hững đối với đời sống vốn là dấu hiệu đặc biệt của hư vô chủ nghĩa. Xưa kia vốn hẳn cũng từng có những thời đại trong đó con người ta vì quá đăm say tha thiết sống như cây sậy mộng điên cuồng, nên cái cõi lòng nó vỡ bờ tràn lan ra thành những cuộc lưu huyết vô độ. Nhưng những sự vô độ mất thăng bằng ngả ngửa ra kia vốn quả có như là một thứ thiêu đốt cháy bỏng da thịt trong cái cơn truy hoan cầu lạc hưởng thụ du khoái kinh hồn khiếp phách xiêu lạc tâm linh. Những thứ đó không có gì giống cái loại lai rai trật tự nề nếp chán nhàm, thiết lập bởi một luận lý tửn mủn hì hục biện chứng coi mọi sự ngang hàng hời hợt như nhau¹. Cái luận lý nọ đã đẩy những giá trị của tự tử, mà thời đại chúng ta đã từng bồi dưỡng phủ dục cho thân mình, cho tới cái hậu quả tốt vời cùng tận của chúng, ấy là cái vụ sát nhân hợp pháp, cái vụ đồ sát được chính-đáng hóa trong cõi biển dâu phù du mưa móc. Đùng một cái, hậu quả đó đạt tới tối cao tuyệt đỉnh trong cuộc tự tử tập hợp huynh đệ anh em bà con di dượng. Cơn chứng minh nổi bật nhất đám đã từng được ban cấp bởi trận địa mê ly đồ cung bậc vỡ toang tan tành hỗn độn Hitler năm 1945. Tự phá diệt, sự đó chẳng còn ra cái gì đáng bận tâm đối với những thằng điên gã cuồng dương tự soạn sửa háp háy cho mình một cái chết thần thánh

1. *Cái loại này cũng lại càng không có gì giống cái tinh thần của những con người xuất thế, không muốn phân biệt thị phi trên bình diện Hình Nhi Hạ giữa tồn hoạt nhân gian. Cuộc xóa bỏ mọi giá trị đức lý trên bình diện động hoạt luân thường, theo tinh thần Lão tử, không nằm trong viễn tượng của hư-vô-chủ-nghĩa-tửn-mủn; nó nằm trong viễn tượng phiêu bồng của tinh thần đăm chiêu theo Tôn Lưu Thái Hu Khép Mỏ đôi Vành Song Liêm Tịch Lạp*

hấp dẫn thiết tha u huyền cơ mộng trong chiêm bao u cốc hổ hang. Chỗ cốt yếu là: đừng tự tử một mình trong cô độc. Chỗ cốt yếu là: lôi kéo cả một thế giới trần gian thiên hạ rơi rụng theo mình rớt tòm vào hố ở trong hang. Nói theo một lối nào đó, thì cái con người tự tử một mình trong cô độc quả là còn bảo tồn được một giá trị hất hiu phù du trong cõi, bởi vì xem ra, ngó vào, coi có vẻ như chừng anh ta không tự nhận mình có quyền lực gì trên cái cuộc đời của những kẻ khác. Bằng chứng là anh ta không bao giờ sử dụng, để lung trạo chi phối kẻ khác, cái uy quyền kinh khiếp và cái tự do hải hùng mà cơn quyết định tự tử đã hạ tứ ban cấp cho y trong lúc nó không do lòng oán hờn quyết định, quả thật là, ở một vài chỗ, vài chốn, vài nơi, vài điểm, đúng là quân tử hào hoa phóng dật anh hùng, hoặc là cô kiêu khinh bạc. Nhưng người ta khinh bạc là nhân danh một cái gì. Nếu cõi đời đối với kẻ tự tử chẳng còn ra cái dạng gì cho đáng nữa, ấy bởi rằng cái kẻ tự tử có một cái ý niệm về những gì đối với y không phải là, và không thể là hờ hững lạt lẽo. Y ngó cái dòng khe nọ nó vô vị, ấy bởi rằng y có ý niệm về một cái ngọn tiểu Khê nào bốc hơi thơm phức, y tự tử để thoát khỏi vòng lung trạo của cái khe này, và để được sa thân mình vào vòng o bế của một tiểu Khê nọ. Người ta tưởng phá diệt hết mọi thứ và mang đi mất mọi thứ vào hư ảo với cái thân tự tử của mình, nhưng chính ngay từ cái thân chết chóc lại nảy ra một cái hột kim cương vô giá, và chính cái hột vô giá kim cương xa vắng nọ lại rất có thể là cái gì đáng nên để vì nó mà ta sống thiên thu lắm lắm với rất rất vạn đại nhiều nhiều. Cuộc triệt để tuyệt đối chối toàn diện vậy là té ra không kiệt tận tinh anh mình trong thành tựu hư không do cái tự tử. Tự tử, tự chết mà đâu nào có hết cái mò mẫm lai rai còn lò đuôi

trong cõi đời phía sau lưng ở lại! Cuộc chối từ triệt để mọi mưa móc trần gian chỉ có thể kiệt tận tinh anh trong thành tựu là duy bởi cuộc phá diệt toàn diện tuyệt đối thế gian, phá diệt mình, phá diệt gầm trời thiên hạ, cây cối, chim muông. Người ta chỉ có thể thật sự “sống” cái tấn tuồng đồ sộ nọ, là ít ra, nếu không thể thực hiện xong xuôi, cũng phải hướng về cái biên thùi quyến rũ, cái giới hạn hấp dẫn khuynh thành nọ. Tự tử và đồ sát tại đây là hai mặt của một trình tự cơ cấu, là cơ cấu của một trí năng thông tuệ đọa đày, vì quá hiểu thông suốt lẽ đời trên mảnh đất mê hồn trận thị phi nên đã đành từ chối cái khổ lụy của một thân phận bị giới hạn triền phược, và chuộng thích cái cơn phẫn khích mù khơi ngất tạnh âm u trong đó cả bầu trời trắng mọc và dậm đất phiêu du cùng chìm tan trong tận diệt.

Cũng theo lối đó, nếu ta chối từ không nhìn nhận lý do tự tử, thì cũng không thể chấp nhận cho đồ sát có lý do. Người ta không làm gã hư vô nửa vời, cô hư vô nửa cuộc. Lý luận của phi lý không thể đồng thời bảo tồn sinh mệnh của kẻ nói và sự chấp nhận sự hi sinh của kẻ khác. Khởi từ cái lúc người ta nhìn nhận tính chất bất khả thủ của sự triệt để chối bỏ toàn diện, và chịu sống tức cũng là nhìn nhận tính chất nọ rồi, khởi từ đó, cái sự vụ có thể được chối từ, ấy là cái cuộc đời của thiên hạ tha nhân. Vậy đó, cũng là một khái niệm đã cho phép ta tưởng rằng sát nhân là điều thế thôi vậy đó không khinh không trọng, cũng chính khái niệm kia giờ đây lại không cho phép biện chính cho sự sát nhân, chúng ta rơi trở lại vào trong vòng lung trạo không chính đáng mà ta đã cố gắng thoát ly ra.

Trên bình diện thiết thực, một lý luận như thế kia, đồng thời xác định hai điều: Ta có thể giết người, và ta không thể giết người. Nó bỏ ta lơ lảo trong vòng mâu

thuần, không níu giữ chút gì khả dĩ ngăn ngừa sự đồ sát, chúng ta trở thành nửa điên nửa dại, nửa như quỷ khát máu hãi hùng, nửa như con ma cuống cuống hãi sợ, bị lôi bừa vào cơn lốc của cả một thời đại xô bồ bốc hơi cuồng nhiệt trong cơn Hư Vô Chủ Nghĩa dậy triều, ta bị lôi bừa đi, mà vẫn bị cô đơn trong đó, tay cầm vũ khí, mà cổ họng nghẹn hơi, tắc nghẽn hô hấp.

*

Nhưng sự mâu thuẫn cốt thiết nọ lại chẳng hiển hiện một mình: nó hiện ra đồng thời với một bầy lũ mâu thuẫn khác, khởi từ cái lúc con người ta chủ trương đứng vững trong trận gió phi lý, mà vô tình xao lãng tính chất thật sự của của nó ấy là làm một giai đoạn thử thách, một đoạn trường trải qua, một khởi điểm, một cái gì đó tồn hoạt tương đương với tinh thần hoài nghi có phương pháp trong lĩnh vực triết học, theo như Descartes. Cái phi lý, tự trong bản chất của nó, vốn là mâu thuẫn.

Nó mâu thuẫn trong nội dung, bởi nó loại trừ những đoán định về giá trị lúc lèo tèo mong muốn gìn giữ chi trì cuộc sống, trong khi sống, tự nơi nó, là một phán định về giá trị. Hô hấp, ấy là phán định. Nó nói rằng cuộc sống là một sự chọn lựa liên miên, điều đó quả thật là một sai lầm. Nhưng quả thật rằng người ta không thể hình dung ra một cuộc sống vắng bóng mọi chọn lựa. Riêng từ quan điểm nọ, tư thế của phi lý, trong hành động, quả là không thể hình dung nổi. Và trong phát biểu, cũng vậy: không thể hình dung ra. Mọi triết học về lẽ vô nghĩa, về nghĩa phi lý, đều tồn tại trên một lối mâu thuẫn, riêng kể từ lúc nó tự phát biểu mình bằng ngôn ngữ. Bởi vì kể từ đó, nó đem lại một chút tối thiểu mạch lạc liên hệ, vào trong cõi rạc rời hỗn độn, nó đưa hậu quả vào những

chốn người tưởng không có hậu lai, nó xô trùng phùng vào ly biệt, nó đẩy hạnh ngộ vào trong ngẫu nhiên. Nói lên lời, ấy là hàn gắn. Nó ra tiếng, ấy là chấp lại mối tiểu lân. Còn dựa trên sự vô nghĩa toàn sông mà xác định thái độ mình, thì thái độ duy nhất phù hợp với phi lý toàn diện, ắt sẽ là lặng câm im lìm, nếu quả thật lặng câm, tới lượt nó sẽ không còn ý nghĩa¹. Phi lý tuyệt đối, phi lý hoàn toàn, thì nó gắng lặng câm. Nếu nó mở môi thốt lời, ấy là nó có ý tình tự mãn bùng mất bất chim, yếm mực bồ tước, hoặc là, như ta sẽ thấy sau này, nó tự mình có tính cách tạm thời mà thôi. Tình ý tự toại, tự dối đó cho ta rõ tính chất hàm hỗn thâm u của tư thế phi lý. Theo một lối nào đó, cái phi lý muốn phát biểu con người trong cô độc, quả thật đã làm cho nó tồn hoạt trước một tấm gương soi. Cơn chia xé đoạn trường ban sơ bỗng đứng trước hiểm họa: biến thành an thích êm ả tiện nghi, an thời xử thuận. Cái vết thương được mờ mẫm, khiêu gãi niết nấn một cách ân cần bao xiết, bỗng nghe ra có lẩm chiều du khoái, lẩm nổi ngứa mê ly.

Những đại hiệp sĩ mạo hiểm phiêu lưu trong cõi phi lý đâu có hiểm hoi. Nhưng rốt cuộc bọn họ lớn được là bởi đâu? Là bởi: chỗ hoàng đại cao viễn của họ được do theo sự chối từ những tiện nghi tự mãn của cái phi lý, và chỉ giữ lại cái yêu sách nghiệt ngã. Họ phá hoại hải hùng là vì những cái hơn, không vì cái kém, họ lao đầu vào cuộc là vì một mối hùng tâm, không vì cơn táng khí². Nietzsche nói: “Kẻ thù của tôi là những đứa rắp ranh phá hoại, và không chịu tự tạo cho cái bản ngã của chính mình.” Còn Nietzsche, Nietzsche lật nhào diên đảo, nhưng cái đó

1. Đó là mâu thuẫn bi hùng. Camus dồn lời tới chỗ khó chối cãi: Dầu có im lặng tuyệt đối, thì im lặng cũng lại là nói, nói bằng vô ngôn.

2. Bảng Anh ngữ dịch sai chỗ này - *The Rebel*, trang 9

cũng là để gắng tạo về sau. Ông kiến dương lòng chân thành trung chính, ông thống mạ bọn hưởng thụ dò dè, vắn vít với “cái mồm lợn lòi” đòi hôn hít lá cây, tiếp dẫn lá cỏ. Muốn xa biệt cái lòng tự tại ù lì êm ả ngủ yên trước tấm gương soi dưới hơi ca-vát, lý luận của phi lý bằng bất gặp trận gió của xã kỷ hy sinh khước từ hưởng thụ. Nó chối từ những cuộc táng khí, ly tâm, loạn hồn, tiêu phách. Nó bước vào trong cõi trơn trụi khổ hạnh khát khe, xác xơ vô đoán, bưng bình với một độc tôn lạnh thình kỳ bí, cơn phiêu bồng nghiệt ngã quý dị tuyệt luân của tinh thần trở cơn phản kháng trong hố thẳm tâm linh chạy dài trên mặt biển dầu phù du rớt hột. Rimbaud, cái kẻ ca bài ca bất tuyệt “tươi xinh hồ đồ mím nụ của mè nheo mèo cá lặn lội trong bùn lầy đường sá vỉa hè phố hội”, Rimbaud chạy thẳng vào Harrar sa mạc để mà duy chỉ phản nản về cái nổi sống không thân thích họ hàng quê hương. Cuộc sống đối với chàng thi sĩ trở cơn nọ là “một tấn tuồng vông động, một trò hề kỳ tuyệt khinh khiêu phải được đóng tuyệt vời bởi mọi mọi người người thiên hạ”. Nhưng vào giờ lâm chung, đối diện với cái chết, coi kia, chàng ta bỗng thất thanh kêu gọi về cô em gái xa vời: Ta sẽ đi vào trong đất lạnh, còn em, em sẽ bước huy hoàng trong lồng lộng dương quang!”¹.

*

-
1. Trong tiểu thuyết vũ hiệp Trung Hoa, tinh thần phản kháng âm tàng diên đảo thị phi hiển thị trong cơ thể cõi phi lý người ta, theo một lối đặc thù quí dị: “... Lục thập đa tuế đích Bách Duy, thân phận tôn quí đích Thiếu lâm Hộ Pháp, thử khắc bị nhân hồ tộ “soa hòa thượng”, phi dân ti hào một hữu sinh khí, phân nhi thập phân đắc ý, tạ giáo giá “soa hòa thượng” tam tự. viện tỷ thế thượng nhậm hà xưng hô danh từ đồ yếu hảo thính đích đa..”

(Ngọa Long Sinh – Tổ Thủ Kiếp – Cuốn 19, trang 36)

Cái phi lý, được xem như luật tắc tồn sinh, quả thật bao hàm mâu thuẫn. Nó còn đáng ngạc nhiên gì nữa, nếu nó không cung cấp cho chúng ta về sự chính đáng của đồ sát? Và lại không thể nào thiết lập một thái độ sống, một tư thế tồn sinh, ở trên một xúc cảm đặc thù o bế¹. Xúc cảm về cái phi lý là một xúc cảm giữ những xúc cảm khác. Xét sự vụ: nó đã làm lung trạo, đã pha in hương màu cho bao nhiêu tư tưởng và hành động giữa hai trận đại chiến, điều đó chỉ chứng tỏ uy lực chính đáng của nó. Nhưng tính chất nùng nhiệt một xúc cảm, không nhất thiết lôi cuốn nó vào cõi phổ cập muôn năm. Cái lầm lỗi của cả một thời đại là đã phát biểu, hoặc coi như đã được phát biểu, những luật tắc hành động phổ quát, khởi từ một xúc cảm tuyệt vọng, nhưng một xúc cảm theo nghĩa của một xúc cảm, trong bản chất đặc thù vận chuyển của nó, là biến động để tự vượt mình². Những đoạn trường

-
1. *Camus, thuộc loại người Nguyễn Du, Khổng Tử: thâm cảm mới sâu tồn sinh điều mang phi lý, nhưng không chịu đem cái phi lý làm luật tắc xử thế tiếp vật. Trong truyện Kiều có một ngàn loại mè cung tư tưởng, nhưng lạ lùng thay, riêng một hình ảnh Hoạn Thư cũng đủ gây lại thế quân bình suốt cõi. Điều cốt yếu là phải để cho tinh thần nhân vật được đời bình diện. Đừng ôm ghì nhân vật của Nguyễn Du, kéo nó chết cứng ở trên bình diện tâm lý học vong bản. Tâm lý nguyên sơ, cũng như đức lý sơ đầu, đều nằm trong tồn lý uyên nguyên hình nhi thượng.*
 2. *Do đó, đoạn trường? Nhưng đoạn trường của tân thanh tái tạo. Do đó, mới tuyệt vọng của một Martha không giống của Saint Just, Napoléon, Gandhi, Nguyễn Du, Hoelderlin. Không giống, lại rất giống, hoặc nằm sát bờ nhau mà cũng xa nhau như hai thái cực. Còn Nietzsche? Nietzsche là thiên tài riêng biệt của một sử lịch riêng biệt: Ông thử đi cái bước đi của "Caligula" để giúp cho con đường của những Gandhi, về sau sẽ hiển hiện với những đức phật trùng sinh; không có sự liêu linh của Nietzsche, thì những chân nhân tái sinh không còn biết lập ngôn như thế nào trong Mè Cung Mới, là Mè Cung của những Minotaure mang hình hài gương mặt Ariane. Khổ thay. Đi bước đó, Nietzsche đã tan nát thể phách, nghĩa là: chịu cùng Jésus lên Calvaire.*

bát ngát, cũng như những hạnh phúc mệnh mông, có thể nằm tại một khởi điểm của một dòng lập luận lý trí. Ấy là những môi giới chuyển cầu, giúp thành tựu những hôn phối về sau. Nhưng ta không thể bắt gặp lại chúng và duy trì chúng suốt dọc đường của những lập luận. Vậy thì, nếu trước kia, cái sự vụ lưu tâm để ý tới xúc cảm về phi lý, cái sự vụ bất mạch dò một con bệnh thực tại tìm thấy trong thân thể mình và trong hình hài kẻ khác, vâng, nếu trước kia, cái sự vụ lưu tâm lưu ý nọ là điều chính đáng, thì sau đó cũng không được quên một điều: không thể nào coi cái xúc cảm kia, và coi cái mê cung hư vô chủ nghĩa nó bao hàm, là một cái gì khác hơn là khởi điểm, là cái gì đó khác một phẩm bình phán đoán trong kinh lịch, được sống qua, một cái gì tương đương, trên bình diện toàn hoạt, với cái tinh thần hoài nghi trong phương pháp suy tư, trên bình diện tư tưởng. Sau đó, cần phải đập vỡ những trò nhấp nháy lơ lảo ù lì thô thiển của tấm gương cục mịch, và chiếu cố tới trò sỏ lộng lung linh cuốn ta vào cõi tẩy chuyển thiên di, phiêu bồng không cưỡng lại lảng khờ hàn, trên một đường rẽ trắng giúp cái phi lý tự vượt mình để mà lan-huệ-lướt-qua. Để làm gì? Để thể nghiệm cái cuộc: chợt mùa thơ vội ra hoa. Bên mình mê hôn trận, lan là đà đi...

Tấm kính kim loại vỡ, thì bóng gương tinh thể ắt sẽ hiện nguyên hình? Trước sức đâm chiêu sỏ lộng mới, cái cơn phi lý cũ, cũng như cái cuộc hoài nghi cũ, phải đành lòng chịu lép một bề, thôi không còn ngựa nghề rục rịch gì nữa cả.

Tấm kính vỡ, còn gì đâu để giúp con người giải đáp những câu hỏi của thế kỷ nêu ra. Còn gì đâu, ngoài những mảnh tá tơi ù lì phi lý. Cái phi lý cũ kỹ, cũng như cái hoài nghi cũ vô hến cũ càng, đã tàn phai trên đất nhạt. Nó đặt ta ngẩn ngơ ngậm ngùi trong ngõ cụt. Nhưng,

cũng như cái hoài nghi, nó có thể hướng dẫn ta hướng tới một cuộc sưu tầm mới mẻ khác. Lập luận tiếp tục diễn tiến theo lối đó. Tôi la to lên rằng tôi không tin ở cái gì cả, tôi hét lớn lên rằng mọi sự đều phi lý, nhưng tôi không thể hoài nghi luôn cả cái tiếng kêu cái lời hét của mình, và ít nhất tôi phải tin tưởng ở sự cương kháng biện nghị của tôi. Cái sự hiển nhiên đầu tiên và duy nhất tôi được ban cấp, ở giữa lòng cuộc kinh nghiệm về phi lý, vậy quả là tinh thần phản kháng dây cơ. Tôi thiếu hết mọi khoa mọi học, mọi thông thái trí năng, tôi bị thôi thúc phải lên đường đồ sát giết nhau, hoặc chấp nhận cuộc đồ sát của thiên hạ, thì tôi chỉ còn có riêng một cái chút mảnh hiển nhiên nọ, dù tròn xoe, dù méo xẹo, dù trơn láng, dù xù xì, còn tha thiết o bế rập rình, còn nùng nhiệt cơ cực thêm ra, đo cái cơn đoạn trường tới tấp trong linh hồn tôi để mà lung trạo đó. Tinh thần phản kháng này nở từ cái cảnh của phi lý tràn lan, trước một trạng huống bất công và bất khả lĩnh giải. Nhưng cái đà cuồng nhiệt mù quáng của nó cũng đương yêu sách trật tự thể thống giữa vòng mê cung hỗn độn, và đòi hỏi mỗi nhất trí ở giữa lòng cuộc dao động biển dâu phù du tan biến. Tinh thần phản kháng đương kêu, đương gào, đương yêu sách, nó muốn rằng cái trận cuồng điên, cái cơn bê bối phải chấm dứt, và cuối cùng phải được yên định vững bền những gì từ bấy lâu nay đã liên miên viết tên mình đậm đà trên trùng dương dàn trải. Mười lăm năm mới bây giờ là đây... Mối ưu tư ngong ngóng của nó là điều hiu biếm dạng thay hình, chân trời sóng nước, biển làm góc bể giọt sương pha. Nhưng biến dạng đời hình là hoạt tồn, tồn động, và tồn động bây giờ, và tồn động mai kia sẽ có nghĩa là giết chém, mà giết chém chính trong cái lúc nó không rõ sự giết chém có thật là chính đáng hay không. Thì ra, chính nó, chính tinh thần phản

kháng được phôi dựng, lại sản sinh ra những hành động đương được thiên hạ yêu cầu nó phải đưa lý do ra để mà hợp thức hóa. Vậy thì tinh thần phản kháng phải tự mình tìm ra tại nơi mình những lý do để đưa ra, nhân vì nó không thể tìm đâu ra ở tại bên ngoài nó được. Nó phải dành lòng chấp thuận tự mình kiểm xét lại mình để tìm lối xử sự và cư xử giữa mê cung.

Thì ở trước tư duy chúng ta, có đầy đủ hai thế kỷ phản kháng đương sẵn sàng phó thác nhụy hương, nhụy hương siêu hình, hoặc hương màu lịch sử. Một sử gia, một mình, ắt có thể chơi theo lối trình bày trong chi tiết, những chủ nghĩa chủ thuyết và những phong trào nối đuôi nhau tiếp diễn trong khoảng thời gian kia. Ít ra, cũng có thể tìm ra một sợi dây nhiếp dẫn, một làn tơ lông ngỗng đưa đường. Những trang sau đây chỉ có chút tham vọng đề nghị một vài trụ mốc, một vài mục tiêu lịch sử và một giả định sơ tầm nhìn ngó. Giả định nọ không phải là giả định duy nhất có thể đưa ra hơn nữa, càng không thể soi sáng mọi sự vụ. Nhưng nó giải thích, phần nào, cái phương hướng và, gần trọn vẹn một phần, cái chỗ vô độ vỡ bờ của thời đại chúng ta. Cái lịch sử đồ sộ phi phạm được nhắc gợi ra đây, là lịch sử kiêu hành Âu-Châu.

Dù sao, tinh thần phản kháng cũng chỉ có thể cung cấp cho ta những lý do của nó ở cuối đường cuộc sưu tầm kiểm xét về những thái độ của nó, những tham vọng trừu hoạch và những chinh phục của nó. Trong những công cuộc của tinh thần phản kháng, có lẽ sẽ tìm thấy cái luật tắc cho hành động mà cái phi lý đã không thể ban cho ta, và ít nữa cũng tìm thấy một hướng dẫn về cái quyền hoặc cái bổn phận chém giết, và cuối cùng, niềm hi vọng một sáng tạo phiêu bồng. Con người là con vật duy nhất từ chối không chấp nhận mình là mình như lông mọc

trên đầu, là tóc rơi dưới rốn. Vấn đề là xét xem coi thử cái cuộc chón từ kia chỉ có thể đưa dẫn con người đến chỗ tiệt diệt kẻ khác và hủy hoại cả mình, coi thử mọi tinh thần phản kháng có nhất thiết phải kết thúc trong sự hợp pháp hóa sự đồ sát phổ quát bên bờ, hoặc là, trái lại, không tham vọng đạt tới một thuần khiết vô tội vô khả thi, tinh thần phản kháng có thể nào tìm ra nguyên lý cho một tội trách hợp lý.

Sao gọi là một con người phản kháng? Một con người nói “không”. Nhưng nó chối từ mà không khước bỏ. Nó khước bỏ mà không từ nan. Đó cũng là một con người nói “vâng”, một con người nói “phải”, kể từ khi khởi sự lên lời, kể từ lúc sơ đầu động dấy. Một kẻ nô lệ, suốt đời vốn cúi đầu nhận linh mệnh lệnh, bỗng một sớm một chiều đột ngột nhận thấy bất khả chấp thuận một mệnh lệnh mới thêm vào, thêm nữa, thêm ra. Nội dung tiếng “không” nọ là gì?

Nó có nghĩa, chá hạn, là “sự ngổn ngang kể từ khi gặp tới giờ đã kéo dài quá hạn”, “kể từ đó đến nay, vâng được, thêm vào ra nữa, không không”, hoặc chá hạn là “có một giới hạn mà các ngài sẽ không được phép vượt qua”. Nói tắt là, cái tiếng “không” nọ xác định sự tồn tại của một biên thù. Cũng cái ý niệm về biên giới nọ là cái ta nhận thấy trở lại trong xúc cảm của kẻ phản kháng nó cảm thấy rằng kẻ kia đùa dai, rờn dẹo, kéo dài quá độ cuộc chơi đau đớn, rằng kẻ kia đem cái quyền của mình ra dàn trải ra quá rộng, vượt quá một biên thù giới hạn, kể từ một mép bờ nọ thì một cái quyền khác sừng sững hiện ra đối diện với, và hạn định giùm, và hạn chế cho. Ấy vậy, cái cơn triều động của phản kháng nó dựa vào, cùng một lúc, tại nơi cái sự chối từ tuyệt đối không chấp nhận một sự xâm nhập lằng phạm được xét ra là vô khả dung thứ, bất khả khoan thuận, cùng một lúc tại niềm tin, chắc chắn tuy mơ hồ, là: có một cái

quyền thật sự, đúng hơn, cái cảm tưởng, tại nơi người phản kháng là y “có quyền làm cái nọ... y rất mực được làm cái kia”. Tinh thần phản kháng đi song đôi diu dặt hàng hai, bước chân chữ bát, với cái cảm giác là chính mình, mình cũng, theo một lối nào đó, chính mình mình cũng có lý như ai. Chính tại chỗ đó mà gã nô lệ phản kháng đồng thời nói “phải” nói “không”, vừa gật đầu bảo “có được như vậy” vừa lắc đầu bảo “chẳng nên thế đâu”. Đồng thời, y quyết đoán rằng: Cái giới hạn có thật, và sự tồn tại của thấy thấy những gì y ngờ ngờ đoán ra và muốn bảo tồn ở mép rìa này của giới hạn. Ý mình chứng, một cách nằng nặc hãnh kiêu, rằng trong người y, có một cái gì đó “rất đáng kể, rất đáng nên được nhọc lòng lưu tâm...”, cái đó yêu thỉnh các ngài phải lưu ý. Bằng một phương pháp nào đó, y chống lại cái trật tự đè ép y, bằng một cái quyền sống không bị đàn áp quá cái mức chịu đựng của y.

Đồng thời cái cơn cưỡng kháng lại kẻ xâm lăng tiếm vị đoạt phân, lại có một sự dè huê hảo hợp tham dự triệt để và tức-thì-thắng-tấp của con người vào cuộc với cái phần nào đó của chính mình. Vậy là, một cách mặc nhiên, y đưa vào can thiệp trong cuộc, một phán quyết về giá trị, một cách thiết tha, không phải hô đồ vô cố, cho đến nỗi y quyết bảo tồn nó suốt lộ trình duyệt lịch, và duy trì nó một cách o bế o bông nó qua mọi hiểm họa trở cơn. Kể từ lúc đó đến bây giờ, ít ra nữa, y cũng im lặng, phó mặc đời mình lây lất trong niềm tuyệt vọng, và trong tuyệt vọng nọ một trạng thái được chấp nhận, dẫu rằng y xét thái trạng hướng nọ bất công. Im lặng, là để cho thiên hạ nghĩ mình chẳng xét đoán, chẳng mong muốn ước ao gì cả, và, quả thật, trong vài trường hợp, mình chẳng ước ao hoài mong gì hết. Niềm tuyệt vọng dậy triều, cũng như

cơ phi lý trở cơn, nó xét đoán hết thấy và ước mong hết thấy, một cách tổng quát, mà chẳng đoán xét ước ao gì cả một cách riêng tây¹. Sự im lặng diễn giải được thấu lẽ đó. Nhưng khởi từ cái lúc người nô lệ lên tiếng, dù lên tiếng nói không, là y đã ao ước và xét đoán. Kẻ phản kháng, theo nghĩa nguyên sơ, là kẻ quay mặt trở lại. Trước đó, y lằm lũi bước dưới làn roi vi vút của chủ. Thì bây giờ, y quay bật trở lại, mặt đối mặt, nhìn nhau. Cái gì nên, cái gì không nên, y muốn cùng kẻ kia xét lại. Y đem cái phải, chơi với cái không phải. Mọi giá trị không nhất thiết lôi cuốn tinh thần phản kháng theo, nhưng mọi hành động phản kháng dạy triều đều bao hàm một giá trị, đều âm thầm viện dẫn một giá trị trên mặt đất thị phi. Thật có phải rằng ít ra cũng là một vấn đề về một giá trị?

Dù hỗn độn mơ hồ bao nhiêu chẳng nữa, từ tinh thần phản kháng, một tâm thức nảy ra: cơn ý thức đột ngột choáng váng về một cái gì trong thân phận con

1. *Tiếng Désespoir Camus dùng tại đây, quả thật trong tinh thể của nó, không hề giống chút gì với niềm tuyệt vọng theo thói thường quan niệm. Désespoir? Nghĩa là xa rời hết mọi ước ao trên bình diện hoạt sinh não nức. Nằm trong cơn sâu trăm năm dẫu biển nghe trần ai tịch mịch đi về đối thoại với Thái Hu Chân Như trong cái Đêm Trong Suốt của Khắc Khoài Hu Không Thanh Bình (Dans la nuit claire du Néant de l'Angoisse - in der hellen Nacht des Nichts der Angst), viết Tân Thanh trong không khí Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh. Vua triều Nguyễn không hiểu chỗ đó, nên vô tình quở trách, đây đoạ Tố Như một cách chẳng đâu vào đâu hết. 1/0 lấy cái lòng tiểu nhân mà ước cái lượng kẻ anh hùng.*

Tại đây - giải thích tiếng désespoir theo lối nọ - bằng tinh thần siêu đẳng chịu chơi, Camus muốn ngấm bào người trường giả rằng: rất có thể, sự khuất phục tuyệt đối tuyệt vô hy vọng của người nô lệ, rất có thể nằm bên mép tư lường trong cõi tư tưởng của Thành Nhân.

người, và con người có thể đồng hóa vào đó, dẫu chỉ một lúc thôi. Sự đồng hóa kia, kể từ trước đến nay, chưa từng được cảm thụ, thể nghiệm thật sự. Tất cả những cưỡng thủ, những giết giảm lặc tặc, bóc lột xảy ra từ trước phong trào bạo động khởi loạn, người nô lệ đã cúi đầu chịu đựng, y ngoan ngoãn chấp thuận hết mọi yêu sách. Lắm lúc y đã từng tòng phục êm đềm những mệnh lệnh quý di, tức chết người đi được, còn mãnh liệt hơn cả cái mệnh lệnh xui y phản đối ngày nay. Trong thâm tâm có lẽ y đã chối bỏ hết, nhưng y đã nhẫn nại vô cùng bởi vì y đã nín cảm, y đã im lặng, y đã bận tâm với chuyện hay dở trực tiếp hơn là ý thức về quyền lợi thực sự của mình. Nhưng khi nhẫn nại không còn, lúc bắt đầu cơn nóng lòng bực dọc, là khởi sự một trận phát động phong trào có thể tràn lan trên mọi sự việc đã từng được chấp thuận trước kia. Cơn phản phát nọ thường luôn luôn có tính chất hồi tố. Người nô lệ, lúc khước từ trật tự đảo điên lạng nhục của chủ, đồng thời cũng khước từ luôn cả trạng huống nô lệ của mình. Cuộc phản kháng có tầm vóc rộng rãi, một phạm vi hiệu năng xa vời hơn là trong một sự chối từ thông thường. Nó vượt qua cả cái giới hạn xưa kia đã được ổn định cho đối thủ, nó đòi hỏi được đối xử như một kẻ đồng đẳng, ngang hàng. Những gì thoát tiên chỉ là cơn kháng cưỡng vô khả phân hóa của con người, bỗng trở thành đích thị con người trọn vẹn, con người tự đồng hóa mình với cơn cưỡng kháng kia và tự chung đúc mình trong đó. Cái phân vị của chính con người mình mà kẻ nô lệ muốn người ta phải tôn trọng, phần đó được chàng ta đặt lên trên tất cả, và được coi trọng hơn tất cả, hơn cả sinh mệnh nữa. Nó trở thành của quý tối thượng trong mắt chàng ta. Trước khi, chàng được đặt nằm đè huê trong một cuộc thoả hiệp lai rai ba phải, bất thành linh chàng nô lệ lao đầu vào trong cơn một còn một mất, nhứt

chín nhì bù, còn thì còn với toàn khối diễm lệ càn khôn, mất thì xin phiêu bồng mất trụ. Tâm linh ý thức phát sinh cùng với cơn cuồng kháng.

Nhưng người ta thấy đó đồng thời là ý thức về cái toàn khối, tuy vẫn còn khá mơ hồ hàm hồ, và về một cái “toàn không” báo hiệu trận hi sinh khả dĩ thực hiện được của con người đối với cái toàn khối nọ. Kẻ phản kháng muốn mình là toàn khối, muốn đồng hóa mình trọn vẹn vào cái của quý mà anh ta vừa đột ngột ý thức được và muốn rằng thứ của đó, trong con người anh ta, phải được nhìn nhận và hoan nghênh – và vì muốn mình là toàn không, nghĩa là hoàn toàn và vĩnh viễn bị lật nhào đổi phế bởi cái lực lượng lung trạo anh ta. Tới giới hạn cuối cùng, anh ta chấp nhận cuộc đổi phế cực hung kết liễu hết mọi thị phi, ấy là cái chết, nếu như thân phận anh đão cùng phải chịu thiếu vắng cái sự chuẩn nhận cung hiến bất khả phân hóa mà anh ta gọi bằng danh từ, chẳng hạn, tự do. Thà chết đứng giữa trận tiền còn hơn sống trong quy lụy.

Theo những tác giả tỉnh táo, giá trị “thường biểu hiện một bước băng qua từ sự kiện tới quyền lợi, từ cái được mong muốn tới cái đáng mong (nói chung: qua sự trung gian của cái thói thường mong muốn)¹. Trong tinh thần phản kháng, như ta đã thấy, cái bước băng tới quyền lợi đã hiển nhiên. Cũng vậy, cái bước đi từ “đáng lẽ phải nên như thế”, tới “tôi muốn rằng sự đó phải được thực hiện là thế”. Nhưng còn hơn nữa, có lẽ, ấy là cái quan niệm của cá nhân tự vượt mình, bước vào cõi đẹp tốt chung cho cô bác, từ đó về sau. Hoặc Tất Cả hoặc Số Không – hoặc được Toàn Bộ, hoặc mất Toàn Sòng – cái tia lửa này vọt đó cho thấy rõ: trái với ý kiến thông

1. *Lalande – Vocabulaire philosophique (Cước chú của Camus).*

thường, và mặc dù là nảy sinh từ những gì có tính cách cá biệt nhất trong con người ta, tinh thần phản kháng lại đem cả cái quan niệm về cá nhân ra mà nêu thành vấn đề để tư lự. Thật vậy, nếu cá nhân liễu thân, và gặp cơ hội thì chịu chết, chết trong niềm rạt rào phản kháng, điều đó cho thấy, y hi sinh thân mình cho một lợi ích tốt đẹp, vì một cõi phúc hảo bao la, ở ngoài vùng định mệnh cá nhân mình. Nếu chàng chịu chết để bảo vệ cho cái quyền lợi nọ, nếu chàng thà chịu nát thân hơn là sống để thấy quyền lợi, lợi ích phúc hảo nọ bị huỷ diệt, ấy là chàng đã đặt lợi ích lương hảo ở bên trên cuộc đời mình. Thế nên chàng hành động, là nhân danh một cái gì. Nhân danh một giá trị? Một nội dung thanh hảo thanh hà? Còn bối rối mơ hồ, nhưng ít ra chàng cũng linh cảm rằng cái cõi đó là cõi chung cho chàng đi về cùng thiên hạ thường hằng nối mộng chung đôi. Ta thấy rằng niềm quyết đoán mạnh mẽ, bao hàm trong mọi hành động phản kháng, quả thật là dàn trải rộng ra tới một cái gì đó tràn ngập xô vỡ cá nhân chính trong hạn độ nào mà nó lôi xốc cá nhân ra ngoài niềm cô độc giả định, và cấp cho cá nhân một lý do để hành động theo tiết điệu động hành. Nhưng cũng cần phải nhận xét ngay rằng cái nội dung giá trị vốn tiên tại, vốn có sẵn từ trước khi hành động hiện ra, giá trị đó chối từ những triết học thuần đơn lịch sử, trong những triết học này, thì giá trị được chinh phục (nếu có thể được chinh phục) ở cuối đường hành động. Cuộc phân tích tinh thần phản kháng ít ra cũng dẫn ta tới chỗ bàng hoàng đăm chiêu như ngờ chừng rằng quả thật có có một bản tính nhân loại bẩm sinh, theo như người Hi-Lạp xưa đã nghĩ, và trái hẳn lại những định tắc của tư tưởng thời nay. Thật vậy, nếu không có một cái gì để trường tại cần được bảo tồn trong mình, thì còn nhọc công phản kháng làm gì cho một xác? Người

nô lệ đứng lên phản kháng, ấy là phản kháng vì mọi kiếp người trong một lúc, khi đã nhận thấy rằng: do trật tự nào, do tổ chức xã hội nọ, một cái gì thiết yếu trong con người già bị chối bỏ, một cái gì trong con người già, nhưng không phải là của riêng già, mà chính là một cõi chung cho mọi người về sum họp, kể cả cái kẻ đang chửi rủa, áp bức già¹.

Hai nhận xét sẽ phù hợp, tán trợ cho lập luận kia. Trước tiên, ta sẽ ghi nhận rằng cơn phát động phản kháng, trong tình thế của nó, vốn không phải là cơn nao hoạt vị kỷ. Hẳn nhiên là có thể có những quyết định vị kỷ. Nhưng con người ta đứng lên chống hồ ngôn loạn ngữ cũng như chống lại sự đàn áp cưỡng bức. Và chẳng, kể từ những quyết định kia, và kể từ trong thâm để cơn phản kích, kẻ phản kháng không dự trù gì hết cho mình, bởi vì già đã trăm nghìn đổ hết vào một cuộc, muôn vạn trút hết vào một trận một phen, tử sinh liêu giữa trận tiền, giạn giầy cho biết gan liền giấy lên. Hẳn nhiên là y có đòi hỏi sự tôn trọng cho riêng mình, nhưng cũng là trong hạn độ nào mà cái mình của già được đồng hóa vào trong cái mình của khắp bà con trong một cõi thuận nhiên thanh hà hảo hợp.

Sau nữa, ta hãy nhận xét rằng tin thần phản kháng không nhất thiết chỉ nảy nở nơi kẻ bị áp bức thôi, mà còn có thể nảy ra trước cái cảnh tượng áp bức mà kẻ khác phải chịu làm nạn nhân. Trong trường hợp đó, có sự đồng hóa giữa kẻ này với kẻ kia. Và cần phải xác định ngay

1. *Cõi chung hảo hợp thanh hà của những nạn nhân cũng chính là cõi chung giao nối nạn nhân với đao phủ - Nhưng đao phủ lại không biết điều đó (Có lẽ đao phủ chỉ ý thức được điều đó lúc mê cung tồn hoạt chuyển thêm một nhịp quay nữa, và đẩy đao phủ tới phiên mình phải làm nạn nhân. Và khi đó, thì mọi sự đã lỡ làng.)*

rằng đó không phải là trận đồng hoá tâm lý, một chuyển-hoán-thuật do đó, cá nhân cảm thấy bằng tưởng tượng, rằng chính là kẻ chịu cuộc lừng nhục. Không phải vậy. Trái lại, rất có thể con người ta không chịu đựng nổi lúc nhìn kẻ khác phải chịu những lừng nhục mà chính mình từng đã chịu với một tâm hồn thanh bình, không phản kháng, không phân bua. Tinh thần dấy động hoảng viển nọ được biểu dương rạng rỡ trong những cuộc tử phấn kháng của những người thuộc bạo-chính-đảng Nga, lúc họ nhìn bạn hữu mình bị đánh đập. Đó cũng không phải là ý thức về quyền lợi chung của nhóm. Thật vậy, chúng ta có thể cảm thấy tức tối lúc nhìn những bất công vô lý trút lên đầu những kẻ mà ta vốn coi là địch thủ của mình. Vấn đề chỉ là: đồng hóa trong định mệnh, chung chìm chung nổi trong thân phận con người, kết hợp con thuyền phiêu dạt long đong. Riêng cá nhân thôi, không phải là cái giá trị mà cá nhân muốn bảo tồn bảo vệ. Ít ra phải là toàn thể mọi người mới làm nên cái giá trị vô giá kia, cập bờ thiên hạ, cập bến nhân gian, và từ quan điểm đó mà xét, thì sự đoàn kết của loài người quả thật mang tính chất hình nhi thượng, và nó sắp bước vào cõi miền càn khôn vũ trụ để tồn lưu. Giờ đây, một cách đơn sơ, ta chỉ nói tới cái loại đoàn kết phát sinh từ trong những xích xiềng triển phược.

Ta còn có thể xác định phương diện xác thực của giá trị do mọi tinh thần phản kháng đoán đạc, bằng cách so sánh nó với một quan niệm hoàn toàn tiêu cực như mỗi di hận chẳng hạn, theo như Scheler đã định nghĩa. Thật vậy, tinh thần phản kháng, theo định nghĩa mạnh mẽ nhất của danh từ, còn hơn trong một sự yêu cầu, yêu sách. Mỗi di hận được định nghĩa bởi Scheler như một lối tự kỷ thụ động, một chất phân tiết tai hại hủ nát, của một thứ vô lực vô năng trầm trọng kéo dài. Trái lại, tinh

thần phản kháng lại có sức phá vỡ cái vỏ cá nhân, xuy khởi tinh anh con người, và giúp nó ra ngoài tràn lan phát tiết. Tinh thần phản kháng giải tỏa những mạch nguồn rào rạt vốn xưa kia im lìm, bỗng phát động cuồng lưu. Chính Scheler cũng đã nhấn mạnh đến phương diện thụ động của tình di hận, lúc ông lưu ý tới phân vị lớn của nó đóng chiếm trong tâm lý đờn bà phụ nữ trơn tru, vốn phó thác tinh anh thể phách vào dục vọng cuồng quay chiếm hữu. Trái lại, ở cõi nguồn tinh thần phản kháng có một nguyên lý hoạt động đồng dục lai láng và khí lực tràn trào. Scheler cũng đã rất có lý khi ông cho rằng lòng thèm thuồng thiết vọng nhuốm đậm đà tình di hận. Nhưng người ta thèm thuồng là thèm thuồng cái mình không có, trái lại, kẻ phản kháng bảo vệ cái hiện hữu của mình. Y không chỉ yêu sách một thứ của lương hảo lục hà nào mà y không có, hoặc là bị thiên hạ cướp đoạt đi. Y yêu cầu thiên hạ thừa nhận một thứ của của y hiện có, và y đã từng nhận ra, trong hầu hết mọi trường hợp, là hệ trọng hơn những thứ gì y có thể thèm thuồng thiết vọng. Tinh thần phản kháng có tính không thực tế. Vẫn theo Scheler, tình di hận, tùy theo trường hợp nó nhen nhúm trong một linh hồn mạnh bạo hoặc yếu đuối mà trở nên hoặc hãnh tiến, hoặc chua cay. Nhưng trong cả hai trường hợp, người ta muốn một cái gì khác, ở ngoài, muốn mình trở nên một cái gì đó không phải là mình nữa. Trái lại, kẻ phản kháng, trong phản ứng đầu tiên, là chối từ không để thiên hạ chạm tới mình. Gã tranh đấu để bảo toàn nguyên vẹn một phần người của gã đương bị con người rập rình tấn công. Gã không có ý chinh phục, chiếm đoạt gì, gã chỉ tìm cách buộc thiên hạ dừng lại, nể nang nhau một chút, vì trong lẽ phải, có người có ta.

Cuối cùng, tình di hận như đường khoan khoái mà hình dung trước trong tưởng tượng những đau khổ mà nó

mong muốn nhìn thấy kẻ khác bị dày vò, nhìn thấy đối tượng của niềm ganh ghét phải chịu đựng. Nietzsche và Scheler đã có lý khi ông nhận thấy mối xúc cảm nọ được làm nổi bật trong đoạn văn mà Tertullien báo cho độc giả của ông biết rằng mai sau, nơi Thượng Giới, nguồn hoan lạc vô biên của những kẻ đã được vào cõi Thiên Đường, ấy là được nhìn thấy cảnh tượng của những vua chúa La-Mã bị thiêu đốt đọa đày nơi địa ngục. Cái mối hoan lạc tối đại nọ cũng là mối hoan lạc của kẻ ì ảm chạy đi xem cảnh xử tử máu me tại pháp trường. Tinh thần phản kháng, trái lại, từ trong nguyên lý của nó, chỉ đòi hỏi một sự tôn trọng nào đó, chỉ chối từ những lăng nhục thiên hạ tấp lên thân mình, mà không yêu cầu ai phải đem lăng nhục mà trút lên cổ ai ai. Tinh thần phản kháng lại còn dám chấp nhận đau khổ về phía mình, miễn là người ta chịu tôn trọng toàn bộ mình, trong đó có mình có ta.

Do đó ta không hiểu được vì sao Scheler lại một mực tuyệt đối đồng hóa tinh thần phản kháng với niềm di hận. Sự bình luận của ông về niềm di hận trong duy nhân chủ nghĩa (mà ông coi như là hình thức phi Ki Tô Giáo của tình yêu nhân loại) sự bình luận đó có lẽ thích dụng với một vài loại nhân đạo lý tưởng mơ hồ, hoặc với những kỹ thuật khủng bố. Nhưng lại chẳng ăn nhập đâu vào đâu cả với những gì liên can tới tinh thần phản kháng của con người chống lại sự thân phận mình, cái cơn dấy động dựng con người đứng lên bảo vệ một phẩm cách chung cho mọi người. Scheler muốn chứng minh rằng nhân đạo chủ nghĩa liền với thù hận thế gian. Người ta yêu nhân loại nói chung để khỏi buộc yêu riêng người, riêng kẻ riêng tây. Điều đó đúng, ở vài trường hợp người ta càng hiểu ý Scheler hơn, lúc nhìn thấy rằng đối với ông, nhân đạo chủ nghĩa được biểu trưng bởi Bentham và

Rousseau. Nhưng lòng thiết tha của con người đối với con người, có thể phát sinh từ những gì khác hơn là cuộc tính toán số học về những lợi ích, khác hơn là từ một niềm tin, có tính cách lý thuyết, nơi bản tính con người. Đứng trước những kẻ theo lợi ích chủ nghĩa và đứng trước vị sư phó của chàng Emile, còn có, thí dụ như cái luận lý được hóa thân trong hình hài nhân vật Ivan Karamazov của Dostoievski, cái luận lý phát khởi từ cơn phản kháng đầy động và đi tới cuộc khởi nghĩa siêu hình. Scheler, vốn biết điều đó, đã tóm tắt quan niệm ấy như sau: "Trên thế gian không có đủ tình yêu để mà phung phí cho một cái kẻ nào khác hơn là chính con người ta." Cho dầu để khởi nạn thật đúng đi chăng nữa, thì cái tuyệt vọng choáng váng mà nó bao hàm vẫn đáng nhận được một cái gì khác hơn là lai rai khinh miệt. Thật ra thì để khởi đó đã không nhận thấy được tính cách đoạn trường và xé trong tinh thần phảng phất của Karamazov. Thảm kịch Ivan, trái lại, đã phát khởi từ cái chỗ: tình yêu quá nhiều, mà tìm đối tượng không ra. Tình yêu đó bị vất vơ vô dụng, Thượng Đế cũng bị chối bỏ rồi, thì người ta quyết định đem trút hết lên con người da thịt máu xương hồng hào da dẻ, nhân danh một cuộc đồng mưu cộng kế rất mực hào hiệp phong nhiều chương chỉ phiêu bồng kháng khái.

Nói tóm lại, trong cơn đầy động phản kháng theo như ta đã xem xét từ trước đến đây, người ta không có ý dựng lên một lý tưởng trừu tượng vô ảnh thần quyền do sự khô cạn tim máu hay do sự cần cỗi máu xương, hay do niềm chiêm bao cõi mộng, và nhằm vào mục đích đòi hỏi khô khan, yêu cầu cạn tất, yêu sách đậm đục nhâm nhi thần thờ. Trái lại, người ta đòi hỏi thiết tha, yêu cầu lai láng, rằng: Phải tôn trọng trong con người cái phần dào dạt hôi hôi, sinh động, cái đó không thể rút lại thành một ý tưởng trừu tượng, cái đó không dùng vào gì khác

hơn là lung linh tồn hoạt. Nói vậy có phải là bảo rằng không một tinh thần phản kháng nào có mang chứa những di hận lục đục? Đâu có phải vậy, và chúng ta cũng quá rõ lẽ đó trong một thế kỷ hận thù cừ oán. Nhưng chúng ta linh hội được cái ý niệm kia trong cái nghĩa rộng man mác nhất của nội dung nó, nếu không ắt là vi bội nó ngay, và, theo quan điểm đó mà xét, thì tinh thần phản kháng tràn ra ngoài vòng di hận ở khắp mặt bốn xung quanh. Trong Đỉnh Gió Hú của Emily Bronte, lúc Heatheliff bỏ rơi rớt Thượng Đế để chọn lấy người yêu cho được, và đòi hỏi địa ngục cho mình để có thể tái hợp với người yêu, thì đó không phải là tiếng nói thanh xuân bị chà đạp, mà còn dội lên cả một cuộc kinh lịch vạn lý thiêu thiêu cháy bỏng máu tim của cả một kiếp người trong cõi. Cũng mạch dây trào nộ đã xui khiến thầy Eckart thốt, trong một trận kỳ lạ tà đạo trở cơn, rằng: thầy thà cùng Jésus chịu đọa đày nơi địa ngục, hơn là được về thiên đường mà không có Jésus. Thì chính đó là cái cơn giấy động của tình yêu vậy. Vậy thì, ngược lại tư tưởng Scheler, ta không ngại gì không nhấn mạnh mãi vào tính chất khảng định tha thiết chịu chơi trong cuộc say tình, giữa dòng sôi động bùng bọt của tinh thần phản kháng với niềm di hận vậy. Mang về tiêu cực bên ngoài, nhân vì nó chẳng sáng tạo ra gì cả, tinh thần phản kháng thật ra tích cực được tích cực thăm thẳm vô ngần, bởi vì nó phát lộ cái gì trong con người luôn luôn phải được bảo vệ.

Nhưng, để kết thúc, tinh thần phản kháng đó và cái giá trị nó bao hàm, há chẳng phải là tương đối đấy chăng? Thật vậy, ở mỗi mỗi thời đại và mỗi mỗi nền văn minh, những lý do xui khiến người ta phản kháng dường như thay đổi. Cố nhiên một người Ấn-Độ ở giai cấp "hạ tiện", một quân nhân trong đế chế Inca, một

người dân man di ở Trung phần Phi-Châu, hoặc một phần tử những Kitô giáo đoàn sơ thủy, họ không cùng có những ý niệm giống nhau về tinh thần phản kháng. Ta còn có thể xác định, một cách rất mực cái nhiên, rằng quan niệm về sự phản kháng quá thật không có ý nghĩa gì trong những trường hợp rõ rệt kia. Tuy nhiên, một người nô lệ Hy-Lạp, một dung binh thời Phục Hưng, một nhà trưởng giả Pari ở đời Nhiếp Chính Philippe d'Orléans, một kẻ tri thức nước Nga năm 1900, và một thợ thuyền hiện đại, nếu họ có thể khác nhau về những lý do phản kháng vậy. Nói một cách khác, vấn đề phản kháng dường như chỉ có ý nghĩa rõ rệt là ở giữa lòng tư tưởng Tây Phương. Ta còn có thể nói một cách minh bạch hơn nữa khi cùng Scheler nhận định rằng tinh thần phản kháng thật rất khó khăn được biểu thị trong xã hội có những bất bình đẳng quá lớn (chế độ quân phiệt tại Ấn-Độ hoặc, trái lại, trong xã hội mà con người đều hưởng bình đẳng tuyệt đối (vài xã hội nguyên thủy). Tinh thần phản kháng chỉ có thể phát sinh là trong những đoàn thể, mà tại đó sự bình đẳng lý thuyết lại che giấu không biết bao nhiêu bất bình đẳng thực sự. Vấn đề phản kháng chỉ có ý nghĩa là ở giữa xã hội Tây Phương chúng ta. Và từ đó, ta có thể muốn quyết đoán theo một lối hấp dẫn nào đó, rằng vấn đề phản kháng tùy thuộc vào sự tiến triển của cá nhân chủ nghĩa, nếu những nhận xét trên không ngăn ngừa ta trước kết luận đó.

Trên bình diện hiển nhiên, tất cả những gì ta có thể kéo ra từ nhận định của Scheler, ấy là, thật vậy, bởi cái thuyết về tự do chính trị, thì ở giữa lòng những xã hội Tây Phương chúng ta, có một sự tăng tiến về quan niệm con người, và do sự thực hành đó mà nảy sinh bất mãn. Tự do thật sự không tăng tiến một cách tương xứng với ý thức về tự do của con người. Từ nhận xét đó, ta chỉ có thể

suy diễn điều này: tinh thần phản kháng là một sự kiện, một thái độ của con người được khai minh, đã ý thức được quyền lợi của mình. Nhưng không có gì cho phép ta nói rằng đó chỉ là những quyền lợi cá nhân. Trái lại, xét theo tính chất đoàn kết đã nêu ra, thì dường như đó chỉ là những ý thức càng ngày càng lớn rộng ra mãi của chung loài người nhận định về thân phận mình dọc suốt cuộc phiêu lưu trong lịch sử. Thực ra, người dân xứ Inca hoặc kẻ bản cùng Ấn-Độ không nêu ra vấn đề phản kháng, ấy bởi vì vấn đề đó đã từng được giải đáp cho họ trong truyền thống rồi, và trước khi họ mở miệng nêu câu hỏi ra, thời lời đáp đã nghiêm nhiên là: chuyện thiêng liêng bất khả phạm, việc thánh thần đã ổn định thiên thu. Nếu trong thế giới thiêng liêng thần thánh, ta không tìm thấy vấn đề phản kháng, ấy thật quả là bởi rằng tại đó không có chỗ cho trận khả nghi, mọi lời đáp cùng một lúc đã được ban cấp vuông tròn. Mọi siêu hình được thay thế bằng màn thần thoại. Không còn câu hỏi hoang mang, không còn chất vấn khắc khoải, chỉ có những lời đáp êm ru vạn đại, những lời thánh thốt thiên thu, và kể từ đó, chúng có thể mang tính cách siêu hình. Nhưng trước khi con người bước vào cõi thiêng liêng thần thánh, và lại muốn cho con người bước vào; hoặc khởi từ khi con người từ cõi đó bước ra, thì con người vốn là chất vấn và phản kháng. Con người phản kháng là con người nằm tại trước hoặc sau cái cõi thiêng liêng, và trong chuyên chú yêu sách một tổ chức trật tự của người, tại đó mọi lời đáp phải là của người, nghĩa là được môi miệng người biểu minh, thuận theo lý tính. Khởi từ đó, mọi câu hỏi, mọi lời mọi tiếng thốt ra, đều là phản kháng, trong khi giữa vũ trụ của thiêng liêng, mọi lời là tác động của ân sủng, mọi tiếng là cảm tạ hồng ân. Từ đó có thể minh thị rằng đối với tinh thần con người chỉ có thể có hai vũ trụ mà

thôi, vũ trụ của thiêng liêng, hoặc, nói theo ngôn ngữ ki-tô-giáo, vũ trụ của ân sủng¹, và vũ trụ của phản kháng. Vũ trụ này của tiêu trầm, thì vũ trụ kia xuất hiện, mặc dù sự xuất hiện nó có thể mang những hình thức kỳ quặc. Tại đó, người ta tìm thấy trở lại cái *Hoặc-Toàn-Khối-hoặc-Số-Không*. Nhứt chính nhì bù. Vấn đề phản kháng mang tính chất hiện thực cấp thiết, ấy chỉ là do dự kiện: hàng hàng dân tộc, hàng hàng xã hội con người ngày nay muốn đứng biệt lập đối với cõi thiêng liêng. Chúng ta sống trong một lịch sử phi thần vô thành, mọi thứ thiêng liêng đều được bài trừ. Con người, kể thật ra, không thể thấu tóm trong tinh thần nổi loạn. Nhưng lịch sử ngày nay, với những tranh chấp tố tụng liên miên, buộc chúng ta phải nhìn nhận tinh thần phản kháng là một trong những kích thước cốt yếu của con người. Nó là hiện tại lịch sử chúng ta. Trừ phi cố ý lẩn trốn thực tại mà chẳng nói làm gì, nếu không, chúng ta buộc phải tìm trong tinh thần phản kháng là: con người ta có thể nào tìm ra cho mình một luật tắc dẫn đạo, ở ngoài cõi thiêng liêng và những giá trị tuyệt đối của cõi ấy?...

Chúng ta có thể ghi nhận cái giá trị mơ hồ hàm hỗn nảy sinh tại chỗ biên giới nó là tọa vị của tinh thần phản kháng. Giờ đây chúng ta tự hỏi xem giá trị nọ ta có tìm thấy lại được không những hình thái hiện đại của tư tưởng và của hành động phản kháng, và, nếu nó còn tồn tại, ta cần phải xác định nội dung của nó. Nhưng cơ sở

1. *Cố nhiên ở giai đoạn đầu của Ki Tô Giáo có một sự phản kháng siêu hình, nhưng cuộc phục sinh của chúa Ki Tô, lời báo biểu cuộc tái giáng và non nước Thiên Đường được hứa giải như một hứa hẹn đời sống vĩnh viễn, tất cả những cái đó là những lời giải đáp đã làm cho sự phản kháng trở thành vô dụng. (Cước chú của Camus)*

của giá trị nọ là chính tinh thần phản kháng, hãy xin lưu ý tới điều đó trước khi tiếp tục. Sự đoàn kết của người ta được thiết lập trên tinh thần phản kháng, và tinh thần phản kháng, tới lượt mình, chỉ có thể được biện chính là trong mối quan hệ tương liên nọ. Vậy thì chúng ta sẽ được quyền nói rằng mọi phản kháng nào chối bỏ hoặc phá vỡ sự đoàn kết kia, lập tức tự thủ tiêu danh hiệu mình, không còn đáng gọi là phản kháng nữa, mà thật ra phù hợp với một sự chấp thuận tai hại tàn khốc. Cũng vậy, trong sự đoàn kết kia, nằm ở ngoài vòng cõi liên hệ thiêng, chỉ sinh thành là song song tầm mức với tinh thần phản kháng. Bị kích thích thực của tư tưởng phản kháng được báo biểu từ đó. Muốn tồn tại, con người phản kháng, nhưng trong sự phản kháng con người phải tôn trọng cái giới hạn mà tinh thần phản kháng tự tìm thấy ở tại chính trong mình, và tại đó những con người cùng nhau quy hợp, khởi sự tồn sinh. Tư tưởng phản kháng vậy là không thể xóa bỏ ký ức: tư tưởng phản kháng là một trạng thái khẩn trương triền miên không dứt. Sau này, theo dõi nó trong những tác phẩm và hành động của nó, ta sẽ từng bận nhiều phen, xác định rằng tư tưởng phản kháng vẫn còn giữ trung thành với tinh thần cao nhã ban sơ của nó, hay đã quên mất đi rồi, hoặc vì mỗi mệ hay ngông cuồng, trong một trận tê mê say máu tàn bạo hay nô lệ tội đời.

Trong khi chờ đợi, đây là bước tiến bộ đầu tiên mà tinh thần phản kháng đã xuy khởi được cho cơn suy giảm thắm nhuần lẽ phi lý và nỗi đời mang dáng dấp cằn cõi bên ngoài. Trong kinh nghiệm lẽ phi lý, niềm đau khổ mang tính chất cá biệt. Khởi từ cơn giấy động phản kháng, mỗi thống khổ tự ý thức được tính chất công cộng tập đoàn của mình. Đoạn trường là cuộc phiêu lưu chung. "Rằng: người ta tự nghìn xưa..." Vậy thì, bước tiến bộ đầu

tiên của một tinh thần choáng váng trước nỗi đời xa lạ kỳ ảo, ấy là: nhìn nhận rằng mình chia sẻ mỗi kỳ ảo quý dị với mọi người, và thực-tại-người, trong toàn thể, cũng đau đớn vì khoảng cách biệt ngăn chia mình với mình, mình với ta, ta với cõi doanh hoàn. Một kẻ riêng biệt chịu đọa đày, thì toàn thể nhân gian mang dịch hạch. Trong cơn thử thách mà hằng ngày chúng ta chịu đựng, tinh thần phản kháng đóng vai trò giống như cái “tôi suy tư” (cogito) trong lĩnh vực tư tưởng: đó là sự hiển nhiên đầu tiên vậy. Nhưng sự hiển nhiên đó lôi xóc cá nhân ra khỏi cơn cô độc của mình. Đó là một cõi chung thiết lập giá trị đầu tiên nơi mọi người. Tôi phản kháng, vậy thì chúng ta hiện hữu.

PHẢN KHÁNG SIÊU HÌNH

Chiêm bao rút hột hàng hàng

Từ xiêm trắng xuống

Hồn mang trên đầu...

Tặng MONROE

và Homère

PHẢN KHÁNG VÀ NGHỆ THUẬT

*Thì có Lẽ
 Như bây giờ lần nữa
 Một bài ca sẽ chuyển điệu khôn hàn
 Lời gay cần đầu thai trong vó ngựa
 Hồn hóa sinh về Núi Đá mưa ngàn*

TƯ TƯỢNG GIỜ NGO

1

*Sông lên mùa cũ hội hè
 Liễu hoa cổ độ lập lòe vết son
 Ngáng lên chót vót trời tròn
 Ân tình đất méo máu còn bổ sung*

LỄ HỘI

2

*Úp mũ lên đầu bước xuống sân
 Chiều nay con én chẳng bay gần
 Đường đi xuống phố phai tà áo
 Quốc sắc em còn hai ống chân.*

MƯA NGUỒN

Tặng MONROE và Homère

André Gide

DƯỠNG CHẤT TRẦN GIAN
(1897)

*Đây là những trái cây đã từng
nuôi dưỡng chúng ta trên mặt đất*

KINH KORAN, 11, 23.

Tặng bạn Maurice Guillot.

A. G.

*Ta đang ngủ trong luân hồi tình dục
Thấy trần gian là một hội hoa đăng.*

H. C.

Người dịch ghi thêm. - Bài Tựa này của Gide nhắc nhở một điều tối ư cần yếu đối với độc giả của Gide. Cuốn sách thì tràn lan, mà bài tựa thì chung đúc: một tia sáng xuyên vào trung tâm linh hồn suối nước. Bạn đọc không nên bỏ qua.

Cuốn *Les Nourritures Terrestres* lai láng như nhựa xuân đầu mùa. Trên một trăm rưỡi trang (không kể phần *Les Nouvelles Nourritures*). Chúng tôi chọn vài ba chục trang tiêu biểu in vào tập sách này, gọi là một chút quà mọn vậy.

B. G.

LỜI TỰA VIẾT VÀO DỊP TÁI BẢN 1927

Juillet 1926

Cuốn sách của tình hoài xuất phóng, tình mộng giải thoát này, là cuốn sách để người ta nhốt tôi vào ở trong; và thói quen đó đã thành lệ. Nhân lần tái bản này, tôi mong trình bày với những bạn mới vài chút suy gẫm sẽ cho phép chúng ta giảm bớt sự quan trọng của cuốn sách, tôi sẽ đặt định nó vào vị trí và giải bày duyên do cho nó một cách chính xác hơn.

1. Dưỡng chất trần gian là cuốn sách, nếu không của một kẻ đau ốm, thì ít ra cũng là của một kẻ vừa mới khỏi bệnh – của một kẻ từng đã ốm đau¹. Chính trong tình

1. Độc giả Việt Nam cũng nên nhớ tới quan niệm của Nietzsche về kẻ *Convalescul* – kẻ vừa khỏi bệnh là kẻ đang lên đường tìm về trở lại trong tình thế bản ngã mình.

chất dào dạt nhiệt tình của nó, có bao hàm những mối tràn trào quá độ của cái kẻ ôm xiết lấy cuộc đời như ghi ôm một cái gì mà mình đã suýt đánh mất.

2. *Ta viết cuốn sách này vào cái thuở mà văn chương Pháp mang đầy rẫy chất giả tạo và cái mùi ngọt ngọt ẩm mốc bốc hơi; vào cái thuở tôi thấy việc cấp bách phải làm là: xô văn chương chạm đất trở lại, và đơn giản đặt lên đất một bàn chân trần.*

Cuốn sách đã va chạm nặng nề phong thói thời buổi, va chạm đến cái mức độ nào, sự thất bại hoàn toàn của cuốn sách đã cho thấy rõ điều kia. Không một nhà phê bình nào đã nói tới. Suốt mười năm, chỉ bán được vừa đúng năm trăm quyển.

3. *Tôi đã viết cuốn sách vào cái lúc tôi vừa thành lập gia thất, yên định đời mình; tôi đã tự ý chối bỏ một cõi tự do mà cuốn sách, tác phẩm nghệ thuật, càng thiết tha lập thời đòi hỏi. Và khi viết nó, cố nhiên, tôi đã thành thật hoàn toàn. Và tôi cũng thành thật xiết bao, trong cơn phủ nhận của tim máu tôi¹.*

4. *Tôi xin nói thêm rằng mình không có ý muốn dừng lại với cuốn sách này. Cái trạng thái phát phơ phờ hoạt, cái tình huống sẵn sàng gián thân chịu chơi cuộc khác mà tôi đã mô tả, tôi đã ghi hình nét chúng theo cách điệu nhà tiểu thuyết ghi nét một nhân vật giống mình, nhưng do mình phát minh: và hơn nữa, ngày nay dường như tôi nhận thấy rằng những hình nét kia, tôi vừa ghi, vừa tạc, vừa tách lia nó ra khỏi mình, tôi không*

1. Kỳ diệu của Gide là ở chỗ: vừa thiết tha kêu gào hưởng thụ, vừa đòi hỏi trút bỏ hết để lên đường, vừa yêu cầu tự do tuyệt đối, vừa nghiêm ngặt yêu sách ghi thân trong kỷ luật, bó thân về với con vợ già. Đại khái cũng gần như Tứ Hải và Thúc Sinh.

buộc chặt chúng lại mà đồng thời không xô đẩy mà đồng thời không giữ áo tự chia ly mình ra xa biệt nó¹.

5. Thường thường người ta xét đoán tôi thuận theo cuốn sách viết ngày tuổi trẻ, làm như dường coi cái đức lý của cơn Dương Chất này là đức lý của suốt cuộc đời tôi, tôi người trước nhất, tôi kẻ trước tiên, tôi đã không nghe theo cái lời dặn dò của tôi khuyên nhủ người bạn trẻ: “Hãy vứt cuốn sách của ta đi, và rời bỏ ta nhanh nhé”². Vâng, tôi đã lập tức rời bỏ tôi-cái-kẻ-đã-từng-là lúc tôi viết Dương Chất; cho đến nỗi nếu xét lại đời mình, tôi nhận ra rằng cái nét chính yếu trong đời tôi, quả thật hoàn toàn chẳng phải là lòng vô định bất kiên, mà trái lại là tình chung thủy. Cái niềm chung thủy sâu xa của trái tim và khối óc, tôi tưởng đó là cái thứ rất mực hiếm hoi. Những kẻ nào, trước cái lúc chết đi, có thể nhìn thấy được thành tựu vuông tròn những gì mà các gã vốn xưa kia đã từng dự định thành tựu mai sau, những kẻ ấy là ai, xin người ta hãy gọi tên cho tôi biết, và tôi xin đi lại gần bên họ mà tìm thấy chỗ ngồi tròn trịa của mình.

6. Thêm một lời nữa: Vài kẻ chỉ biết nhìn thấy trong cuốn sách này, hoặc chỉ thuận lòng nhìn thấy, một trận xiên dương những dự vọng và những bản năng. Tôi tưởng đó là một lối nhìn có phần hơi thiên cận. Đối với tôi, lúc giở trở lại tập sách ra, cái điều tôi nhìn thấy rõ hơn trong đó, ấy chính là một cuộc biện hộ cho lòng thanh bạch trống trơn. Đó chính là điều tôi giữ lại của tập sách, rời bỏ mọi thứ khác, và chính là điều tôi còn giữ được trung thành. Và đó cũng là cái điểm mà tôi đã, như sau này tôi sẽ kể, hòa hợp được với giáo lý của Phúc

1. Cf. Camus – Sổ Ghi (Carnets)

2. Nhưng hỡi ôi! Gide a.. Một lần đại đột ghì lấy cái “hồng nhan”, là một lần trăm luân vĩnh viễn. Nằm xuống một lần bên lá cỏ, là vĩnh viễn không còn dịp đứng lên. Lòng nhân gian bởi hồi sợ hãi lắm.

Âm, để tìm thấy sự thành tựu viên mãn bản ngã mình ở trong sự quên mình, mới yêu sách cao nhất, và niềm hạnh phúc bát ngát nhất.

*“Mong rằng cuốn sách của ta sẽ dạy bạn lưu tâm ý tới mình nhiều hơn tới cuốn sách, - và lưu tâm ý tới mọi thứ khác nhiều hơn tới mình.” Đó là điều mà bạn đã có thể đọc thấy rồi trong lời đầu và trong những dòng cuối của cuốn *Nourritures*. Sao còn buộc tôi lặp lại làm chi nữa?*

A.G.

Hỡi Nathanael, xin người đừng hiểu lầm cái nhan đề tào bạo mà ta đã thích chọn cho cuốn sách này: ta đã rất có thể gọi cuốn sách bằng tên Ménéalque. Nhưng Ménéalque chẳng bao giờ đã là kẻ có thật, cũng như bạn vậy, bạn chẳng bao giờ đã thật có hiện hữu với ta. Cái tên người duy nhất mà bìa sách này có thể mang, ấy là tên của chính ta; nhưng đã thế, thì làm sao ta còn dám ký chép ra được nữa?

Ta đã đặt mình vào trong sách, không trau chuốt, chẳng thận trọng; và nếu trong sách này, đôi lúc ta nói tới những miền xa lạ, những xứ xa xôi ta không hề nhìn thấy, nói tới những mùi hương ta không hề hít được chất thơm, nói tới những hành động ta không hề có làm thật – hoặc nói tới người, Nathanael của ta, mà ta chưa được gặp bao giờ - thì ấy chẳng phải do lòng nguy biện tán dóc, mọi sự vụ đó cũng chẳng phải gian dối gì, cũng như cái tên Nathanael của ta ban cho bạn, hỡi Nathanael sẽ đọc sách ta, ta ban cho người cái tên nọ, ta không biết cái tên thật của người về sau nó ra như thế nào.

Và sau này, khi người đã đọc xong ta, thì hãy vứt cuốn sách này đi – và bước ra ngoài. Ta mong rằng cuốn sách sẽ đem lại cho người niềm ước muốn bước ra – ra khỏi bất cứ chỗ nào, khỏi phố thị quê người, khỏi gia

đình người, khỏi phòng người, khỏi tư tưởng người. Đừng mang theo cuốn sách ta bên mình. Nếu ta là Ménalque, để dắt dẫn người, ắt là ta đã nắm lấy bàn tay phải của người, nhưng bàn tay trái của người ắt không hay biết gì sự đó, và cái bàn tay người mà ta siết chặt, ta ắt đã sớm buông thả nó ra rồi, lúc bọn mình đã đi xa những phố thị, và ắt ta đã bảo người: hãy quên ta đi.

Mong rằng cuốn sách của ta sẽ dạy người lưu tâm ý tới mình nhiều hơn tới cuốn sách, - và lưu tâm ý tới mọi thứ khác nhiều hơn tới mình.

Mon paresseux bonheur qui longtemps sommeilla
s'éveille...

*Niềm vui biếng nhác trong mình
Triền miên đã ngủ, thành linh trở con...*

HAFIZ

I

Nathanael, đừng ước mong tìm thấy Thượng Đế ở nơi nào ngoài chỗ: khắp chốn, khắp nơi.

Mỗi tạo vật chỉ dẫn Thượng Đế, không một tạo vật nào biểu bạch Thượng Đế.

Ngay cái lúc nhân quan ta nấn ná dừng lại nơi một vật nào, vật đó liền ngăn cản ta không cho ta gần được Thượng Đế.

Trong khi thiên hạ lo xuất bản liên miên, hoặc chú tâm dùi mài làm việc, thì ta đã trải ba năm tròn du lịch để quên đi tất cả những gì ta đã học được trong đầu. Cuộc giải-trừ-học-thức đó đã kéo dài chậm chạp và khó khăn; nó lại hữu ích cho ta hơn mọi thứ học thức do con người cưỡng bức, nó thật đúng là bước khởi đầu của một nền giáo dục.

Người sẽ chẳng bao giờ biết được những bao nhiêu cố gắng cần thiết để khiến ta lưu tâm ý tới cuộc sống; nhưng giờ đây cuộc sống đã xui ta lưu tâm chú ý, thì ấy cũng sẽ như vô-ngần-mọi-sự đó mà – vô hạn thiết tha.

Ta đã trừng phạt thịt da mình một cách khinh khoái lảng lảng, vì cảm thấy nhiều hoan lạc trong sự trừng phạt hơn là trong tội lỗi - ấy bởi ta đã từng say sưa kiêu hãnh khôn xiết trong sự vụ: không phạm tội một cách đơn sơ.

Xóa hết nơi mình mọi ý niệm về công trạng; tại đó có một chương ngại lớn cho tinh thần.

... Trạng thái mơ hồ của những đường lối chúng ta, đã dày dọa chúng ta suốt đời. Ta sẽ nói gì với người? Ta ắt sẽ nói gì? Mọi chọn lựa đều kinh khủng, lúc ta nghĩ tới: kinh khủng vô cùng, một tự do không được một bốn phận nào hướng dẫn nữa. Một con đường phải tuyển định trong một xứ sở xa lạ suốt miền, tại đó mỗi kẻ phải tự mình tìm thấy cuộc phát minh của mình và, xin người hãy để ý cho kỹ, mỗi kẻ chỉ tìm ra cuộc phát minh cho riêng mình mà thôi; thế nên chỉ cái dấu vết mơ hồ lưu ly nhất trong giải đất Phi Châu mù tăm heo hút nhất, so ra, vẫn còn không lờ mờ huyền hoặc bằng... những cụm cây bóng thắm quyến rũ ta; những rừng thưa trái chín hấp dẫn ta; những ảo ảnh suối nguồn chưa khô cạn... Nhưng đúng ra, những suối nguồn sẽ chảy tại chỗ nào những ước ao thềm muốn của chúng ta giục giã chúng ta; bởi vì miền xứ chỉ tồn tại theo nhịp bước chân ta tiến tới, lại gần mà cấu kết, và phong cảnh bốn bề cũng tuần tự mà dần xếp rún rẩy thân mình trước nhịp chân vang; và chúng ta không thấy gì ở cuối chân mây; và ngay cả bên ta, cũng chỉ một biểu diện vô thường liên tiếp chuyển dịch, chuyển đi.

Nhưng tại sao phải đưa ra những tỷ giáo trong một đề tài khôn xiết trầm trọng? Hết thấy chúng ta cùng tưởng rằng phải khám phá ra Thượng Đế. Mà hỡi ôi, trong khi chờ đợi tìm ra Ngài, thì chúng ta chẳng rõ phải mò vào đâu mà gửi gắm những cầu nguyện đắm chiêu

bên những mép bờ điu hiu trắng mọc. Rồi người ta rút cuộc tự nhủ mình rằng Ngài ở khắp chốn, khắp nơi, ở tràn lan bất cứ nẻo nào lai láng, ôi cái Ngài bất khả tư lường, ôi cái Đấng vô phương phát hiện, thôi con xin quỳ bừa bãi hai gối xuống bất cứ chỗ nào.

Nathanael ôi, người sẽ giống như cái gã mộng du, bị mù nào hấp dẫn, lần mò tìm phương hướng, dõi theo một làn ánh sáng mà chính gã cầm gọng ở trong tay.

Đi đâu thì đi, bước tới đâu thì bước, người cũng chỉ gặp Thượng Đế mà thôi, - Thượng Đế, Ménélaque đã từng bảo: Thượng Đế, ấy là cái gì thị hiện ở trước mắt ta.

Nathanael ôi, người sẽ bước đi bên mình phố thị, thôn làng, người sẽ ngó khắp vật và đồ, ngó qua một cái, người sẽ không dừng lại bất cứ nơi đâu.

Điều *quan trọng* nằm tại trong cái nhìn của người, không nằm trong cái vật được nhìn.

Tất cả những gì người giữ lại trong mình về những kiến thức riêng biệt, sẽ còn *riêng biệt* mãi đối với người cho tới ngày thiên thu chìm hút, cho tới buổi chung cục của thời gian. Thì tại sao nhà người lại quá xem trọng chúng làm chi vậy?

Có lợi ích trong những cơn thèm muốn, và lợi ích trong cuộc làm rã riêng thèm muốn - vì bởi do đó mà thèm muốn được tăng gia. Bởi vì, ta nói thật với người đó, Nathanael ạ, mỗi một thèm muốn đã làm ta phong phú hơn sự chiếm hữu đối tượng của cơn thèm muốn, sự chiếm hữu luôn luôn giả trá.

Vì xiết bao những vật ngọt, đồ mềm, vật thơm, đồ dịu, ta đã mòn rơi lá phổi ân tình, ta đã tan rã hình hài bởi buổi tìm đắm đuối. Chúng lộng lẫy thế nào, là cũng bởi ta đã để cháy lòng mình cho hồn thiêu trong tiếng thờ, kêu gọi chúng không ngừng bằng da thịt của tội lỗi

hương ngáy. Tới bây giờ mới thấy đây. Mà lòng đã cháy tự ngày đầu cơn. Cho lẫn lóc đá linh hồn. Liều yêu bài động, cho tồn sinh dâng. Phong tình vạn chủng thiêu thân. Xuân phong tiểu bộ chín tầng rụng rơi. Ngàn thu rớt hột chân trời. Niềm ngáy ngát gọi cơn mời mọc kêu.

Là kẻ tà ngôn nguy thuyết trong mọi kẻ nguy thuyết tà ngôn giữa thiên hoa loạn trụ, ta đã để tinh anh cùng thể phách mình quyến rũ bởi mọi cơn cố chiêm bao, đầu hiu lá cỏ, với trắng mọc đầu rừng, với trùng khơi cuối rú, với những lớp lớp phù kiều khôn xiết chia xa. Mỗi tinh thần mỗi tinh thể chỉ phát tiết ra ngoài mỗi tinh anh cho hồn ta chăm chú vào kết mộng, là chỉ khi nào chúng mỗi mỗi riêng tây bất ngờ như riêng tây từng cơn ngẫu nhi, không bao giờ lặp lại cái dạng thức giống nhau. Cho đến nỗi ta đã từng đi tới cái chỗ bài trừ trong con người của ta cái niềm đồng tình lân ái, đồng cảm trắc ân, đồng khí tương cầu, đồng trần tương tróc, vì ta nhìn thấy trong đó cái lẽ hằng thiên hạ nhân tuần gò gắm theo nhau.

Chớ có giữ cái niềm căm thông lân mẫn, hỡi Nathanael - chỉ có niềm ngáy ngát si mê.

Hành động mà không cần xét đoán xem cái hành động nó hay nó dở, nó bê bối hay tốt lành, nó thơm tho hay chất chất, miễn là nó lừng vai phố chợ, ắt là nó chấn động khe em.

Hỡi Nathanael, ta sẽ dạy cho người niềm đề mê tình mộng, mỗi ngáy ngát ý chiêm bao.

Nathanael, một cuộc tồn hoạt thiết tha sôi động, hơn là côi bình lặng êm đềm. Ta không cầu mong sự yên nghỉ nào khác, ngoài sự yên nghỉ trong giấc ngủ của thần chết thiên thu.

Ta sợ rằng, mọi thềm muốn, mọi ước ao, mọi khí lực dâng trào mà bình sinh ta đã không đền đáp, chúng sẽ

còn theo đuổi ta trong kiếp khác, còn khuấy phá ta mãi ở thế giới nào, để đòi hỏi cho được sự bất diệt hồi sinh. Ta ước vọng một điều: sau khi đã phát biểu xong trên mặt đất này tất cả những gì trong ta đã chờ đợi, lòng ta đã thỏa vọng, thì ta sẽ hoàn toàn *tuyệt vọng* chết đi.

Không phải niềm lân cảm, hỡi Nathanael. Tình yêu. Người hiểu chứ, chẳng nghe? Rằng đó đâu có cùng là một thứ! Ấy cũng vì sợ đánh mất một cuộc tình yêu, mà đôi phen ta đã từng có thể chịu tương giao lân cảm với những mối buồn sầu, những cơn phiền muộn, những nỗi đoạn trường.. Nếu không vì sợ thế, thì ta khó mà chịu đựng chúng được. Hãy dễ yên cho mỗi người, mỗi kẻ, mỗi lo toan chăm sóc mỗi một đời mình.

(Ta không thể viết được hôm nay, vì một bánh xe đương quay xè xè tại bực chứa lúa. Hôm qua ta đã có nhìn thấy nó. Nó đập hột cải colza. Vô bay tung tóe; hột lăn tràn đất. Bụi bám không gian làm ta ngạt thở. Một thiếu phụ phiêu bông xoay tròn thốt cối xay. Hai thằng con trai lực lưỡng, chân trần, vun quén lấy hột. Hột biến làm hạt. Hạt vàng. Hạt ngọc. Ở hột kim cương.

Ta khóc bây giờ một trận vì ta chẳng còn gì để nói nữa cho ra lời.

Ta biết rằng người ta không có khởi sự viết, khi người ta chẳng còn gì hơn nữa để nói, ngoài cái vụ sự kia. Nó lai rai một cách! Tuy nhiên ta cũng đã viết rồi, và sẽ còn viết nữa, viết hoài, viết mãi, viết vô ngần những việc vật và đồ kia, nọ khác nữa nữa đó mà, về vấn nguyên một cái sự vụ nọ lai rai...)

*

Nathanael, ta muốn ban cho người một niềm vui chưa bao giờ người được ai ban cho từng đã. Ta chẳng biết ban

cấp như thế nào, cho người đón nhận làm sao. Tuy nhiên, niềm vui kia, ta có đó. Niềm vui nọ, ta sở hữu thật đây mà. Ta muốn gạ chuyện với người theo lối nào thân thiết hơn, thân thiết nữa, như chưa bao giờ có kẻ đã từng thân thiết gạ chuyện thế với người. Ta muốn tới bên người vào một cái giờ đêm khuya khoắt, vào cái lúc người đã chán chường lần lượt giở hết sách nọ đến sách kia, liên tiếp mở ra rồi khép lại, người tìm chi trong đó, một cái gì hơn cái của chúng trao; một cái gì mệnh mang mở phơi hơn cái điu hiu chúng phơi mở; một cái gì he hé sâu tỏa hơn cái của chúng hé ra kia; ta muốn tìm tới người vào cái lúc mối nhiệt tình ngậy ngát của người sắp biến làm sầu muộn; vì cảm thấy thiếu một bàn tay đỡ, thiếu một cánh tay nâng. Ta chỉ viết vì người thôi, người ạ; ta chỉ viết cho người vào riêng những cái giờ nọ, ồ người ạ, hiểu không. Ta sẽ nói với người về nỗi niềm nam diện. Ta sẽ bảo với người về nông nỗi nam phương. Không. Ta sẽ không nói gì về cái riêng tây ấy hết. Ta sẽ nói cái không lời trong vắng lặng cáo thơ. Ta sẽ viết một tờ xanh phiêu bông suốt xứ, người sẽ không tìm thấy một chút gì của tình tự cá nhân ta, người sẽ không tìm ra một chút gì của tình tự ta riêng biệt, mọi thứ tư tình tư ái đều vắng mặt với tư ân, chỉ còn riêng thôi là cái gì dường như là riêng của tia phóng xạ của riêng tình riêng mộng của riêng người cuồng nhiệt bốc hơi. Ta muốn tới bên người sẽ sẽ, ta muốn rằng người hãy yêu ta.

Mối sâu miên man chỉ là dư hương của nhiệt tình lả tả.

Mọi kẻ, mọi người, mọi sinh vật đều có thể lỏa thân: mỗi cảm kích đê mê, mỗi có thể đi về trong viên mãn.

Những cảm kích của ta đã mở cánh tròn xoe như một nền xanh tôn giáo. Người có thể hiểu được chứ: mọi cảm xúc vô ngần cùng một trận hiện diện hồ phương lan nam diện vô biên.

Nathanael, ta sẽ dạy người về ân tình nồng nhiệt.

Những hành động của con người bám vào người, như tia sáng lân hỏa báo vào chất lân tinh. Chúng thiêu hóa ta, nhưng làm nên cõi miền ta lộng lẫy.

Và nếu linh hồn ta có một chút ý nghĩa nào đáng giá, ấy cũng bởi rằng nó đã cháy nòng nân hơn một vài linh hồn khác ở trong cõi trăm năm.

Ta đã nhìn thấy các người, hời những đất đồng tằm gội trong màu trinh bạch bình minh; hời những hồ nước xanh, ta đã tắm mình trong làn xanh người thúy lục – ta đã mỉm cười trước mỗi làn gió reo vui về mơn man mép tai ta một cách! đó là những thứ ta sẽ còn nói nhiều, nói mãi, hời Nathanael. Ta sẽ dạy cho người ân tình nồng thắm.

Nếu ta biết được những vật đồ gì đẹp hơn nữa, ấy ắt là những thứ ta ắt nói – vâng, ấy ắt là riêng những thứ đó mà thôi.

Ménalque, người đã không dạy ta tinh thần hiền thánh. Không; người đã dạy ta tình yêu.

*

Đối với Ménalque, tình của ta có hơn tình bạn, Nathanael ạ, và chỉ thua tình yêu chút ít thôi. Ta cũng yêu anh ta như một người anh em ruột.

Ménalque thật là nguy hiểm; hãy sợ anh ta nhé. Những kẻ hiền nhân quân tử ai là chẳng bài xích Ménalque, nhưng trẻ bé thì không e sợ gì anh ta cả. Anh ta bày vẽ chúng đừng có chỉ yêu riêng gia đình anh em cha mẹ mà thôi, và dạy cho chúng biết lần hồi rời bỏ gia đình; anh ta làm cho trái tim con trẻ đau một trận trong một cơn thèm muốn những trái lạ, trái chát, trái chua, trái điều

hiu man rợ, anh ta xui tím máu chúng phân vân bởi một thứ tình yêu kỳ tuyệt. A! Ménéalque hỡi, với anh, ta đã từng mong muốn còn được lãng quăng chạy hoài trên những dặm đường khác nữa. Nhưng anh lại thù ghét cái lòng yếu đuối và chỉ muốn bày vẽ ta biết lối rời bỏ anh, rời bỏ hết, để ra đi.

Trong mỗi con người ta, còn xiết bao những khả năng kỳ lạ. Cái hiện tại ắt sẽ chứa tràn đầy bao nhiêu những thấy thấy tương lai, những mọi mọi mai hậu, nếu như cái quá khứ không phóng về một lịch sử đã rập rình chận nẻo phiêu du. Nhưng, hỡi ôi! Một quá khứ duy nhất chỉ đề khởi một tương lai duy nhất – và phóng nó ra trước mặt chúng ta, như một nhịp cầu dằng dặc trên không gian.

Người ta chỉ chắc chắn chẳng bao giờ làm là duy chỉ cái điều người ta không thể hiểu. Hiểu, ấy là cảm thấy có thể làm. *Đảm đương cái "chất người" nhiều được bao nhiêu quý bấy nhiêu, đó là thành ngữ tốt.*

Những thể thức khác nhau của cuộc sống; đối với ta, thấy thấy cùng đẹp cả. (Điều ta nói đó với người, ấy là điều Ménéalque đã nói với ta đó.)

Ta rất hy vọng biết được hết mọi đam mê tội lỗi, mọi tật xấu tai hại; ít nữa ta cũng đã tán trợ chúng. Toàn thể con người của ta đã lao mình tới mọi tín ngưỡng; và vài buổi chiều hôm ta cảm thấy mình cuồng điên cho đến nỗi ta hầu đã tin ở linh hồn mình, vì ta đã xiết bao cảm thấy nó sắp bay lia khỏi thân ta – Ménéalque còn bảo với ta như thế.

Và đời sống của chúng ta ở trước mặt chúng ta sẽ giống như ly nước đá nọ, cái ly nước ấm ướt mà kê lên cơn sốt nắm ở trong tay, nó muốn uống, và nó uống tuốt hết một hơi, tuy biết rằng mình phải chờ đợi, nhưng

không cách gì cưỡng nổi cơn thèm thuồng, không cách gì từ khước ly nước dịu ngọt kia, không cách gì không cho làn môi mình ném vào một trận, vì cái thứ nước kia mát dịu vô ngần, mà cơn sốt cháy bỏng xui khát nước làm sao!

II

A ! Thế là ta đã hít khí lạnh đêm dài, a! Kính cửa sổ ôi! Và xiết bao mơ màng những ánh mờ chảy từ vầng trăng xuống, lung linh bởi sa mù, giống như những dòng suối – thế là ta cũng đã dường như uống uống ướng đó chứ sao.

A! Cửa kính ôi! Biết bao lần vầng trán ta đã tới bên người, dán vào cho cọ cọ, cho mát rượi đó mà, và biết bao lần, khi ta chạy từ chiếc giường quá nóng tới bên bao lơn, thì những niềm thiết tha muốn nhìn thấy khoảng trời mệnh mỏng thanh tịnh đã từng bốc hơi tan biến đi như khói sa mù.

Những cơn cháy bỏng nhiệt tình những ngày qua, đối với thịt da ta, các người đã từng là một món hao khốc hại; nhưng linh hồn rời rã xiết bao, nếu không có gì làm nó quên lãng Thượng Đế.

Niềm kính mộ bất dịch của ta thật dễ sợ; ta đã hoàn toàn bối rối trong cơn?

Người sẽ còn tìm kiếm lâu ngày nữa, cái niềm hoan lạc không thể có được của linh hồn, Ménalque đã nói với ta như thế...

Những ngày đầu tiên với niềm mê mờ lơ mơ bất định – nhưng trước lúc gặp Ménalque – đó là một thời gian bàng hoàng mong đợi, và có bề giống như một cuộc băng

qua ao đầm. Ta đã triển miên ngập chìm trong những trận điu hiu tiêu trầm giấc ngủ, nhưng ngủ vùi vẫn không lành được mỗi phiên muộn lên cơn. Ăn xong, tôi đi nằm; tôi ngủ, ngủ hoài, ngủ mãi, và tôi đã thức giấc, nghe trong mình càng rời rã thêm, tinh thần tê công co ro như sắp chịu một phen lột da thay hình thoát xác.

Những tác dụng âm u của thể tính; công cuộc ngắm ngắm, âm ý, những nhân tố khai sinh những gì ẩn mật, những thai nghén gian nan, những phôi dựng vất vả; những bàng hoàng túy sinh mộng tử chờ mong; những đăm chiêu hoài vọng, những hiu hắt ước mơ; như con nhộng điu hiu và những nữ thần đã dượt đuổi thân dài, ta nằm ngủ miên man; ta đã để âm thầm sinh thành con người mới ở trong ta, con sinh vật sẽ ra đời chào mùa xuân mới, không còn chút gì nữa giống ta. Mọi ánh sáng tuôn tới ta như xuyên qua bao nhiêu lớp nước lục phiêu bông, xuyên qua bao nhiêu vòm xanh nhánh lá; những tri giác, những cảm thụ mơ hồ, uế oải, tợ hồ những cơn choáng váng tê mê vâng lời ra trước bình the vận đàn. – A! Ta khẩn cầu thể đó. A, hãy tới nhanh cho xong chứ, hãy về gấp cho rồi, hỡi những cơn tê tái xót xa, hỡi những trận đoạn trường tê dại! Và não cân ta cũng chẳng khác gì những bầu trời giông bão, những ánh mây ùn ùn tới kịt, đen rậm ngổn ngang kéo tới, vây bủa bốn bề thiên hạ ngọt hơi, và mọi vật cùng chờ đợi làn sấm chớp xé toang những bao da âm u đen đũi dằng đặc nọ đang che lấp bóng trời xanh.

Hỡi những hoài mong, các người sẽ kéo dài bao lâu nữa? Và lúc các người đã hoàn tất, chúng ta còn gì nữa để sống không? – Hoài mong! Hoài mong cái gì? Và ta còn có thể cho ra những gì mà ta chẳng biết rõ từ bao?

Abel ra đời, tôi làm lễ đính hôn, Eric chết, đời tôi đảo lộn, mọi biến cố đó chẳng những không chấm dứt

cuộc ù lì lơ láo kia, lại như đường xô ta đắm thêm vào trong đó, cơn hôn hôn hôn mê ma túy như phát sinh từ những phức tạp trong tư tưởng và những bất định trong ý chí của ta. Ta đã muốn ngủ, ngủ triền miên bất tận, ngủ suốt kiếp trong hang khe ẩm ướt của đất nong, ngủ bên một vùng cỏ mọc, và coi mình cũng là một thứ thảo mộc ở bên vòm cỏ mọc xanh. Đôi lúc ta tử nhủ rằng miền hoan lạc ngất ngậy du khoái sẽ vượt qua nổi lặn dạn nhọc nhằn này, và ta đã tìm trong cơn tàn rã của thịt xương một cuộc giải phóng cho tinh thần. Rồi ta lại ngủ nữa, ngủ liên miên giờ khắc, ngủ bất tuyệt giờ trôi, ngủ chơi vơi giờ giấc, ngủ dài dậm duộc như con trẻ nằm trong nôi đặt giữa ngày trời, triền miên trong bầu khí nong nã, trong ngôi nhà sinh động âm ba.

Rồi ta trở giấc tỉnh ra từ cõi xa xôi nào dằng dặc, mình mẩy đắm mồ hôi, trái tim phập phồng lai láng, đầu óc ma túy mơ màng cơn tỉnh cơn mê. Làn ánh sáng xuyên từ phía dưới, lách qua những khe cửa đóng kín, và phản chiếu lên trần nhà những ánh xanh lục tuôn từ bồn cỏ xanh lam, cái ánh lung linh nọ của chiều hôm đối với ta là cái thứ gì ngọt dịu duy nhất êm đềm, như cái vật cái đồ vô ngần thơm ngát, đến với ta từ một cõi lá cây, từ một vùng nước mọc, và run run lấy bầy ở bên bờ những hang động ra hoa, sau bao nhiêu thời gian người ta đã cảm thụ xiết bao tằm tối của chúng vấy phủ ngập thân mình. Em từ dậm tối mù khơi. Đi về trần ngập trang đời của ta. Em từ dậm tối bước ra. Mù khơi ngất tạnh sơn hà bổng dung... Vòng tay phổ động vai lưng. Tiếng vang nhịp bước gót trùng điệp kêu..

Những tiếng động trong nhà mơ hồ dội tới. Tôi chậm rãi hồi sinh, bước ra đời chào ánh sáng. Tôi lau mình mấy bằng nước hâm hấp nóng, tôi nảo nùng thờ ả phiền muộn bước ra đồng, lại gần bên cái ghế dài trong vườn

cây, ngồi xuống âm thầm chờ hoàng hôn đến. Nói gì? Nghe gì? Viết gì? Đối với mọi sự, tôi triển miên mệt mỏi. Tôi đọc:

*“... Chàng thấy trước mặt
 Những con đường hoang liêu,
 Những con chim biển phiêu bồng đương tắm
 Dang rộng cánh ra...
 Tôi cần phải lưu trú tại đây...
 ... Người ta buộc tôi phải ở lại
 Dưới những vòm cành lá của rừng sâu
 Dưới bóng cây sồi, trong cái hang dưới đất
 Lạnh lẽo là cái ngôi nhà bằng đất;
 Nó làm tôi mệt mỏi hoàn toàn.
 Tăm tối là những thung lũng nhỏ kia
 Và cao rộng là những ngọn đồi ấy.
 Vòm ủ rũ nhánh cây
 Phủ đầy gai góc,
 Cõi trú không vui.
 Tìm chi dưới bóng ngậm ngùi
 Ngày đi hồng rụng trông vời ngón ngang
 Thành xưa phố cũ muốn vờn
 Lớp phiêu bồng mọc một nàg dưới kia...”*

Đâu một cuộc sống viên mãn tròn đầy, một thứ lai láng khả dĩ tìm ra, mà chưa thu hoạch được... Ý thức đó, một hình ảnh lung linh, đôi lần chớm động hé ra, rồi khép lại, rồi trở về, rồi ám ảnh mãi, càng lúc càng tăng cuộc, gia cơn. A! Tôi kêu to một tiếng. Xin một vinh hiển triều ngày hãy mở rộng miền mép cho thôi! Xin một hải cảng phiêu bồng hãy phơi ra bờ cõi! Xin hãy vỡ toang ánh ngời thiêm thiếp giữa những trận phục thù cứu hận oan nghiệt máu xương triển miên diễn ra trên hà sơn vạn lý. “Bóng đêm tỏa không lấp niêm thương nhớ. Tình đi mau, sâu ở lại lâu dài. Ta đã để hồn tan trong tiếng thở. Kêu gọi người, đưa tiễn nổi tàn phai...” – H. C.

Tưởng chừng như toàn thể thịt xương ta trong hình hài sinh vật sống, sống vô ngần đòi hỏi cõi rộng tân kỳ cho nó ngập thân vào mà chết lịm để hồi sinh. Ta chờ mong một cơn dậy thì thứ hai cho bù cơn thứ nhất. A? Tái lập trước mắt mình một viễn tượng thanh tân, trùng tu trước nhãn quan mình một bóng vang liễu yếu bài động, nắm lấy tròn xinh hai con mắt mà rửa sạch giùm cho chúng những bao nhiêu bụi bặm do sách vở meo mốc phủ đầy, cầm lấy trong tay mà nắn bóp sao cho nó giống cái màu thanh thiên của trời xanh kia đó chớ, cái màu lông lộng ra hoa mà hai con mắt mở đang đắm đuối nhìn – cái màu xanh hôm nay đã hoàn toàn sáng rõ bởi những trận mưa lai láng vừa rồi...

Tôi đã lâm bệnh một trận; tôi đã lên đường du lịch, tôi đã gặp Ménélaque, và thời kỳ bệnh tình thuyên giảm huyền ảo nọ của tôi đã là một cuộc trùng sinh man mác. Tôi sống trở lại giữa đời với một con người mới mẻ, một con kẻ thanh tân, một cái người ta thanh thúy, tôi sống trở lại dưới một bầu trời thanh kỳ trình bạch giữa ngàn ngàn sự vật tuyệt kỹ thanh xuân. Tồn sinh đóa đóa hương lừng. Trần Gian Dưỡng Chặt chọt mừng rỡ kêu...

SUỐI THIÊN NHIÊN

(trích ở giữa tập)

Nathanael, ta sẽ dạy ngươi rằng mọi sự vốn tuyệt vời thiên nhiên kiểu diêm.

Nathanael, ta sẽ nói cùng ngươi về mọi sự.

Ta sẽ đặt vào hai bàn tay ngươi, hơi mục đồng bé nhỏ, một chiếc gậy không bọc sắt thép, - có thể là một chiếc gậy tầm vông - và chúng ta sẽ đi dạo lừa đi

khắp chốn đất đồng, những con cừu, con dê cái, chưa hề có theo học một bậc thầy nào.

Hỡi mục đồng nho nhỏ, ta sẽ hướng những ước vọng triền miên của người về tất cả những gì kiêu diễm nhất trần gian.

Hỡi Nathanael, ta muốn đốt bỏng môi em bằng một cơn khát khao mới mẻ, rồi sẽ đưa lại gần môi miệng em những ly đầy cốc ngập chan hòa những nguồn khí mát tươi. Ta vốn đã uống rồi; và ta biết những suối nguồn dịu ngọt để môi miệng tìm về mà bú mãi không nguôi. Cũng đẹp như nước trời. Chảy từ trên núi xuống. Xin loài người hãy uống. Nước từ hờ hang khe.

*Ta sẽ kể cho em nghe
 Những chuyện đời của Suối:
 Có những nguồn nước suối
 Tuôn ra từ thạch nham
 Có những nguồn vôi vôi
 Dội từ giá băng ngàn.
 Có những nguồn biêng biếc
 Càng thăm thăm âm vang
 (Tại đô thành Xia-Ra-Kúy (Syracuse)
 Nước ngọt Cyané
 Đã tuyết diệu đi về
 Chính vì lẽ đó ọ.
 Suối mát như thiên thanh
 Vôi nước chảy ra vành
 Giữa lùm cây chi-tháo (papyrus)
 Từ chiếc ghế huyền ảo
 Ta đã cúi nghiêng mình
 Để mở rộng mắt nhìn
 Những bầy xanh biếc cá
 Tung tăng lượn óng ả
 Trên lớp sỏi long lanh*

*Như châu ngọc bích lam
Như kim cương lấp lánh).*

Tại Zaghouan, từ dãy Nymphée, tuôn ra những nguồn nước xưa đã từng chảy dào dạt về chan rưới cho đô thị Carthage.

Tại Vaucluse, nước trào từ lòng đất, lai láng như đã từng chảy mãi tự thiên thu; đã hầu như trở thành một giòng sông lớn rộng, và thiên hạ có thể ngược dòng đi, mà đi trong lòng đất. Nó băng qua những động, những hang, những u cốc lung linh, những lưu ly u hác. Làn ánh sáng của những bó đuốc bỗng lay lắt, như bị đè nén ngột hơi. Rồi tới một chỗ quá âm u mù tối, cho đến nỗi phải đành dừng gót lại bảo nhau: Như thế này, thôi phải đành xin chịu, không cách gì ngược dòng sông mà tiến thêm được nữa.

Có những suối nguồn hàm chất sắt, chúng nhuộm màu trắng lợt cho thạch nham.

Có những nguồn suối pha chất lưu hoàng, thoạt nhìn thấy màu nước lam pha lục, thì ngỡ rằng nước độc lắm, chẳng nhe? ... Nhưng, hỡi Nathanael, lúc nhẩy vào mà tắm chơi một trận, thì lúc lên bờ, mới nhận ra rằng da thịt mình bỗng mịn mát như da ngà quốc sắc bốc thiên hương. Thật hân hoan khôn xiết. Và lại càng ngây ngất vô ngần, vì sờ vào tê mê một cuộc, thì bàn tay năm ngón sứt chết lịm từng cơn.

Có những nguồn suối phơi xanh, cho sa mù về phơi gió, xô đi hiu ra suốt xứ, gọi đăm chiêu về khắp bờ cõi chiêm bao, giữa hoàng hôn tịch mịch. Những sa mù viễn vọng, rớt hột chi, rụng hương em, đề huê chen đua nhau thánh thót ở xung quanh, trong thâm canh tĩnh dạ, và lúc bình minh tới, thì chậm rãi tan đi.

Những nguồn suối còn con xiết bao bình dị, đang ngậm ngùi vàng úa giữa rêu ngàn, và lau sậy điu hiu.

Những nguồn suối chờ đợi những bàn chân các cô

nường ra giặt lụa, xăn ống quần lóng lánh cho chân ngọc thêm xinh. Trong khi đó thì ở xa xa, ngọn suối dập dề cuối xóm đang nô đùa xô máy xay nước, cho quay tít mười cơn.

Ôi những dưỡng chất súc trữ triền miên, trăm năm đây ngập! Ôi những nguồn tuôn dội tràn ngập trăm năm! Biết bao giờ chúng ta về uống nhiều thêm, nhiều nữa, uống trên bờ, uống dưới đáy, bú tận cùng trong u-cốc lãng tinh! Những kho chứa giấu che, những chậu lu phơi mở. Đá cứng sẽ vỡ toang, cho đá mềm lợm nhạt. Núi non kỳ tuyệt sẽ thu góp chân mây về phủ mông lung cho cây cối. Và cây cối sẽ tụ hội sương trời về phủ mọng cho núi non. Những miền xứ khô khan, những đồng không mông quạnh, những đất nhạt ruộng mờ, sẽ hoan lạc lên cơn, và bao nhiêu những đắng cay sẽ trở bông trên linh hồn sa mạc, và sẽ trở về đồng thủy thảo ban sơ.

Suối ôi! Suối nhiều chi lắm thế! Nước thiên thu trào từ đâu vạn đại. Làm thế nào ta có đủ những cơn khát thật sự phiêu bồng để uống suối cho mát mẽ tồn lưu.

Những ngọn nước cứ thanh tân trở lại, cứ mới mẻ ra hoài, từ tuyết bạch thanh tân. Những hơi khí tụ, tan từ thanh thiên rớt hột. Những làn khí tan hợp từ rớt hột thanh thiên.

Nếu trong cõi bình nguyên, con người ta thiếu nước, thì xin bình nguyên hãy đi về đồi núi mà tìm nước uống, chứ sao? Hoặc chứ sao không được, thì xin những lạch sông ngầm đi trong lòng đất, hãy liều liệu mà dẫn nước của non núi về trao lại cho bình nguyên. Trao cho đi. Thì bình nguyên về sau sẽ trả lại. Mộng sẽ dề huê trong cõi mọng trăm năm. Trăm năm non nước hội đàm. Giác mơ châu thổ đem làm chiêm bao. Trăng tròn lẻ một ngàn sao. Giác mơ mười sáu năm nào tặng em. Như vầng nhật giữa bình minh. Như vầng nguyệt giữa lung linh đêm

mờ. Trong vùng ẩm ướt như tơ. Ta về gội tắm mỗi đờ tứ
chi.

Comme le soleil dans l'aurore

La lune dans la rosée de la nuit,

Dans votre humidité courante

Nous laverons nos membres fatigués.

(Trích dịch trong *Les Nourritures Terrestres*)

NÓI VỀ ẢNH HƯỞNG TRONG VĂN CHƯƠNG

Diễn văn đọc tại:

Tự Do Thẩm Mỹ tại Bruxelles

ngày 29 tháng 3-1909

Thưa quý bà, thưa quý ông,

Tôi đến đây để biện hộ cho sự ảnh hưởng.

Nói chung, ai cũng đồng ý rằng có những ảnh hưởng tốt và những ảnh hưởng xấu. Tôi không dám nhận việc phân biệt chúng. Sở vọng của tôi là biện hộ cho mọi thứ ảnh hưởng.

Tôi tưởng rằng có những ảnh hưởng rất tốt, nhưng mọi người không nhận thấy là tốt.

Tôi tưởng rằng một ảnh hưởng không tốt, không xấu một cách tuyệt đối, mà chỉ tốt chỉ xấu là tùy theo kẻ chịu ảnh hưởng.

Tôi tưởng rằng có những bản tính xấu xa, chạm tới đâu là hư tới đó, leo giây đồ mà giạt mối đen, và trái lại, có những bản tính khác, gặp gì cũng biến thành trái ngọt, biến sỏi thành bánh, biến sạn thành cơm. Goethe bảo: "Tất cả những gì Herder dạy bảo cho tôi, tôi đều nuốt hết".

Trước hết, tôi xin biện hộ cho kẻ chịu ảnh hưởng; sau đó, sẽ xin biện hộ cho người gây ảnh hưởng; đó là hai điểm của buổi đàm thoại này giữa chúng ta.

Trong những tập Ký ức, Goethe cảm động nhắc lại tuổi thanh niên của mình, nhắc lại cái thuở ông buông mình theo ngoại giới, nhắm mắt không phân biệt, để yên mỗi sinh vật tác động vào mình, thuận nhiên theo từng cách điệu. Ông viết: *“Kết quả là: từ đó một sự thân thuộc huyền diệu nảy ra – một hảo hợp hài hòa kỳ tuyệt với toàn thể thiên nhiên, hoàn toàn đến nỗi mọi di dịch nơi chốn, thì giờ, tuần cũ, cùng cảm hưởng đến tôi một cách thiết tha.”*

Với xiết bao du khoái, Goethe đã đón nhận từng ảnh hưởng phiêu hốt thoáng qua.

Ảnh hưởng thì có vạn ngàn chủng loại – và nếu tôi nhắc tới đoạn văn trên của Goethe, ấy bởi vì tôi muốn có thể nói tới mọi thứ ảnh hưởng, mỗi thứ có mỗi tầm quan trọng riêng – khởi đầu là những ảnh hưởng mơ hồ nhất, tự nhiên nhất, rồi sau hết sẽ nói tới những ảnh hưởng của con người và của tác phẩm; nói tới chúng sau hết, ấy bởi vì đó là những ảnh hưởng khó nói nhất – và thường người ta cố gắng kháng cự lại, hoặc tưởng lầm như thế. Vì ý tôi là biện hộ cho cả loại ảnh hưởng này, nên tôi muốn soạn sửa lời biện hộ một cách thật thỏa đáng – nghĩa là chậm rãi thung dung.

Lẩn tránh những ảnh hưởng, điều đó không thể được đối với con người; người e dè gìn giữ nhất, kẻ sống ẩn thân nhất, vẫn còn cảm thấy ảnh hưởng quanh mình. Cái số ảnh hưởng càng ít, thì cái sức ảnh hưởng càng có cơ mãnh liệt thêm ra. Nếu đối với thời tiết âm u, ta không có gì để khuấy khỏa, thì chỉ một cơn mưa rào phiêu hốt cũng thừa tác dụng trầm trọng ngay.

Tưởng tượng ra một con người hoàn toàn thoát ly mọi ảnh hưởng của thiên nhiên và của nhân gian, đó là điều không thể được, cho đến nỗi mỗi khi xuất hiện những nhân vật anh hùng vượt bậc, siêu phàm, mà hành tung không giải thích được, mà hành động chớp nhoáng khôn dò đối với thế tục, - thì người ta lại tưởng tới ảnh hưởng của tinh tú, lại tin vào tác dụng của ngàn sao, ấy bởi vì không thể hình dung được một cái gì của con người mà hoàn toàn tuyệt đối ngẫu sinh...

(Trích dịch *Prétextes* - Thác Ngôn)

ANDRÉ GIDE

ANGÈLE YÊU DẤU

Cùng với lá thư này, Angèle sẽ nhận luôn hai tập sách lớn của Nietzsche. Chắc là cô không đọc; nhưng mặc, tôi muốn cô phải có. Đây là quà tháng giêng cho cô.

Vâng, từ miền thăm Angèle, tôi muốn gửi về cô những hột chà là, như những năm qua. Hỡi ôi! Paris vẫn còn quyến rũ tôi nhiều lắm, và nếu tôi nghĩ tới Paris quá nhiều, thì tại nơi đây, Năm Mới dương tiến gần ất sẽ xui tôi buồn lắm. – Phải chi tôi có thể nói mãi về cát trắng và lá kè xanh! tôi thạo những thứ này, thạo hơn chuyện triết học. Nhưng tôi ở xa Paris, và đây là Nietzsche, Angèle ạ! Tôi nói giọng trang nghiêm, phải thế không, hãy thứ cho nhé.

Xin cảm tạ, ông Henri Albert đã cho chúng ta một bản Nietzsche, một bản dịch thật tốt. Từ bao lâu chúng ta mong chờ! Từ bao lâu nóng lòng, chúng ta phải đánh vẫn trong nguyên tác – nhưng đọc ngoại ngữ không quen, lịch kịch làm sao!

Bản dịch chậm ra đời, có lẽ lại là hay: nhờ sự trề tràng điều đúng này, mà trong xứ chúng ta, ảnh hưởng của Nietzsche đã tới trước khi tác phẩm ông xuất hiện; tác phẩm rơi vào trong đất đai đã cày bừa sẵn; nếu không, ắt là sách Nietzsche sẽ không bén rễ đâm chồi; tới bây giờ thì sách Nietzsche không xui kinh ngạc, nó xác định điều nó cho ta thấy rõ nhất, đó là: sinh khí lộng lẫy gây phấn khích vô chừng; - nhưng hầu như nó không còn cần thiết nữa; bởi vì người ta hầu như có thể nói rằng: ảnh hưởng của Nietzsche quan trọng hơn tác phẩm Nietzsche, hoặc: tầm quan trọng của tác phẩm Nietzsche là: ảnh hưởng nó gây nên.

Nhưng dù sao đi nữa, tác phẩm vẫn là quan trọng, ấy bởi vì ảnh hưởng của nó, người ta đã bắt đầu làm lệch lạc cả đi. - Muốn hiểu thấu đáo Nietzsche, phải biết say mê; và riêng kẻ nào có thể say mê một cách thỏa đáng? ấy là những khối óc được chuẩn bị từ lâu để đón Nietzsche, những khối óc đã thấm nhuần bởi một thứ tân-giáo-phái, hoặc dương-thân-chủ-nghĩa bẩm sinh; những khối óc biết yêu, trong đoạn trường, những khối óc biết ghê sợ cái thứ hoài nghi chủ nghĩa khô cỗi, biến tình yêu thành đố kỵ căm thù, hoặc những khối óc trong đó hoài nghi chủ nghĩa vẫn giữ trọn nhiệt tình của niềm tin sâu kín. - Đó chính là lý do xui nên sự nhầm lẫn của những tinh thần tài giỏi và uyển chuyển như ông De Wyzewa. Ít có những nghiên cứu nào về Nietzsche (tôi chỉ nói tới những nghiên cứu đáng chú ý) lại bội phần Nietzsche nhiều như bài nghiên cứu của ông Wyzewa. Ông Wyzewa tưởng nhìn thấy trong Nietzsche một kẻ bi quan. Nhưng Nietzsche trước nhất là một người tín ngưỡng. Ông Wyzewa thấy tác phẩm Nietzsche chứa toàn những đổ nát, những phá hoại, những suy đồi. Quả có thế, nhưng hỡi ôi! Hân hạnh

xiết bao cho thiên hạ, vì những tàn phế, những hủy hoại nằm trong sách Nietzsche, chính là những thứ hủy hoại cần yếu để giúp cuộc kiến thiết về sau! Chỉ riêng những kẻ nào làm chán nản, làm hao mòn niềm tin của chúng ta ở lẽ sống, chỉ riêng những kẻ đó mới là kẻ phá hoại mà thôi:

“Tôi muốn thấy con người kiêu hãnh nhất, con người linh hoạt nhất, con người quyết đoán nhất; tôi muốn cõi đời, và muốn nó phải như-là-nó-vậy, muốn nữa, muốn vĩnh viễn, muốn tha thiết, và tôi kêu gào bất tận: Bis! Bis! Và không chỉ riêng cho tôi, mà chung cho cả vợ kịch, chung cho cả tấn tuồng; và không phải riêng cho cả tấn tuồng, mà rút cuộc thật ra là cho chính tôi – bởi vì nó làm cho tôi trở nên cần thiết – bởi tôi cần thiết cho nó – và bởi vì tôi làm cho nó trở nên cần thiết.”

Vâng. Nietzsche phá hủy; Nietzsche lật nhào, nhưng không theo điệu người chán nản, mà theo điệu người dã man, một cách chịu chơi cao viễn, oanh liệt, siêu quần bạt tụy, như một kẻ chinh phục tân kỳ cưỡng bức những vật cũ kỹ. Nhiệt tình phấn phát của mình dốc ra trong cuộc phá hoại, ông sẽ đem ban trở lại cho kẻ khác xây dựng về sau. Ghê sợ yên nghỉ, ghê sợ an lạc tiện nghi, ghê sợ tất cả những gì làm hẹp hòi cuộc sống, làm méo mó cuộc đời, làm tê công ngủ vùi; đó là tất cả những gì xui ông dấn cho vỡ toang những mái lâu, những tường vách. Nietzsche bảo: người ta chỉ sản xuất, chỉ tạo lập, là với điều kiện: phong phú về những tương phản, giàu với những đối kháng; người ta chỉ trẻ trung là với điều kiện: linh hồn không chùng lại, không ước vọng nghỉ ngơi. Nietzsche lật nhào những tác phẩm mới mẻ và không tạo ra những tác phẩm mới, nhưng lại làm hơn thế: ông tạo ra những người thợ, ông huấn luyện những công nhân. Ông phá hủy để đòi hỏi ở họ nhiều hơn; dồn họ tới tột đường.

Cái chỗ tuyệt diệu là: đồng thời ông thối vào người thiên hạ một nguồn sinh khí tươi vui, cùng với họ ông cười reo giữa những gạch vôi đỏ nát, và thuận tay gieo giống. Lúc tàn phá những sự vật tai hại, thiếu nã, là lúc Nietzsche dạt dào sinh khí tươi thắm, hồng hào. Mỗi trang giấy lúc đó chan chứa một sức sáng tạo phi thường; những thứ tân kỳ dồn dập tới: Nietzsche tiên đoán, Nietzsche linh cảm, Nietzsche kêu gọi, và Nietzsche reo vui...

(Trích dịch *Prétextes* – Thác Ngôn)

ANDRÉ GIDE

TRUNG NIÊN THI

Tặng Diotima Cosima Ariane
Cụu Man Nương

*Bắc nguyệt sơ khai về nhị nguyệt
Yên hoa đậu khấu khép tam thu
Ba xuân tịch hạp hư phù
Hà Nam kim nhật Sở Từ ghé sang
Thần đi cuối Ngọn Diêu Tàn
Tình vân như mạo mớ màng Man Nương*
Tặng Zarathustra

*Than ôi ô lữ ô liên
O bông sương đục mây triển miên cong*
Tặng Brigitte

*Thù đồ nhứt nhựt như nhiên
Mù sa vi tiểu diện tiền niêm hoa*
Tặng Barbot

*Bây giờ câu hỏi lá rơi
Về trên đất cũ ai ngồi nghe ra*
(Ngàn Thu Rớt Hột)

MẶT TRỜI NGẢ BÓNG

LE SOLEIL DÉCLINE

1

*Người sẽ không triển miên khát nữa
Hỡi trái tim cháy bỏng!
Một niềm nguyện hứa lảng vảng trong không gian
Hỡi thơ những miếng vàng xa lạ,
Nguồn Mát Tươi lai láng đường về...
Mặt trời ta đỏ rực lơ lửng giữa buổi trưa,
Các người đến, ta xin chào vội vã,
Hỡi những trận gió nóng đột ngột,
Những hồn xanh mát lịm chiều vàng!
Đêm ngoảnh về phía ta nháy mắt
Như quỳn rũ, như nghiêng mình...
Tim ta ôi, hãy giữ niềm kiêu dũng
Và đừng hỏi: tại sao?*

2

*Ngày của đời ta!
Mặt trời người xế bóng!
Nguồn nước xanh lấp lánh
Đã nhuộm vàng*

Tảng đá nóng thử mạnh:
Trên thân mình hạnh phúc đã ngủ ngon
Giấc ngủ say giữa trời trưa cháy bỏng!
Trong ánh sáng xanh lục
Hạnh phúc bây giờ trèo lên trở lại giấc đường
hoen rỉ của hố sâu.
Ngày cửa đời ta!
Người xé về chiều tối!
Con mắt người cháy bỏng
Hầu như đã ra than,
Lệ đã trào rồi đó
Như sương tím bốc hơi
Và tình yêu đỏ tía
Chạy thanh bình trên biển trắng mênh mông,
Hồng phúc cuối cùng, hồng phúc bỡ ngỡ

3

Niềm Vui Thắm, hãy về đây, Ông Á!
Hương vị đầu mùa
Bí ẩn nhất và êm ái vô ngần của cuộc chết
mai sau!
Đường ta đi, ta đi xong quá vội?
Cho tới bây giờ bàn chân ta mới
Ánh mắt người còn theo dõi tìm ta,
Hạnh phúc người còn chịu khó kiếm ta
Và khắp xung quanh chỉ còn là sóng vàng nô rần.
Những gì xưa nặng nhọc
Đã chìm trong quên lãng màu xanh,
Chiếc ghe của ta bây giờ thành vô dụng!
Hỡi giông bão và viễn du, ghe mảnh xin muôn
vàn từ tạ!
Khát vọng và hoài mong bỏ đi, đắm chìm mất hút,
Linh hồn và biển mặn kết hợp một màu.
Bảy tầng cô độc! Đệ thất cô đơn

*Chưa bao giờ ta cảm thấy
Như bây giờ gần gũi
Niềm tin tưởng dịu dàng,
Như bây giờ nóng ấm
Con mắt của mặt trời
Nó thiêu đốt băng giá những chóp núi chơi vơi?
Lấp lánh như kim ngân phơi phơi,
Một con cá vàng,
Chiếc ghe đi, bây giờ đi biệt...*

NIETZSCHE

MARTIN HEIDEGGER

Welches ist das Geheiss, das unser abendlaendisches Denken dem ihm eigenen Beginn anbefiehlt und diesem her noch das Denken unseres Zeitalters auf seinen Weg weist?

(Tiếng gọi nào đã triệu hoán Tư Tưởng Tây Phương chúng ta về với cõi Ban Sơ đặc hữu tinh mật của mình, và từ cõi đó mà tới bây giờ còn chỉ dẫn ra con đường riêng biệt cho tư tưởng thời đại chúng ta ngày nay?)

M. H. Was heisst Denken?

Das Denken beginnt erst dann, wenn wir erfahren haben, dass die seit Jahrhunderten verherrlichte Vernunft die hartnaeckigste Widersacherin des Denkens ist.

(Tư tưởng chỉ bắt đầu tư tưởng, là lúc chúng ta đã lịch-nghiệm-linh-hội được rằng cái Lý Trí, vốn từ bao thế kỷ được xiển dương xưng tụng, chính nó là thù địch ngoan cố nhất của Tư Tưởng)

M. H. HOLZWEGE

ĐỐI THOẠI ĐÌU HIU

“Le langage dérobe à l’homme son simple et haut parler. Mais son appel initial n’en est pas devenu muet pour cela, il se tait seulement. L’homme à vrai dire n’accorde à ce silence aucune attention.”

Ngôn ngữ che giấu không cho con người nghe thấy cái điệu nói đơn giản và cao viễn của nó. Nhưng không phải vì vậy mà Tiếng Gọi ban sơ của ngôn ngữ trở thành câm, nó chỉ nín lặng thôi. Quả thật con người chẳng lưu ý chút gì tới niềm im lặng đó.

Vậy bây giờ chúng ta biết làm sao mà ăn nói? Đối thoại với ai? Bằng cách nào cho Thúy Kiều chịu bước ra với phong thái lung linh liêu yêu bài động. Nàng sẽ bước thoản thoắt đầy đủ hai cái gót sen. Nàng sẽ bước nhanh. Và Nàng nói: *“Thuyết bất định ngã tiền diện tẩu, tha tị hội hậu diện căn lai.”*

Tha? Qui est-ce “tha”? En tout cas un être qui appelle, en tout cas un appel qui s’adresse à celui qui pense, et même qui lui parle de chemins. In jedem Fall ein heissendes Wesen, in jedem Fall ein Geheiss, das zum Denkenden spricht, zu ihm sogar von Wegen spricht.

“Tha” Y? Hấn? Nghi? Cái “tha” đó là ai thế?
Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh
Bốn phương phẳng lặng hai Kinh vững vàng
Có nhà viên ngoại họ Vương
Gia tư “Tha” cũng thường thường bậc trung
Cảo thơm lần giở điệp trùng
Phong tình “Tha” cũng còn truyền sử xanh.

Thì té ra: Tha đó là nghi, là y, vậy. Nhưng y, nhưng nghi, là ai? Nào đâu, tui có rõ chỉ mô cho lắm. Chỉ biết qua loa rằng y là kẻ đẻ ra Nuông Thúy đó mà.

Nhưng mà “tha” là một thằng đàn ông. Làm sao y đẻ ra được một Nuông Thúy?

Thưa rằng: đó là một Ẩn Ngữ. Ẩn Ngữ phiêu bồng từ Bình Minh Nausicaa Hélène Hy-Lạp nghĩa là ngàn thu rớt hột Tối Thủy Cực Chung. C'est là l'Énigme, la suprême Énigme, l'Énigme par excellence qui erre... Et qui erre de telle facon que brusquement, elle vient. Elle vient à nous, et elle nous choisit:

Con kia đã bán cho ta
Nhập gia cứ phải phép nhà ta đây
Lão kia có giờ bài bậy
Chẳng vãng vào mặt mà mày lại nghe
Cớ sao chịu tốt một bề
Gái tơ mà đã ngứa nghề sớm sao.

De quelle facon le poète a-t-il “usé de violence” pour dévoiler l'énigme du Langage dans l'éclaircie de l'Éthique originelle, c'est là une question à laquelle aucune érudition ne saurait nous fournir une réponse – ni sur le plan logique, ni sur le plan psychologique ou esthétique-phénoménologique existentialiste-et-caetera.

Comment est-il, ce Langage? Il est ce qu'il est. Et seul l'esprit créateur peut accéder à la zone de l'éclaircie

proventuelle du Cỗ-Lục, c'est à dire: entrer dans le Lieu du Séjour-Dévoilant du Logos Originel. – Et par quel chemin? Réponse: par le chemin du cheminement de la pensée qui est de telle nature qu'on ne dépasse jamais son "carrefour" par une désision prise une fois pour toutes en s'engageant dans un chemin, et qu'on ne peut jamais laisser derriere soi un chemin comme parcouru une fois pour toutes.

*Xin chào nhau giữa con đường
Mùa xuân phía trước miên trường phía sau.
Đạp Thanh về bóng lộn màu
Góp vang cũ gió nghiêng đầu sương mây.
Ngõ Ban Sơ, hạnh ngân dài
Cổng xô còn vọng điệu tài tử qua
Xin chào giữa bước chân ra
Chết từ sơ ngộ màu hoa trên ngàn
Tuyết ngày đông giá góp vang
Cành Sim Lục đóa muện màng Tường Vi...
Hài hòa trong lệ chia ly
Phiêu linh năng lẩn trốn về Song Liêm
Lửa vàng phối dựng đường chim
Trên làn rã trắng sương chìm phấn son
Lớp phiêu bông mọc trắng ngàn
Màu Lan Nam Điện muôn vàn phía sau.*

Biết sao nói năng mẫn rãng được nữa. Ẩn Ngữ phiêu bông, hốt nhiên đi tới. Ẩn Ngữ phiêu dạt, hốt nhiên bước về. Ẩn Ngữ phiêu du, hốt nhiên bước lại. Ẩn Ngữ lưu ly hốt nhiên dừng gót. Để làm chi? Để chọn mặt chúng ta.

Cô nàng đã chọn mặt người vô duyên

Tại sao chọn ta? Vì ta là người vô duyên, đó ạ.

Được chọn rồi, thì có còn là người vô duyên nữa chăng? Được chọn rồi thì người vô duyên ắt hẳn phải biến thành kẻ hữu duyên đó chứ?

Thưa rằng: cái đó không chắc.

Vì sao không chắc?

Thưa rằng: nếu biến ra làm người hữu duyên, thì cũng là điều có thể. Tuy nhiên hễ đã hữu duyên, thì lại không còn là đồng thuyền đồng hội nữa với cô nàng. Cô nàng lại đành phải bỏ đi. Ta ở lại một mình ngậm ngùi nhìn đi hiu ra suốt xứ. Nhìn... Thì hốt nhiên, cảm thấy: mình vẫn là người vô duyên trở lại lần nữa. Vòng luẩn quẩn từ đó sẽ mãi mãi quẩn quanh, Thiên thu vẫn là vô duyên vạn đại, ô trang ạ, là trong tờ của cổ lục cáo thơ...

Hai mươi năm mỗi hội đàm

Giác mơ châu thổ đem làm chiêm bao

Trăng tròn lẽ một ngàn sao

Giác mơ mười sáu năm nào đầy đũa

Rằng vô duyên tự ngàn xưa

Cái điều quanh quẩn có chứa ai đâu

Dặm khuya ngắt tạnh khơi màu

Khéo trêu người bấy yêu đào ở trong

Cùng đường dù tỉnh chữ tòng

Hà sơn vạn lý không xong cuộc cờ

Khuynh thành ngắt tạnh trăng mờ

Sương Tỳ Hải đội hai bờ nhà ma

Lỡ từ lạc bước bước ra

Tới bây giờ đội màu hoa trên ngàn

Rừng cô tịch góp dư vang

Bên mình phố thị này hang nọ hầm

Tiến lên hai nẻo lộn hàng

Ngã Ba thâm tạ con đàn lừng lơ

Nửa khi muốn một bao ngờ

Bên trùng điệp giậy, bên thờ ơ dằng

Đổ ra xương máu tử phần

Mười lăm năm bấy nhiều lần đã dư

Rút lui tịch hạp bù trừ

Thu Mông nép mặt âm ừ Xuân Vân

Cùng đường tính tới thanh âm
 Cũng liều nhắm mắt nhào âm nhà ma
 Lỡ từ lạc bước bước ra
 Lăn theo định mệnh nhà ma, thưa ngài!
 Cùng đường dù tính một hai
 Cũng rằng thiên hạ trên ngày phù du...
 Lăn theo định mệnh pha mù
 Kiếp xưa đã vụng đường tu, thưa Ngài!

Sao gọi là thưa Ngài? Thưa ngài có nghĩa là thưa với ngài thân thiết vậy: *Sehr geehrter Herr!* Cùng đường tính với thanh âm. Còn nên tái lập với tầm ngữ ngôn?

Sehr geehrter Herr!

Aus Not etwas tun, ich verspreche mir nicht davon.
 Aus Not etwas tun, d. h. bisweilen eindeutig: vom Abgrund wenden.

Was ist Abgrund? Was ist Wüste? Was heisst wenden?
 Als ob davon die Rede ware!

Nàng rằng thôi thế thì thôi
 Nơi nào hố thẳm là nơi để ngồi đầu dần
 Dặm khuya ngát tạnh sương đồng
 Ông Tỳ Hải gọi có không, lọ là...

Nachtzeitsinfragestellung der Biene-Grenzbe-
 wohnerin, davon kann keine Rede sein. Doch eilt die Zeit.
 Horen Sie nur, wenn Sie Lust dazu haben, eine innere
 ungesprochene Vietnamische Stimme:

Mặt sao dày gió dạn sương
 Kiếp xưa đã vụng con đường Từ Lâm

Und con đường tử lâm – der Malvenfarbigholz-weg
 ist gewissermassen der Feldweg Heideggers. Und unterwegs
 zur Sprache, man immer Reue empfinden, bzw. Tiếc thay
 một đóa trà mi. Warum so? Weil “ces temps stériles n’ont

que trop duré – zu lange dauert die Durré... lange haben das Schickliche wir gesucht!"

Blicken wir in das zweideutige Wesen der Sprache der Mnemosyne, dann erblicken wir doch das Opfer des Schicksals in der hellen Nacht des Nichts der Angst bei der vorübergehenden Neigung einer Wolke.

*Dặm khuya ngát tạnh mù khơi
 Bóng hoa đầy đất ngang trời về ngàn
 Mây Tỳ Hải đội lên ngàn
 Càn Khôn ở lại bên làn Tồn Lưu.
 Cõi người Mặt Đất ưu tư...
 Bên mình phố thị Lan ử hay vâng?*

Was soll das heissen? Nichts weniger als: "der Weite des Himmels sich öffnen und zugleich in das Dunkel der Erde wurzeln... Wer auch nur eine geringe Erfahrung hat im Hören dessen, was grosse Denker sagen, wird zuweilen vor dem Seltsamen verhoffen, dass sie das eigentlich zu Denkende in einem unversehens angefügten Nebensatz sagen und es dabei bewenden lassen!"

O weh Mnemosyne! Wie soll ich sagen? Der Wind springt herum! Es ist recht herzerreissend mit dir zu tun zu haben!

But what is more enigmatic: That we are or that Mnemosyne is? That Nguyễn Du eternally live, or that Nguyễn Thúy has gone for ever? That some fine day we shall meet her at a cross-road "Chợ Lớn-Carrefour", or that her image is to be found nowhere on the terrestrial globe? That her nipples haunt us in the depths of the forests, or that the air will never resound with her crystalline voice? Và nụ cười ỏn ẻn? Và làn môi phiêu bồng? Và miệng vàng phiêu dạt? Và mồm đỏ phiêu du? Và răng

xanh phiêu hốt ngọc thốt đoan trang? Đi mô mất rồi cả
rứa? Cả nhà ma cửa quý? Cả lỗ rốn, cả xương hông?

Thưa rằng: Đừng lấy làm chơi!

Nơi nào xương huyệt là nơi đá vàng

Gieo vào một góc thềm thang

Nằm im lìm đợi cung vàng bầy giầy

So tơ bỏ liễu hao gầy

Phi phong phấn yếp sương tây trời dăng

- *Thưa rằng chám dứt phân vân. Nơi nào xương huyệt
thì chân đá vô.* - Wo Huftbeine fehlen, da stellt ein Stein
zur rechten Zeit sich ein.

Et subitement... And suddenly we all of us are falling
into rapture before the fine voice of a fine Nuồng Thúy tái
sinh về vén xiêm cho trường thân trong vân thạch.

Ha! That girl is divinely divine in dishabillé. Or when
stark naked. Is that what we call over-stepping the bounds
of decency? No, no, far from that, let us go on with it
without loss of time.

“Et debout sur la tranche éclatante du jour, au seuil
d'un pays plus chaste que la mort, les filles urinaient
enécartant la toile peinte de leur robe... Tout le sel de la
terre tressaille dans les songes.”

SAINT JOHN PERSE

Tout le sel de la terre tressaille dans les songes! Bao
nhiều muối mặn của địa cầu tròn đất, méo mây, cùng
rung lên như cây sậy gặp giề giun chan rưới mộng diên
cuồng:

Ha! This place Hồng Trần is well enough for an eter-
nal stay. Ha! Nuồng Thúy tái sinh ngôi ăn tô phở tái.
Ha! (bên cạnh Nuồng, thì Liệp Hộ nhậu la de). Ha! The

greedy Acheron has released its prey. Ha! You ought to kiss the ground she is treading on. Ha! What? What more? Cranes are birds of passage? Et les vipères demeurent, continuant à racler la terre des hommes? O fleurs des herbes! Can you not see that something is approaching? Is not a conscienceless crime swelling like a thundercloud on the horizon? “and can you not see that the sky, heavy with foreboding, is growing dark and silent?”

Justement! That is just what we want for the glorification of Nuông Thúy's tottering vulnerable Beauty. Once for all, let us rush to the utmost limits... “After which, when the desert has been disclosed, the next step is to learn how to live there.”

Is she irretrievably lost? Nuông Thúy? No, She will return to what once purest and most heartening in her life, to the land of her first awakening, to the stream of past perennial hopes and expectancies.

Nevertheless, how can she ever avoid her destiny? It seems that ... It is as though Nuông Thúy, forever alone and helpless before the atrocities of Fate (or of men) and too daunted to resist. Will leave this world and abandon us once more – sans esprit de retour?

Trời xanh quen thói...

What is to be done? The envious heaven, the sinister heaven is always there, always on the watch, evil ist certain – ha! That relentless persecutor ravening after his prey!

*Hồng quân với khách hồng quân
Đã xoay đến thế còn vẫn tới kia
Chữa tha tồn lý mảnh bìa
Mười lăm năm bấy nhiêu rìa mép rơi.*

Ha! Trời xanh! Trời xanh seem so cocksure. And yet none of His poignant decess, none of his inexorable laws or decisions is worth "one strand of a woman's hair". How so? For what reason? Forasmuch as in the Hồng-Trần world, there are the Hồng Sơn mountains and some-one of those queer men rather rare... Welch Wenigen? Die schaffend Verwandeln, die Umsetzenden. Therefore Nuông Thúy will not submit herself a long time. Nuông Thúy will rebell. Nuông Thúy will rise against trời xanh. We shall call her by the sweet name "the dear rebelling woman in our recalling bosom and thought." Ô Bà Tú! You have completed the measure of your calumny and imperiousness. A young girl cannot have a better guide than herself. And "Nuông-Thúy-Kim-Novak-Ava-Gardner's" essence is the very essence of her very velvety valley with its essential vivacious "principles" of velvet flowers blooming and springing into life and love, speaking up for dreams, for hopes, for fancies and for exquisite visions, for abysmal cat walks and rooftops of inns, for seraphic she-centaurs winding among the avalanches, and for a sea troubled by the perpetual birth of Venus, above the plateaus of the highest reaches, for a fine voice-in-archipelago swaying on a white line the name of which is enigmatically concealed in a stream flowing under an Arch of Nothingness for attaining the remote Homeland-House-of-Being.

"Sky, be blue, and more than blue; wind, be flesh and blood, flesh and blood, be deathless; walls, streets, be home; thunderbolt, be kiss; truths and lies, be rainbow-peace-music-of-South-Sea; hồng quần, be đố lá; đập thanh and táo mộ, be tìm hoa; Triều Minh, be Gia Tĩnh; Gia Tĩnh, be Việt-Nam; Kiều Nương, be Nuông Thúy..."

Nevertheless, she will die... Nevertheless, she will

never die without leaving behind her a lingering perfume of her tight petticoat, a fugitive infinite fragrance of her narrow velvet valley, in order that we can always reopen a "jumping" dialogue with her at any time in the sublunary world without losing ground, in the course of our life and in eternity.

Cảo thơm lần giở trước đèn

Sử xanh nhẩy vọt gọi rằng: thế ru?

For whom is intended that "thế ru"? Is it necessary now to say that the Jump of that question thế ru will get its own secret historic ground to spring up, and by springing, fulfill itself?

Cảo thơm lần giở trước đèn

Căn cơ cổ lục còn thành tựu cho...

Sinh tồn tù ngục nhỏ to

Tồn sinh tú lúy con đồ hãn sinh

Chắc rằng các hạ còn kinh

Giác mơ quý dị bên mình còn reo?

I am sure there is something else

In your mind, sir,

You are in deep distress, you your self

Now safe and sound and once Calypso's prisoner

Again I tell you, if you knew

How a girl in the folwer of her youth

Bleed and conceals herself and withdraws

You would pause to discern

In her shy attitude

What afflicts from what adores

And now what will become of you

What will be the end of all this

Your trouble is not over yet

South-west winds are rolling up great

billows

*Tell me of your country and of ineffable crisis
 Bring me to early ages and ancient thrones
 To the glory that was Greece
 And the gloominess that is Home
 I wish you a happy voyage
 And you
 What will you wish me in the depth of
 your soul*

*What I have had so far in this truculent sweep
 The Trojans once experienced in their bounds*

O weh Mnemosyne! Wie soll ich sagen? Der wind springt herum! Es ist recht hezzerreissend mit dir zu tun zu haben.

*Tưởng đắc độc thư đầu dĩ bạch
 Đùng đùng gió giục mây vẫn tồn lưu*

Ich frage mich, ob ich recht gehabt haben, mich in das Gewitter des Seins auf dem Weg zu weit vorwagen?

*Rằng quen mất nét đi rồi
 Nữ Linh khoan thái sương đôi trở cơn
 Rằng quen mất nét lá cồn*

Mất nét? Diese "schlechte Gewohnheit" hat mich ein "Vermoegeen" gekoestet. Aus welchem Anspruch Unrecht leiden?

- *Tham Bắc Bộ chi phong tao, tiểu đề diệc vận. Thiện Nam Triều chi phốn đại, nùng đạm lương nghi. (Chu Mạnh Trinh)*

Chu Mạnh Trinh hat seine Herkunft weit wesentlicher im Andenken behalten als der nach ihm kommende "Ái Kiều Chủ Nghĩa, Ái Kiều Hội, Ái Kiều Thuyết", wei denn die Meister "ein unausloschbares und darum tieferes Wissen ihrer Herkunft besitzen, als die Schuler je aufbringen können.

Tham Bắc Bộ chi phong tao, tiểu đề diệc vận, Thiện Nam Triều chi phấn đại, nùng đạm tương nghi.
 Aristokratin des Nordlandes! Abenteurerin der Sudhauptstadt! Platzhalter des Nichts! Hirt des Seins! Phaedrasmyrte! Malattesincubationszeit! Hugelhohlung und Feldtau! Morgendammerungstropfeln vom Himmel! Brustwarze der Jungfrau von Gia Tinh Triều Minh... Warum noch langer darüber sprechen? Warum diese scheinbar nichtssagende willkürlich angebangte Redelust? Sao còn nói mãi rứa? Về sương bóng hồng quần vu vợ? Lá Hoa Cồn? Ngàn Thu Rớt hột? Câu chuyện cổ lúc rớt hột ban sơ là hốt với bàn tay bao giờ đưa ra nắm lại?

Weil: in der Geschichte der Mnemosyne ragt das Werk von Chu Mạnh Trinh, Tố Như Tử zu einer eigenen Höhe hinauf. Weil "Der Anfang ist das Unheimlichste und Gewaltigste." Weil: das Walten west als das In – die – Unverborgenheit-hervor-kommen. Weil: Sein schickt sich uns zu, indem er zugleich sein Wesen entzickt, dieses im Entzug verbirgt.

*Ban sơ khả dị thị Lưu Tồn
 Tự phó thân ban cấp tử tồn
 Sạ hợp tức phân, hồn hướng hậu
 Lộ nùng Tinh Thể - ẩn Tinh Thôn
 Ban sơ khả dị Lưu Tồn
 Ấy là cái Váy lá cồn phơi bay
 Tồn Lưu tự cấp hai tay
 Hai hàng khép mở hai dày mỏng dằng
 Tặng trao Tinh Thể ngại ngùng
 Xuân Vân nép mặt Thu Mỏng giấu mi.*

Weil aber die dichterische Bestimmung des Menschseins, die Nguyễn Du vollzickt, unmittelbar schwer zugänglich und befremdlich ist. "So endlich sind wir, das

wir gerade nicht eignen Beschluss und Willen uns ursprünglich vor das Nichts zu bringen vermögen. So abgründig grabt im Dasein die Verendlichkeit, dass sich unserer Freiheit die eigenste und tiefste Endlichkeit versagt."

Weil: Etwas erfahren heisst: unterwegs, auf einem Weg, etwas erlangen. Mit etwas Erfahrung machen, heisst, dass jenes, wohin wir unterwegs gelangen, um es zu erlangen, uns selber belangt, uns betrifft und beansprucht, insofern es uns zu sich verwandelt.

*Bởi rằng: thử nghiệm cái chi
 Ấy lên đường Sóng Chì vì Khe Em
 Đạt cho chí chỗ dịu mềm
 Ấy rằng thử nghiệm ấy đến bù cho
 Hướng về đầu rú khe rô
 Gọi rằng: đó chị đây cô nọ mài
 Liên can ta Một, mình Hai
 Thay hình đổi dạng diu Mai Sau về.
 Chí Thành Tự Giả Thành Thê
 Thiếp thành tự mộng cho hề hã chàng
 Như chi hà già như răng
 Rứa mà bắt viết thì rằng thôi luôn
 Ta đành thúc thủ dơ tuồng
 Cáo lui là vậy mang nguồn về sau*

"Thành giả, tự thành giả... Bất viết: như chi hà, như chi giả, ngô mạc như chi hà già dĩ hỹ."

Cố nghi chư lão chung tình, biến danh tính ư quần biên tự giốc...

Was soll das bedeuten? Will der Dichter der Gia-Tĩnh Maedel eine Ewigkeit an den Faltenrock binden? Was heissen doch am Ende Poeten und Dichter? "Wo sie hergekommen seien?" Nun, eben ans der Traumwelt. Da

etwa, wo die bleiche Hortensie (oder die grüne Myrte) verschwunden sei... Seitdem...

Nguyên lâm giáp trĩ thượng thừa?

Hoa dương tía ngủ mộng giữa lạ ru?

Wo und wie hat der Urwald so lange geschlafen und die in ihm Herbstrose vorausgetraumt?

Xuống hàng vũ trụng hoang viên...

In Wuestgarten ein Rad schlagen, in welcher Absicht, wie kann ich denn das wissen?

Xuống hàng vũ trụng hoang viên

Tồn lưu xứ Việt gieo phiến hại thay!

Hier aber wollen wir schaffen. Denn, im reimen Gesetze, "Kalamitaten machen fruchtbar das Land".

Cảo thơm gái Bắc Kinh gái

Khuy môn cúc tuột thân dầy dọ thân.

Wir sagen: die Jungfrau der Nordstsd (gái Bắc Kinh) ist in der Geworfenheit, aber wie so? In welehem Sinne geschieht das? Hier zeigt sich das Ratselhafte:

Phiêu bông tinh thể Bắc Kinh

Gái Tỳ Hải bất thành linh phơi.

Die Aristokratin des Nordlandes ist immer in der Gefahr ihrer Wesen selbst aussetzen, bzw. Meergrenzbewohnerin zu werden (Gái Bắc Kinh biến thành Gái Tỳ Hải).

Dieses Wesen erscheint in einem selfsamem Licht, wenn wir uns darauf besinnen, dass die "Wueste - Koloquinte" ist die Brueeke zur höchsten Hoffnung, zungunsten chiêm bao sa mạc gái tỳhải gieo.

Lộn bờ mướt đấng lẩn theo...

Lên miền nguyên thủy hoang sơ không đường, - auf der ursprünglich pfadlosen aufwartswachsenden Erde. Wie sollen wir jedoch den Giessbach im Wesen der Meergrenzbewohnerin erblicken, solange wir nicht bedenken in welchem Sinne von "Wesen" das samtweich-grasbewachsen-Taelchen eigentlich ist das Wesen der Meergrenzbewohnerin? Seitdem ist das Geschick der Grenzbewohnerin in sich nicht irgendeine, sondern DIE Traumwelt - in einer Schlechtwetterzone des Zeit-Spiel-Raumes.

Und unterwegs-zum Tode, man sich eine kurze Pause in der Traumwelt gönnen kann trotzdem - stumpf zumal und blind, verdutzt - nicht wahr?

Wenn dem so ist, muss der "Appelant" des Unsichtbaren immer unbeantwortet bleiben - also sprach Cà Tang Liệp Hộ.

Herbes et roseraies natales
 Ungedachte! vous avez peur
 Des Entrées nocturnes fatales
 Cái điều bạc mệnh - tel est le coeur
 D'où l'insolvabilité de ton poème
 D'où tes larges lèvres ensanglantées
 En toute malédiction, la terre t'aime
 De toute éternité, à grand regret
 Tuy nhiên? Noch eins ist aber zu sagen:

*Bách niên nhân sinh vô nhị mệnh
 Thử khứ tử vong lộ nhất điều.*

Was soll das bedeuten? Das alles nennt die Bestimmung dessen, was der Mensch im Geschick des Seins ist.

Alles ist hier Reigen des Ereignens, Schachspiel von Vạn Lý Hà Sơn, Spiegel-Spiel von Welt, Spiegel-Spiel der

einfaltig einander Zugetrauten, So ist es bei Tố Như Tử:
*Nguyệt hoa hoa nguyệt nã nùng. Đêm xuân ai dễ cầm
 lòng được chẳng. Lạ gì thanh khí lẽ hằng. Một giáy một
 buộc ai giăng cho ra. Đều là nghề nghiệp trong nhà.
 Trước còn tối muộn sau ra sớm dào. Càn khôn vũ trụ chui
 rào. Bâu tiên chuốc rượu khe đào gieo sương. Dịp đầu may
 mắn lạ thường. Lại vừa gặp khoảng môi hường mở ra.*

Warum ruht uns dergleichen nicht an, gar so, dass
 es uns umwirft? Warum nicht?

*Từ rằng quốc sỹ xưa nay
 Tâm cờ tương phúc tới rày còn se
 Gunstige Gelegenheit ist vorbei (?)
 Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản*

Der Königskranich ist fort, ein für allemal! – Leben
 Sie who! Schönheit vergeht, Trauer besteht. Immer aber
 bleiben wir mit dem Bild der Spur einer unerschöpflichen
 Beständigkeit des Werdens:

Bạch vân thiên tải không du du

Und was ist dies? Muss die Beantwortung der Frage
 sich an die Meergrenzbewohnerin in einem
 durchleuchtenden Dialog halten? Dies “verlangt die
 Bereitschaft, dass wir uns durch das Ungedachte im
 Gedachten der Denken die eigenen Denkversuche immer
 wieder umwerfen lassen”.

Bạch vân thiên tải không du du

Không du du (am Himmel flattern) sagt hier: eine
 Wesenszugehörigkeit besteht zwischen thiên tải (tausend
 Jahre-Ewigkeit-Zeit) und không (Nichts – Himmel),
 zwischen thiên tải und bạch vân (weissen Wolken)
 innerhalb des Wesensbereiches, der sich mit dem auf-ewig-
 plötzlichen-Weggehen des Königskraniches eröffnet.

Die Ratselhafte klart sich: der Hirt des Seins und der Platzhalter des Nichts, keiner von beiden kann einzeln stehen Sie vereignet sich im grauesten Altertum, oder vielmehr mitten in der hellen Nacht.

*Đêm thu khắc lậu canh chầy
 Nguyệt hoa hoa nguyệt hằng hằng trở cơn
 Trường Sở Trụ sa mạc rờn
 Bên Tôn Thế dựng bên Tôn Lưu đi...
 Chơi cho liễu chán ôm ghì
 Cho lẩn lóc đá cho si mê đời...
 Ban sơ Hy-Lạp nói lời:*

“Seinsgeschick, ein Kind ist es, spielend, spielend das Brettspiel... La dispensation de l'Être est un enfant qui joue, qui pousse ses pions sur un damier.” – HERAKLIT.

Et cet enfant qui joue, c'est cet enfant qui demeure. Où? Dans le cổ lục? Sur un damier? A travers un songe? Lequel? Réponse:

*Bách niên nhân sinh nhất giác mộng
 Vạn lý hà sơn nhất cuộc kỳ.*

Das Seinsgeschick: ein Kind, das spielt. Warum spielt das grosse Kind des Weltspieles? Es spielt, weil es spielt. Es bleibt nur Spiel: das Hochste und Tiefste:

*Bách niên nhân sinh nhất giác mộng
 Vạn lý hà sơn nhất cuộc kỳ.
 Trăm năm trong cõi là gì
 Hà sơn vạn lý nguyên kỳ cáo thom
 Trước đèn lẩn giở đêm hôm
 Tay mò mẫm động tay ôm ngón ghì
 Hà sơn vạn lý cuộc kỳ
 Chiêm bao kỳ tuyết sương tỳ hải thâu
 Bách niên nhất giác mộng đầu*

*Hà sơn nhất cuộc hồng đào hây hây...
 Liễu yêu bài động hao gầy
 Nguyên hình Nữ Chúa trên ngàn phù du
 Bách niên nhất giác dậm cù
 Hà sơn nhất cuộc sương phù du tuôn*

Aber dieses “nhất.. nhất” ist Alles, das Eine, Einzige.
 Mais ce nhất, nhất est Tout. C'est l'Un, l'Unique:

*Tới bây giờ mới thấy đây
 Mà lòng đã chắc những ngày Một Hai
 Một? Hai? hai? một? ngắn dài
 Thu Mông nếp mặt mày ngài Xuân Ván
 Tới bây giờ mới phân vân
 Mà lòng đã chắc muôn phần Một Hai.*

“So long have I waited until this day to muse upon this affecting scene before my eyes, but my heart has already dauntlessly confident since the first day of ONE TWO.”

Nguyễn Du

L'Un, l'Unique est en même temps le Deux, la Duplicité: L'Être se voile dans sa duplicité monolithe, et se dévoile dans son unicité diaphane. La Maison de l'Être s'allie à l'Arche du Néant dans le Pli du Dialogue suprême:

*Hà Gia ở mé Tây Thiên
 Dưới Dòng nước chảy bên trên có Cầu
 Máy lòng hạ cố thiên thâu
 Máy lòng Vinh Thử lên cầu Thái Hư
 Tuy nhiên đất trịch bù trừ
 Khôn làm trở lại sương mù đã rơi
 Nàng rằng thôi thế thì thôi
 Rằng không thì cũng vâng lời rằng không*

Cô gái giang hồ đương nói gì thế trong lịch sử mê cung? Nàng nói với ai? Với Minotaure hay với Thésée?

Thế tại sao học giả lại cứ mang tinh thần khoa học hạ đẳng¹ vào để bu bám xung quanh? Thế thì gái giang hồ không còn nói chuyện với Minotaure? Chút lòng trinh bạch từ sau xin chừa? Học giả muốn nhận lãnh về phần mình cái khối tồn sinh ma chiết nọ để tự đày đọa mình suốt côi trăm năm?

Saint-Exupéry ở trời Tây mà còn tỏ ra biết điều hơn chúng ta lắm đó. Đứng trước cái côi dị thường kia, ông bàng hoàng nháy lui một bước: - *"Tôi là kẻ lạ tới đây. Tôi không biết, không biết gì hết cả. Thế giới họ, tôi không thể bước vào. Làm sao tôi dám nói."*

Ông nhảy lùi một bước. Thì bỗng dưng chân trời tồn thể lập tức di động bốn chân mây. Cùng một lúc, hình bóng những Bark, những đàn bà già nua tới giếng lấy nước... bỗng xao động lên lời. Về sau, Saint-Exupéry sẽ rớt vào sa mạc, sẽ đứng lên mấp mé lẽ tử sinh, ông sẽ gọi vong hồn Guillaumet về chứng giám, và khi đó, câu nói *"tôi không biết, không biết gì hết cả"* sẽ nhường hết ý nghĩa mình cho thiên hạ đã từng có biết tự thiên thu.

Cũng trong khi đó, trên bình diện hoạt sinh, con người làm văn nghệ cứ tha hồ dồi lên tung xuống những thủ đoạn vật ở khắp nẻo lai rai. Đó là ẩn ngữ kỳ tuyệt vậy.

Bấy giờ ai lại biết ai

Dò lòng bể rộng sông dài thênh thênh

Nhì bù nhứt chín xui nên

Tử sinh liêu giữa lênh đênh trận tiền

Chịu chơi từng trận đảo diên

Hà sơn vạn lý nhứt biên nhì bù.

1. Nghĩa là: cố nhiên có một thứ tinh thần khoa học siêu đẳng.

Sao gọi là hà sơn vạn lý? Sao gọi là nhứt chín nhi bù. Dù lòng bể rộng sông dài thênh thênh, câu đó có nghĩa gì đối với chân nhân thời xưa?

Đáp: Tôi không biết, không biết gì hết cả. Từ nhỏ tới bây giờ tôi đọc đi đọc lại vài bài thơ Nerval vẫn cứ thấy một điều: *cần quên tất cả những điều đã lỡ đọc ở mấy cuốn triết học Âu-Châu. Và đừng làm bất cứ một cái gì nữa hết.* Nếu viết văn mà không nói được cái tiếng nói của Người Nông Dân, thì thà đi làm thầy bói. Coi giúp chỉ tay cho những người đàn bà trắng trẻo. Cần quên. Quên hết, những thứ sinh ngữ tử ngữ ngoại ngữ nhấp nháy tèm lem con mắt ở khắp nẻo cần khôn ghẹo linh hồn vũ trụ. Tôi xin về giữa thiên thâu. Non ngàn lũng tạ nước đầu khe trường. Con chim sấu tuyết băng nguồn. Mở heo hút cỏ phơi trường đá xanh. Trên vòm thời đại đi quanh. Rách quần quỹ đạo tan vành nguyệt hoa.

Đôi hang hùm, đuổi theo ma. Gãy đầu quỹ đực khóc òa quỹ nương. Em làm Thôn Nữ Bờ Mương. Dựng vòm cổng mọc cỏ vườn chẵn hoa. Vĩnh lưu là khách không nhà. Bó chân ngồi xuống nhìn ra thân hình. Chân trời trút lụy điêu linh. Kết vòng đồ quán xiêu đình rụng hiện. Đêm gằm bất tuyệt thiên nhiên. Cần khôn chết lịm dưới phiến sương gieo. Em xin về gót mang theo. Dấu sơ nguyên rộng mây trèo cửa thu... (Lá Hoa Côn). Vì sao như vậy? – Tôi không biết, không biết gì hết cả. Chỉ biết rằng Saint-Exupéry bảo:

“Vì xa tít đằng kia là mù khơi trống rỗng. Tận chân trời, trò sỏ lộng của ánh sáng tạo nên những ảo ảnh hời hợt... Những pháo đài đồn lũy, những tháp chuông giáo đường, những khối kỷ hà với những đường thùy trực... Tôi còn nhận thấy cả một vết đen khổng lồ (như những cây cắm quỹ trên tinh cầu Hoàng Tử) tợ hồ một

vùng cây có, với nước ngâm trong vắt, mà thấy gì thật ra? Một áng mây tụ trên vòm nọ, áng mây cuối cùng trong những áng mây đã lang thang tan mất hình hài trong lòng nắng rộng ngày trời, và sẽ hiện trở về ngâm ngùi trên sa mạc chiều nay...

... Bây giờ ngọn lửa lên cao. Bây giờ chúng tôi thiêng liêng nhìn ngọn lửa. Chúng tôi nhìn tỏa rạng trong đêm cái tiếng kêu của mình, tiếng kêu lặng lẽ âm thầm, tiếng kêu phập phồng lai láng... (*Thiên địa phiên chu phù tợ điệp. Văn chương tàn tức nhưc như ty*). Và tôi nghĩ: nếu nó mang đi một lời gọi đã rất mực thiết tha, thì nó cũng mang đi những tình yêu vô hạn. Chúng tôi yêu cầu được uống, nhưng chúng tôi cũng đòi hỏi cảm thông. Chỉ con người mới sử dụng lửa, thì xin con người hãy đáp ứng chúng tôi. Một ngọn lửa khác hãy bùng lên, để cho ngọn lửa này không còn là lửa sông trong sa mạc..."

Thiên địa phiên chu phù tợ điệp...

Thuyền con, chiếc lá giữa trời

Cỏ thơm lần giờ tờ rơi bên đèn

Phong tình cổ lục còn truyền

Xuân phong tiểu bộ u huyền liễu yêu.

Thiên tài Tố Như hiện ra trong những lời kỳ bí rất đơn sơ, thu thập ngôn ngữ Homère, Empédocle, Hoelderlin, Nerval, Vương Bột, về thiên thu bên hồng quân quốc sắc Việt Nam – vì Việt Nam là cái chỗ, cái chốn, cái nơi... nơi gì? – *lieu essentiel du dévoilement de l'Être à travers le sommeil éthéré de la Terre.*

Cỏ thơm lần giờ trước đèn...

Suốt trăm năm trong cõi người ta, Thanh Hiền Liệp Hộ chỉ suy gẫm một điều: làm sao biến lịch sử làm Sử Lịch, diu dặt Sử Lịch vào Sử Xanh bằng con đường của lục bát ca dao bảy chữ là ba của Logos uyên nguyên còn

truyền là tiếng gọi trên con đường Cõi Đạo sơ khai trên
ngã ba tam giáo.

Ta bước bên đường kêu gọi mãi

Nhớ người bạn cũ thuở anh niên

(X D)

Tiếng gọi vèo bay trên dẫu biển, nắm lấy biên cương
làm nên biên thùý kết tụ, thiết lập ngôi nhà tồn lưu bên
nhịp cầu sa mạc đang ngôi nhậ la de: Logos ăi Maison
de l'Être + Porte du Néant ăi Synousia.

Triều đình của Tương Ứng mở phôi trong khép nép
thù tạc la de rượu đế:

Họa bao giờ có gặp người

Vì tôi cậy hỏi một Lời chung thân

Lòng còn gửi áng mây Hàng

Họa vẫn xin hãy chịu chàng hôm nay

*Le langage dérobe à l'homme son simple et haut
parler... Mais son appel initial n'en est pas devenu muet
pour cela, il se tait seulement. L'homme à vrai dire n'accorde
à ce silence aucune attention.*

Một ngày nọ, tôi đã nhìn thấy mặt trời lặn liên tiếp
bốn mươi ba lần... Bác biết đó... lúc người ta buồn quá đỗi,
người ta yêu dấu cảnh mặt trời lặn xiết bao.

- Cái ngày chú nhìn bốn mươi ba lần nọ, chú đã buồn
quá đỗi, phải không?

Nhưng hoàng tử bé không đáp.

(SAINT-EXUPÉRY)

Hoàng tử bé không đáp, Saint-Exupéry cũng lặng lẽ
không thêm một lời nào. Hỏi Tố Như, ông bảo:

Buồn trông cửa biển chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.

Và ta hiểu. Cánh buồm xa xa là một đường rẽ trắng. *Elle est venue par cette ligne blanche.* Vậy thì? Vậy thì chiều hôm mang một lời hứa hẹn. Chiều hôm mang ẩn ngữ bình minh. Mỗi buồn chiều hôm “*tịch dương vô hạn hảo, chỉ thị cận hoàng hôn*”, mỗi sầu buồn đó nằm trong niềm linh cảm của tương giao, hồi tưởng những bình minh cũ đã phiêu bồng, biết rằng những bình minh sau sẽ còn đứng trước hiểm họa, thì: bình minh muôn thuở đang phơi mở thịnh triều lai láng ở riêng một Cõi Quê nào trong nếp gấp của Synousia?¹

Cùng với câu hỏi đó nêu ra, trong một thoáng bao nhiêu những nường Hélène cùng Thúy Kiều ùa về một lúc, để... Để làm gì? Để rủ nhau đi lạc đường tuốt hết, ghé bờ Ai Cập hoàng sa lộ đoản, cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia, oasis khóm đó theo bàn chân còn ghi dấu những Liệp Hộ Y Liêng.

Thì lời đáp cho câu hỏi về Tôn Thế Uyên Nguyên, Đức Lý Uyên Nguyên (Ethique originelle) sẽ nằm trong một câu hỏi khác: Đâu là cái “chốn” của mái Thanh Hiên tự-thành-tự-lập? Tại hoàng khâu lộ đoản? Tại hãn hải lưu sa, vô ngân vô tể? Bờ sa mạc hồng vàng giữa đêm xanh mù tằm ngất tạnh, vang tiếng gọi gì với thế kỷ chúng ta?

Từ đó, ta sẽ đọc trở lại những trang cổ lục khe khát, những lời “chém cha cái số” rất mực nghiêm hàn, và ta hiểu: bởi đâu những tiếng kêu gào giập môi bồng miệng nọ, lại được tắm trong một bầu nước lục bao dung. Khổng Tử Hình Nhi Thượng lại hiện ra, để huê tương nhượng, ôn tồn nhắc nhở một lời thiết tha nào với những chàng

1. Cf. Paul Claudel dịch thơ Đường ra Pháp ngữ.

Joseph ngoan-có-oái-oăm đã xô bốn ngõ tồn sinh vào chìm sâu trong hố. Cuộc Trùng Sinh nào sẽ từ đó được soạn sửa nẩy ra? Hỡi Moira (Jullien Green) trần gian nhớ nhung nằng khôn xiết, như nhớ nhung những nương La Samaritaine đã được bậc chân nhân xưa kia chọn làm sứ giả. Hỡi những Praileau kỳ diệu. Vì lẽ gì cuộc đời thoạt tối thượng chịu dở dang?

Praileau? Vâng. Praileau. Phần Bất-Tư-Nghị (Ungedachte) trong tư tưởng hoàng viễn của những Julien Green *bao giờ cũng* nằm trong ẩn ngữ những Praileau – những nhân vật xuất hiện hai lần buộc người ta nêu câu hỏi, và hai lần không chịu đáp câu hỏi cho người ta. Con đường của Vắng Lặng nó mở ra như thế nào? Mà những con người đứng ở những chóp đỉnh băng tuyết, bao giờ cũng quay mặt chịu chia xa trước cuộc đời thoạt cực chung? Vì không cách gì thoát được ra ngoài môi “những gì phải được giữ im lìm trong lặng lẽ...” Tại sao vậy?

- *Mais pourquoi?*

- *Tu le sauras peut-être un jour. En tout cas, je ne veux plus te voir, et nous ne nous parlerons pas, si par hasard, nous nous croisons,* (Moira)

Tu le sauras peut-être un jour... Một ngày sau có lẽ bạn sẽ hiểu vì sao. Nhưng khi cái ngày sau đó tới, thì mọi sự muộn cả rồi. Thảm kịch đã xảy ra. Người ta đã cố gắng ngăn ngừa cho nhau, mà không kịp. Đó là định mệnh gì thế? Đó là Định Mệnh Moira. Từ xưa nay, những tao phùng, những kỳ ngộ, đều chịu chung định mệnh đó. Mộng lỡ dở mất rồi... *le rêve éternel de la Terre grave et souffrante...* Những con đường không giao tiếp nhau nữa trên mặt đất biển dâu:

Il est trop tard, à présent. Nos chemins ne se croiseront plus.

- *Je veux savoir*
- *Je ne pourrai jamais te le dire.*

(MOIRA)

Praileau nói gì thế? Hỡi ôi, đó là lời Đức Khổng: *Dục dục vô ngôn.*

*Xuân phong tiểu bộ vơi đầy
Đường xuân đam ngộ, nghiêng mày tạ nhau.*

*

Chỗ kỳ bí trong ngôn ngữ tương ứng giữa hai miền là: bên này, bên kia, lấm phen, đột ngột tung chướng lực theo lối tương nghịch, thì bất ngờ đồng tương thuận, tương thân, lại bốc mùi hương u ẩn. Nó quanh quất trong nếp gấp sử lịch chiêm bao, nó leo đèo đi về trong ba “lân-hang-bốn”, nó chấn động khe em lúc mơ màng sơ đầu suối chị. Nó nêu hình hài phố thị để phơi mở tinh thể thôn ổ điều hiu – giá thị ân, giá thị nghiệt? – Không biết, thưa rằng ta không biết. Nhưng tất cả thiên tài kim cổ đều cũng nhận xét một điều như vậy đó nhiên như. – *Dans l’Orient désert, quel devint mon ennui...*

Nói thế có nghĩa là gì? Đáp: cả càn khôn cùng rung lên cơn dầm ùa dấm đuối trầm luân lúc côi Á Đông hoang liêu trong lời thơ Racine Sa Mạc chợt vang lên trong điều hiu ngôn ngữ tứ hải phiêu bồng.

Nhưng tại sao phải nói về Racine? Và chỉ riêng về Racine như rứa là rằng? Thưa rằng: vì đó là điều kiện tối yếu để Chân Như Như Tố Đông Phương Sơ Đầu Tố Vọng Do Lai bừng lên một phút giây vạn đại “*Thuyết bất định quán tiền diện tấu, tha tự hội hậu diện căn lai...*” Không suy gẫm về thơ Racine thì không cách gì hiểu nửa câu thơ

Nguyễn Du được cả. Bởi vì Nguyễn Du sống liền da máu với Nerval. Mà Nerval lại là đứa con Cự Hy Lạp. Mà Hy Lạp lại là huynh đệ của Cự Trung Hoa. Mà Cự Trung Hoa lại là cha Lý Bạch. Và từ đó...? Bước thêm nữa bước nữa, là có thể dừng lại đầy đủ một trận chiêm bao. Với với...

Xét như vậy, ắt nhận thấy rằng. Rằng sự thật là: đứng ở quan điểm sử lịch bốn phương phiêu bồng mây trắng mà xét về văn học Việt hiện đại, ta có thể nói rằng:

Mọi trang sách Việt Nam viết ra từ vài chục năm nay, vẫn nằm trong một vùng của một cõi của một cuộc cờ khai diễn bao la: trận giăng co dập dìu xung đột giữa tồn lưu và tồn hoạt hiện sinh. Tuy nhiên, vì những tình thần đi về trong cây bút vốn từ sử lịch mệnh mông bước lại, nên cái tại thế của tài hoa lấm phen không tự mình ý thức rõ sự vụ, chỉ biết đi hiu đưa ngọn bút đi trong những đường quanh, lối quẹo, ngõ cong cong. Đột nhiên, những biến cố bình sinh đồ sộ bỗng làm chấn động toàn khối hoạt hữu. Một làn ánh sáng dị thường đã từ đó tuôn ra lân la khắp mép rìa tả tơi tồn hiện. Màu sương tỳ hải bỗng đăm đuối trở cơn phiêu bồng theo tiếng gọi của sử lịch đa mang.

Lạ gì bí sắc tư phong

Cảo thom tịch hạp đôi hàng đăm chiêu

Đi về cổ lục lệ kiều

Xuân phong tiểu bộ liễu yêu động bài

Phong tình vạn chủng chẻ hai

Tồn lưu xuất hiện chạy dài càn khôn

Gió vũ trụ, giác trường tồn

Cơn chiêm bao sịch dập dồn mảnh se

Bách niên nhất giác mộng hòe

Hà thanh vạn lý đội về dư âm.

CON ĐƯỜNG ĐIỀN DÃ

Ne regardez qu'une fois la vague jeter l'ancre dans la mer

RENÉ CHAR

La Parole en Archipel

Hãy nhìn chỉ một lần thôi, làn sóng thả neo vào lòng biển.

*Hãy nhìn chỉ một lần thôi
Giữa lòng biển rộng sóng ngời thả neo
Một lần thôi một lần thôi
Nhìn trăng đại hải mây trời thả neo
Về sau trận gió bay vèo
Dặm khuya ngát tạnh trướng đèo gia tăng
Vội đi trong phút dùng dăng
Cổng xô còn giữ cây hằng trở hoa
Mây về thang gió nhìn qua
Gọi sương ở lại rằng ta yêu mình...
Ấy là?
"Chẳng nên vô lự vô tâm?
Hôn vô niệm với vô ngàn biển dâu?
Xin về với gió phù du
Mở trang trí huệ cho mù sa bay
Chiêm bao hội thoại ngân dài
Ý trong tờ mộng nhớ ngày yêu thương
Những câu chuyện kể khôn hàn
Những giờ từng đã muôn vàn đã xa..."*

HOELDERLIN

Ce jour-là, je reconnus le monde pour ce qu'il était, je décidai d'accepter que son bien fut en même temps malfaisant et salutaires ses forfaits. Ce jour-là, je compris qu'il y avait deux vérités don't l'une ne devait jamais être dite.

ALBERT CAMUS – L'ÉTÉ

Thế theo lục bát khép mở tục tũu phương đông:

*Kể từ giờ phút nhận chân
Cõi trần gian chi, ấy trần gian em
Thang máy tịch hạp u rèm
Niềm vui? – ác mộng. Dịu mềm – hỗn mang
Đường xuôi tréo cẳng ngược hàng
Một rằng rón bước hai rằng khép môi
Tiếng rằng nói cũng lạ đời
Mà trong lẽ phải có lời phải cam.*

Der Feldweg và *Aus der Erfahrung des Denkens* là hai tác phẩm viết theo thể “tùy bút” của Heidegger. Viết rất ngắn, rất đơn giản, nhưng rất hàm súc. Và hé cho ta thấy cội nguồn tư tưởng Heidegger.

Trong sinh hoạt tinh thần của nhà tư tưởng Đức, *Der Feldweg* và *Aus der Erfahrung des Denkens*, có thể được xem như Cẩm Giả Dẫn trong “thi nghiệp” Nguyễn Du.

*Cuộc dẫu biển đời thành quách
Tây Sơn thua, ta bước vào Nam.*

Hai câu thơ đó giúp ta hiểu thiên tài trong thế kỷ thiên thu “trái qua một cuộc bể dâu” như thế nào, thì đọc *Der Feldweg* và *Aus der Erfahrung des Denkens* ta cũng tạm gọi là nhận thấy chỗ chính yếu của tư tưởng một “triết gia” Tây Phương hiện đại trong vòng nửa thế kỷ nay đương gắng xóa bỏ những danh từ “triết học, siêu

hình học”, để giúp tư tưởng hồi sinh trong vẻ thuần khiết sơ khai tìm về mai hậu bước từ mai hậu về tới sơ khai.

“Tây Sơn thua, ta bước vào Nam...”

Bước vào Nam với mối ngậm ngùi man mác. Những cái mà ta gọi là “giá trị”! là “chân lý” là “cương thường đức lý”, hầu như xiêu đổ hết. Và bước tới đâu, cũng cảm thấy hố hang hiển hiện quanh mình. Tây Sơn thua, là hư vô bước tới. Ta bước vào Nam, và tồn thể vẫn chưa hiện về.

Gọi mãi triền miên mơ giữa mộng

Dòng đi có lại với trăng tà?

Tuy nhiên trong tình dạ thâm canh còn cái gì đương kết tụ. Niềm hoài vọng theo dõi mãi trên “dặm khuya ngắt tạnh mù khơi.” Lịch hành hàng hải trụ liên thiên.

Vong hồn lịch kiếp vời trông

Đi về phảng phát điệu hùng tâm kia

Bản dịch Der Feldweg ra Pháp văn của Jacques Gérard lấy nhan đề: Le Sentier. Nếu bảo phải sát hơn, ắt là phải dịch: Le chemin de Campagne. Ngay một nỗi: được phía này, thì mất phía nọ. Nhiều lúc phải tô màu vàng phết màu tím thì thiên hạ mới đọc ra màu đỏ, và nghe ra màu xanh. Nhiều lúc phải tô phết màu xanh, thanh hiện thì chúng sinh mới dòm thấy bom liên thanh âm ý.

“Alles spricht den Verzicht in das Selbe” Tout raconte le renoncement en faveur du même.

Riêng một câu nào đó đã cho ta thấy: giữa lời và tiếng và âm điệu đôi bên Pháp, Đức, đã có gì tương xung trong tương ứng, xung khắc trong hài hòa.

*Spricht die Seele? Spricht die Welt? Spricht Gott?
Est-ce l'âme qui parle? Est-ce le monde? Est-ce Dieu?*

Tinh thần riêng biệt của hai ngôn ngữ, đòi hỏi lối nói sai dị chút ít đó. Nhưng cách điệu điệp ngữ cốt yếu trong hai câu hỏi vẫn được bảo tồn.

Đọc Heidegger, chúng ta đừng quên một điều. Ấy là: *“Không bao giờ, và bất cứ trong ngôn ngữ nào ở giữa nhân gian, cái điều thốt ra lại là điều nói đến”* (Xem ở sau: *Aus der Erfahrung des Denkens – Từ Kinh Nghiệm Tư Tưởng*). Ấy bởi vì: cái điều nói đến phải được nghe ra ở bên kia lời thốt, giữa Nếp Gấp tịch hạp song liêm – trong một vùng hoạt nghi chi điệu.

Thế nên chi nếu bám vào danh từ một cách câu nệ, thì vô tình ta giết chết mọi sáng tác hoàng viễn xưa nay. Và làm sao còn nghe ra giọng nói của Nguyễn Du trong bao nhiêu lời và tiếng mâu thuẫn nhau một cách vô cùng trầm trọng? Lúc nào Nguyễn Du chấp nhận Thúy Kiều? Lúc nào Thúy Kiều bị Nguyễn Du lên án? Trong buổi báo oán sao Từ Hải lặng thinh sau hai lần báo: *“mặc nàng xử quyết... để cho mặc nàng...”*? Và Giác Duyên? Và Tam Hợp đạo cô? Sao gọi là tam hợp? Sao gọi là đạo? Sao gọi là *duyên*? Sao gọi là *giác*?

Bàn tới Parménide, Heidegger còn nói:

*Wer auch nur eine geringe Erfahrung hat im Horen dessen, was grosse Denker sagen, wird zuweilen vor dem Seltsamen verhoffen, dass sie das eigentlich zu-Denkende in einem unversehens angefügten Nebensatz sagen und es dabei bewenden lassen”*¹

1. Theo bản dịch Pháp văn của André Préau:

“Quiconque est exercé, si peu que ce soit, à écouter les grands penseurs sera, sans doute, parfois déconcerté par ce fait étrange que ce qu’il faut proprement penser, ils le disent dans une proposition subordonnée ajoutée sans bruit et qu’ils s’en tiennent là.” (Essais et Conférences).

Ai từng có quen – dẫu chút ít thôi – ai có từng kinh nghiệm nghe điệu nói của những nhà tư tưởng lớn, hẳn nhiên đôi lúc kinh ngạc trước sự vụ kỳ dị này: cái điều cần phải suy tư cốt thiết, họ lại nói trong một mệnh đề phụ thuộc, vô thanh vô tức ghép vào rồi bỏ lửng đó.”

Nhưng tại sao lại thế? Tại sao phải lập ngôn như thế?

Chúng ta lại đành quay về với Nguyễn Du mà tìm lời giải. Mệnh đề phụ thuộc trong thơ Nguyễn Du có nhiều. Chúng ta hãy chậm rãi mà tìm Mệnh đề phụ thuộc, theo nghĩa đen, và theo nghĩa bóng.

Theo nghĩa bóng, mệnh đề phụ thuộc, chính là điệu nói nghe nhẹ như chơi, la cà gùn ghè chịu chơi chua chua chát chát. “*Hồng quân với khách hồng quân... Đã xoay đến thế còn vẫn chưa tha... Lỡ từ lạc bước bước ra...*” Và: mệnh đề phụ thuộc, chính là lúc xoay điệu thơ ra lời “tả cảnh”, xô tiếng thơ ra tương ứng với thanh âm tơ mảnh:

Lơ thơ tơ liễu buông mảnh...

... Trúc se ngọn thỏ tơ chùng phím loan...”

Hoặc: “*Một vùng cỏ mọc xanh rì*

Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu.”

Không thấy gì nữa đâu, nhưng lại dường như nghe phảng phất gió hư vô từng trận thổi về, cọ vào mép bờ vịnh thể lưu ly.

Tuy nhiên, lời là ẩn ngữ, thì sự đọc ẩn ngữ là công việc của từng người tự mình nghe ngóng, tự mình nghe ra trên con đường của điều hiu lặng lẽ. Nếu người ta đọc sách theo điệu “*cảo thom lẩn giở trước đèn*”, nghĩa là không vội vã hấp tấp, thì sớm chầy gì cũng bắt gặp giai âm thanh hà đi về chiêm bao nam phương nước nở. “*Hựu hướng thập thủ tân thi, quán nhập đoạn trường chi tập. Tứ huyền cung oán phổ thành bạc mệnh chi âm. Giác thế*

lượng kỳ nảo nhân, phục sinh đình nhi cố ảnh. Hoa ưng thâm diễm, liễu dục tăng kiều; tham bắc bộ chi phong tao, tiểu đề diệp vận; thiện nam triều chi phấn đại, nùng đàm tương nghi...” (Chu Mạnh Trinh).

Lễ thanh khí, lễ thần giao cách cảm, lễ tương ứng Synousia, người xưa từng đạt tới sâu thẳm vô cùng. Vậy ta xin làm thơ chút ít đem cắm vào chỗ đó.

*Ngõ ban sơ hạnh ngân dài
 Cổng xô còn vọng điệu tài tử qua
 Ta về ngóng lại mưa sa
 Giọt dài ly biệt nghe ra giọng chào
 Chiền đàn đốt tọng chiêm bao
 Diệu hoa lâu các đêm nào hóa sinh
 Đài xiêu nhụy rớt bên mình
 Sầu Thoan Nghê giẫy bên mảnh điều hiu
 Tình oa khúc sĩ xé chiều
 Bình minh phát tiết sương kiều lệ pha.
 Rừng Ong gấu quấn quanh nhà
 Càng nghe thấy cổng giang hà cửa trướng
 Sương Tỳ Hải dội lên nguồn.
 Ngàn xưa ôi lệ ngóng Duông Mộ Din*

Hoặc làm thơ nhiều hơn chút ít cho bờ cỏ liên tôn xây dựng tòa thiên nhiên Rrigitte từ Âu Mỹ tới Xiêm La Nga Xô và Pháp Đấy.

*Ấy là là ấy.
 Ngữ diệp ca Trường Ca túy điệu
 Ngón đương thể Vĩnh Thể hằng tâm
 Quân thân thân quận quân do quận
 Lân lý liên lâm lẫm liệt lẫm
 Khổng mỵ phù trăm nhân nghĩa nghệ
 Lão sy khuếch độn hựu huyền âm*

*Phi truy Thân Mẫu khuynh thành sắc
Thừa hạc Man Nương cập hỏa cầm
Cầm đoạn phù du Phương Cảo Niệm
Thiếu linh hý lộng Mãn Thiên Ngâm
Ván Mông nga mạch nghênh Hy Chúa
Mộng My bình sinh loát Từ Thần
Tả biến thân thông tam muội tậ
Hồi đầu nghiệt hải Thích Ca Thân.*

CON ĐƯỜNG ĐIỀN DÃ

DER FELDWEG

Từ cổng trang viên Cung Thành, con đường hướng về miền Ehnried. Những cây Cổ Thu Bồ Đề trong hoa viên cung thành, suốt bốn mùa nghiêng đầu trên tường vôi xám nhìn theo, hoặc trong mùa sương xuân lấp lánh, con đường ngời sáng giữa những mầm hồng chồi lộc dương lên và giữa những đồng nội trở giác; hoặc trong mùa đông gió tuyết, con đường chìm khuất sau sườn đồi. Ở mép rừng, con đường ngẩng mặt chào một cây sồi cao lớn. Dưới bóng cây có một chiếc ghế gỗ sù sì.

Chính nơi đó, một vài pho sách của những nhà tư tưởng lớn được lần giờ chăm chú bởi một tuổi thanh niên trẻ dại miệt mài. Lúc nào những ẩn ngữ tới dập dồn búa vây không lối thoát, thì con đường liền giúp đỡ. Vì con đường dẫn bàn chân bước đi trên một lối mòn khúc khuỷu, đưa bước chân đi bình lặng bằng qua khoảng rộng cánh đồng khô.

Tư tưởng thỉnh thoảng trở lại với những trang sách cũ, hoặc trở lại với những cố gắng sưu tầm của chính mình, luôn luôn trở về trên lối đi do con đường đã vạch

qua cánh đồng. Con đường điên dã vẫn gần gũi bước chân người nông phu buổi sáng ra thăm mùa màng.

Năm tháng trôi qua, cây sồi bên đường càng như nhắc gợi tư niệm nhiều thêm trong ký ức, những cuộc chơi cũ, và những chọn lựa buổi đầu, và những ân tình thứ nhất. Thuở đó, khi một cây sồi giữa rừng ngã gục dưới chiếc búa, thì người cha vào rừng tìm khối gỗ đem về trại chửa. Rủ thăm, rừng thưa, ngàn cây hiu hắt sáng.. Người cha tư lự giữa phong cảnh hoang liêu, sau những giờ làm xong phận sự ở đền tháp, gác chuông, cả hai cùng giữ nhịp tương giao với thời gian và thời thế¹.

Trẻ con đem những mảnh vỏ sồi cắt làm những chiếc tàu, có đủ tay chèo tay lái, thả trôi trên dòng Mettenbach hoặc trên mặt giếng nhà trường. Những chiếc tuần dương hạm kia đã đạt mục đích một cách dễ dàng và quay trở về bến. Mộng viễn du của tuổi thơ còn nằm khuất trong bóng mờ u ám bao phủ mọi vật. Con mắt và vòng tay người mẹ còn bao bọc vây phủ thế giới thơ ngây. Dường như mọi vật được che chở trong niềm ưu tư không lời của người mẹ. Những trò chơi viễn du kia chưa hề hay biết chút gì về những cuộc phiêu lưu vĩnh ly mọi bờ bến. Tuy nhiên, từ đó, thứ gỗ cứng xông hương cũng đã bắt đầu nói rõ hơn về đời cây nảy nở chặm rãi và liên tục bền bỉ như thế nào. Cây sồi đứng ở đâu rừng cũng nói rằng: chỉ riêng trên cơ sở cuộc sinh trưởng nhân nại như thế kia, mà mọi cái trường tồn được thiết lập và nảy hoa kết trái; rằng: sinh trưởng là mở phổi đón nhận bao la của thanh thiên và đồng thời đâm rễ sâu vào giữa âm u của lòng đất; rằng: mọi trường tại vững bền chỉ thành tựu được

1. Tài tạo theo tình thần lục bát Việt Nam, chúng ta viết:

*"Lá rừng quỳên nhập tuyến oa
Chạm cung quý tiết thu già trở con."*

khi con người sẵn sàng đón đợi mọi đòi hỏi của trời xanh cao rộng, lúc tin yêu nằm trong sự che chở của mặt đất bao dung.

Cây sồi vẫn còn nói mãi điều ấy với con đường đi dần đi qua, con đường vững tin trên lối nhạt. Dọc trên lối đi, những gì gìn giữ bản thể mình, thì con đường đón nhận kết tập về; và đối với kẻ đi trên đường, thì thực thể của riêng mình, được con đường đem lại trao cho.

Đồng cao, ruộng thấp, nội cỏ nghiêng nghiêng vẫn còn mãi như ban sơ, vẫn theo dõi con đường suốt bốn mùa, với một niềm gắn gũi thiết thân luôn luôn biến hóa. Dầu là những đỉnh núi vôi vọi phía trên rừng bát ngát mỗi hoàng hôn chìm lặn dưới ánh tà; dầu là cuối đồi điệp điệp, con đường mát hút sau trướng, cánh sơn ca vút bay lên giữa bình minh rạng rỡ; dầu là từ miền thôn ổ tử phần ngọn gió đông vũ bão bay về, hoặc lúc chiều hôm kẻ tiểu phu hì hục gánh củi lại nhà, hoặc lúc chiếc xe bò chở nặng lúa mùa về lịch kịch, hoặc sớm xuân con trẻ tíu tít hái những đóa ngọc-trâm-hoa đầu mùa ở quanh bờ nội cỏ, hoặc những buổi sương mù u ám suốt ngày dài dề nặng trên đồng đất, bao giờ cũng như bao giờ, và khắp nơi trên con đường đi dần đi, lời nhắn gửi vọng lên vẫn như nhiên là như thế.

Cái Đơn Thuần bảo vệ cho kỳ diệu của trường tồn và hoàng viễn. Nó trực tiếp đến với con người nhưng lại cần nhiều tháng năm sinh trưởng. Nó giấu lời chúc phúc trong vẻ mơ hồ đạm bạc, nó che hồng ân, huệ sủng, dưới vẻ đồng dạng mãi mãi như nhiên. Mọi vật sinh sôi nảy nở quanh con đường trong viên mãn thành thang, khơi diễn "côi" trên hà sơn vạn lý. Trong vắng lặng không lời của vạn vật, Chí Cao thị hiện là nhiên hiện Chí Cao, nói như lời Thầy Giáo Dục kỳ cựu Eckhart.

Nhưng lời nhắn gửi của con đường điên dã chỉ vọng lên, chừng nào còn có những con người ghi nhận: sinh ra trong hơi thở của con đường, những người đó lắng nghe nguồn cội, không làm nô lệ cho những âm mưu. Dù con người có cố công tổ chức lại địa cầu bằng kế hoạch nào chẳng nữa, cũng vô ích mà thôi, nếu tự ban đầu con người không quy thuận theo tiếng gọi của con đường. Con người ngày nay không lắng nghe tiếng nói của con đường, đó là hiểm họa. Bên tai con người ngày nay, chỉ nghe vang rền âm thanh cơ khí, mà con người hầu như coi đó là tiếng nói của Chí Cao. Con người bị tàn phá. Không còn lối đi. Đối với những kẻ bị tàn phá, thì cái Đơn Thuần biến thành tẻ nhạt. Tẻ nhạt đem lại chán chường. Những kẻ chán chường nhìn đâu cũng thấy buồn nôn đơn điệu. Cái Đơn Thuần đã tan biến mất. Tiềm lực thanh tịnh của nó đã khô cạn mất rồi.

Số người còn biết coi cái Đơn Thuần như một kho tàng thu hoạch, số người đó hao mòn đi rất nhanh. Nhưng số ít luôn luôn ở khắp nơi sẽ là kẻ trường tại. Họ sẽ còn ở mãi; nhờ sức mạnh trì ngự êm dịu của con đường điên dã, họ sẽ vượt qua sức tàn phá khổng lồ của nguyên tử lực, do con người chế tạo và khép hoạt động của mình vào.

Tiếng gọi của con đường điên dã đánh thức niềm yêu chuộng tự do phóng dật, giúp nó vượt qua những dày dạn lao lung trong một niềm vui cuối. Niềm vui ấy phòng vệ tinh thần trước sự hàm hỗn của lao tác, của việc làm vô cứu cánh dẫn tới rỗng không.

Trong bầu không khí của dặm đường biến chuyển theo hương sắc bốn mùa, cứ lớn mạnh niềm vui thanh thần thông tuệ¹ và gương mặt nó thường như mang vẻ tư

1. *die wissende Heiterkeit*. Muốn hiểu rõ quan niệm về niềm thanh thần thông tuệ của Heidegger, nên đối chiếu với những lời trong tác phẩm *Was ist Metaphysik* - trang 37, Martin Heidegger ⇨

lự, u sầu. Sự hiểu biết thanh lạc kia chính là niềm “*Du Hý Hải Hòa, Phiêu Bồng Tam Muội*”¹. Không ai mưu tầm thu hoạch được nó, nếu bản thân không từng sở hữu. Kẻ nào có được, là có bởi con đường. Trên dặm đường, gió bão mùa đông tao phùng với ngày mùa gặt hái, xuân sắc động mình giao cảm với vàng võ sầu thu, cuộc vui chơi nô nức của tuổi trẻ tỏa những tia ngời bất gặp cái nhìn lịch duyệt hiền minh của tuổi già². Nhưng trong mỗi hải hòa duy nhất, mọi vật cùng tưng bừng, bản hòa âm Thiên Cổ Lạc rộn ràng, vì con đường diên dã vẫn âm thầm mang chở vang bóng dương quang về rải rắc đó đây...³

⇒ *so sánh niềm khắc khoải ưu tư của kẻ mạo hiểm anh hùng với niềm vui thanh thản êm dịu trong tinh thần khát vọng sáng tạo. Ông thấy hai tinh thần đó rất gần nhau, tương quan mật thiết. Cũng như Nguyễn Du quan niệm thế nào mà tự cho mình mấy biệt hiệu Tố Như – Thanh Hiên – Hồng Sơn Liệp Hộ.*

“Die Angst des Verwegenen duldet keine Gegenstellung zur Freude oder gar zum behaglichen Vergnügen des beruhigten Dahintreibens. Sie steht – diesseits solcher Gegensätze – im geheimen Bunde mit der Heiterkeit und Milde der schaffenden Sehnsucht.”

(Trong bản dịch của Corbin, mấy dòng dịch đoạn này nằm ở trang 38)

Người Trung Hoa cũng có thể nói rằng cái tối-dại-tương-phản-pha-độ cũng là điểm tương hợp chớp đỉnh và hố hang. Thái cực gặp nhau là vậy.

1. *das Kuinzige: tiếng này rất khó dịch. Pháp Ngữ dịch là Sagesse malicieuse. Và giải thích: état de sérénité libre et joyeux (...) marqué par une ironie affectueuse et par une touche de mélancolie.*

2. Ở một bình diện khác, Nguyễn Du bảo:

“Lặng nghe lời nói như ru

Chiều xuân dễ khiến nét thu ngại ngùng”

3. cf – *“Nỗi vui cũ, ngày nay anh lại có*

Thêu dài hồng anh nói ít lời hoa

Em ca lừng cho bốn phía sinh ca

Dem dâng tặng mặt trời muốn thuở mới...”

(H. C.)

Niềm vui minh mẫn là cửa ngõ vào vĩnh viễn. Cánh cửa xoay trên những bản lề được rèn giữa bởi một người thợ khéo, khởi từ những ẩn ngữ của hoạt thể tồn sinh thị hiện.

Từ đất đồng Ehnried, con đường quay ngược về trở lại cổng trang viên. Từ sườn đồi cuối cùng, dặm mòn mỏng mảnh xuôi chiều gió xuống ngang bờ thành quanh phố cũ. Dưới ánh trời sao, con đường hiu hắt sáng, lấp lánh nhạt mờ. Phía sau cung thành, hiển hiện gác chuông nhà thờ Saint Martin. Chậm rãi, ngập ngừng, mười một tiếng chuông lịm dần trong đêm tối.

Cảnh vật càng tĩnh mịch thêm. Vắng lặng về suốt xứ, bắt gặp lại cả vong hồn những kẻ đã sớm gục chết giữa tuổi xuân qua hai lần Đại Chiến. Cái Đơn Thuần càng thêm thuần khiết. Cái vĩnh viễn đồng dạng như nhiên càng dị thường hoang liêu và giải phóng. Hệ lụy được cởi gỡ. Lời nhắn gửi của con đường điển dã bây giờ đã hoàn toàn trong suốt hiển minh. Phải chăng tiếng nói của linh hồn? Phải chăng lời vạn vật? Phải chăng Cõi Thế phát âm? Phải chăng Chí Tôn thuyết pháp?

Thấy thấy nói một điều: quên thân trong thuần nhất, quên thể trong nhiên như. Quên là phụng hiến. Không gây thiếu hụt, mà cho rất nhiều. Trao gửi nguồn đơn thuần bất tuyệt. Lời nhắn gửi đi về là kết hợp thiết thân trong cõi nguồn xa thẳm.

1. cf. "Bờ tre rung động trống chầu
Tường chừng còn vọng trên lầu ài quan."

TỪ KINH NGHIỆM TƯ TƯỞNG

(Aus der Erfahrung des Denkens)

*Cồn đất trắng mờ sương gieo giọt nhỏ
Trút cho đời vũ trụ mọc hoang liêu
Hồ phương lan hoàng hậu sớm tiêu điều
Hờn nhan sắc tự đầu trăng Nam Diện
Đế khuyết đế kinh sen vàng non biển
Hồ phương lan thành huyết lệ bây giờ
Ồ Tôn Lưu! Vĩnh biệt thật hay mơ?*

MÀU HOA TRÊN NGÀN

Khai dẫn – Heidegger viết trong sách *Triết Học* là gì? (sách in lại bài diễn thuyết đọc tại Pháp năm 1955):

“Triết học là gì, chúng ta chỉ biết và hiểu được, là lúc chúng ta nghiệm giải rõ triết học “là là” theo thể điệu, thể thức nào. Triết học nằm trong thể cách tương ứng giao thanh với tiếng thanh ứng của Hiện Thể. (Sie ist in der Weise des Entsprechens, das sich abstimmt auf die Stimme des Seienden).

“Lối tương ứng đó là một điệu nói. Nó phụng sự ngôn ngữ. Thế có nghĩa là gì, điều ấy đối với chúng ta ngày nay thật khó hiểu. Bởi vì quan niệm của chúng ta về ngôn ngữ từng trải qua nhiều phen biến dạng kỳ dị. Do đó, ngôn ngữ bị xem “*như một công cụ phổ diễn*” (als ein

Instrument des Ausdrucks). Từ đó, người ta cho rằng *ngôn ngữ phụng sự tư tưởng*, người ta tưởng rằng nói thể chính xác hơn là nói: *tư tưởng phụng sự ngôn ngữ*.

“... Không suy niệm đầy đủ về ngôn ngữ, chúng ta sẽ không thể biết thật sự triết học là gì theo nghĩa triết học được xác định là một tương ứng, là một cách điệu xuất loại, tối ưu của điệu nói.”

(Nếu bấy lâu nay, chúng ta đã tư lự về chỗ kỳ bí trong tinh thể ngôn ngữ Nguyễn Du, ắt bây giờ chúng ta không hoang mang quá nhiều trước trang sách Heidegger). Xin đọc tiếp:

“Nhưng bởi vì giờ đây Thi Ca, nếu đem so sánh với tư tưởng, thi ca cũng phụng sự ngôn ngữ theo một lối khác hẳn, nhưng cũng xuất loại, tối ưu không kém, buổi hội đàm bữa nay của chúng ta về triết học tất nhiên dẫn tới chỗ: *xác định mối tương quan giữa Tư Tưởng và Thi Ca*. Giữa đôi bên, tư tưởng và thi ca, có mối liên quan thân thuộc ẩn kín, bởi vì cả hai cùng phụng sự và phụng hiến mình cho ngôn ngữ. Giữa đôi bên lại có một hố thẳm, bởi vì tư tưởng và thi ca “*cư trú trên những đỉnh non cao vô cùng cách biệt*”

*Nàng rằng vì mấy đường tơ
Lầm người cho đến bây giờ mới thôi
Mệnh mang rừng biển trông vời
Ngàn thu rút hột trang đời giờ qua
Đêm xuân phố chợ là hoa?
Tuần trăng hắc ám ngoài ra thể nào?*

LÀM THƠ

Bài thơ thứ nhất ca ngợi ông Trời Xanh

Bài thơ thứ nhì ca ngợi ông Thượng Đế

Bài thơ thứ ba ca ngợi đồng thời cả hai ông Thượng Đế và Trời Xanh

Bài thơ thứ tư ca ngợi cùng một lúc cả ông Trời Xanh cả ông Thượng Đế

Bài thơ thứ năm bất thành linh chỉ duy ca ngợi ông Trời Xanh mà thôi

Bài thơ thứ sáu đột nhiên ca ngợi duy nhất ông Thượng Đế.

Bài thơ thứ bảy bỗng đâu cộng chung hai ông Thượng Đế và Trời Xanh làm một để tiện việc ca ngợi một lần.

Bài thơ thứ tám hốt nhiên sực nhớ rằng cộng chung như thế có phần vô lễ bèn chia rẽ trở ra.

Bài thơ thứ chín khởi sự lần lượt ca ngợi trở lại hai ông.

Bài thơ thứ mười bắt đầu cảm thấy khó khăn trong cuộc lần lượt khởi sự ai trước ai sau.

AUS DER ERFAHRUNG DES DENKENS
Từ Kinh (Thế) Nghiệm Tư Tưởng

*Đạo và Cân (Thiên Xứng)
Phù Kiêu và Ngữ Ngôn
Kết tập thành
Nhiên như trong một
Chuyển Động Dịch Hành*

*

*Hãy bước đi bước tới
Hãy phụ đảm nại hà
Na cá vấn cú
Giá cá lạc bại di vong
Bước về ở trong
Trung Thành với
Lối Đi duy nhất
Của người là như thật
Của riêng thật là người
Lối đi phơi mở vẹn mười
(Lối mòn cỏ nhạt
Riêng người mở phơi
Phù kiêu bắc nhịp đây với
Thành ngôn tự ngữ*

*Kết trời
 Biển
 Sóng
 Hồ Sơn ứng mộng Lâm Xuân
 Na nãng thị thể thần thông nại hà
 Năm năm biệt nước Sông Hoài
 Đêm đêm sâu nhập
 Thiên nhai khôn hàn
 Sở Từ kim nhật ghé sang
 Từ Như thể lệ
 Kiều ban cấp từ...)*

*

Khi ánh bình minh lạng lẽ tràn lan dần dần phía trên núi thẳm giữa tịch mịch non ngàn...

Trận lưu ly của Côi Thế vào hắc ám âm u không bao giờ xâm chiếm và làm tổn thương ánh sáng Lưu Tồn Hằng Thế. Với Chư Thần Đế, ta đi về quá muộn; với Hằng thể Tuế Nguyệt Hy Nga, ta đi về quá sớm¹. Con người là một Bài Thơ mở ra do Hằng Thủy, một Bài Thơ mệnh mông sinh khởi do Lưu Tồn, một Bài Thơ dở dang đi về Như Lai Pháp Thân cho Vũ Trụ.

Tiến bước về một Ngôi Sao, chỉ duy có thể.

-
1. Về quá muộn với Chư Thần thì ông Martin Heidegger thấy bầu trời sa mạc vắng bóng Chư Tiên. Về quá sớm với Hằng Thể Hy Nga, thì ông Heidegger Martin không nhìn đâu ra nơi chốn hội đàm cho Nga Hy thị hiện. Cả hai ông Martin Heideg và Heideg Martin cùng song song cô độc cảm thấy song trùng lưu lạc trong nhị bội lưu ly. – “Hồn đơn chiếc như đảo rời dặm biển. Suốt một thời như núi đứng riêng tây. Lòng Martin chốn nợ với nơi này. Dây hay đó chỉ một mình Heideg. Chòi Cô Độc dựng xây Sein und Zeit. Lều Cô Đơn đáp đối Zeit und Sein... Mấy mươi năm Vực nợ với Khu này. Hồn vĩnh viễn vẫn riêng tây một cõi...”

Suy tư là tự giới hạn trong một Tư Tưởng duy nhất, một tư tưởng ngày sau sẽ hăng tại lưu tồn hất hiu như một Ngôi Sao ở trên Vòm Trời Cối Thế.

*

*Khi con Chong Chóng trước cửa căn nhà tranh reo vui
vu trong trận gió giông nổi dậy...*

Nếu hùng tâm hăng nại của tư tưởng khởi sinh từ một yêu thỉnh của Lưu Tôn Hằng Thế Hy Nga, thì định mệnh phối tiết cho chúng ta lúc bấy giờ đi vào trong Ngũ Thế và tìm thấy Ngôn Ngữ của mình trong Ngũ Lệ Nghê Doan¹.

Lúc chúng ta nhìn sự vật, lúc sự vật nhìn ngó chúng ta trong hồ tương diện tiền tại hiện, lúc trái tim chúng ta lắng nghe cần mẫn vọng tới nguyên ngôn, thì lúc bấy giờ tư tưởng thành tựu viên mãn viên dung².

Hy hữu hiếm hoi vô cùng là những kẻ được hành tập

1. “Bấy lâu đày bể mò kim

Bấy chầy đã tỏ chốn tìm là nơi

Thập thành nghiên lệ mở phơi

Mù sương Bè Chị vành môi vô ngần”

Cuộc bấy-lâu-đày-bể-mò-kim đó trong Truyện Kiều bất thỉnh linh đời bình diện. Đó không còn là tâm sự chàng Kim cần mẫn chăm nom tìm tòi Thúy Kiều. Cũng không phải tâm sự Di Thần thao thức nhớ nhung Cựu Chúa. Cuộc Mò Kim Đáy Bể của Liệp Hộ Điều Đồ khởi từ một Yêu Thỉnh Gọi Kêu khác...

2. Theo thể lệ:

“Quả Mai ba bảy đang vừa

Đào non đúng độ xe tơ kịp thời

Lưu tồn hăng thế mở phơi

Lặng nghe cần mẫn vọng lời nguyên ngôn”.

lịch nghiệm đủ đầy để phân biệt một đối tượng của tri thức và một vật thể được suy tư¹.

Nếu trong linh vụ suy tư chỉ có đối thủ chứ không phải thù địch, nếu có cuộc tương tranh đồng cảm giữa những kẻ mang ý nghĩa đối lập nhau chớ không phải chỉ duy có bọn đồ kỵ cảm thù, thì cảnh huống tổ tụng tranh chấp sẽ thuận lợi cho tư tưởng hơn nhiều.

*

Khi bầu trời tá tơi mưa gió bỗng bùng rạng một tia nắng xuyên mây rơi xuống cánh đồng, lướt trên nội cỏ...

Không bao giờ chúng ta đi tới những tư tưởng, chính những tư tưởng đi tới chúng ta².

Ấy là giờ thuận lợi cho cuộc hội thoại.

1. *Vật thể được suy tư là:*

“Phong lưu rất mực hoàng quần”

Đối tượng của tri thức là

- Quần hông đồ ra sao?

Kê lịch nghiệm hiêm hoi hy hữu là:

Quần sẽ đồ từ khi Trăng là Nguyệt

Kính là Kỳ từ Châu Quận tán toan

Từ xứ sở đấng cay thu dầu chết

Bước dã man sấu xé lá gieo vàng”

2. *Tư tưởng từ Thanh Thiên đi tới, như tia sáng tự trời cao rờ mây u ám...? Và con người chúng ta Tại Thế (Dasein) đón nhận Lưu Tôn như cỏ nội hoa hèn thừa thụ Minh Lăng Tấn Dương? Hay là: như Dấu Bèo được Đài Gương soi đến? Hoặc như là:*

Cỏ phát tiết bờ khơi sóng dẫn sóng

Biển lên trời đầu ngọn mở nghe chìm

Dất từ tạ lam kiều ngân tuyết vọng

Đến xuân xanh về giữa tối khuya tìm...

Nó xui lòng thư thái hân hoan trước cuộc đồng tâm suy niệm (hiệp niệm, hòa niệm) bình ổn nghênh tiếp cuộc hòa tư hiệp tướng. Ấy không phải là đưa tràn những ý kiến xung khắc, và cũng chẳng phải hồ đồ tông phục tán đồng tùy nghi thỏa thuận.

Tư tưởng đứng phôi mình, tự thân giấn thể vào trong ngọn gió của sự thể thị hiện là là (cái vật cái đồ gùn ghè tư niệm cho đồ đồ vật vật được thị hiện là vật vật hiện thị đồ đồ).

Trong những trận hiệp niệm tương ứng tương cầu nọ, có lẽ một vài người sẽ hiện thị là bạn đường trong nghiệp nghề tư tưởng, để cho một ngày sau bất ngờ một kẻ trong đó sẽ hiển hiện là bậc thầy thù thắng (đệ nhất hy hữu đạo sư).

Khi những ngày đầu xuân, những cây thủy tiên có tịch nảy hoa heo hút ẩn thân trong đồng cỏ bao la, và lúc đã tương vi lấp lánh hàm tiếu dưới bóng tùng phong...

Lộng lẫy của Đơn Thuần

Chỉ duy hình thể bảo tồn viễn tượng

Nhưng hình thể do thi nhân tạo tác.

Mà thi nhân là (thân nhi) của sấu bi thị thể đi về lưu ngụ cho hoan hỷ sấu bi kết tập thể tinh cho mộng đời cư trú¹.

Kẻ nào còn trốn tránh sấu bi, kẻ ấy làm sao có bao giờ có thể được một luồng hoạt khí xúc động cho phần phát phi dương?

Đoạn trường phôi tiết sức mạnh điều trị ở tại nơi uẩn bất ngờ nhất, ở tại chỗ mà năng lực điều hành tự thân già tế bản thân trong khôn hàn của già mộng ẩn

1. Xem Lời Có Quận

mặt¹. (Khuya nay trong những mạch đời, máu thanh xuân
đậy thức người héo hon... Nỗi vui cũ, ngày nay anh lại
có...)

*(Nỗi vui cũ ngày nay anh lại có
Thêu đời hồng
Anh nói ít lời hoa
Em ca lừng
Cho bốn phía sinh ca
Đem dâng tặng mặt trời muôn thuở mới
Hãy đẹp giọng khúc huy hoàng vời vợi
Nhạc tung bùng tuôn chảy tự hồn vui
Thuyền du dương
Anh cầm lái
Em mui
Chèo một nhịp hò khoan cùng vũ trụ
Em mười sáu
Ấy hoa đời đang nụ²
Nở xuân quang anh vừa quá hai mươi
Ta nối tay tròn kết một vòng tươi
Mà vấn lấy cuộc đời
Em có thấy?
Trong máu thấm giòng vui liên tiếp chảy?
Suối hân hoan cuộn cuộn sóng dương hòa?
Làm nụ cười cho vạn vật muôn hoa
Em! Nào ta hát bài Thiên Cổ Lạc!)*

*

-
1. Xin đọc trở lại Đoạn Trường Tân Thanh lần nữa cùng với Lửa Thiêng và Thơ Hoelderlin.
 2. Hoa gì? – “Khi những ngày đầu xuân những cây Thủy Tiên này hoa man mác ẩn thân trong bao la đồng cỏ, và lúc Dã Tường Vy lấp lánh hàm tiếu dưới bóng Tùng Phong...” Bạch Dương, Lịch Thuỵ, đôi Bạn nguy nga ở thượng lưu giòng sông đưa nhân quan viễn vọng... (Lời Cổ Quận – Hối Tường).

Khi trận gió bất thành linh dịch chuyển, đi về gầm thét trên những mái nóc nhà tranh, khi thời tiết chuyển sang u ám...

Tư tưởng đứng trước ba hiểm họa.

Hiểm họa tốt đẹp và bổ ích là sự gắn gũi người thi sỹ ca ngâm¹.

Hiểm họa khắc nghiệt xót xa tai quái là chính tư tưởng vậy: Tư tưởng phải suy tư chống lại chính mình, đó là điều khảm kha đệ nhất, đó là điều tuyệt trừ gay cần cheo leo. (Hẳn nhiên Heidegger đang nghĩ tới cái gì đó hẳn nhiên là như thế? Cái gì? Một cái gì về Nietzsche? Một cái gì liên hệ với Rilke? Hay là với Husserl? Hoặc là những trận cuồng bức dị thường mà Heidegger đã bao phen thi hành thị hiện? Hay là những gì khác đã khiến ông đi vòng lẩn quẩn quanh và dừng lại ở một Khúc Quành riêng biệt? – “*Kỷ xứ oanh hổi, độ sơn khúc*” vì lẽ gì đáo cùng vẫn không thấy hiển hiện cuộc huy hoàng “*nhứt thời thanh quyết mần Hương Giang*”? Đó là “*Ân Ngữ Thượng Thừa Heidegger*” vậy).

Hiểm họa xấu xa, hiểm họa hỗn độn, ấy là hành vi luận bàn triết học, tạo tác triết thuyết lao xao.

*

-
1. *Đã cho rằng bổ ích và tốt đẹp, thì sao có thể gọi đó là Hiểm Họa? Ý ông Heidegger muốn nói gì?*

Phải chăng khi thời tiết sắp chuyển sang u ám, khi trận gió bất thành linh dịch chuyển (phong hành, lôi động) mà gắn gũi Thi Sỹ Ca Nhi thì thì thì Heideggers Dasein có thể bị Dasein Hoelderlins thu hút và từ đó? Mặc dù dung hợp được tự thân với phong hành lôi động là bổ ích, nhưng Heidegger phải đành vĩnh quyết Định Mệnh mình là vận mệnh Triết Gia? Không hẳn. Chậm rãi tìm đáp nghiêm mật hơn. Ở đâu? Dưới bóng đâu chăng? Tang hạ... Tang hạ nói lời gì? “Tang hạ khởi vô tam túc luyện? Tôn tiền liêu dự nhất thân quy...” (Tô Thức)

Khi con bướm xấp cánh giữa ngày hè, đậu yên trên đóa hoa, cùng với đóa hoa, đong đưa theo nhịp gió nội.

Mọi nhấn nại trì hành của tâm nguyện là đáp ứng, là tín giải thọ trì, thuận theo nhịp phiêu bổng của Lưu Tồn Thế Lệ kết tập tư tưởng về tụ hội song hành hôn phối với cuộc Sỏa Lộng của Cõi Đời du hý là Cõi Thế dập dừu đún đầy tinh sương tuế nguyệt chon von¹.

Trong tư tưởng, mọi sự trở thành cô đơn và chậm chạp. (Trì trì, ngô hành dã...)

Trong kiên nhẫn trì hành lòng cao nhã tồn trì trong khoan hòa thuần thực.

Kẻ nào suy tư hoảng đại kẻ đó phải lạc lẫm trong hoảng đại (mới hẳn nhiên là đương thể thích nhiên).

(Thế thì? Trái lại? Kẻ suy tư tũn mủn hẳn nhiên cũng phải lẫm lạc theo thể cách tũn mủn mới thật là thỏa đáng thích nhiên cho thiền tâm nhiên thích? Từ đó? Kẻ suy tưởng dưôi ươi, tất nhiên phải lạc lẫm theo thể lệ dưôi ươi phong vận vẹn mười khỉ đột thập thành viên mãn cốt cách mà ra? Nghĩa là? Thập thành công lực mù sa? Vèo bay chín khúc như hà thị nhiên? Ở trong tồn lập diện tiền? Điều hay còn lẫm địa diện bổ sung? Đi về hậu diện truy tung? Hý trường nội diện bi hùng sấm sai? Miêu cương Bồ Tát miệt mài? Liễu Quan Âm dậy ngân dài thu thiên? Âm giai thiện dụng thánh hiền? Thiền tâm diện hạ mối phiền lão phu? Đi về với gió phù du? Tìm Xuân Tinh Thế cho mù sa bay? Chiêm bao cuối tháng đầu ngày? Mở trang trí huệ tịch khai tô bồi? Đầu khe núi

1. *Thơ Tô Thức:*

*"Mạch thượng hoa khai hồ điệp phi
Giang san do thị tịch nhân phi
Di dân kỳ độ thù thù lão
Du nữ trường ca hoãn hoãn quy.."*

ngủ yên đời? Ngựa về trần thổ dưới trời hủ thân? Điều đồ xa? Liệp hộ gần? Nhiếp thời uống thể thành thân oan hình? Chắc rằng các hạ còn kinh? Giấc mơ quý dị bên mình còn reo? Đi về mây gió mang theo? Lời Về Cổ Quận điệu gieo lạc miền? – “Bích Câu đầu nữa bóng chàng Uyên! Sông núi thô sơ bật tiếng huyền. Có lẽ hồn ta không đẹp nữa. Nét thân thôi họa bức thiên duyên... - Kia treo trái mộng chiêu cây đời? Ngang với tầm tay ngán của người? Nhưng múa vu vơ tay đã mỗi? Ê chề đời thoáng vị cơm ôi? – Nhưng mà? Nỗi vui cũ ngày nay anh lại có... Thế thì...)

*

Khi giòng khe trong canh trường vắng lặng kể lẽ những lần thác lũ gieo xuống đá ghềnh...

Cái nghĩa Cũ Kỹ nhất của Cũ Càng (Thái Cổ của Cổ Cự) tiến lại từ phía sau lưng ta mà đi về trong tư tưởng, mà tuy nhiên vẫn tiếp nghênh ta ở diện tiền, đi về đón ta ở trước mặt.

Vì thế nên chi tư tưởng huyền niệm bước đi về của Quá Vãng Hoạt Hiện Như Lai, và vì thế nên chi tư tưởng là tưởng niệm là hồi niệm quy tư¹.

1. *Lừa Thiêng:*

Hơi mây trắng phất phơ màu gió cũ

Nước buồn ơi còn lại bến sơ xưa

Cho ta gửi vọng xuôi về quá khứ

Đôi chút sầu tư nước đẩy mây đưa...

Ấy là cái Thái Cổ của Cổ Cự từ hậu diện xa xưa đi về sau lưng ta, mà tuy nhiên vẫn tiếp nghênh ta ở tiền diện. Theo thể lệ:

Nỗi vui cũ ngày nay anh lại có

Vui đi về từ tiền diện tương lai

Ta nối tay tròn kết một vòng dài

Mà đón lấy Bách Ban Thiên Cổ Lạc

“Tiếc thay chút nghĩa cũ càng”. Cũ càng có nghĩa là dừng lại đúng lúc chính lúc mà niềm suy niệm duy nhất về một con đường tư tưởng tìm ra được Nơi Chốn của mình và cư lưu tại đó (Là Nơi Chốn tuyệt trừ của Ba La Mật Kim Cương Vô Ngã Thân Mẫu Thân Brigitte vậy).

Ta có thể dám liều bước nhảy dấn bàn chân từ cõi Triết Học về trở lại cõi Tư Tưởng Lưu Tồn Hằng Thế, vào lúc mà tại Ban Sơ Tư Tưởng chúng ta hô hấp một luồng khí hậu quê hương.

*

Khi những bão táp băng giá đập mãi căn nhà lá suốt những đêm đông, và lúc bình minh phong cảnh đã kết tạt thanh bình trong tuyết phủ...

Cái nói của tư tưởng chỉ đạt tới chỗ bình hòa thanh tịnh thuần thanh và tìm thấy trở lại tinh thể của mình, là lúc nó không thể nào nói được cái điều gì phải được tồn tại trong vô ngôn.

Một sự vô năng như thế sẽ nhiếp dẫn tư tưởng tới tiền diện sự thể sự vật từ như.

(- “Từ rằng: việc ấy để cho mặc nàng”. Để cho như thế có nghĩa là *cho để*, là cho được, cho dạng, là nhiếp dẫn hàm dung, ngụ từ thiên lý, dung lượng thể ngôn, tượng thành biểu hiện cho thị hiện trong Mông Mặc Ẩn Tàng, là song già song chiếu, song diệu song mông...)

Không bao giờ và bất cứ trong ngôn ngữ nào, cái điều phát biểu ra lời là cái điều được nói đến. (Cái được phát ngôn, không phải là cái Sở ngôn).

(Vì lẽ đó nên phải giác duyên, nghĩa là ngộ cơ, nghĩa là thể mật:

Giác Duyên vắng dấn mặt cần
 Ẩn từ như bóng như gần như xa
 Tạ từ thoát đã bước ra
 Dời chân chín cơi mù sa bên ngoài
 Chào mừng đón hỏi một hai
 Dò la lạc lối đây này đào nguyên
 Thưa rằng thể lệ uyên nguyên
 Phải nơi Hằng Thủy phi tuyển ban sơ?
 Hậu tình tưởng tóc niệm tơ
 Xem qua mới dạy bấy giờ là bao?
 Tưởng bao giờ? Niệm chiêm bao?
 Tháng nào Lễ Hội?
 Tiết nào Thanh Minh?
 Người Bình Tử? Kẻ Bình Sinh?
 Thể Hình như đã, Tượng Hình còn chưa...
 Chưa còn
 Là đã như chưa?
 Như là đã sớm vì trưa đang chiều¹
 Lời rằng rất mực đến điều
 Ngôn tàn ngữ tạ còn liễu thuyết ngôn²
 Vi dù giải kết Lưu Tôn
 Bình minh sa mạc hoàng hôn lâm tuyển³
 Ngã tập kiêu ngôn vô dư ngữ
 Tôn tiền liễu dự nhứt thân quy
 Tang hạ khởi vô sơn thượng nguyệt
 Dăng tiền trường bả mộng trung nghi...

Nếu bất thình lình Từ Như một tư tưởng đột nhiên thị hiện, thì giữa những người người kẻ kẻ ngạc nhiên về

1. *Điệu Thi Nhiên* ấy đang ẩn mặt nói về một chỗ ẩn mặt trong Thời Thể Thời Gian của Sein und Zeit.
2. Ấy là nói tới cuộc loay hoay quanh quất của Heidegger từ sau Sein und Zeit.
3. Cf. Holzwege.

điều đó, ai là riêng người riêng kẻ sẽ át muốn thăm dò
thăm để sâu thăm kia?¹

(Bỗng đâu?

Thoát đã?

Thế thì?

Lời trong Thăm Để còn vì Bỗng Dưng

Không gian buồn bã luống từng

Trời kia ai biết rộng chừng mấy khơi

Rộng

Từ

Như

Biển xa khơi

Xa từ như rộng biển trời xa nhau

Bình Nguyên Quân?

Khiến nhớ câu?

Khách Biên Đình bỗng vì đâu ghé về?

Chịu chơi lãn lóc mọi bề

Dẫn mình đi bỏ

Một bề

Như Không

Pháp Thân thị hiện phiêu bồng

Nguyên Triều Physis tự tòng sơ khai

Như từ pháp thể như lai

Từ Vô Tận Tạng lai rai một rằng...

Một hàng trắng?

Một hàng đen?

Hai hàng song điệp tam tạng nhị trùng

- "Ôi! Năng vàng

Sao mà nhớ nhung

Có ai đàn lè để tơ chùng

Có ai tiễn biệt Nơi Xa ấy

Xui bước chân đây

1. Cf. Lời Cổ Quân
Lễ Hội Tháng Ba.

Cũng Ngại Ngùng”

Từ đó?

Lời Tiễn Chân

Kẻ Đi Sứ Khiết Đan¹

Thị hiện là là:

*- “Vân hải tương vong ký thử thân
Na nhân viễn thích cánh triêm cân
Bất từ dịch kỳ lãng phong tuyết
Yếu sử Thiên Kiêu thức Phụng Lân
Sa Mạc hồi khan Thanh Cấm Nguyệt
Hồ Sơn ứng mộng Vũ Lâm Xuân
Thiên Vu nhược vấn quân gia thế
Mạc đạo trung triều Đệ Nhất Nhân...”*

Ai là người

Sẽ ắt muốn

Thăm dò Thâm Để kia?

*- “Biển mây kỳ vọng gửi thân
Ngờ đâu phút biệt ly càng lệ tuôn
Ngựa hồng gió tuyết ruổi rong
Thiên Kiêu rõ mặt Phụng Lân tung hoành
Hồ Sơn ứng mộng Lâm Xuân
Từ Sa Mạc ngóng trăng lồng Cố Đô²
Thiên Vu chất vấn hồ đồ
Trung triều Đệ Nhất Nhân Lô Gò cầm”*

Trông vời

Trời biển mênh mông...

Thanh gươm yên ngựa từ Không Như là

Đi về Bất Tận Ngã Ba

Còn như thể lệ nghe ra chưa rằng...)

Tính chất của tư tưởng, từ như thi hiện là Thi Nhiên
Thi Dụng, tính chất đó còn ẩn tàng khuất lấp.

1. Cf. Con Đường Ngã Ba

2. Đổi chút ít ra làm:

Lớp phiêu bóng mọc trăng ngàn

Thành xưa phố cũ muốn vân phía sau

Nơi nào nó hiện thị, nó còn mãi mãi bị xem lâu lắm như là Không Tưởng hảo huyền của một trí năng lai rai thơ mộng.

Nhưng Thi Nhiên suy tưởng là gì? Thật ra chính là Địa Thế Học của Lưu Tôn Hằng Thế.

Thi Nhiên nói với (chỉ thị cho) Hằng Thế cái Nơi Chốn của Hằng Thế hoạt hiện tinh thể như nhiên "là".

*

*Khi Vàng Nhật Chiều Hôm ngã bóng tịch dương
xuyên qua rừng sâu một nơi nào đâu đó, nhuộm vàng
những thân cây...*

Ca Ngâm và Suy Tưởng là hai thân cây gần gũi của Thi Dựm Thi Nhiên.

Chúng phát sinh từ Hằng Thế và vươn lên tới Chân Lý Lưu Tôn.

Mối liên hệ giữa chúng cho ta suy niệm cái điều Hoelderlin ca vịnh những Cây Sồi Sơn Lâm:

*"Những thân cây gần gũi
Suốt thời gian láng giềng tồn lập
Xa lạ lập tồn
Hằng tại lạ xa nhau"
(Và chúng vẫn không biết gì nhau cả
Thân gần thân, cuối hạ đến xuân đầu
Còn gần gũi tác gang còn xa lạ
Tự đầu xuân cuối hạ đến thu sâu)*

*

*Rừng trải rộng
Thác chảy phẳng*

Đá hăng hăng
Tồn lưu tại
Mưa nại hà
Giọt giọt sa
Mưa chan hòa
Gió nhuần gội
Đồng ruộng đợi
Suối tuôn trào
Gió ngập tràn
Khắp không gian
Phong hành vân
Lôi động vũ
Tư niệm tường
Hành lịch tường
Đương đạo tức hành
Sạ hành tức hợp
Sạ hợp tức khai
Tự phối thai dựng
Đương thể tức thân
Sạ trưng sạ biểu
Tức hiện tức hành
Tức thị hà thanh
Như hà thị hiện
Phiêu bổng ngọc diện
Đạm tảo nga my
Suối ngọc tuổi dậy thì
Gió tuôn rừng trái rộng
Mưa chan hòa dần mộng
Như thị hiện thanh hà
Hà đương thị tức thanh
Xuân sinh thu thành
Bản vô tâm ư thảo mộc
Phong hành lôi động
Tự hữu tín ư trùng ngư
Ấy vâng ấy q ấy ừ
Ấy ôi phó huế giậy từ thừa thiên

Áy giòng ngược ngọn phi tuyến
Áy đi đứng gót diện tiền áy ai
Túy hành Sa Thị Nguyệt
Ngâm phá Chử Cung Thu
Tây Phố chủ nhân vấn tợ báo
Nam Phương hoàng hậu chùy như chu
Tận đào mộ tứ triều tam ngoai
Do tại lưu tồn Tuyết Nghiễn Ngu
Biên đình tích biệt tam thu
Tù nhân túy ý như tù ngục thân
Phố lên Chợ Lớn về gần
Phường lên Chợ Nhỏ bé cần yếu chi?
Thiên thu Bé Chị biên thù
Buồn gieo sát bóng nhu mỹ áo xiêm...

WAS HEISST DENKEN?

SAO GỌI LÀ SUY TƯ?

(chương V)

Sao gọi là suy tư? Ta hãy tự chế mình trước cuồng vọng mù quáng cứ toan thu đoạt cho được một lời đáp dưới hình thức một công thức. Hãy đứng gần gũi câu hỏi. Hãy chú tâm nhìn vào cách thức của điệu hỏi: “Sao gọi là suy tư?”

“Chờ xem! Ta sẽ dạy cho con biết sao gọi là vâng lời” – đó là lời bà mẹ kêu to, gọi đứa con lêu lổng không chịu về nhà. Bà mẹ hứa sẽ định nghĩa tiếng “vâng lời” cho đứa con chẳng? Không. Nhưng có lẽ bà mẹ sẽ cho con một bài học chẳng? Cũng không nốt, nếu là một bà mẹ chân chính. Bà sẽ đem sự vâng lời mà mang tới cho con. Hoặc trái lại, và hơn thế nữa: bà sẽ đem đứa con mà dẫn vào cõi vâng lời: Điều đó càng có hiệu lực mạnh, nếu bà mẹ càng ít rầy rà. Càng có tác dụng giản dị mau chóng, nếu

bà mẹ càng trực tiếp đưa dẫn con tới chỗ vâng lời. Nghĩa là đưa dẫn thế nào cho đứa con không những chỉ hài lòng vâng lời thôi, mà còn làm sao cho nó không thể rời bỏ ý chí vâng lời được nữa. Bởi sao không được nữa? Bởi vì nó đã trở nên thuận nghe theo cái mà tinh thần nó quy thuộc¹.

Do đó sự dạy bảo không hề thành tựu bởi những ngầy ngà. Tuy thế mặc dù, kẻ giáo huấn thỉnh thoảng cũng phải lên tiếng to. Ông thầy đôi lúc còn phải la hét và la hét, cho dầu ở trường hợp bày vẽ một sự vụ rất mực im lìm là việc suy tư. Nietzsche, một trong những kẻ rất mực im lặng, rất mực e dè, Nietzsche đã từng rõ sự cần thiết ấy. Ông phải chịu đựng sự thống khổ: buộc lòng phải la hét. Trong những năm thiên hạ chưa biết gì về những trận Thế Chiến, trong những năm mà niềm tin tưởng ở sự tiến bộ hầu như là tôn giáo của các dân tộc và quốc gia văn minh, Nietzsche đã từng la to: "*Sa mạc lớn dần*". Trong tiếng kêu đó, ông đã hỏi kẻ khác, và trước hết là tự hỏi mình: "Có cần phải đâm nát tai bọn chúng, để chúng có thể tập nghe với mắt chẳng? Có cần gào như om thòm trống trận? rít như rập rình nhạc quân? thét như giáo sĩ khuyến nhân sám hối?" (*Also sprach Zarathustra – Vorrede (tự ngôn) 5*). Nhưng ẩn ngữ khôn dò dòn trên ẩn ngữ! Tiếng kêu "*Sa mạc lớn dần...*" xưa kia là một tiếng kêu thất thanh, càng ngày càng toan trở thành lời hư phù tán gẫu. Đó là một nguy cơ. Điều nguy hại trong sự đảo điên kia là điều để cho ta suy tư. Điều nguy hại nọ nằm ở chỗ: cái điều-xấu-xa-tư-tưởng có thể, ngày nay và nhất là mai hậu, đột nhiên biến thành một cách nói lai rai mà thôi, và sẽ tràn lan phổ biến theo lối

1. Weil er horend geworden ist für das, wohin sein Wesen gehorl

đó. Cái cách điệu ăn nói kia dương thịnh hành trong những mô tả, ký sự vô số về hiện trạng thế giới. Chúng mô tả những gì vốn trong bản chất là không thể mô tả được. Bởi rằng cái gì mong được giữ lại trong tư tưởng, ấy là một tiếng gọi, và do đó, đôi lúc phải trở thành một tiếng kêu. Trong sách viết, tiếng kêu dễ bị chìm tắt, và chìm tắt trọn vẹn lúc mà cái “viết lách” cứ luẩn quẩn trong cái mô tả vờ vờ, nhằm mục đích đem sự vụ đầy phè, choán não cân cho mê mết. Trong sách viết ra, cái suy tư biến mất, nếu cái viết lách không còn có thể tồn tại được như một bước đi của tư tưởng, như một con đường, ngay cả trên trang sách tạc ghi.

“Sa mạc lớn dần” – trong thời đại tiếng kia dội lên, Nietzsche viết trong cuốn sổ tay: “Đối với một kẻ mà hầu hết mọi cuốn sách đều trở thành phù phiếm, một kẻ chỉ còn giữ riêng đối với một số ít người trong quá khứ, giữ cái niềm tin rằng số người đó đã suy tư sâu thẳm thế nào để không viết ra những gì mình biết...” Nhưng Nietzsche vẫn phải la to. Và đối với Nietzsche, không còn cách gì khác để la to, là viết. Cái tiếng kêu đó của tư tưởng Nietzsche viết ra, ấy là cuốn sách được Nietzsche chọn cho cái nhan đề: “*Also sprach Zarathustra*” (Zarathustra đã nói thế). Ba phần đầu được viết ra và xuất bản giữa những năm 1884 – 1885, nhưng chỉ in ra cho một số bạn hữu rất ít. Tác phẩm đó của Nietzsche là tác phẩm suy tưởng cái tư tưởng duy nhất của nhà tư tưởng nọ: tư tưởng về lẽ vĩnh viễn quy hồi của cái Đồng Nhiên Như Vậy. Mỗi nhà tư tưởng chỉ suy tưởng một tư tưởng duy nhất. Đó cũng là chỗ khác biệt cốt yếu giữa tư tưởng và khoa học. Nhà khoa học sưu tầm, luôn luôn cần những khám phá mới và những ý tưởng mới, nếu không thì khoa học rơi vào tình trạng ngưng trệ, hư nguy. *Người tư tưởng*

trái lại chỉ cần một tư tưởng duy nhất. Và đối với người tư tưởng, cái khó khăn là: làm sao giữ gìn cái tư tưởng duy nhất, độc nhất ấy, như một điều độc nhất mà mình phải suy tư, - suy tư cái độc nhất là cái Như Vậy kia theo cách nào thỏa đáng. Ấy đó, chúng ta chỉ có thể nói về cái Vậy theo cách thỏa đáng, là lúc chúng ta mãi mãi nói cái Vậy của cái Vậy, nói như thế nào để từ đó ngay cả ta cũng bị buộc vào vòng thỉnh cầu của cái Vậy Nhiên Như. Do đó, đối với tư tưởng, sự vô giới hạn của cái Như Vậy Nhiên Như, chính là sự giới hạn nghiêm mật chặt chẽ nhất. Nietzsche, nhà tư tưởng, đã chỉ dẫn sự tương nghi ẩn kín đó của tư tưởng, bằng cách nào? bằng cách: ghi dưới nhan đề tác phẩm Also sprach Zarathustra một tiêu đề nhỏ: Ein Buch für Alle und Keinen” – một quyển sách viết cho mọi người, và không cho một ai cả. “Cho mọi người” nghĩa là: cho mỗi người là người với tư cách người, cho-mỗi-người mỗi phen người-tự-mình trở nên mỗi đáng-suy-tư với mình trong tinh thể của mình mỗi mỗi. Và “không cho một ai cả” – nghĩa là: không cho một ai trong số những người ù lì khắp chốn, cứ còn đương ngơ ngáo si mê một cách hồn hồn ngạc ngạc với từng đoạn từng câu trong cuốn sách, và cứ mù quáng loạng choạng quẩn quanh trong ngôn từ cuốn sách, và trước nhất là: khởi từ đó tự mình trở nên tự-khả-vấn với mình. “Zarathustra đã nói thế - một cuốn sách cho mọi người, và không cho một ai cả” Hỡi ôi! Trong bảy mươi năm liền, kể từ ngày cuốn sách xuất hiện, cái tiêu đề nhỏ nhỏ kia đã ứng nghiệm một cách kỳ quặc như thế nào! – nhưng ứng nghiệm theo lối nghịch đảo. Cuốn sách đã trở thành cuốn sách cho bất cứ ai ai, và không một ai-người-tư-tưởng chịu hiện ra với tầm vóc ngang tầm cuốn sách, ngang vóc những tư tưởng căn bản của cuốn sách, ngang mực độ thâm viển u uyên của cuốn sách. Trong cuốn sách đó, nơi phần thứ tư là phần cuối, Nietzsche viết lời này: “Sa mạc lớn dần...”.

Trong lời đó, Nietzsche đã viết ra tất cả những gì mình biết. Bởi vì lời đó là nhan đề một ca khúc Nietzsche làm ra, lúc ông ở “tuyệt mù xa biệt với giải đất Âu Châu cũ kỹ, u buồn, ảm thấp, suốt năm mây phủ đen rậm”. Lời đó viết đầy đủ như sau: “Sa mạc lớn dần: tai hại thay cho kẻ nào bảo trì sa mạc!” Tiếng “tai hại thay” có quan hệ với ai? Nietzsche có nghĩ tới chính mình chăng? Và sự vụ sẽ ra sao, nếu như ông biết rằng chính tư tưởng của ông sau này sẽ phải mang lại sa mạc hoang liêu, và trong đó, trước hết là trung tâm trong đó, rồi đến nơi nọ chốn này, những ốc đảo tươi thắm sẽ mở phôi, và những nguồn suối mát sẽ tuôn dội? Và nếu như ông biết rằng mình phải trở thành một thông đạo nhất thời, mở về phía trước, mở lại phía sau, và do đó trở nên hàm hồ ở mọi nơi, ngay cả trong thể cách và ý nghĩa của thông đạo? Mọi suy niệm cùng lên lời nói rằng thế là phải thế, chính Nietzsche cũng biết thế và do đó lắm phen đã phó diễn thế bằng những ẩn ngữ độn ngữ độn ngôn. Cũng do đó mà một cuộc đàm thoại tư tưởng với ông nằm trong những kích thước luôn luôn biến đổi. Cũng do đó mà, theo một nghĩa riêng biệt, đối chiếu với tư tưởng ông thì mọi danh xưng, mọi nhân hiệu, đều không ăn nhập tương hợp tương nghi vào đâu cả. Nói thế tuyệt đối không có nghĩa là tư tưởng Nietzsche chỉ là một trò lộng sỏa với những hình ảnh và biểu tượng biểu trưng mà bất cứ lúc nào ta cũng được phép xem như có thể phục quy phân chuyên được. Cái được suy tư trong tư tưởng ông¹ cũng duy nhất như bất cứ cái nào khác; nhưng cái duy nhất đó có tính cách đa diện, đa phương, với những tầng tầng tương nghi, tương hợp. Ấy là là bởi một nguyên nhân: trong tư tưởng Nietzsche, mọi duyên do của tư tưởng tây phương cùng tụ

1. Das Gedachte seines Denkens

hội trong định mệnh, nhưng thay đều biến thiên tính chất. Cũng do sự biến chất đó, mà chúng không chịu để cho quan điểm lịch sử hoạch định và kết toán. Đáp lại tư tưởng Nietzsche, đáp lại thông đạo đó, duy chỉ một đối thoại là có thể ứng đáp thôi, một đối thoại là có thể ứng đáp thôi, một đối thoại soạn sửa một thông đạo nữa, bằng lối đi riêng biệt của mình. Tuy nhiên trong thông đạo thứ nhì này quả thật toàn khối tư tưởng Nietzsche phải được tiếp ghi tại một bờ, và ở bờ cách biệt phía kia thì thông đạo tiếp tục chuyển mình đi tới. Đây không phải chỗ luận giải về thông đạo thứ hai này, nó khác thông đạo trước bởi tầm rộng và tính chất. Sự ghi chú trên đây có nghĩa đơn giản là: thông đạo thứ hai, với tầm rộng hơn và tính chất khác, quyết nhiên phải rời bờ, nhưng chính cũng vì thế mà không được bỏ bờ đi biệt, bỏ đi hiểu theo nghĩa xao nhãng, sơ hốt xem thường. Tư tưởng Nietzsche, nghĩa là toàn thể tư tưởng tây phương, sẽ do thông đạo này, mà được thu hồi sở hữu thật sự trong chân lý riêng biệt của nó. Tuy nhiên chân lý này không hề nằm phơi ra giữa thanh thiên bạch nhật. Trong tương quan với Nietzsche, chúng ta hãy tự hạn chế mình trong việc: khai tỏ cái tinh thần duy nhất đã chiếu ngời trước tư tưởng của ông lúc tư tưởng ông đạt dào đi tới. Từ đó chúng ta sẽ có thể đạo đạt được do bước đi nào của tư tưởng ông mà nảy ra lời nọ: “Sa mạc lớn dân: tai hại thay cho kẻ nào bảo trì sa mạc”.

Ấy thế, tuy nhiên muốn gặp tư tưởng Nietzsche, thì trước hết ta phải tìm thấy nó đã. Chỉ khi nào tìm ra được nó rồi, thì khi đó ta mới được phép gắng mà đánh mất trở lại cái điều của tư tưởng Nietzsche đã suy tư. Hỡi ôi! Cái việc này – đánh mất – lại còn khó khăn hơn cái việc nọ - tìm ra. Bởi rằng “đánh mất” trong trường hợp này

không có nghĩa là: bỏ rơi, bỏ rớt, bỏ rụng sau lưng mình, và biến biệt bỏ đi. “Đánh mất” ở đây có nghĩa là: thật sự cởi gỡ mình, thật sự giải phóng mình thoát khỏi cái điều mà tư tưởng Nietzsche đã suy tư. Sự đó chỉ xảy ra được là lúc chúng ta tự giải tỏa mình khỏi mình, và sẵn sàng đón cái điều suy tư của Nietzsche như một điện đài cho ký ức hồi tưởng, và mở rộng khoảng trống cho nội dung bản chất phong phú riêng biệt của nó được tự do, và bởi đó chúng ta đặt để nó đứng trong cõi miền thân thuộc của nó. Nietzsche hiểu rõ những tương quan giữa phát hiện, tìm ra, và đánh mất. Và suốt lịch trình trên con đường tư tưởng, càng ngày Nietzsche càng hiểu thấu đáo mãi thêm ra. Bởi vì chỉ như thế mới hiểu được vì sao ở cuối lộ trình, ông đã có thể phát biểu những tương quan kia một cách sáng suốt hải hùng. Điều ông còn nói thêm nữa, theo quan điểm kia, nằm trong một lá thư Nietzsche gửi cho bạn hữu vào những ngày vầy quanh cái hôm mừng 4 tháng giêng 1880, cái hôm Nietzsche té nhào giữa đường phố và chìm đắm trong cái cõi điên như suốt một bình sinh điên nhiên là vậy. Người ta gọi những thư từ nọ là “cuồng điên thư tín”. Xét theo quan điểm y thuật khoa học, thì lối định tính kia quả là chán xác. Nhưng xét trên bình diện tư tưởng, thì thế vẫn là chưa đủ. Một trong những thư tín kia gửi cho George Brandès, người Đan Mạch, kẻ đã mở khóa học đầu tiên giảng về Nietzsche năm 1888 tại Copenhagen.

TORINO 4-1-89

Gửi bạn Georg!

Sau khi anh đã phát hiện ra tôi, thì sự tìm thấy tôi, không còn là một kỳ công nữa: cái khó khăn bây giờ là

làm sao đánh mất tôi đi...¹

Kẻ thụ nạn thập giá.

Nietzsche có biết rằng một cái gì “không ai quên được” đã về trong lịch sử bởi những lời ông nói đó chăng? Một cái gì không thể quên được, mà tư tưởng luôn luôn còn phải quay về, nếu tư tưởng càng suy tư thăm thẳm thêm ra? Nietzsche đã biết thế. Bởi vì câu nói quyết định, do hai dấu chấm dẫn ta tới, câu nói đó không chỉ nhấn riêng cho kẻ nhận thư. Câu nói đó phát biểu minh bạch một quan hệ chứa chan định mệnh: “Cái khó bây giờ là đánh mất tôi đi.” Bây giờ, và đối với mọi người, và suốt mai sau. Thế cho nên chúng ta đọc câu ấy, và đọc toàn thể nội dung bức thư, y như là thư gửi cho chúng ta. Dẫu rằng chúng ta có thể đại khái nhìn quán xuyên những 63 năm tròn đã trôi qua từ đó, chúng ta vẫn phải nhìn nhận rằng, đối với cả chúng ta nữa, sự khó khăn vẫn còn là: trước tiên phải tìm thấy Nietzsche, cho dẫu rằng Nietzsche đã phát hiện, nghĩa là cho dẫu ai ai cũng biết rằng trong lịch sử đã có lần nảy ra một tư tưởng của nhà tư tưởng Nietzsche kia. Hơn nữa, chính cái sự vụ “ai ai cũng biết” kia lại là một hiểm họa lớn xui ta không tìm thấy Nietzsche nữa, bởi vì chúng ta tưởng mình không còn phải bận bịu sưu tầm cũng đã tìm thấy từ lâu. Chúng ta chớ nên để mình bị phỉnh phờ bởi cái ý kiến này: tư tưởng Nietzsche đã được tìm thấy rồi, bởi vì từ nửa thế kỷ nay, văn chương đề cập tới Nietzsche cứ ngày càng lớn rộng. Dường như Nietzsche cũng đã tiên đoán sự vụ đó; dẫu có phải hão huyền vô có mà Nietzsche để cho

1. *Dem Freunde Georg! Nachdem Du mich entdeckt hast, war es kein Kunststueck mich zu finden: die Schwierigkeit ist jetzt die, mich zu verlieren...*

*Zarathustra nói: Tất cả bọn chúng cùng nói về ta... nhưng chẳng một ai vì ta mà tư tưởng*¹. Chỉ nơi nào có tư tưởng, thì mới có “tư-tưởng-vì”. Làm sao chúng ta có thể có một tư tư tưởng vì tư tưởng Nietzsche lúc mà chúng ta chưa hề chịu tư tưởng? Tuy nhiên tư tưởng Nietzsche không những chỉ bao hàm những quan điểm quá độ của một kẻ dị thường. Trong tư tưởng ông, đã đi về trong ngôn ngữ, những gì hiện hữu, đúng hơn, những gì còn chờ đợi hiện hữu về sau. Bởi vì những “Thời Đại Mới” còn đương kéo dài. Chúng chưa chịu chấm dứt. Trái lại chúng mới bắt đầu bước vào giai đoạn khởi sự, phải còn lâu lắm chúng mới hoàn tất. Và tư tưởng Nietzsche? Tư tưởng Nietzsche chưa được tìm ra, đó là điều để cho ta suy tưởng. Điều để cho ta suy tưởng nhiều nhất, ấy là chúng ta chưa hề được soạn sửa chút nào để quên thật sự cái đã tìm ra, chớ không phải cứ bỏ đi qua, và chạy vòng quanh lơ lác. Cái lối chạy vòng quanh nợ thường thành tựu dưới một hình thức thơ ngây vô hại, nghĩa là nó đưa ra một trình bày tổng quát về triết học Nietzsche. Nghe sao mà dễ thế! Tưởng chừng như có thể có một trình bày mà không nhất thiết là giải thích ngay cả trong những nếp u ẩn sâu kín nhất! Tưởng chừng như có thể có một giải thích tránh được sự nhận định theo lập trường hoặc hơn thế nữa, tránh được một chối bỏ hoặc kích bác ngấm ngấm, qua lối gùn ghè gạ gẫm! Nhưng một nhà tư tưởng không bao giờ bị đánh bại bởi sự vụ bị kích bác; và dẫu thiên hạ có chồng chất xung quanh một mớ văn chương đã kích, cũng bằng thừa. *Cái suy tư của một người tư tưởng chỉ được vượt qua, là lúc cái vô-suy-tư trong cái suy tư của ông ta được tái lập trong chân lý ban sơ của nó.* Tuy nhiên do đó

1. *Es ist, als habe Nietzsche auch dies vorausgesehen; denn nicht umsonst lasst er seinnen Zarathustra sagen: "Sie reden alle von mir .. aber niemand denkt an mich."*

cuộc đối thoại với người tư tưởng không còn dễ dàng thuận tiện nữa; trái lại, trước tiên cuộc đối thoại đạt tới chỗ sắc bén mãnh liệt gia tăng của tương xung tranh chấp. Trong khi chờ đợi, thì Nietzsche vẫn còn bị kích bác mãi. Trong sự vụ đó, cái gì sẽ xảy ra? Ấy là: người ta đem gán bừa cho Nietzsche đúng cái điều tương nghịch với điều Nietzsche tư tưởng thật sự, và từ đó, trong vòng vây hãm kia, tư tưởng của ông cuối cùng đã hao mòn tiêu hủy mất.

HOELDERLIN

chú giải

SOPHOCLE

*"Vua Oedipe
Có dư một con mắt
Có lẽ..."*

"En un tel moment, l'homme oublie: il s'oublie soimême et oublie le Dieu, et fait volte-face, sans manquer certes à la piété-comme un traître. – A la limite extrême du déchirement, il ne reste en effet plus rien que les conditions du temps ou de l'espace."

(Trong một lúc như vậy, con người quên quên quên, quên bản thân mình và quên ngài Thần Đế, và một cách rất mực thiêng liêng, ngoảnh mặt quay lưng như một kẻ phản bội. Ở giới hạn tận tuyệt khôn hàn của thống khổ, quả nhiên chẳng còn gì khác hơn là những điều kiện của thời gian hoặc của không gian).

Lời dịch Việt Ngữ không sát lắm, cố nhiên. Nhưng lời Pháp Ngữ hiển nhiên càng không sát hơn nữa, Hoelderlin vốn viết:

“In solchem Momente vergisst der Mensch sich und den Gott, und kehret, freilich heiliger Weise, wie ein Verraether sich um.

- In der aeußersten Graenze des Leidens besteht naemlich nichts mehr, als die Bedingungen der Zeit oder des Raums.”

Vậy thì?

Phải dịch sát như thế nào? Ất phải dịch bằng ngôn ngữ Lửa Thiêng?

Và đọc tiếp:

“A cette limite, il oublie, l'homme, soi-même parce qu'il est tout entier à l'intérieur du moment; le Dieu parce qu'il n'est rien que Temps; et de part et d'autre on est infidèle, le Temps parce qu'en lui début et fin ne se laissent plus du tout accorder comme des rimes, l'homme, parce qu'à l'intérieur de ce moment, il lui faut suivre le détournement catégorique, et qu'ainsi par la suite, il ne peut plus en rien s'égaliser à la situation initiale.”

Hoelderlin nói những lời đó đúng vào lúc mà mà mà?

Từ đó về sau. Zarathustra ra đời. Caligula ra đời. Dương Hoàng Hậu ra đời. Cléopâtre và Antone và Marceline Gertrude ra đời. Hamlet cũng bắt chước ra đời. Mọi nhà tư tưởng hiện đại đều lũ lượt làm dưới ưoi nối đuôi nhau ra đời. Còn ông Martin Heidegger? Ông kinh hoảng nhảy lui ba bước rưởi, không dám ra đời, đành dặt dấn Sein und Zeit và Zeit und Sein đi về Chín Suối.

Ngôn ngữ trần gian từ đó hiển hiện là là...

Khổng Tử loay hoay tái lập một Hình Nhi Hạ khác.

Ấy là Đệ Nhị Thế Chiến Hình Nhi Hạ vậy. Bằng cung bậc thi nhiên thượng thừa du hý, Shakespeare đẩy những Tên Hề ra mép bờ thị hiện. Chúng ta bèn kể lại những sự tình đó như sau:

*“Hữu dư bát cảm tận từ thuyết
Thiên ngoại phiêu bồng
Phật phóng quang...”*

Từ cõi Mù Sương Thệ Đa, Shakespeare đi về mở hội thoại với Tây Phương, làm trùng sinh một cái gì xa vắng lắm. Nhưng Tây Phương chưa thể nhìn ra. Vì Hư Vô Chủ Nghĩa chưa thể suy tưởng gì được cả về tinh thể bản thân. Bọn thi sỹ lêu bêu bèn rủ nhau ngậm ngùi uống rượu và ăn phở tái. Tỉnh thoảng sực tỉnh kể tiếp:

*“Lịch hành hàng hải trụ liên thiên
Đông Bắc Phong xuy thủy diện tiền
Cộng thuyết Miêu Cương cự du địa
Hồi khan Bắc Đẩu dục san nhiên.”*

Ông Homère phì cười:

- “Té ra là như thế. Các hạ kể lẽ sự tình đầu đuôi như thế, lão hủ sực nhớ rằng quả nhiên là như thế. Thần Tinh Huệ yêu dấu cõi nước non Thuộc Địa, ấy cũng bởi lẽ là là?...”

Đáp mà rằng:

*- “Chạy quanh khu vực thần tiên
Mỗi chân mười ngón kết liên bốn mùa
Vườn cây trái ngọt trái chua
Mù sương hấp dẫn về chùa ngủ quên.”*

HOELDERLIN

dịch

SOPHOCLE

Dịch Sophocle, Hoelderlin có sửa đổi những gì đó, từng đã khiến Schiller, lúc đọc bản dịch, phá ra cười và gọi đó là bản dịch của một thằng điên?

Nhưng Hoelderlin trong lá thư gửi nhà xuất bản có giải thích đại khái rằng ông muốn làm nổi bật thêm cái “tố chất đông phương” (*l'élément oriental*) mà nghệ thuật Hy Lạp vốn chối bỏ... (...)

Hoelderlin viết:

“L’art grec qui nous est étranger, du fait de son adaptation à la nature grecque et de défauts dont il a toujours s’accommoder, j’espère en donner une présentation plus vivante qu’à l’ordinaire, en *en faisant ressortir davantage l’élément oriental qu’il a renié*, et en corrigeant, quand il y a lieu, ses défauts esthétiques...”

Cuộc dịch Sophocle theo lối hy hữu đó của Hoelderlin, về sau người ta sẽ gọi là *orientaliser la traduction de Sophocle*. (Đông phương hóa bản dịch Sophocle).

Sao gọi là Đông Phương Hóa bản dịch?

Jean Beaufert đáp:

- *Orientaliser la traduction de Sophocle*, c'est rendre la tragédie grecque plus ardente qu'elle ne peut apparaître au lecteur moderne qui, au contraire des Grecs, excelle culturellement dans l'enthousiasme excentrique.

Thế thì?

Thế thì từ đó?

Từ đó mà đi, bỗng nhiên thị hiện một sự vụ gì khổng lồ mà bấy lâu ta ngộ giải?

Và cuộc ngộ giải hoặc cơn sơ hốt kia, đã khiến ta liên miên "thành tựu" cái trận gì gì Heidegger gọi là *le meurtre de l'être de l'étant*.

TRUNG NIÊN THI SỸ

dịch
THI CA

Thi Sương Tỳ Hải biến ra làm Tỳ Hải Sương?
Bình Nguyên Sương?
Cố Quận Sương?
Ngã Ba Nguyệt?
Có thể là như thế đó chăng?

NGUYỄN DU

dịch
TRUYỆN KIỀU

Nguyễn Du dịch Truyện Kiều, đã đông-phương-hóa một tác phẩm đông phương.

Thế có nghĩa là?

Câu hỏi ấy có liên can tới cuộc dịch lưu ly của La Thập? Và...

Một thi sỹ xưa từng cao hứng nói:

“Của Vu Vơ, nghe mãi tiếng kêu thẳm.”

Cuộc dịch Sophocle theo lối hy hữu đó của Hoelderlin, về sau người ta sẽ gọi là *orientaliser la traduction de Sophocle*. (Đông phương hóa bản dịch Sophocle).

Sao gọi là Đông Phương Hóa bản dịch?

Jean Beaufert đáp:

- *Orientaliser la traduction de Sophocle*, c'est rendre la tragédie grecque plus ardente qu'elle ne peut apparaitre au lecteur moderne qui, au contraire des Grecs, excelle culturellement dans l'enthousiasme excentrique.

Thế thì?

Thế thì từ đó?

Từ đó mà đi, bỗng nhiên thị hiện một sự vụ gì không lỗi mà bấy lâu ta ngộ giải?

Và cuộc ngộ giải hoặc cơn sơ hốt kia, đã khiến ta liên miên "thành tựu" cái trận gì gì Heidegger gọi là *le meurtre de l'être de l'étant*.

MỤC LỤC

ALBERT CAMUS	Trang
Hélène lưu đày	35
Những cây hạnh	43
Ẩn ngữ	47
Prométhée tại địa phủ	63
Trở lại Tipasa	69
Nhập Đề Phán Kháng	83
ANDRÉ GIDE	
Dưỡng Chất Trần Gian	122
Nói về ảnh hưởng	146
Thư gửi Angèle	179
MARTIN HEIDEGGER	
Con Đường Điên Dã	194
Từ Kinh Nghiệm Tư Tưởng	200
Sao Gọi Là Suy Tư	219

Sương Tỳ Hải
(Tiểu luận và tùy bút)
Bùi Giáng dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Nguyễn Đức Bình

Biên tập:

Quang Trường - Văn Duy

Sửa bản in:

Lê Trần - Thanh Hoài

Trình bày:

Quỳnh Na

Bìa:

Văn Duy

Liên kết xuất bản: Nhà sách Quỳnh Na

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

179 Lý Chính Thắng, Quận 3, TP. HCM

ĐT : (08) 9316435 - 8249528 - 5260124

Fax : (08) 9316435

Email: nxbvannghe@vnn.vn

Website: www.nxbvannghe.com.vn

In lần thứ 1. Số lượng 2.000 cuốn, khổ 13,5 x 20,5cm tại Cty Cổ phần in Thanh Niên, 62 Trần Huy Liệu - Q.PN -TP. HCM. Số đăng ký KHXB:44-2007/CXB/67-01/VNTPHCM. QĐXB số : 127/QĐ. in. XBVN ngày 07/04/2007. In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2007.



Sương Tỳ Hải